

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU



ĐỀ ÁN

THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG TRÊN CƠ SỞ
NGUYÊN TRẠNG CÁC XÃ: SÔNG ĐỐC, NĂM CĂN,
GÀNH HÀO, HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC, ĐÀM DƠI,
THỐI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG,
HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THỂ TRÂN, CÁI ĐÔI VÀM
THUỘC TỈNH CÀ MAU



Năm 2026

MỤC LỤC

Phần thứ nhất

CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT	1
I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	4
1. Cơ sở chính trị	4
2. Căn cứ pháp lý	5
II. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: SÔNG ĐỐC, NĂM CĂN, GÀNH HÀO, HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC, ĐÀM DƠI, THỚI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG, HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THẾ TRÂN, CÁI ĐÔI VÀM THUỘC TỈNH CÀ MAU.....	5
1. Đối với xã Sông Đốc	5
2. Đối với xã Năm Căn	6
3. Đối với xã Gành Hào	8
4. Đối với xã Hòa Bình.....	8
5. Đối với xã Cái Nước.....	9
6. Đối với xã Đàm Dơi	10
7. Đối với xã Thới Bình.....	11
8. Đối với xã Trần Văn Thời	12
9. Đối với xã Phước Long.....	13
10. Đối với xã Hồng Dân.....	13
11. Đối với xã Vĩnh Lợi.....	14
12. Đối với xã Lương Thế Trân.....	15
13. Đối với xã Cái Đôi Vàm.....	16
III. VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP PHƯỜNG SÔNG ĐỐC, NĂM CĂN, GÀNH HÀO, HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC, ĐÀM DƠI, THỚI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG, HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THẾ TRÂN, CÁI ĐÔI VÀM THUỘC TỈNH CÀ MAU.....	16

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC XÃ: SÔNG ĐỐC, NĂM CĂN, GÀNH HÀO, HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC, ĐÀM DƠI, THỚI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG, HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THẾ TRÂN, CÁI ĐÔI VÀM.....	20
I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC XÃ: SÔNG ĐỐC, NĂM CĂN, GÀNH HÀO, HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC, ĐÀM DƠI, THỚI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG, HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THẾ TRÂN, CÁI ĐÔI VÀM	20
1. Xã Sông Đốc.....	20

2. Xã Năm Căn.....	33
3. Xã Gành Hào	44
4. Xã Hòa Bình	58
5. Xã Cái Nước	73
6. Xã Đầm Dơi.....	88
7. Xã Thới Bình	103
8. Xã Trần Văn Thời.....	114
9. Xã Phước Long	127
10. Xã Hồng Dân	137
11. Xã Vĩnh Lợi	147
12. Xã Lương Thế Trân	166
13. Xã Cái Đôi Vàm	183

II. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN ĐỂ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: SÔNG ĐỐC, NĂM CĂN, GÀNH HÀO, HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC, ĐÀM DƠI, THỚI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG, HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THẾ TRÂN, CÁI ĐÔI VÀM THUỘC TỈNH CÀ MAU 195

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG SÔNG ĐỐC, NĂM CĂN, GÀNH HÀO, HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC, ĐÀM DƠI, THỚI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG, HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THẾ TRÂN, CÁI ĐÔI VÀM THUỘC TỈNH CÀ MAU196

I. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP..... 196

1. Phương án thành lập phường Sông Đốc	196
2. Phương án thành lập phường Năm Căn.....	196
3. Phương án thành lập phường Gành Hào.....	196
4. Phương án thành lập phường Hòa Bình	197
5. Phương án thành lập phường Cái Nước	197
6. Phương án thành lập phường Đầm Dơi	197
7. Phương án thành lập phường Thới Bình	197
8. Phương án thành lập phường Trần Văn Thời.....	198
9. Phương án thành lập phường Phước Long	198
10. Phương án thành lập phường Hồng Dân	198
11. Phương án thành lập phường Vĩnh Lợi	198
12. Phương án thành lập phường Lương Thế Trân	199
13. Phương án thành lập phường Cái Đôi Vàm.....	199

II. KẾT QUẢ SAU THÀNH LẬP199

Phần thứ tư

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN
VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP200**

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG..... 200

1. Kinh tế - xã hội200
2. Quản lý hành chính200
3. Tác động về đất đai và môi trường201
4. Tác động đến kiến trúc đô thị, cảnh quan202
5. Tác động về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.....203
6. Tác động về kinh phí204

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHƯỜNG SAU KHI THÀNH LẬP..... 205

1. Mục tiêu tổng quát205
2. Một số mục tiêu cụ thể.....205
3. Về sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp208
4. Lộ trình, giải pháp nâng cao các tiêu chuẩn đô thị hiện nay208

Phần thứ năm

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....210

I. KẾT LUẬN 210

II. KIẾN NGHỊ..... 210

Số: /ĐA-UBND

Cà Mau, ngày tháng 6 năm 2026

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN
THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG TRÊN CƠ SỞ NGUYÊN TRẠNG CÁC
XÃ: SÔNG ĐỐC, NĂM CĂN, GÀNH HÀO, HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC,
ĐÀM ĐOI, THỚI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG,
HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THẾ TRẦN, CÁI ĐÔI VÀM
THUỘC TỈNH CÀ MAU

Phần thứ nhất
CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

Tỉnh Cà Mau hình thành sau sắp xếp trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số và đơn vị hành chính của hai tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Tỉnh Cà Mau có tổng diện tích tự nhiên là 7.942,39 km², quy mô dân số là 2.606.672 người và 64 đơn vị hành chính trực thuộc (55 xã và 09 phường). Hai địa phương Cà Mau và Bạc Liêu có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa, kinh tế biển và hệ sinh thái ven biển; đồng thời cùng chia sẻ thế mạnh về nuôi trồng, chế biến thủy sản, năng lượng tái tạo và phát triển kinh tế biển. Sau hợp nhất tỉnh, Cà Mau mở ra cơ hội lịch sử để hình thành không gian phát triển mới với quy mô lớn hơn, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh địa đầu cực Nam Tổ quốc. Việc hợp nhất tạo điều kiện tăng cường liên kết không gian phát triển, khai thác hiệu quả hạ tầng, nguồn lực và vị trí địa kinh tế ven biển, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Sau sắp xếp, tỉnh Cà Mau có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh An Giang.
- Phía Đông Bắc giáp thành phố Cần Thơ.
- Phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông.
- Phía Tây giáp biển Tây.

Tỉnh Cà Mau mới sở hữu không gian phát triển ven biển rộng lớn, trải dài từ vùng bán đảo Cà Mau đến khu vực ven biển Bạc Liêu, kết nối xuyên suốt hành lang kinh tế biển phía Nam, cửa ngõ phía Tây Nam của quốc gia; gắn phát triển của tỉnh với Đồng bằng Sông Cửu Long, cả nước, khu vực và quốc tế. Sự kết hợp giữa hệ thống đô thị ven biển, đô thị trung tâm và các vùng nuôi trồng thủy sản

tập trung của hai địa phương tạo điều kiện hình thành cấu trúc phát triển đa cực, đa trung tâm, gắn với kinh tế biển, năng lượng tái tạo và dịch vụ hậu cần thủy sản.

Khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế sẵn có của vùng cực Nam Tổ quốc, tỉnh Cà Mau đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, GRDP năm 2025 tăng 7,23%;¹ cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp năm 2025 đạt 60,72%. Quy mô kinh tế theo giá hiện hành đạt 172.033 tỷ đồng. Kim ngạch xuất khẩu năm 2025 đạt 2,6 tỷ USD, tăng 6,4% so với cùng kỳ, nhờ phát huy lợi thế của các ngành hàng chủ lực và tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do để mở rộng thị trường xuất khẩu. GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt 80 triệu đồng/người/năm.² Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2025 đạt 72.017 tỷ đồng, tăng 23,2% so với cùng kỳ. Trong đó, tỉnh đã thu hút 24 dự án đầu tư mới với tổng vốn đăng ký khoảng 8.356 tỷ đồng; lũy kế toàn tỉnh hiện có 685 dự án đầu tư đang hoạt động với tổng vốn đăng ký khoảng 329.861 tỷ đồng, bao gồm 29 dự án FDI với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 4,8 tỷ USD tương đương khoảng 113.484 tỷ đồng.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, ngành công nghiệp tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là công nghiệp chế biến và năng lượng. Mặc dù gặp nhiều khó khăn do biến động thị trường và suy giảm nguồn khí, sản xuất công nghiệp vẫn duy trì đà phục hồi tích cực. Giá trị sản xuất công nghiệp được thúc đẩy mạnh bởi các ngành chế biến thủy sản, sản xuất điện, phân bón và năng lượng tái tạo. Khu vực chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực chính của tăng trưởng công nghiệp, với sản lượng chế biến tôm và thủy sản năm 2025 đạt 368.000 tấn, tăng 11,8% so với cùng kỳ; sản lượng điện sản xuất đạt 8.219,3 triệu kWh; sản lượng khí hóa lỏng đạt 131.311,6 tấn; sản lượng phân bón đạt 1,279 triệu tấn. Lĩnh vực năng lượng tái tạo tiếp tục phát triển mạnh, dự kiến đến cuối năm 2025 toàn tỉnh có 16 dự án điện gió vận hành với tổng công suất khoảng 870,2 MW, góp phần từng bước hình thành trung tâm năng lượng sạch của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Thương mại - dịch vụ tiếp tục tăng trưởng khá, khẳng định vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 đạt 141.695 tỷ đồng. Hoạt động xuất khẩu duy trì đà tăng trưởng tích cực, trong đó thủy sản tiếp tục là ngành hàng chủ lực, đóng góp khoảng 2,416 tỷ USD trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông, được xác định là một trong những khâu đột phá chiến lược. Nhiều dự án trọng điểm được khởi công và triển khai như tuyến cao tốc Cà Mau - Đất Mũi, tuyến giao thông từ Đất Mũi đến Cảng Hòn Khoai, mở rộng nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau, góp phần mở rộng không gian phát triển và tăng cường kết nối liên vùng.

¹ Theo số liệu của Cục Thống kê tại Công văn số 2720/CTK-TKQG ngày 01/12/2025 về việc thông báo số liệu GRDP sơ bộ quý III, 9 tháng và ước tính quý IV, cả năm 2025.

² Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 do Thống kê tỉnh cung cấp đạt 64,95 triệu đồng/người/năm. Như vậy, nội dung GRDP bình quân đầu người và thu nhập bình quân đầu người, đây là hai chỉ tiêu khác nhau về nội hàm, phương pháp tính và mục đích sử dụng, do đó không đồng nhất về số liệu của 02 chỉ tiêu này.

Nông nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế, chuyển mạnh từ tư duy sản xuất sang phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Các ngành hàng chủ lực như tôm, lúa chất lượng cao, cua biển, thủy sản và lâm nghiệp tiếp tục phát huy lợi thế, duy trì tăng trưởng ổn định. Tổng sản lượng thủy sản năm 2025 đạt 1.268.500 tấn; sản lượng lúa đạt 1.910.486 tấn. Nhiều mô hình nuôi tôm công nghệ cao, nuôi tôm siêu thâm canh, tôm sinh thái, tôm - rừng, tôm - lúa tiếp tục được mở rộng; nhiều vùng nuôi đạt các chứng nhận quốc tế như ASC, BAP, Organic, góp phần nâng cao thương hiệu tôm Cà Mau trên thị trường quốc tế. Công tác ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp được tăng cường, thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững khu vực nông thôn.

Các động lực tăng trưởng mới tiếp tục phát huy hiệu quả, nhất là phát triển hạ tầng giao thông, logistics và kinh tế biển. Các dự án chiến lược như cao tốc Cà Mau - Đất Mũi, mở rộng Cảng hàng không Cà Mau, phát triển Cảng Hòn Khoai và các tuyến kết nối liên vùng đang từng bước tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế. Du lịch phục hồi mạnh mẽ với tổng lượt khách năm 2025 đạt hơn 8,1 triệu lượt, tổng thu du lịch đạt khoảng 8.588 tỷ đồng. Các giá trị văn hóa đặc trưng, du lịch sinh thái rừng ngập mặn, du lịch cộng đồng và các sự kiện văn hóa - thương mại lớn tiếp tục góp phần quảng bá hình ảnh vùng đất cực Nam Tổ quốc. Chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo được đẩy mạnh, nhiều mô hình ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chính quyền số và mô hình “Đại hội không giấy” được triển khai hiệu quả.

Văn hóa - Xã hội đạt nhiều kết quả tích cực. Giáo dục tiếp tục duy trì chất lượng trong nhóm dẫn đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt 99,4%. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%, số bác sĩ đạt khoảng 13,05 bác sĩ/vạn dân. Các giá trị văn hóa truyền thống tiếp tục được bảo tồn và phát huy; phong trào văn hóa, thể thao phát triển rộng khắp. Công tác an sinh xã hội được triển khai đồng bộ, hiệu quả; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,63%. Đặc biệt, tỉnh đã hoàn thành hỗ trợ xây dựng hàng nghìn căn nhà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và người có công, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, tỉnh Cà Mau vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Một số chỉ tiêu kinh tế chưa đạt như kỳ vọng; kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững; thu hút đầu tư quy mô lớn và các dự án FDI chất lượng cao còn hạn chế. Quá trình tái cơ cấu công nghiệp, phát triển công nghệ cao và chuyển đổi số chưa đồng đều; liên kết chuỗi giá trị trong nông nghiệp còn thiếu bền vững. Hoạt động thương mại - dịch vụ và du lịch tuy tăng trưởng nhưng chưa tạo được nhiều sản phẩm mang tính đột phá, sức cạnh tranh chưa cao.

Đặc biệt, sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh hiện chỉ đạt khoảng 35%, đây là một trong những rào cản lớn ảnh hưởng đến việc triển khai các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân trong thời gian tới. Điều này đòi hỏi tỉnh cần triển khai đồng

bộ các giải pháp phát triển đô thị, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững trong giai đoạn mới. Trong đó, việc triển khai thành lập các phường Sông Đốc, Năm Căn, Gành Hào, Hòa Bình, Cái Nước, Đầm Dơi, Thới Bình, Trần Văn Thời, Phước Long, Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Lương Thế Trân, Cái Đôi Vàm từ nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã hiện hữu là ưu tiên hàng đầu của tỉnh trong các giải pháp nâng cao tỉ lệ đô thị hóa trong năm 2026.

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập phường Sông Đốc, Năm Căn, Gành Hào, Hòa Bình, Cái Nước, Đầm Dơi, Thới Bình, Trần Văn Thời, Phước Long, Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Lương Thế Trân, Cái Đôi Vàm được triển khai dựa trên những căn cứ chính trị - pháp lý chủ yếu sau:

1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã xác định chỉ tiêu tỉ lệ đô thị hoá đạt trên 50% là một trong những mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chủ yếu 5 năm 2026 - 2030. Đồng thời xác định rõ nội dung “Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá” là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026 - 2030.

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, Nghị quyết đề ra mục tiêu tổng quát: “*Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới. Thể chế, chính sách về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững cơ bản được hoàn thiện. Kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại. Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững. Chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị. Phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy*”...

- Thực hiện Kết luận số 224-KL/TW ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số” tiếp tục khẳng định nội dung “*Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá. Phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại*

gắn với yêu cầu phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu” là một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030.

2. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15 của Quốc hội;
- Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 97/2025/QH15 của Quốc hội;
- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
- Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;
- Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính.

II. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: SÔNG ĐỐC, NĂM CĂN, GÀNH HÀO, HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC, ĐÀM ĐÔI, THỜI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG, HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THỂ TRÂN, CÁI ĐÔI VÀM THUỘC TỈNH CÀ MAU

Việc thành lập các phường phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu phát triển thực tiễn của địa phương; nhằm cụ thể hóa chủ trương sắp xếp, kiện toàn đơn vị hành chính, xây dựng mô hình chính quyền phù hợp với quá trình đô thị hóa; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển không gian đô thị, mở rộng phạm vi quản lý đô thị và nâng cao chất lượng quản trị địa phương theo hướng văn minh, hiện đại. Việc thành lập phường cũng góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai, dân cư, trật tự đô thị, môi trường, hạ tầng kỹ thuật; tăng cường năng lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chỉnh trang đô thị, cải cách hành chính, chuyển đổi số; tạo điều kiện thuận lợi hơn trong cung cấp dịch vụ công, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

1. Đối với xã Sông Đốc

Xã Sông Đốc được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Sông Đốc (bao gồm cụm đảo Hòn Chuối) và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phong Điền (09 ấp), có diện tích tự nhiên 84,19 km² và quy mô dân số khoảng 47.498 người. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, Sông Đốc tiếp tục giữ vai trò là địa bàn trọng điểm về kinh tế biển của tỉnh Cà Mau, đồng thời là đô thị cửa ngõ biển Tây, có vị trí quan trọng trong kết nối giao thương, phát triển dịch vụ biển và kinh tế ven biển của khu vực phía Tây tỉnh.

Sông Đốc có truyền thống phát triển mạnh về khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản; có cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền và hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá phát triển tương đối đồng bộ. Bên cạnh đó, hoạt động thương mại, dịch vụ, vận tải thủy, logistics thủy sản phát triển khá mạnh, từng bước hình thành vai trò trung tâm giao thương và dịch vụ biển của khu vực ven biển Tây tỉnh Cà Mau.

Trong những năm qua, quá trình đô thị hóa trên địa bàn diễn ra nhanh; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được đầu tư, nâng cấp; không gian dân cư đô thị tiếp tục mở rộng; các hoạt động thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến thủy sản phát triển tập trung. Quy mô dân số lớn, mật độ dân cư cao, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt khoảng 80,09%, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 75% cho thấy Sông Đốc đã hình thành tương đối rõ nét các đặc trưng của đô thị ven biển.

Thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý hiện nay đặt ra yêu cầu cần chuyển đổi mô hình tổ chức chính quyền phù hợp với tính chất của đơn vị hành chính đô thị. Mô hình chính quyền cấp xã hiện nay đã bộc lộ những hạn chế nhất định trong công tác quản lý quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, môi trường, quản lý dân cư và cung ứng dịch vụ công trong điều kiện tốc độ đô thị hóa ngày càng cao.

Việc thành lập phường Sông Đốc là cần thiết nhằm hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý đô thị phù hợp với thực tiễn phát triển của địa phương; tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với không gian đô thị ven biển; tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và phát triển hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ, bền vững.

Đồng thời, việc thành lập phường sẽ tạo điều kiện thuận lợi để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; thúc đẩy phát triển kinh tế biển, công nghiệp chế biến thủy sản, thương mại, dịch vụ, logistics và dịch vụ hậu cần nghề cá; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công, từng bước xây dựng chính quyền đô thị hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Bên cạnh đó, Sông Đốc có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh trên tuyến biển Tây; là địa bàn có số lượng lớn tàu cá hoạt động khai thác thủy sản xa bờ gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia. Việc tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình phường sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý địa bàn, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường năng lực quản lý khu vực ven biển và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Mặt khác, theo định hướng phát triển đô thị của tỉnh Cà Mau, Sông Đốc được xác định là đô thị động lực khu vực phía Tây tỉnh, định hướng phát triển theo mô hình đô thị ven biển gắn với kinh tế biển, dịch vụ hậu cần nghề cá và thương mại - dịch vụ. Do đó, việc thành lập phường Sông Đốc là bước đi cần thiết nhằm cụ thể hóa các định hướng quy hoạch, hoàn thiện hệ thống đô thị của tỉnh và tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

2. Đối với xã Năm Căn

Xã Năm Căn được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hàng Vĩnh và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số

của thị trấn Năm Căn, xã Hàm Rồng. Trong đó, thị trấn Năm Căn là thị trấn huyện lỵ của huyện Năm Căn trước đây. Sau sắp xếp, xã có diện tích tự nhiên 70,21 km², quy mô dân số 31.170 người, là địa bàn trung tâm của khu vực phía Nam tỉnh Cà Mau, nằm trong phạm vi Khu kinh tế Năm Căn theo quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Theo Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 06/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Năm Căn đến năm 2045, khu vực Năm Căn được xác định là hạt nhân tăng trưởng, trung tâm kinh tế biển, công nghiệp và dịch vụ phía Nam của tỉnh Cà Mau; đồng thời là đô thị trung tâm tiêu vùng ven biển phía Nam của tỉnh trong giai đoạn 2025 - 2030. Với vị trí địa lý thuận lợi, nằm trên trục giao thông chiến lược kết nối đường bộ và đường thủy của khu vực, có tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua và kết nối với tuyến cao tốc Cà Mau - Đất Mũi đang được đầu tư xây dựng, xã Năm Căn có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại, dịch vụ, logistics, cảng biển, công nghiệp chế biến thủy sản và các ngành kinh tế gắn với kinh tế biển.

Trong những năm qua, kinh tế - xã hội của địa phương tiếp tục phát triển khá toàn diện; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đạt 72,6%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 81,32%; tỷ lệ dân số đô thị đạt 81,33%. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được đầu tư đồng bộ; các hoạt động thương mại, dịch vụ, vận tải, chế biến thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá và logistics phát triển ngày càng mạnh. Quá trình đô thị hóa diễn ra rõ nét, nhu cầu quản lý nhà nước theo mô hình đô thị ngày càng cao, đòi hỏi việc tổ chức đơn vị hành chính phù hợp với tính chất, vai trò và định hướng phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

Việc thành lập phường Năm Căn là cần thiết nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp đơn vị hành chính gắn với xây dựng và phát triển đô thị; phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển hệ thống đô thị của tỉnh Cà Mau và Quy hoạch chung Khu kinh tế Năm Căn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, việc chuyển từ mô hình xã sang phường sẽ tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực quy hoạch, đất đai, xây dựng, trật tự đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bảo vệ môi trường và cung ứng dịch vụ công đô thị.

Bên cạnh đó, việc thành lập phường Năm Căn sẽ góp phần khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của Khu kinh tế Năm Căn; thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, cảng biển, logistics và kinh tế biển; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của Nhân dân; tạo động lực phát triển cho khu vực phía Nam tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, Năm Căn là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh, gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền vùng biển phía Nam của Tổ quốc. Việc thành lập phường sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý địa bàn, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường năng lực quản lý khu vực ven biển, cửa biển và đáp ứng yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới.

3. Đối với xã Gành Hào

Xã Gành Hào được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Gành Hào và xã Long Điền Tây, có diện tích tự nhiên 89,22 km² và quy mô dân số 31.829 người. Trong đó, thị trấn Gành Hào là thị trấn huyện lỵ của huyện Đông Hải trước đây. Vai trò, chức năng của xã Gành Hào được xác định là đô thị cửa biển phía Đông của tỉnh Cà Mau, giữ vai trò trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, vận tải logistics, thương mại biển và du lịch sinh thái rừng biển của khu vực ven biển Đông. Đây là địa bàn có vị trí đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế biển, là cửa ngõ giao thương đường thủy kết nối với các địa phương ven biển trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; đồng thời là trung tâm tập kết, thu mua, chế biến và phân phối thủy sản lớn của khu vực phía Đông tỉnh Cà Mau.

Trong những năm qua, khu vực Gành Hào có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội khá nhanh; hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị từng bước được đầu tư, nâng cấp; các hoạt động thương mại, dịch vụ, vận tải biển, chế biến thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá phát triển mạnh. Với lợi thế cửa biển, địa phương có điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển, logistics, thương mại dịch vụ và du lịch sinh thái gắn với hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển. Quá trình đô thị hóa diễn ra ngày càng rõ nét, quy mô dân số đô thị và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ngày càng tăng, đặt ra yêu cầu cần tổ chức mô hình chính quyền đô thị phù hợp với đặc điểm phát triển thực tế của địa phương.

Việc thành lập phường Gành Hào nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý không gian đô thị ven biển; cụ thể hóa định hướng phát triển đô thị động lực của tỉnh; đồng thời tạo cơ sở pháp lý để tăng cường quản lý quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng, bảo vệ môi trường và phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị. Việc tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình phường cũng góp phần khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế kinh tế biển; thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ hậu cần nghề cá, logistics, du lịch sinh thái rừng biển và công nghiệp chế biến thủy sản; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công và đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân trên địa bàn.

Bên cạnh đó, Gành Hào là địa bàn có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh vùng ven biển phía Đông của tỉnh, gắn với nhiệm vụ quản lý tàu thuyền, bảo vệ chủ quyền biển, đảo và giữ gìn an ninh trật tự trên biển. Việc thành lập phường sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn, tăng cường năng lực quản lý khu vực cửa biển, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

4. Đối với xã Hòa Bình

Xã Hòa Bình được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Hòa Bình, xã Vĩnh Mỹ A và xã Long Thạnh, có diện tích tự nhiên 114,79 km² và quy mô dân số 66.237 người. Trong đó, thị trấn Hòa Bình là thị trấn huyện lỵ của huyện Hòa Bình trước đây. Xã Hòa Bình được xác định là trung tâm hành chính, kinh tế, thương mại và dịch vụ của khu vực phía

Bắc tỉnh Cà Mau, đồng thời là đô thị có vị trí quan trọng trên trục giao thông huyết mạch Quốc lộ 1 kết nối liên vùng giữa tỉnh Cà Mau với các địa phương khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Đây là địa bàn có điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến, logistics và các ngành kinh tế đô thị; đồng thời giữ vai trò đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa và cung ứng dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Bắc tỉnh.

Trong những năm qua, khu vực Hòa Bình có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội khá nhanh; hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội từng bước được đầu tư đồng bộ; hoạt động thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dân cư đô thị phát triển mạnh. Với lợi thế nằm trên tuyến Quốc lộ 1 và tiếp giáp các khu vực phát triển năng động, địa phương có điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, thương mại, dịch vụ và phát triển đô thị theo hướng hiện đại. Quá trình đô thị hóa trên địa bàn diễn ra ngày càng rõ nét; quy mô dân số đô thị, mật độ dân cư và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp không ngừng gia tăng, đòi hỏi yêu cầu tổ chức mô hình chính quyền đô thị phù hợp với thực tiễn phát triển của địa phương.

Việc thành lập phường Hòa Bình nhằm hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền đô thị phù hợp với thực tiễn phát triển của một địa bàn động lực trọng điểm; tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quy hoạch, đất đai, xây dựng, trật tự đô thị, bảo vệ môi trường và phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại. Đồng thời, việc tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình phường sẽ góp phần đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân trên địa bàn.

Bên cạnh đó, với vị trí là trung tâm khu vực phía Bắc tỉnh và nằm trên tuyến giao thông liên vùng quan trọng, Hòa Bình có vai trò đặc biệt trong bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và tăng cường hiệu quả quản lý địa bàn. Việc thành lập phường sẽ góp phần xây dựng đô thị phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đô thị.

5. Đối với xã Cái Nước

Xã Cái Nước được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Cái Nước, xã Trần Thới và một phần xã Đông Hưng, xã Đông Thới, xã Tân Hưng Đông, có diện tích tự nhiên 117,94 km² và quy mô dân số 54.661 người. Trong đó, thị trấn Cái Nước là thị trấn huyện lỵ của huyện Cái Nước trước đây. Xã Cái Nước được xác định là trung tâm kết nối giao thương nội địa, đầu mối trung chuyển hàng hóa nông - thủy sản quan trọng của tỉnh Cà Mau; đồng thời là địa bàn có vai trò thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến và logistics phục vụ chuỗi sản xuất thủy sản của tỉnh. Với vị trí thuận lợi về giao thông đường bộ và đường thủy, Cái Nước là đầu mối liên kết giữa các vùng sản xuất thủy sản, nông nghiệp với các trung tâm tiêu thụ, chế biến và xuất khẩu trong và ngoài tỉnh.

Trong những năm qua, khu vực Cái Nước có tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội khá nhanh; hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thương mại, dịch vụ từng bước được đầu tư đồng bộ; các hoạt động thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và chế biến thủy sản phát triển mạnh. Đây là địa bàn tập trung nhiều cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến thủy sản và dịch vụ phục vụ sản xuất, tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ và công nghiệp. Quá trình phát triển đô thị trên địa bàn diễn ra ngày càng rõ nét; quy mô dân số đô thị, mật độ dân cư và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ngày càng tăng, đặt ra yêu cầu cần có mô hình tổ chức chính quyền đô thị phù hợp với tính chất và trình độ phát triển thực tế của địa phương.

Việc thành lập phường Cái Nước nhằm tăng cường năng lực quản lý chuyên sâu về quy hoạch kiến trúc, trật tự xây dựng, quản lý đất đai và phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; đồng thời tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hiện đại hóa nền hành chính công và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công cho Nhân dân. Việc tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình phường cũng góp phần thúc đẩy mạnh mẽ chuỗi cung ứng thủy sản năng suất cao, phát triển thương mại, dịch vụ, logistics và công nghiệp chế biến theo hướng hiện đại; nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư và tạo động lực phát triển cho tỉnh Cà Mau.

Bên cạnh đó, việc thành lập phường Cái Nước còn góp phần tăng cường hiệu quả quản lý dân cư, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị bền vững và phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị của tỉnh.

6. Đối với xã Đầm Dơi

Xã Đầm Dơi được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Đầm Dơi, xã Tân Dân, xã Tân Duyệt và một phần xã Tạ An Khương, có diện tích tự nhiên 96,28 km² và quy mô dân số 39.191 người. Trong đó, thị trấn Đầm Dơi là thị trấn huyện lỵ của huyện Đầm Dơi trước đây. Xã Đầm Dơi giữ vai trò là trung tâm tổng hợp của khu vực phía Đông Nam tỉnh Cà Mau, là đầu mối giao thông thủy, bộ quan trọng kết nối các địa phương ven biển với trung tâm tỉnh; đồng thời là địa bàn tập trung các hoạt động thương mại, dịch vụ, sản xuất và giao lưu hàng hóa của khu vực. Với vị trí thuận lợi trên các tuyến giao thông liên huyện và hệ thống sông ngòi đặc trưng vùng bán đảo Cà Mau, Đầm Dơi có điều kiện phát triển mạnh các ngành thương mại, dịch vụ, vận tải, chế biến nông - thủy sản và kinh tế đô thị.

Những năm gần đây, địa bàn Đầm Dơi có bước phát triển khá toàn diện về kinh tế - xã hội; mạng lưới hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật và các công trình công cộng được quan tâm đầu tư; hoạt động thương mại, dịch vụ, sản xuất kinh doanh ngày càng mở rộng. Dân cư tập trung đông, nhu cầu về nhà ở, hạ tầng đô thị, dịch vụ công và quản lý trật tự xây dựng ngày càng gia tăng, từng bước hình thành rõ nét diện mạo đô thị trung tâm của khu vực. Bên cạnh đó, sự phát triển của các cơ sở thương mại, dịch vụ, chợ đầu mối, cơ sở sản xuất và hệ thống giao

thông kết nối liên vùng đã tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

Việc thành lập phường Đàm Dơi nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của một đơn vị hành chính đô thị đang phát triển nhanh; tạo điều kiện tổ chức không gian đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị của tỉnh. Đồng thời, việc chuyển từ mô hình chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị sẽ nâng cao hiệu quả quản lý dân cư, quản lý xây dựng, chỉnh trang đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ công thiết yếu cho người dân. Đây cũng là cơ sở quan trọng để khai thác hiệu quả tiềm năng thương mại, dịch vụ, phát triển kinh tế đô thị, tạo đòn bẩy thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội địa phương trong giai đoạn mới.

Ngoài ra, việc thành lập phường Đàm Dơi còn góp phần nâng cao chất lượng quản trị địa phương, tăng cường khả năng điều hành, quản lý nhà nước trên địa bàn, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của khu vực trung tâm phía Đông Nam tỉnh Cà Mau.

7. Đối với xã Thới Bình

Xã Thới Bình được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Thới Bình và xã Thới Bình, có diện tích tự nhiên 121,05 km² và quy mô dân số 38.067 người. Trong đó, thị trấn Thới Bình là thị trấn huyện lỵ của huyện Thới Bình trước đây. Xã Thới Bình giữ vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế - xã hội của khu vực phía Bắc tỉnh Cà Mau; đồng thời là cửa ngõ nằm ngay trung tâm huyện cũ, đầu mối giao lưu, kết nối giữa các địa phương trong khu vực với trung tâm tỉnh và các địa bàn lân cận (có Sông Trẹm, Sông Chắc Bàng, Sông Láng Trâm có đường bộ kết nối Cao tốc Cà Mau - Cần Thơ, Cà Mau - An Giang). Với vị trí thuận lợi về giao thông và truyền thống phát triển thương mại, dịch vụ, Thới Bình là nơi tập trung nhiều cơ quan hành chính, cơ sở giáo dục, y tế, thương mại và dịch vụ phục vụ nhu cầu phát triển của khu vực phía Bắc tỉnh.

Trong quá trình phát triển, địa bàn Thới Bình đã từng bước hình thành không gian đô thị tương đối rõ nét; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư, nâng cấp; các hoạt động thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh phát triển ổn định. Khu vực trung tâm có mật độ dân cư tập trung ngày càng cao, nhu cầu về phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, chỉnh trang đô thị và cung cấp các dịch vụ công ngày càng lớn. Bên cạnh đó, việc mở rộng các tuyến giao thông kết nối liên tỉnh, liên vùng đã tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy giao thương hàng hóa, thu hút đầu tư và mở rộng không gian phát triển đô thị của địa phương.

Việc thành lập phường Thới Bình nhằm kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước phù hợp với trình độ phát triển đô thị thực tế; nâng cao hiệu quả công tác quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng, quản lý dân cư và phát triển hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại. Đồng thời, việc chuyển đổi mô hình từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị sẽ tạo điều kiện thuận lợi để huy động các nguồn lực đầu tư, mở rộng không gian phát triển kinh tế, tăng cường liên kết

vùng và phát triển các ngành thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp phù hợp với lợi thế của địa phương.

Việc thành lập phường Thới Bình cũng góp phần nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, cải thiện điều kiện sống, tăng cường hiệu quả quản lý hành chính và xây dựng đô thị văn minh, hiện đại; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của khu vực phía Bắc tỉnh Cà Mau trong giai đoạn mới.

8. Đối với xã Trần Văn Thời

Xã Trần Văn Thời được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Trần Văn Thời, các xã Khánh Lộc, Phong Lạc, và một phần xã Phong Điền, Trần Hợi và xã Lợi An, có diện tích tự nhiên 133,82 km² và quy mô dân số 56.179 người. Trong đó, thị trấn Trần Văn Thời là thị trấn huyện lỵ của huyện Trần Văn Thời trước đây. Xã Trần Văn Thời được xác định là trung tâm điều phối các hoạt động hành chính, thương mại và sản xuất của khu vực phía Tây tỉnh Cà Mau; đồng thời là địa bàn giữ vai trò kết nối giữa vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản với các tuyến giao thông và các khu vực phát triển ven biển. Với vị trí thuận lợi về giao thông thủy, bộ và quy mô dân cư tập trung, địa phương có điều kiện thúc đẩy phát triển các ngành thương mại, dịch vụ hỗ trợ sản xuất, chế biến nông - thủy sản và các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Trong thời gian qua, quá trình phát triển đô thị trên địa bàn diễn ra tương đối nhanh, nhiều khu dân cư tập trung, công trình thương mại, dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng, tạo sự chuyển biến rõ nét về diện mạo đô thị. Các hoạt động giao thương hàng hóa, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư ngày càng phát triển; nhu cầu về quản lý kiến trúc, chỉnh trang đô thị, đầu tư hạ tầng kỹ thuật và cung cấp các tiện ích đô thị ngày càng cao. Đồng thời, việc mở rộng các vùng sản xuất tập trung gắn với ứng dụng khoa học - kỹ thuật đã tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị sản xuất và hiệu quả sử dụng lao động.

Việc thành lập phường Trần Văn Thời nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý đối với khu vực có tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng; tạo điều kiện tổ chức không gian phát triển đô thị hợp lý, đồng bộ với định hướng quy hoạch phát triển của tỉnh. Đây cũng là cơ sở để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường và phát triển hạ tầng đô thị; đồng thời tăng khả năng huy động nguồn lực đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bên cạnh đó, việc tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình phường sẽ góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ, chế biến và logistics phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản. Qua đó, từng bước khẳng định vai trò của Trần Văn Thời là đô thị trung tâm khu vực phía Tây tỉnh Cà Mau, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn đẩy mạnh đô thị hóa và chuyển đổi cơ cấu kinh tế hiện nay.

9. Đối với xã Phước Long

Xã Phước Long được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Phước Long và xã Vĩnh Phú Đông, có diện tích tự nhiên 98,12 km² và quy mô dân số 47.667 người. Trong đó, thị trấn Phước Long là thị trấn huyện lỵ của huyện Phước Long trước đây. Xã Phước Long có vai trò là trung tâm trung chuyển của khu vực phía Bắc Quốc lộ 1, nằm trên trục Quản lộ - Phụng Hiệp giữ vị trí quan trọng trong mạng lưới giao thông kết nối giữa các địa phương nội vùng và các tuyến vận tải liên tỉnh; đồng thời là địa bàn phát triển mạnh về sản xuất nông nghiệp hàng hóa, thương mại và dịch vụ phục vụ sản xuất. Với lợi thế nằm trên các tuyến giao thông quan trọng, địa phương có điều kiện thuận lợi để phát triển logistics, lưu thông hàng hóa và hình thành các hoạt động thương mại, dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế khu vực.

Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế của Phước Long có sự chuyển biến tích cực; hoạt động thương mại, vận tải, dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống dân cư ngày càng phát triển. Hệ thống giao thông, chợ, cơ sở thương mại, dịch vụ và các công trình hạ tầng thiết yếu tiếp tục được đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị. Các khu dân cư tập trung ngày càng mở rộng, mật độ dân số tăng, nhu cầu về nhà ở, hạ tầng kỹ thuật và các tiện ích đô thị ngày càng lớn, tạo tiền đề thuận lợi để phát triển theo mô hình đô thị hiện đại.

Việc thành lập phường Phước Long nhằm hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền đô thị phù hợp với xu thế phát triển của địa phương; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, quản lý dân cư, phát triển kết cấu hạ tầng và chỉnh trang đô thị. Đồng thời, đây là cơ sở quan trọng để khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về giao thông vận tải, thương mại và dịch vụ; tăng cường khả năng thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề phi nông nghiệp trên địa bàn.

Bên cạnh đó, việc tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình phường sẽ tạo động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực phía Bắc tỉnh; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, cải thiện điều kiện sống, xây dựng diện mạo đô thị khang trang, văn minh và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

10. Đối với xã Hồng Dân

Xã Hồng Dân được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lộc Ninh, xã Ninh Hòa và thị trấn Ngan Dừa, có diện tích tự nhiên 124,93 km² và quy mô dân số 53.452 người. Trong đó, thị trấn Ngan Dừa là thị trấn huyện lỵ của huyện Hồng Dân trước đây. Xã Hồng Dân giữ vai trò là trung tâm hành chính, thương mại và dịch vụ của khu vực phía Bắc tỉnh Cà Mau; đồng thời là địa bàn có vị trí quan trọng trong kết nối giao thương, cung ứng hàng hóa và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương lân cận. Với lợi thế là khu vực tập trung dân cư đông, hệ thống cơ sở hành chính, giáo dục, y tế, chợ và các hoạt động thương mại truyền thống phát triển ổn định, Hồng Dân từng bước hình thành không gian đô thị với chức năng trung tâm khu vực.

Trong thời gian qua, tốc độ phát triển đô thị trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực; kết cấu hạ tầng giao thông, điện, cấp nước, thông tin liên lạc và các công trình phục vụ dân sinh tiếp tục được đầu tư nâng cấp. Hoạt động thương mại, dịch vụ, sản xuất kinh doanh phát triển ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu giao lưu hàng hóa và đời sống của Nhân dân. Cùng với đó, quá trình tập trung dân cư, mở rộng các khu dân cư và phát triển các tuyến đường đô thị đã làm gia tăng yêu cầu về quản lý không gian kiến trúc, quản lý xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức cung ứng dịch vụ công theo tiêu chuẩn đô thị.

Việc thành lập phường Hồng Dân nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý đối với khu vực có dân cư tập trung và hệ thống hạ tầng đô thị ngày càng mở rộng; tạo cơ sở để tổ chức phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, văn minh và phù hợp với quy hoạch phát triển chung của tỉnh. Đồng thời, mô hình chính quyền đô thị sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hành chính, tăng cường khả năng huy động nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, thương mại, dịch vụ và các ngành kinh tế đô thị; từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân trên địa bàn.

Bên cạnh mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, việc thành lập phường Hồng Dân còn góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương; xây dựng môi trường đô thị ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và phù hợp với tiến trình đô thị hóa của tỉnh Cà Mau.

11. Đối với xã Vĩnh Lợi

Xã Vĩnh Lợi được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Châu Hưng và xã Châu Hưng A, có diện tích tự nhiên 61,69 km² và quy mô dân số 29.120 người. Trong đó, thị trấn Châu Hưng là thị trấn huyện lỵ của huyện Vĩnh Lợi trước đây. Xã Vĩnh Lợi được xác định là đô thị cửa ngõ phía Bắc tỉnh Cà Mau, giữ vai trò là trung tâm thương mại, dịch vụ và phát triển du lịch của khu vực; đồng thời là điểm kết nối quan trọng giữa các địa phương nội tỉnh với các tuyến giao thông liên vùng khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Với vị trí thuận lợi về giao thông và truyền thống phát triển hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa, địa phương có điều kiện thúc đẩy phát triển các ngành thương mại, dịch vụ, du lịch và các loại hình kinh tế đô thị phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

Trong thời gian qua, khu vực Vĩnh Lợi có nhiều chuyển biến tích cực về phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng đô thị; các tuyến giao thông, khu dân cư, công trình thương mại, dịch vụ và hạ tầng phục vụ dân sinh tiếp tục được đầu tư mở rộng. Hoạt động kinh doanh, dịch vụ ngày càng phát triển đa dạng; không gian đô thị từng bước được hình thành và mở rộng theo hướng tập trung, tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao đời sống Nhân dân. Bên cạnh đó, địa phương có tiềm năng phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái và các hoạt động dịch vụ gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền, góp phần tạo thêm nguồn lực cho phát triển kinh tế địa phương.

Việc thành lập phường Vĩnh Lợi nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển cụm đô thị động lực của tỉnh; tạo cơ sở để nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với

các lĩnh vực quy hoạch đô thị, quản lý kiến trúc, trật tự xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật và chỉnh trang đô thị theo hướng văn minh, hiện đại. Đồng thời, việc tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình phường sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý dân cư, cải cách hành chính, tăng khả năng thu hút đầu tư và phát triển các ngành thương mại, dịch vụ, du lịch phù hợp với vai trò đô thị cửa ngõ của địa phương.

Bên cạnh yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, việc thành lập phường Vĩnh Lợi còn có ý nghĩa quan trọng trong củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; nâng cao hiệu quả quản lý địa bàn, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của khu vực phía Bắc tỉnh Cà Mau trong thời gian tới.

12. Đối với xã Lương Thế Trân

Xã Lương Thế Trân được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 03 xã Lương Thế Trân, Thạnh Phú, Phú Hưng và một phần xã Lợi An, có diện tích tự nhiên 135,32 km² và quy mô dân số 63.883 người. Xã Lương Thế Trân có vai trò là cửa ngõ kết nối giao thương nội địa quan trọng; đồng thời là địa bàn phát triển công nghiệp, dịch vụ và logistics gắn với Khu công nghiệp Hòa Trung - khu công nghiệp trọng điểm của tỉnh. Với lợi thế về vị trí giao thông và quỹ đất phát triển công nghiệp, địa phương có điều kiện thuận lợi để hình thành các hoạt động sản xuất, chế biến, lưu thông hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ phục vụ phát triển kinh tế vùng.

Trong thời gian qua, cùng với quá trình đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Trung, khu vực Lương Thế Trân đã có nhiều chuyển biến tích cực về phát triển kinh tế - xã hội; các hoạt động thương mại, dịch vụ, vận tải và sản xuất công nghiệp từng bước mở rộng. Hệ thống giao thông kết nối khu công nghiệp với các tuyến giao thông liên vùng được quan tâm đầu tư, tạo điều kiện thúc đẩy lưu thông hàng hóa và thu hút doanh nghiệp đến đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, sự gia tăng dân số cơ học, phát triển các khu dân cư tập trung và nhu cầu về nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ đô thị đã làm cho tính chất đô thị trên địa bàn ngày càng rõ nét.

Việc thành lập phường Lương Thế Trân nhằm tăng cường năng lực quản trị đối với không gian đô thị và quản lý hạ tầng khu công nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, đồng bộ và hiện đại; đáp ứng yêu cầu phát triển của khu vực có tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa ngày càng cao. Đồng thời, việc tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình phường sẽ tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch, quản lý xây dựng, chỉnh trang đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Việc thành lập phường cũng góp phần tăng cường khả năng thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, dịch vụ hậu cần thủy sản, thương mại và logistics; tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng đời sống cư dân trên địa bàn. Qua đó, từng bước xây dựng Lương Thế Trân trở thành đô thị công nghiệp - dịch vụ quan trọng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau.

13. Đối với xã Cái Đôi Vàm

Xã Cái Đôi Vàm được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Cái Đôi Vàm, xã Nguyễn Việt Khái, có diện tích tự nhiên 131,06 km² và quy mô dân số 36.964 người. Trong đó, thị trấn Cái Đôi Vàm là thị trấn huyện lỵ của huyện Phú Tân trước đây. Xã Cái Đôi Vàm hiện nay giữ vai trò là trung tâm kết nối giao thương nội địa và là địa bàn trọng điểm phát triển kinh tế thủy sản của tỉnh Cà Mau.

Trong những năm qua, khu vực xã Cái Đôi Vàm có tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội khá nhanh; hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thương mại, dịch vụ từng bước được đầu tư đồng bộ; các hoạt động thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và chế biến thủy sản phát triển mạnh. Đây là địa bàn tập trung nhiều cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến thủy sản và dịch vụ phục vụ sản xuất, tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ và công nghiệp. Quá trình phát triển đô thị trên địa bàn diễn ra ngày càng rõ nét; quy mô dân số đô thị, mật độ dân cư và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ngày càng tăng, đặt ra yêu cầu cần có mô hình tổ chức chính quyền đô thị phù hợp với tính chất và trình độ phát triển thực tế của địa phương.

Việc thành lập phường Cái Đôi Vàm nhằm tăng cường năng lực quản lý chuyên sâu về quy hoạch kiến trúc, trật tự xây dựng, quản lý đất đai và phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; đồng thời tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hiện đại hóa nền hành chính công và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công cho Nhân dân. Việc tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình phường cũng góp phần thúc đẩy mạnh mẽ chuỗi cung ứng thủy sản năng suất cao, phát triển thương mại, dịch vụ, logistics và công nghiệp chế biến theo hướng hiện đại; nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư và tạo động lực phát triển cho khu vực phía Nam tỉnh Cà Mau.

Bên cạnh đó, việc thành lập phường Cái Đôi Vàm còn góp phần tăng cường hiệu quả quản lý dân cư, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị bền vững và phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị của tỉnh.

III. VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: SÔNG ĐỐC, NĂM CĂN, GÀNH HÀO, HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC, ĐÀM DƠI, THỜI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG, HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THẾ TRÂN, CÁI ĐÔI VÀM THUỘC TỈNH CÀ MAU

Việc thành lập các phường: Sông Đốc, Năm Căn, Gành Hào, Hòa Bình, Cái Nước, Đàm Dơi, Thời Bình, Trần Văn Thời, Phước Long, Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Lương Thế Trân, Cái Đôi Vàm thuộc tỉnh Cà Mau về khía cạnh pháp lý đảm bảo phù hợp với các quy định về điều kiện thành lập đơn vị hành chính theo khoản 2 Điều 8 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể như sau:

1. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và

quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhất là Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo quy hoạch hệ thống đô thị tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, các xã: Sông Đốc, Năm Căn, Gành Hào, Hòa Bình, Cái Nước, Đầm Dơi, Thới Bình, Trần Văn Thời, Phước Long, Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Lương Thế Trân, Cái Đoi Vàm đã được quy hoạch để thành lập phường trước năm 2030. Quy hoạch cũng xác định cụ thể tính chất, vị trí, vai trò của từng đô thị. Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh đã và đang triển khai các giải pháp đầu tư đồng bộ để nâng cao chất lượng đô thị hóa, hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, góp phần cùng các địa phương trong cả nước đạt chỉ tiêu tỉ lệ đô thị hóa của cả nước đạt trên 50% vào năm 2030.

2. Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các cấp; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng địa phương.

Mục đích cốt lõi của việc thành lập các phường thuộc tỉnh Cà Mau không chỉ là góp phần nâng cao tỉ lệ đô thị hóa, mà qua đó, hướng tới mục tiêu lâu dài và bền vững hơn là bảo đảm lợi ích chung của quốc gia thông qua việc phát huy tiềm năng và nguồn lực của tỉnh. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã xác định rõ mục tiêu: Phân đấu đến năm 2030, Cà Mau trở thành tỉnh có công nghiệp phát triển nhanh, tiên phong xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, thuộc nhóm địa phương phát triển hàng đầu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đời sống người dân nâng cao, văn hóa - xã hội tiến bộ, quốc phòng, an ninh đảm bảo. Đến năm 2045, trở thành trung tâm nông nghiệp hiện đại và du lịch sinh thái của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là địa phương dẫn đầu cả nước trong một số lĩnh vực nông nghiệp, phát triển công nghiệp tiên tiến, là nơi đáng sống, người dân có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc. Để đạt được mục tiêu đó, việc thành lập các phường là điều kiện nền tảng nhằm triển khai các chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và của tỉnh Cà Mau.

Việc thành lập các phường thuộc tỉnh Cà Mau cũng góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các cấp. Đối với cấp xã, cụ thể là chính quyền địa phương của 13 xã nêu trên, vốn có điểm xuất phát là đơn vị hành chính đô thị, các hoạt động quản lý nhà nước, thói quen sinh hoạt của Nhân dân trên địa bàn từ lâu đã theo tư duy và nền nếp của đô thị. Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, các xã đã chủ động, tích cực khắc phục các khó khăn ban đầu để vận hành ổn định bộ máy chính quyền cấp xã và đạt được nhiều thành tựu trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Tuy nhiên, vì được định danh là đơn vị hành chính nông thôn, do đó nhiều hoạt động kiến thiết đô thị chưa được triển khai một cách mạnh mẽ như trước đây. Công tác quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực như dân cư, thương mại, hạ tầng giao thông, môi trường,... theo kiểu đơn vị hành chính nông thôn ngày càng không còn phù hợp với tốc độ đô thị hóa của xã. Do đó, việc chuyển đổi mô hình quản trị địa phương từ nông

thôn sang đô thị, từ xã lên phường là yêu cầu hết sức thực tiễn và cấp bách, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước như hiện nay. Đối với tỉnh Cà Mau, việc thành lập phường giúp tỉnh có cơ sở triển khai mạnh mẽ hơn nữa các chính sách, nguồn vốn phát triển đô thị cho các địa phương trong khuôn khổ phát triển hệ thống chuỗi đô thị mang tính liên kết, góp phần củng cố, phát huy và mở ra những tiềm năng mới của tỉnh Cà Mau nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp chiều rộng với chiều sâu, tạo nền tảng cho phát triển dựa nhiều hơn vào tri thức, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Bảo đảm yêu cầu quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Việc thành lập 13 phường thuộc tỉnh Cà Mau không ảnh hưởng đến tình hình quốc phòng an ninh, không làm giảm vai trò, vị trí chiến lược của các địa bàn mà còn tạo điều kiện củng cố tốt hơn quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; giúp vị thế, bộ mặt của địa phương nâng lên một tầm cao mới, từ đó giúp tiềm lực về quân sự, quốc phòng ngày càng được tăng cường, củng cố, xây dựng vững chắc khu vực phòng thủ, góp phần xây dựng thế trận phòng thủ tỉnh vững chắc cũng như nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động quân sự, quốc phòng, an ninh. Ngoài ra, việc vận hành chính quyền đô thị giúp tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc đầu tư, xây dựng và áp dụng các công nghệ quản lý, rà soát nhân khẩu, hộ khẩu, các đối tượng tạm trú, tạm vắng dễ dàng hơn, giảm thiểu các điểm nóng về an ninh trật tự từ gốc; từ đó tạo điều kiện để các hoạt động đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương ngày càng được bảo đảm, tăng cường.

4. Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa của địa phương; tạo thuận lợi trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và tạo được sự đồng thuận của Nhân dân trên địa bàn.

Quá trình tổ chức xây dựng Đề án thành lập các phường thuộc tỉnh Cà Mau đã nhận được sự quan tâm chú ý của Nhân dân trên địa bàn. Vốn có truyền thống và thói quen sinh hoạt theo mô hình đô thị trước đây, việc thành lập 13 phường từ 13 xã đã nhận được sự đồng thuận rất lớn từ phía người dân. Sự đồng thuận này xuất phát từ hai lý do:

- Thứ nhất, việc thành lập phường phù hợp với yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa, thói quen sinh hoạt của bộ phận cư dân đô thị vốn đã hình thành từ lâu đời.

- Thứ hai, đại bộ phận Nhân dân tin tưởng việc thành lập phường sẽ giúp phát huy hơn nữa tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; tạo điều kiện đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa; qua đó giúp Nhân dân được tiếp cận, thụ hưởng dịch vụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn; có các điều kiện thuận lợi hơn trong phát triển kinh tế, tăng thu nhập cải thiện cuộc sống. Sự đoàn kết, đồng thuận từ phía Nhân dân là một trong những yếu tố nền tảng để tỉnh quyết tâm xây dựng Đề án thành lập phường đề trình trung ương xem xét, thông qua.

5. Việc thành lập các phường thuộc tỉnh Cà Mau đảm bảo các tiêu chuẩn của phường theo quy định pháp luật

Qua rà soát, đánh giá các tiêu chí thành lập phường theo Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, các xã: Sông Đốc, Năm Căn, Gành Hào, Hòa Bình, Cái Nước, Đầm Dơi, Thới Bình, Trần Văn Thời, Phước Long, Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Lương Thế Trân, Cái Đoi Vàm đã đảm bảo đầy đủ các tiêu chí về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, vị trí, chức năng, tỷ lệ quy mô dân số đô thị, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội từ mức đạt và vượt so với tiêu chí đề ra, đủ cơ sở pháp lý về tiêu chuẩn đơn vị hành chính để thành lập phường thuộc tỉnh Cà Mau theo quy định pháp luật hiện hành.

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC XÃ: SÔNG ĐỐC, NĂM CĂN, GÀNH HÀO, HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC, ĐÀM ĐÔI, THỐI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG, HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THẾ TRÂN, CÁI ĐÔI VÀM

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC XÃ: SÔNG ĐỐC, NĂM CĂN, GÀNH HÀO, HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC, ĐÀM ĐÔI, THỐI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG, HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THẾ TRÂN, CÁI ĐÔI VÀM

1. Xã Sông Đốc

1.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò, chức năng

a) Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Sông Đốc thuộc tỉnh Cà Mau, được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Sông Đốc (bao gồm cụm đảo Hòn Chuối) và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phong Điền (09 ấp) theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

Xã có diện tích tự nhiên 84,19 km², nằm ở khu vực ven biển phía Tây tỉnh Cà Mau, có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế biển, giao thương và kết nối vùng ven biển Tây Nam Bộ.

Ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Khánh Hưng và xã Trần Văn Thời.
- Phía Tây giáp biển Tây.
- Phía Nam giáp xã Phú Mỹ và xã Phú Tân.
- Phía Bắc giáp xã Khánh Hưng.

b) Vai trò, chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Sông Đốc là địa bàn có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế Sông Đốc được xác định là đô thị trung tâm tiểu vùng phía Tây của tỉnh, thuộc chuỗi đô thị ven biển Gành Hào - Sông Đốc và là điểm cuối của Đoạn 2 (Cái Đôi Vàm - Sông Đốc) thuộc Dự án tuyến đường ven biển tỉnh Cà Mau. Đây là một trong những địa bàn được ưu tiên phát triển trở thành cực động lực kinh tế biển của tỉnh và là địa bàn trọng điểm để phát triển nhanh đô thị trong giai đoạn tới.

Đô thị Sông Đốc có chức năng là trung tâm chuyên ngành về kinh tế biển, dịch vụ hậu cần nghề cá, thương mại và logistics thủy sản; đồng thời là đầu mối

kết nối các hoạt động khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản của khu vực phía Tây tỉnh Cà Mau. Với vị trí là đô thị cảng biển và trung tâm kinh tế biển quan trọng của tỉnh, Sông Đốc giữ vai trò hạt nhân phát triển của tiểu vùng ven biển phía Tây, đồng thời là một trong những cực tăng trưởng quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế biển của tỉnh Cà Mau.

Bên cạnh vai trò là trung tâm kinh tế biển, Sông Đốc còn giữ vị trí đầu mối giao thông quan trọng trong mạng lưới liên kết vùng của tỉnh. Thông qua tuyến đường ven biển tỉnh Cà Mau, các tuyến giao thông kết nối Đông - Tây và các trục giao thông liên vùng, Sông Đốc có khả năng kết nối thuận lợi với các đô thị Cái Đoi Vàm, Cái Nước, Trần Văn Thời, Năm Căn và các trung tâm kinh tế, đô thị quan trọng khác của tỉnh. Đặc biệt, Sông Đốc cùng với Gành Hào hình thành hai cực phát triển quan trọng ở hai đầu chuỗi đô thị ven biển của tỉnh, góp phần thúc đẩy liên kết không gian phát triển giữa khu vực ven biển phía Tây và phía Đông, tạo động lực lan tỏa cho toàn bộ hành lang kinh tế biển Cà Mau.

Thông qua các hoạt động khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, logistics, thương mại ven biển và vai trò đầu mối kết nối giao thông, Sông Đốc có tác động lan tỏa mạnh mẽ đến chuỗi giá trị thủy sản, kinh tế biển và mạng lưới đô thị của toàn tỉnh; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng không gian phát triển ven biển, tăng cường liên kết vùng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh Cà Mau.

1.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Xã Sông Đốc có diện tích tự nhiên 84,19 km², tương đương khoảng 8.419 ha. Địa bàn có đặc điểm tự nhiên ven biển, hệ thống sông, kênh rạch phân bố khá dày đặc; đất đai được sử dụng cho các mục đích phát triển đô thị, dân cư, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hạ tầng kỹ thuật, thương mại, dịch vụ và các công trình công cộng.

Quỹ đất của địa phương cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị ven biển, dịch vụ hậu cần nghề cá và bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo định hướng quy hoạch phát triển đô thị của tỉnh Cà Mau.

b) Cơ cấu các loại đất

Hiện trạng sử dụng đất của xã Sông Đốc được phân bổ theo các nhóm đất chủ yếu gồm: đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng. Trong đó, đất phi nông nghiệp và đất phục vụ phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến và hạ tầng kỹ thuật có xu hướng tăng, phù hợp với quá trình đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương.

Bảng thống kê diện tích theo mục đích sử dụng:

(Đơn vị tính: ha)

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	8.419,00	100,00
1	Đất nông nghiệp	6.711,00	79,65
1.1	Đất nuôi trồng thủy sản	5.602,30	66,45
1.2	Đất trồng cây hằng năm	0,00	0,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	651,73	7,76
1.4	Đất rừng phòng hộ/rừng sản xuất (nếu có)	456,97	5,44
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,00	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	1.393,29	16,60
2.1	Đất ở tại đô thị/nông thôn	158,67	1,89
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	13,75	0,16
2.3	Đất quốc phòng, an ninh	631,21	7,52
2.4	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	18,40	0,22
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	4,22	0,05
2.6	Đất giao thông	174,23	2,08
2.7	Đất thủy lợi	37,90	0,45
2.8	Đất công trình công cộng	212,13	2,53
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,00	0,00
2.10	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1,68	0,02
2.11	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, mặt nước chuyên dùng	141,09	1,68
2.12	Đất phi nông nghiệp khác	0,01	0,00
3	Đất chưa sử dụng	314,71	3,75

1.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Xã Sông Đốc có quy mô dân số lớn, mật độ dân cư tương đối cao, phản ánh rõ đặc điểm của địa bàn đô thị ven biển phát triển mạnh về kinh tế biển, thương mại, dịch vụ và công nghiệp chế biến thủy sản. Theo số liệu quản lý dân cư đến cuối năm 2025, tổng dân số toàn xã: 47.498 người. Trong đó:

- Dân số thường trú: 47.044 người.
- Dân số tạm trú: 454 người.

- Dân số khu vực đô thị: khoảng 35.527 người.
- Tỷ lệ dân số đô thị hóa: khoảng 74,80%.
- Mật độ dân số: khoảng 565 người/km².

Dân cư phân bố tương đối tập trung tại các khu vực ven sông, ven biển, khu vực cảng cá, các tuyến giao thông chính và các khu thương mại, dịch vụ; từng bước hình thành không gian dân cư mang đặc trưng đô thị ven biển.

Trong những năm qua, cùng với quá trình phát triển kinh tế biển và đô thị hóa, quy mô dân số cơ học trên địa bàn có xu hướng gia tăng, nhất là lực lượng lao động phục vụ khai thác thủy sản, chế biến thủy sản, thương mại, dịch vụ và hậu cần nghề cá. Điều này làm gia tăng yêu cầu quản lý đô thị, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công trên địa bàn.

b) Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động của xã Sông Đốc chuyển dịch mạnh theo hướng phi nông nghiệp, phù hợp với đặc điểm phát triển của đô thị ven biển gắn với kinh tế biển và dịch vụ đô thị.

Đến cuối năm 2025, tổng số lao động trên địa bàn khoảng 30.837 người; trong đó lao động phi nông nghiệp khoảng 24.698 người, đạt tỷ lệ khoảng 80,09%.

Lao động phi nông nghiệp tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực: Khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; Dịch vụ hậu cần nghề cá; Thương mại, dịch vụ và vận tải thủy; Công nghiệp chế biến; Xây dựng và các ngành nghề dịch vụ đô thị khác.

Kinh tế biển tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế của địa phương. Hoạt động khai thác, chế biến thủy sản, thương mại, dịch vụ và logistics thủy sản phát triển đã tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng đô thị.

Cơ cấu lao động hiện nay cơ bản phù hợp với định hướng phát triển Sông Đốc trở thành đô thị ven biển, trung tâm kinh tế biển và dịch vụ hậu cần nghề cá của khu vực phía Tây tỉnh Cà Mau.

c) Thành phần dân cư

Dân cư trên địa bàn xã Sông Đốc chủ yếu là người Kinh; bên cạnh đó có một số hộ dân thuộc các dân tộc khác cùng sinh sống ổn định, đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

Cộng đồng dân cư trên địa bàn có truyền thống gắn bó với nghề biển, hình thành tập quán sinh hoạt, sản xuất đặc trưng của cư dân vùng ven biển Tây Nam Bộ. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên; phong trào xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả.

Hiện nay, dân cư khu vực đô thị tập trung chủ yếu tại các khu vực trung tâm thương mại, khu vực cảng cá, các tuyến giao thông chính và khu dân cư ven sông, ven biển; dân cư khu vực còn lại phân bố tại các khu vực sản xuất, nuôi trồng thủy sản và các cụm dân cư ven tuyến giao thông nông thôn.

- Dân số khu vực đô thị: Khoảng 35.527 người, chiếm tỷ lệ khoảng 74,80%.
- Dân số khu vực ngoài đô thị: khoảng 11.971 người, chiếm tỷ lệ khoảng 25,20%.

Quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế biển đã thu hút lao động từ nhiều địa phương đến sinh sống, làm việc và kinh doanh, góp phần tạo nên tính đa dạng về ngành nghề, hoạt động kinh tế và thúc đẩy quá trình hình thành nếp sống đô thị trên địa bàn.

1.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Trong những năm qua, kinh tế xã Sông Đốc tiếp tục duy trì tốc độ phát triển khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ và giảm dần tỷ trọng nông nghiệp truyền thống; từng bước hình thành đặc trưng kinh tế đô thị ven biển gắn với kinh tế biển và dịch vụ hậu cần nghề cá.

Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của địa phương như sau:

- Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ đạt khoảng 80%.
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt khoảng 80,09%.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 91 triệu đồng/người/năm.
- Tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 0,627%.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2025 đạt khoảng 216.133 triệu đồng.
- Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 150.000 tấn/năm.
- Trong năm 2025, toàn xã thành lập mới 361 cơ sở sản xuất, kinh doanh (trong đó có 17 cơ sở chuyển đổi từ các loại hình khác sang doanh nghiệp), nâng tổng số trên địa bàn lên khoảng 2.200 cơ sở kinh doanh và 262 doanh nghiệp đang hoạt động.
- Kinh tế tập thể tiếp tục được củng cố và phát triển; thành lập mới 01 hợp tác xã, nâng tổng số lên 10 hợp tác xã đang hoạt động ổn định với 112 thành viên.
- Trên địa bàn hiện có 04 sản phẩm đạt chuẩn OCOP 3 sao; đồng thời duy trì hoạt động của 05 tổ hợp tác với 49 thành viên.

Kinh tế biển tiếp tục giữ vai trò chủ lực và là động lực phát triển của địa phương; hoạt động thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá phát triển khá mạnh, góp phần thúc đẩy đô thị hóa, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

Công nghiệp - xây dựng trên địa bàn phát triển chủ yếu theo hướng công nghiệp chế biến thủy sản, cơ khí phục vụ nghề biển, sản xuất nước đá, đóng mới, sửa chữa tàu thuyền và các ngành nghề phục vụ hậu cần nghề cá.

Hiện nay, trên địa bàn đã hình thành nhiều cơ sở chế biến thủy sản, kho lạnh, cơ sở sản xuất đá lạnh, cơ sở cơ khí và các điểm thu mua, sơ chế thủy sản phục vụ hoạt động khai thác biển và tiêu thụ sản phẩm thủy sản trong khu vực.

Hoạt động xây dựng tiếp tục phát triển cùng với quá trình đô thị hóa; nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông, dân cư, thương mại và công trình công cộng được đầu tư xây dựng, góp phần từng bước hoàn thiện diện mạo đô thị ven biển.

- Về thương mại - dịch vụ:

Thương mại - dịch vụ phát triển khá mạnh, từng bước khẳng định vai trò trung tâm giao thương và dịch vụ biển của khu vực phía Tây tỉnh Cà Mau.

Các hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ hậu cần nghề cá, vận tải thủy, logistics thủy sản, lưu trú, ăn uống, tài chính, viễn thông và các dịch vụ phục vụ dân sinh phát triển tương đối đa dạng, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân.

Địa bàn có hệ thống chợ, điểm kinh doanh, cơ sở thương mại và dịch vụ tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm đô thị, cảng cá và các tuyến giao thông chính; tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế địa phương.

Hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá tiếp tục giữ vai trò quan trọng, bao gồm cung ứng nhiên liệu, nước đá, lương thực, ngư lưới cụ, bảo quản, thu mua và vận chuyển thủy sản phục vụ đội tàu khai thác biển.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản:

Thủy sản là ngành kinh tế chủ lực của địa phương, giữ vai trò nền tảng trong phát triển kinh tế biển của xã Sông Đốc.

Hoạt động khai thác thủy sản phát triển mạnh với số lượng lớn tàu cá hoạt động khai thác xa bờ; các ngành nghề khai thác biển tiếp tục duy trì ổn định, gắn với dịch vụ hậu cần nghề cá và chế biến thủy sản.

Nuôi trồng thủy sản tiếp tục được duy trì và phát triển theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả và thích ứng với điều kiện tự nhiên vùng ven biển.

Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt khoảng 150.000 tấn.

Lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn chủ yếu phục vụ nhu cầu dân sinh và sản xuất quy mô hộ gia đình; tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế tiếp tục giảm theo quá trình đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương.

Công tác quản lý, bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất thủy sản từng bước được quan tâm; địa phương chú trọng phát triển kinh tế biển gắn với khai thác hợp lý tài nguyên, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và thích ứng với biến đổi khí hậu.

1.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Sông Đốc tiếp tục được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân trong điều kiện phát triển đô thị. Mạng lưới trường, lớp được rà soát, sắp xếp phù hợp với quy mô dân số và phân bố dân cư; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng bước được nâng cấp theo hướng đồng bộ.

Hiện nay, trên địa bàn có 14 trường công lập và 01 trường tư thục, gồm: 04 trường mầm non (trong đó có 01 trường tư thục), 07 trường tiểu học, 03 trường trung học cơ sở và 01 trường trung học phổ thông; với khoảng 7.500 học sinh các cấp học.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy; chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên. Công tác phổ cập giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, chuyển đổi số trong giáo dục và xã hội hóa giáo dục tiếp tục được quan tâm thực hiện.

b) Y tế

Hệ thống y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Hiện nay, trên địa bàn có 01 trạm y tế đạt chuẩn theo quy định; đội ngũ y tế cơ bản đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh thông thường và thực hiện các chương trình y tế cộng đồng.

Công tác phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, an toàn thực phẩm và bảo hiểm y tế được triển khai thường xuyên.

- Tỷ lệ người dân tham gia BHXH bắt buộc: 1.575 người, đạt 82,85%.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHTN: 1.350 người, đạt 85,62%.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHXH tự nguyện: 549 người, đạt 3,14%.
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100% dân số thường trú (47.044 người tham gia BHYT).

Bên cạnh đó, địa phương đang được xem xét đầu tư xây dựng bệnh viện công lập quy mô khoảng 100 giường bệnh nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng y tế, nâng cao năng lực khám, chữa bệnh và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong thời gian tới.

c) Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin tuyên truyền và thể dục - thể thao trên địa bàn được duy trì và phát triển, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần của Nhân dân. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được triển khai gắn với xây dựng đô thị văn minh và khu dân cư văn hóa.

Hệ thống thiết chế văn hóa, truyền thanh cơ sở từng bước được đầu tư, nâng cấp; công tác thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh được thực hiện thường xuyên.

Phong trào thể dục - thể thao quần chúng phát triển khá rộng khắp; các hoạt động giao lưu, hội thao, giải thể thao được tổ chức định kỳ, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, tăng cường đoàn kết cộng đồng dân cư.

d) Lao động - Thương binh và Xã hội

Công tác lao động, việc làm, an sinh xã hội và chăm lo các đối tượng chính sách được quan tâm thực hiện. Các chương trình đào tạo nghề, giải quyết việc làm và hỗ trợ sinh kế cho người dân từng bước phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững.

Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn còn khoảng 0,627%, thấp hơn mức bình quân của tỉnh. Các chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định.

Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống các tệ nạn xã hội được tăng cường; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên.

đ) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn cơ bản ổn định, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân được bảo đảm. Các cơ sở tôn giáo hoạt động bình thường, góp phần cùng địa phương thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động an sinh xã hội và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện chặt chẽ; tình hình an ninh, trật tự liên quan đến tôn giáo cơ bản ổn định.

Địa phương có nhiều thành phần dân cư cùng sinh sống, đoàn kết, gắn bó, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát huy bản sắc văn hóa địa phương.

1.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Nhà ở dân cư trên địa bàn xã Sông Đốc phát triển tương đối ổn định, phù hợp với quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế biển. Các khu dân cư tập trung chủ yếu dọc theo các tuyến giao thông chính, khu vực ven sông, ven biển và trung tâm thương mại - dịch vụ.

Tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố ngày càng tăng, hiện có khoảng 8.351 nhà kiên cố và bán kiên cố, đạt tỷ lệ khoảng trên 80%; điều kiện sinh hoạt của người dân từng bước được cải thiện. Hệ thống điện, nước sinh hoạt, thông tin liên lạc cơ bản đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Công tác quản lý trật tự xây dựng, phát triển nhà ở và chỉnh trang đô thị từng bước được tăng cường theo định hướng phát triển đô thị ven biển.

b) Công trình cơ quan hành chính

Hệ thống trụ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các công trình phục vụ hoạt động quản lý nhà nước cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay. Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội được bố trí tập trung, thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân.

Các công trình hành chính từng bước được đầu tư, sửa chữa, nâng cấp; hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số được quan tâm đầu tư, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương.

c) Công trình giáo dục

Trên địa bàn hiện có 14 trường công lập và 01 trường tư thục, gồm: 04 trường mầm non (trong đó có 01 trường tư thục), 07 trường tiểu học, 03 trường trung học cơ sở và 01 trường trung học phổ thông.

Cơ sở vật chất trường học từng bước được đầu tư theo hướng kiên cố hóa; phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trong điều kiện phát triển đô thị.

d) Công trình y tế

Hệ thống hạ tầng y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và nâng cấp. Hiện nay, trên địa bàn có 01 trạm y tế đạt chuẩn theo quy định, cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân.

Địa phương đang được xem xét đầu tư xây dựng bệnh viện công lập quy mô khoảng 100 giường bệnh nhằm đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng tăng của người dân khu vực ven biển phía Tây tỉnh Cà Mau. Khi hoàn thành, công trình sẽ góp phần nâng cao chất lượng hạ tầng xã hội, hoàn thiện tiêu chí đô thị và tăng cường khả năng cung ứng dịch vụ y tế cho khu vực.

đ) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục - thể thao từng bước được đầu tư, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện thể chất và tổ chức các hoạt động cộng đồng của Nhân dân.

Trên địa bàn có trung tâm văn hóa, sân thể thao và các điểm sinh hoạt cộng đồng phục vụ tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, hội họp và phong trào thể dục - thể thao quần chúng. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được duy trì gắn với xây dựng đô thị văn minh.

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống địa phương được quan tâm thực hiện; hoạt động thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội được duy trì thường xuyên.

e) Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn phát triển khá mạnh, phù hợp với vai trò là trung tâm kinh tế biển và đầu mối giao thương khu vực phía Tây tỉnh Cà Mau. Hệ thống chợ, cửa hàng kinh doanh, cơ sở dịch vụ, kho bãi, dịch vụ hậu cần nghề cá và vận tải thủy từng bước được mở rộng, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân.

Trên địa bàn hiện có khoảng 2.200 cơ sở sản xuất, kinh doanh và 262 doanh nghiệp đang hoạt động trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, chế biến thủy sản, vận tải, hậu cần nghề cá và xây dựng.

Các hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá, logistics thủy sản, cung ứng nhiên liệu, đá lạnh, kho lạnh và trung chuyển hàng hóa tiếp tục phát triển, góp phần hình thành mạng lưới dịch vụ phục vụ kinh tế biển của địa phương và khu vực lân cận.

Bên cạnh đó, địa phương có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm ven biển, du lịch cộng đồng và các loại hình dịch vụ gắn với văn hóa, đời sống cư dân vùng biển Tây; tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế dịch vụ và nâng cao giá trị khai thác không gian đô thị ven biển.

1.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Sông Đốc từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa. Địa bàn có vị trí kết nối thuận lợi với các tuyến giao thông quan trọng của tỉnh và khu vực, đặc biệt là hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy phục vụ phát triển kinh tế biển.

Mạng lưới giao thông đường bộ cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và kết nối liên vùng; nhiều tuyến đường trục chính, đường khu dân cư và các tuyến ven sông, ven biển được đầu tư nâng cấp, góp phần chỉnh trang đô thị và thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ.

Bên cạnh giao thông đường bộ, hệ thống giao thông thủy giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với hoạt động khai thác, vận tải và hậu cần nghề cá. Cửa sông Ông Đốc là tuyến giao thông thủy quan trọng, kết nối hoạt động vận tải biển, neo đậu tàu thuyền và giao thương hàng hóa trong khu vực.

Theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Cà Mau, đô thị Sông Đốc đã được công bố đạt tiêu chí đô thị loại III, tạo nền tảng quan trọng để tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị trong thời gian tới.

b) Thủy lợi

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, dân sinh và phòng, chống thiên tai. Các tuyến kênh, rạch tự nhiên kết hợp với hệ thống công trình thủy lợi hiện có góp phần phục vụ thoát nước, điều tiết nguồn nước và hỗ trợ hoạt động nuôi trồng thủy sản.

Địa phương thường xuyên thực hiện công tác duy tu, nạo vét các tuyến kênh, rạch nhằm bảo đảm lưu thông dòng chảy, hạn chế tình trạng ngập úng cục bộ trong mùa mưa và phục vụ sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân.

Với đặc điểm là đô thị ven biển, công tác quản lý thủy lợi gắn với phòng, chống sạt lở bờ sông, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và xâm nhập mặn tiếp tục được quan tâm thực hiện.

c) Cấp điện

Hệ thống cung cấp điện trên địa bàn được đầu tư tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của Nhân dân và doanh nghiệp.

Hiện nay, tổng chiều dài đường dây trung thế đạt khoảng 183 km và đường dây hạ thế khoảng 248 km, phủ khắp các khu dân cư và khu vực sản xuất. Trên địa bàn có 01 trạm biến áp 110 kV với công suất 40 MVA, giữ vai trò nguồn cấp điện chính cho khu vực.

Hệ thống trạm biến áp phân phối gồm 405 trạm công cộng và chuyên dùng, với tổng công suất lắp đặt khoảng 70.055 kVA, cơ bản đáp ứng nhu cầu phụ tải điện phục vụ sinh hoạt, thương mại, dịch vụ và chế biến thủy sản.

Sản lượng điện tiêu thụ bình quân hằng năm đạt khoảng 123,09 triệu kWh; tổng số khách hàng sử dụng điện là 11.829 khách hàng, trong đó có 11.052 khách hàng hộ gia đình và 777 khách hàng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%; chất lượng điện năng cơ bản ổn định, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tiêu chí hạ tầng đô thị.

d) Cấp nước

Hệ thống cấp nước sinh hoạt từng bước được đầu tư mở rộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của Nhân dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Nguồn nước phục vụ sinh hoạt được cung cấp thông qua hệ thống cấp nước tập trung kết hợp các hình thức khai thác nước hợp pháp khác. Toàn xã có 6.104 hộ dân sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung, còn lại sử dụng nước từ giếng khoan, hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%.

Công tác quản lý, vận hành và duy tu hệ thống cấp nước được quan tâm thực hiện nhằm bảo đảm cung cấp nước ổn định, phục vụ quá trình phát triển đô thị và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Hệ thống thoát nước trên địa bàn chủ yếu là hệ thống thoát nước tự nhiên kết hợp các tuyến cống, kênh thoát nước hiện có, cơ bản đáp ứng yêu cầu tiêu thoát nước khu vực dân cư và các tuyến giao thông chính.

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt được tổ chức thực hiện thường xuyên. Khối lượng rác thải sinh hoạt được thu gom khoảng 15 - 20

tấn/ngày; hiện đang tổ chức thu gom tại khoảng 2.144 hộ dân, tập trung tại các khu dân cư, chợ và các tuyến giao thông chính.

Hoạt động thu gom rác thải do Hợp tác xã Phong Phú thực hiện với khoảng 15 công nhân; công tác vệ sinh môi trường cơ bản được duy trì ổn định.

Trên địa bàn hiện có 01 bãi rác tạm với diện tích khoảng 13.000 m², sức chứa khoảng 4.500 tấn và 02 điểm trung chuyển rác thải phục vụ công tác thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh cơ bản thực hiện đăng ký môi trường theo quy định; một số điểm ô nhiễm môi trường tồn đọng từng bước được xử lý.

Trong thời gian tới, địa phương tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống thoát nước, tăng cường quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường và nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với đô thị ven biển.

1.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Tình hình quốc phòng, an ninh

Xã Sông Đốc là địa bàn ven biển có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh trên tuyến biển Tây của tỉnh Cà Mau; đồng thời là trung tâm khai thác, hậu cần nghề cá và giao thương biển của khu vực phía Tây tỉnh. Do đó, công tác quốc phòng, an ninh luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố, xây dựng vững chắc; công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ được thực hiện đúng quy định. Công tác phối hợp giữa các lực lượng trong quản lý địa bàn, quản lý hoạt động trên biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo và phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU) được tăng cường.

Tình hình an ninh chính trị, an ninh biên giới biển, an ninh kinh tế, an ninh tôn giáo và an ninh trong Nhân dân cơ bản ổn định; không phát sinh các vụ việc phức tạp ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự trên địa bàn.

b) Tình hình trật tự an toàn xã hội

Công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội được triển khai đồng bộ; các lực lượng chức năng thường xuyên tăng cường tuần tra, kiểm soát, chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và vi phạm pháp luật.

Tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội cơ bản được kiểm soát; công tác phòng, chống tội phạm, ma túy, cờ bạc, tín dụng đen và các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn được quan tâm thực hiện. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong Nhân dân.

Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông được tăng cường; tình hình tai nạn giao thông từng bước được kiềm chế. Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được triển khai theo quy định; thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra

các cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại do sự cố xảy ra.

Nhìn chung, tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Sông Đốc cơ bản ổn định, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đô thị và bảo đảm đời sống bình yên cho Nhân dân.

1.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

Đảng bộ xã Sông Đốc được tổ chức và hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức Đảng tiếp tục được kiện toàn theo hướng tinh gọn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu. Hiện nay, Ban Chấp hành Đảng bộ xã có 25/27 ủy viên, Ban Thường vụ Đảng ủy xã có 07/07 ủy viên; tổng biên chế Đảng ủy xã hiện có 17 đồng chí; đã thành lập Văn phòng Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy (mỗi cơ quan 05 đồng chí).

Đảng ủy xã thực hiện tốt vai trò lãnh đạo toàn diện đối với hệ thống chính trị; tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị và công tác xây dựng Đảng trên địa bàn.

Công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức cán bộ, kiểm tra, giám sát, dân vận và xây dựng tổ chức cơ sở đảng được triển khai thường xuyên; năng lực lãnh đạo, điều hành và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu quản lý địa bàn đô thị ven biển trong tình hình mới.

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã được tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật; thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn.

Hội đồng nhân dân xã phát huy vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương; thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng và giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện nghị quyết trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân xã thực hiện tốt chức năng quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và cung ứng dịch vụ công cho Nhân dân. Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, giải quyết thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân được quan tâm thực hiện.

Trong điều kiện quy mô dân số lớn, tốc độ đô thị hóa nhanh và hoạt động kinh tế biển phát triển mạnh, yêu cầu nâng cao năng lực quản trị đô thị, quản lý đất đai, xây dựng, môi trường và trật tự đô thị ngày càng cao, đặt ra yêu cầu tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền đô thị sau khi thành lập phường.

c) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội được tổ chức, hoạt động theo đúng quy định; phát huy vai trò tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Các phong trào thi đua yêu nước, vận động xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển kinh tế được triển khai thường xuyên, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và tuyên truyền, vận động Nhân dân đồng thuận thực hiện chủ trương thành lập phường được tăng cường, tạo sự thống nhất trong hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư.

d) Cán bộ, công chức cấp xã

Đội ngũ cán bộ, công chức xã cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân trên địa bàn.

Tổng số cán bộ, công chức của xã hiện có 73 người; trong đó:

- Cán bộ: 24 người;
- Công chức: 44 người;
- Viên chức: 5 người;
- Người hoạt động không chuyên trách: 21 người.

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị của cán bộ, công chức đạt và trên chuẩn; năng lực thực tiễn của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được nâng lên; đa số đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức được thực hiện theo quy định và phù hợp với yêu cầu tổ chức bộ máy sau sắp xếp đơn vị hành chính. Tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân và kỷ luật, kỷ cương hành chính tiếp tục được tăng cường.

Tuy nhiên, trong điều kiện phát triển đô thị và yêu cầu quản lý địa bàn ngày càng cao, nhất là trong các lĩnh vực quản lý đô thị, đất đai, xây dựng, môi trường, chuyển đổi số và cải cách hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức cần tiếp tục được đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản trị và khả năng thích ứng với mô hình chính quyền đô thị.

2. Xã Năm Căn

2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò, chức năng

a) Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Năm Căn thuộc tỉnh Cà Mau, được hình thành trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hàng Vịnh và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hàm Rồng, thị trấn Năm Căn theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

Xã có diện tích tự nhiên 70,21 km², nằm ở khu vực ven biển phía Nam tỉnh Cà Mau, thuộc không gian phát triển của Khu kinh tế Năm Căn; có vị trí thuận lợi trong phát triển kinh tế biển, thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến thủy sản và giao thương liên vùng.

Ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Quách Phẩm và xã Tam Giang;
- Phía Tây giáp xã Đất Mới;
- Phía Nam giáp xã Tân Ân, ranh giới tự nhiên là sông Cửa Lớn;
- Phía Bắc giáp xã Cái Nước.

b) Vai trò, chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Năm Căn được xác định là đô thị động lực của tỉnh, có vai trò là trung tâm của Khu kinh tế Năm Căn, là cực tăng trưởng quan trọng của tỉnh Cà Mau và là một trong những địa bàn trọng điểm trong chiến lược phát triển kinh tế biển quốc gia. Với vị trí nằm trên hành lang phát triển kinh tế biển phía Nam, gắn với hệ thống cảng biển, khu công nghiệp, dịch vụ logistics và các dự án hạ tầng chiến lược, Năm Căn được ưu tiên đầu tư phát triển trở thành trung tâm kinh tế biển tổng hợp, đóng vai trò động lực tăng trưởng của tỉnh trong giai đoạn tới.

Đô thị Năm Căn có chức năng là trung tâm tổng hợp về công nghiệp, thương mại, dịch vụ, logistics, cảng biển và kinh tế biển của tỉnh và vùng ĐBSCL; đồng thời là đầu mối kết nối các hoạt động sản xuất, chế biến, xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ hậu cần và các ngành kinh tế biển của tỉnh. Với vị trí là trung tâm của Khu kinh tế Năm Căn và là cửa ngõ hướng biển quan trọng của tỉnh Cà Mau, Năm Căn giữ vai trò là hạt nhân phát triển của tiểu vùng phía Nam, đồng thời là một trong những cực tăng trưởng quan trọng trong mô hình phát triển không gian của tỉnh.

Bên cạnh vai trò là trung tâm kinh tế biển tổng hợp, Năm Căn còn giữ vị trí chiến lược trong mạng lưới liên kết vùng và kết nối hệ thống đô thị của tỉnh. Thông qua Quốc lộ 1, các tuyến giao thông trục Bắc - Nam, tuyến cao tốc Cà Mau - Đất Mũi theo quy hoạch, tuyến đường Hồ Chí Minh và hệ thống giao thông đường thủy, Năm Căn kết nối thuận lợi với đô thị trung tâm Cà Mau, Cái Nước, Đất Mũi và các trung tâm kinh tế, đô thị quan trọng khác của tỉnh. Đồng thời, với vai trò là trung tâm của Khu kinh tế Năm Căn, địa phương là đầu mối liên kết giữa các không gian phát triển công nghiệp, cảng biển, logistics, năng lượng và kinh tế biển của tỉnh với các hành lang kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long và khu vực biển Tây Nam.

Thông qua các hoạt động công nghiệp, cảng biển, logistics, thương mại, dịch vụ và kinh tế biển, Năm Căn có tác động lan tỏa mạnh mẽ đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, phát triển đô thị và mở rộng không gian phát triển về phía Nam của tỉnh. Cùng với Sông Đốc ở phía Tây và Gành Hào ở phía Đông, Năm Căn giữ vai trò là một trong những cực phát triển quan trọng của tỉnh Cà Mau, góp phần tăng cường liên kết vùng, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của toàn tỉnh.

2.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Tổng diện tích tự nhiên của xã Năm Căn là 70,21 km², tương đương 7.021,48 ha.

b) Cơ cấu các loại đất

Bảng thống kê diện tích theo mục đích sử dụng:

(Đơn vị tính: ha)

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng diện tích		7.021,48	100,00
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	5.924,69	84,38
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	176,83	2,52
1.1	Đất trồng lúa	LUA		
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC		
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK		
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	176,83	2,52
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	312,40	4,45
3	Đất lâm nghiệp	LNP		
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD		
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH		
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX		
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5.435,44	77,41
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT		
6	Đất làm muối	LMU		
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,02	0,00
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	1.069,08	15,23
1	Đất ở	OTC	129,73	1,85
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	74,34	1,06
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	55,38	0,79
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,79	0,11
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	59,12	0,84

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
3.1	Đất quốc phòng	CQP	50,05	0,71
3.2	Đất an ninh	CAN	9,08	0,13
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	21,44	0,31
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,35	0,05
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH		
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,78	0,05
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	13,31	0,19
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT		
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT		
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	0,97	0,01
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,03	0,00
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	42,55	0,61
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC		
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK		
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN		
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	3,53	0,05
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	39,02	0,56
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	195,15	2,78
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	179,18	2,55
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	9,94	0,14
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,32	0,01
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	1,91	0,03
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,41	0,01
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA		

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,37	0,02
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,47	0,01
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,94	0,01
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,61	0,01
7	Đất tôn giáo	TON	0,39	0,01
8	Đất tín ngưỡng	TIN	0,09	0,00
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	4,02	0,06
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	608,81	8,67
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	3,40	0,05
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	605,40	8,62
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	27,71	0,39
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	27,71	0,39
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS		
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
4	Núi đá không có rừng cây	NCS		
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS		

Cơ cấu sử dụng đất của xã cơ bản phù hợp với đặc điểm kinh tế ven biển, trong đó đất nuôi trồng thủy sản chiếm tỷ lệ lớn, phản ánh rõ vai trò kinh tế thủy sản trong cơ cấu phát triển của địa phương.

2.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Xã Năm Căn có quy mô dân số 31.170 người, mật độ dân số khoảng 443 người/km². Dân cư phân bố tương đối tập trung tại khu vực trung tâm xã, ven các tuyến giao thông và dọc theo hệ thống sông, kênh, rạch; từng bước hình thành

không gian dân cư mang đặc điểm đô thị, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại, dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật.

b) Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động trên địa bàn xã chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng lao động phi nông nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 81,36%, tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến thủy sản, vận tải, xây dựng và các ngành nghề phi nông nghiệp khác.

Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chủ yếu hoạt động trong nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản và một số mô hình sản xuất nhỏ, góp phần ổn định sinh kế và phát triển kinh tế hộ gia đình.

c) Thành phần dân cư

Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu là dân tộc Kinh; ngoài ra còn có các dân tộc Hoa, Khmer và một số dân tộc khác cùng sinh sống ổn định. Đồng bào các dân tộc luôn phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc tại địa phương.

2.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế của xã Năm Căn tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng khu vực nông nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển đô thị và điều kiện thực tế của địa phương.

Năm 2025, tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ chiếm khoảng 72,6% cơ cấu kinh tế; thu nhập bình quân đầu người đạt 85,30 triệu đồng/người/năm. Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tiếp tục duy trì ổn định; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được đầu tư, nâng cấp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

+ Hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã tiếp tục duy trì và phát triển ổn định, chủ yếu tập trung ở lĩnh vực nuôi trồng, sơ chế, chế biến thủy sản và các ngành nghề phục vụ sản xuất, kinh doanh tại địa phương. Trong đó, nuôi trồng và chế biến thủy sản tiếp tục là lĩnh vực sản xuất chủ lực, góp phần giải quyết việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế của xã.

+ Công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật được quan tâm triển khai thực hiện; hệ thống giao thông, điện, chiếu sáng công cộng, cấp nước sinh hoạt và các công trình hạ tầng phục vụ dân sinh từng bước được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và chỉnh trang đô thị.

- Về thương mại - dịch vụ:

+ Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển khá; mạng lưới cơ sở sản xuất, kinh doanh từng bước được mở rộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu mua bán, tiêu dùng và phục vụ sản xuất của Nhân dân. Các lĩnh vực vận tải, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hậu cần nghề cá, ăn uống, lưu trú và các loại hình dịch vụ dân sinh tiếp tục phát triển, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết việc làm tại địa phương.

+ Thị trường hàng hóa cơ bản ổn định, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được bảo đảm; công tác quản lý thị trường, kiểm tra an toàn thực phẩm, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tiếp tục được tăng cường thực hiện.

- Về sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:

+ Kinh tế thủy sản tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong cơ cấu kinh tế của xã; hoạt động nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản phát triển tương đối ổn định. Các mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến, quảng canh cải tiến kết hợp và nuôi tôm siêu thâm canh tiếp tục được duy trì, mở rộng theo hướng ứng dụng khoa học, kỹ thuật, góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân.

+ Công tác quản lý, phòng, chống dịch bệnh trên thủy sản được quan tâm thực hiện; hoạt động cung ứng giống, vật tư phục vụ sản xuất cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân. Đồng thời, địa phương tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các quy định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tăng cường phòng, chống khai thác thủy sản có tính hủy diệt và khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm đầu tư; mạng lưới trường, lớp trên địa bàn xã từng bước được củng cố, phát triển theo hướng đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân. Đến năm 2025, toàn xã có 11 cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 03 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Chất lượng dạy và học từng bước được nâng lên; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập tiếp tục được đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn.

b) Y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm thực hiện; hệ thống y tế cơ bản đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân. Trên địa bàn xã có 01 Trạm Y tế đạt chuẩn quốc gia và Bệnh viện Đa khoa Năm Căn hạng II với quy mô 240 giường bệnh, góp phần đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân trong và ngoài địa bàn. Công tác phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêm chủng mở rộng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng được triển khai thực hiện thường xuyên, hiệu quả.

c) Văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin tuyên truyền, thể dục - thể thao tiếp tục được duy trì và phát triển; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai sâu rộng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong cộng đồng dân cư.

Công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa được quan tâm thực hiện. Trên địa bàn xã có Cụm di tích Ban Ân lụt đặc biệt Nam Bộ được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích quốc gia, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng và phục vụ phát triển văn hóa, du lịch của địa phương.

d) Lao động - Thương binh và Xã hội

Công tác an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo, chăm lo gia đình chính sách, người có công với cách mạng và các đối tượng bảo trợ xã hội được triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định. Các chính sách hỗ trợ người dân được quan tâm thực hiện đồng bộ, góp phần ổn định đời sống Nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn. Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm còn 0,56%.

đ) Công tác tôn giáo, tín ngưỡng và dân tộc

Các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã diễn ra ổn định, đúng quy định của pháp luật; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân được bảo đảm. Công tác dân tộc được quan tâm thực hiện; khôi đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố và phát huy, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Nhà ở dân cư trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân; chất lượng nhà ở từng bước được nâng lên, tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố ngày càng tăng. Công tác chỉnh trang khu dân cư, phát triển nhà ở gắn với định hướng phát triển đô thị tiếp tục được quan tâm thực hiện, góp phần cải thiện điều kiện sống, diện mạo đô thị và cảnh quan môi trường trên địa bàn xã.

b) Công trình cơ quan hành chính

Hệ thống trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được quan tâm đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp; cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ Nhân dân trong tình hình mới.

c) Công trình giáo dục

Hệ thống trường học trên địa bàn được bố trí tương đối hợp lý, phù hợp với quy mô dân cư và nhu cầu học tập của người dân. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học tiếp tục được quan tâm đầu tư nâng cấp; nhiều trường học được xây dựng khang trang, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng dạy, học trên địa bàn xã.

d) Công trình y tế

Hệ thống cơ sở y tế tiếp tục được quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực. Trạm Y tế xã và Bệnh viện Đa khoa Năm Căn cơ bản đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; góp phần nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cộng đồng trên địa bàn.

đ) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục - thể thao cơ sở từng bước được đầu tư hoàn thiện; các nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, sân bãi thể thao cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, luyện tập thể dục - thể thao của Nhân dân. Các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng tiếp tục được duy trì và phát triển, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

e) Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

Hệ thống cơ sở thương mại, dịch vụ trên địa bàn tiếp tục phát triển, tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm xã, các tuyến giao thông chính và khu vực dân cư tập trung. Các loại hình dịch vụ thương mại, ăn uống, lưu trú, vận tải và dịch vụ hậu cần nghề cá từng bước được mở rộng, đáp ứng nhu cầu giao thương, tiêu dùng và phục vụ sản xuất của Nhân dân. Đồng thời, địa phương từng bước hình thành các điểm dịch vụ phục vụ phát triển du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã.

2.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã gồm cả đường bộ và đường thủy, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và giao thương của Nhân dân. Các tuyến giao thông chính tiếp tục được quan tâm đầu tư nâng cấp, từng bước hoàn thiện theo hướng đồng bộ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và chỉnh trang đô thị.

Trên địa bàn có tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua, kết nối với tuyến cao tốc Cà Mau - Đất Mũi đang được đầu tư xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi trong liên kết vùng, lưu thông hàng hóa và phát triển thương mại, dịch vụ. Ngoài ra, xã có Bến xe Cái Nai phục vụ nhu cầu vận tải hành khách, giao thương hàng hóa và kết nối đi lại của người dân trong và ngoài địa phương.

b) Thủy lợi

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, nhất là nuôi trồng thủy sản, kết hợp phòng, chống thiên tai và điều tiết nguồn nước. Các tuyến kênh, rạch, cống và công trình thủy lợi thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng, góp phần bảo đảm ổn định sản xuất, bảo vệ môi trường và phục vụ đời sống của Nhân dân.

c) Cấp điện

Hệ thống điện lưới quốc gia được đầu tư phủ khắp địa bàn; 100% hộ dân được sử dụng điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Toàn xã hiện có trên 450 trạm biến áp, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của Nhân dân, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

d) Cấp nước

Hệ thống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn từng bước được đầu tư mở rộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của Nhân dân. Hiện nay, trên địa bàn có Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn thực hiện cấp nước tập trung; đồng thời có các công trình cấp nước sinh hoạt trước đây do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý, góp phần nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn theo quy định.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt được duy trì thực hiện thường xuyên; khối lượng rác thải thu gom trung bình khoảng từ 10 đến 12 tấn/ngày. Công tác vệ sinh môi trường, chỉnh trang cảnh quan và tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong Nhân dân tiếp tục được quan tâm thực hiện, góp phần cải thiện môi trường sống, nâng cao chất lượng đời sống dân cư và từng bước xây dựng diện mạo đô thị văn minh, xanh, sạch, đẹp.

2.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Tình hình quốc phòng, an ninh

Quốc phòng, an ninh trên địa bàn xã tiếp tục được giữ vững; công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được quan tâm củng cố và tăng cường. Các lực lượng vũ trang duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm chắc tình hình, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ chủ quyền vùng biển.

Xã Năm Căn là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển. Trên địa bàn có các đơn vị lực lượng vũ trang đóng quân, gồm: Hải đoàn 42 thuộc Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4; Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Cảng Năm Căn; Lữ đoàn 175 thuộc Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân; Trung tâm Bảo đảm Kỹ thuật - Hậu cần thuộc Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân. Sự hiện diện của các đơn vị lực lượng vũ trang đã góp phần quan trọng trong giữ vững quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo và tạo môi trường ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

b) Tình hình trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định; công tác phòng, chống tội phạm, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm trật tự an toàn giao thông được tăng cường thực hiện. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và giữ gìn an ninh, trật tự tại địa phương.

2.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

Đảng bộ xã Năm Căn được tổ chức và hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng; phát huy vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo toàn diện đối với hệ thống chính trị và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Công tác xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị tiếp tục được quan tâm thực hiện; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng từng bước được nâng lên.

Tổ chức bộ máy khối Đảng được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Đảng đối với hoạt động của chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Biên chế khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được giao là 42 biên chế, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương trong giai đoạn hiện nay.

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Năm Căn được tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và các quy định của pháp luật có liên quan. Bộ máy chính quyền địa phương từng bước được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương tiếp tục được đổi mới theo hướng công khai, minh bạch, sát cơ sở; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ Nhân dân ngày càng được nâng lên. Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, giải quyết thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành được quan tâm thực hiện đồng bộ; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến toàn trình và tỷ lệ văn bản điện tử ký số, gửi trên môi trường mạng đạt cao, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức và hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương.

c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Năm Căn và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả; phát huy tốt vai trò tập hợp, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương.

Các cuộc vận động, phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh xã hội được triển khai đồng bộ, thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền tiếp tục được quan tâm thực hiện; vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân ngày càng được phát huy, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

d) Đội ngũ cán bộ, công chức

Tổng số cán bộ, công chức của xã Năm Căn hiện nay là 88 người; trong đó, khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có 40 người, khối chính quyền có 48 người. Đội ngũ cán bộ, công chức cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác quản lý nhà nước tại địa phương; có phẩm chất chính trị, đạo đức, tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tiếp tục được quan tâm thực hiện; năng lực tham mưu, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ từng bước được nâng lên. Tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân, kỷ luật, kỷ cương hành chính và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực thi công vụ có nhiều chuyển biến tích cực, đáp ứng yêu cầu hoạt động của chính quyền địa phương theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

3. Xã Gành Hào

3.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò, chức năng

a) Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Gành Hào thuộc tỉnh Cà Mau, được hình thành trên cơ sở sáp nhập thị trấn Gành Hào và xã Long Điền Tây theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

Xã có diện tích tự nhiên 89,22 km², nằm ở khu vực nằm ở khu vực ven biển phía Đông tỉnh Cà Mau. Ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp: Xã Long Điền;
- Phía Tây giáp: Xã Tân Thuận;
- Phía Nam giáp: Biển Đông;
- Phía Bắc giáp: xã An Trạch và xã Định Thành.

b) Vai trò, chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Gành Hào được xác định là đô thị trung tâm tiểu vùng phía Đông Bắc của tỉnh, thuộc chuỗi đô thị ven biển Gành Hào - Sông Đốc được ưu tiên phát triển trở thành cực động lực kinh tế biển của tỉnh Cà Mau. Với vị trí là cửa biển quan trọng trên tuyến ven biển phía Đông, Gành Hào giữ vai trò là đầu mối kết nối không gian phát triển kinh tế biển của tỉnh với khu vực ven biển Đông

vùng Đồng bằng sông Cửu Long và là một trong những địa bàn trọng điểm để phát triển nhanh đô thị, kinh tế biển và năng lượng tái tạo.

Đô thị Gành Hào có chức năng là trung tâm chuyên ngành về kinh tế biển, khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, logistics thủy sản khu vực phía Đông; đồng thời là địa bàn quan trọng trong phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện gió ven biển và các ngành công nghiệp, dịch vụ gắn với kinh tế biển. Với lợi thế cửa biển lớn, hệ thống dịch vụ nghề cá phát triển, nguồn tài nguyên biển phong phú và vị trí thuận lợi trên hành lang kinh tế ven biển Đông, Gành Hào đóng vai trò là trung tâm tăng trưởng kinh tế biển của khu vực phía Đông tỉnh.

Là một trong những cực động lực phát triển của tỉnh, Gành Hào có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội không chỉ đối với tiểu vùng ven biển phía Đông mà còn đối với toàn tỉnh Cà Mau thông qua phát triển kinh tế biển, công nghiệp chế biến thủy sản, năng lượng tái tạo, dịch vụ hậu cần nghề cá và logistics. Đồng thời, đô thị Gành Hào góp phần mở rộng không gian phát triển hướng biển, tăng cường liên kết vùng, nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế biển và thực hiện mục tiêu đưa kinh tế biển trở thành động lực phát triển quan trọng của tỉnh Cà Mau.

3.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Diện tích tự nhiên: 89,22 km², tương đương 8.922,23 ha.

b) Cơ cấu các loại đất

Bảng thống kê diện tích theo mục đích sử dụng:

(Đơn vị tính: ha)

STT	Mục đích sử dụng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	8.922,23	100,00
I	Nhóm đất nông nghiệp	6.374,84	71,45
1	Đất trồng cây hằng năm	21,46	0,34
2	Đất trồng cây lâu năm	493,25	7,74
3	Đất lâm nghiệp	326,81	5,13
4	Đất nuôi trồng thủy sản	5.512,87	86,48
5	Đất chăn nuôi tập trung	0,00	0,00
6	Đất làm muối	19,70	0,31
7	Đất nông nghiệp khác	0,75	0,01
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	926,86	10,39
1	Đất ở	126,18	13,61

2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	10,71	1,16
3	Đất quốc phòng, an ninh	78,64	8,48
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	10,58	1,14
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	112,49	12,14
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	271,37	29,28
7	Đất tôn giáo	1,53	0,17
8	Đất tín ngưỡng	2,28	0,25
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	2,50	0,27
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	309,52	33,39
11	Đất phi nông nghiệp khác	1,05	0,11
III	Nhóm đất chưa sử dụng	1.620,53	18,16

3.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Theo số liệu quản lý dân cư, tổng dân số trên địa bàn xã Gành Hào là 31.829 người, trong đó:

- Dân số thường trú: 31.618 người;
- Dân số tạm trú: 211 người.
- Dân số khu vực đô thị: Khoảng 17.436 người.
- Tỷ lệ dân số đô thị: Khoảng 54,78%.
- Mật độ dân số: Khoảng 357 người/km².

b) Cơ cấu lao động

- Cơ cấu lao động của xã Gành Hào chuyển dịch mạnh theo hướng phi nông nghiệp, phù hợp với đặc điểm phát triển của đô thị ven biển gắn với kinh tế biển và dịch vụ đô thị.

- Đến cuối năm 2025, tổng số lao động trên địa bàn khoảng 17.255 người; trong đó lao động hoạt động trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, vận tải, chế biến thủy sản và tiểu thủ công nghiệp khoảng 12.121 người, chiếm tỷ lệ khoảng 70,24%.

- Lao động phi nông nghiệp tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực: Khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; Dịch vụ hậu cần nghề cá; Thương mại, dịch vụ và vận tải thủy; Công nghiệp chế biến; Xây dựng và các ngành nghề dịch vụ đô thị khác.

- Kinh tế biển tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế của địa phương. Hoạt động khai thác, chế biến thủy sản, thương mại, dịch

vụ và logistics thủy sản phát triển đã tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng đô thị.

c) Thành phần dân cư

- Dân cư trên địa bàn xã Gành Hào chủ yếu là dân tộc Kinh; Đồng bào các dân tộc luôn phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc tại địa phương.

- Hiện nay, dân cư tập trung chủ yếu tại các khu vực đô thị, trung tâm thương mại, khu vực Cảng cá, các tuyến giao thông chính và ven biển; dân cư khu vực còn lại phân bố tại các khu vực sản xuất, nuôi trồng thủy sản và các cụm dân cư ven tuyến giao thông nông thôn. Dân số xã Gành Hào hiện có 31.829 người; trong đó:

+ Dân số khu vực đô thị: Khoảng 17.436 người, chiếm tỷ lệ khoảng 54,78%.

+ Dân số khu vực ngoài đô thị: Khoảng 14.393 người, chiếm tỷ lệ khoảng 45,22%.

- Quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế biển đã thu hút lao động từ nhiều địa phương đến sinh sống, làm việc và kinh doanh, góp phần tạo nên tính đa dạng về ngành nghề, hoạt động kinh tế và thúc đẩy quá trình hình thành nếp sống đô thị trên địa bàn.

3.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Trong những năm qua, kinh tế xã Gành Hào tiếp tục duy trì tốc độ phát triển khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ và giảm dần tỷ trọng nông nghiệp; từng bước hình thành đặc trưng kinh tế đô thị ven biển gắn với kinh tế biển và dịch vụ hậu cần nghề cá.

Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của địa phương như sau:

- Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ đạt khoảng 71%.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt khoảng 70,24%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 90 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 0,58%.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2025 đạt khoảng 117.965 triệu đồng.

- Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt khoảng 89.204 tấn/năm (tôm, cua, cá các loại), đạt 101,4% kế hoạch.

- Về kinh tế hợp tác và hợp tác xã tiếp tục được củng cố và phát triển, xã có 03 hợp tác xã hoạt động hiệu quả.

- Trên địa bàn xã hiện có 16 sản phẩm đạt chuẩn OCOP 3 sao; (01 sản phẩm nước mắm của Công ty Vũ Võ và 15 sản phẩm chả các loại của công ty Trường Phúc). Các chủ thể tích cực tham gia trưng bày sản phẩm OCOP do tỉnh tổ chức.

Kinh tế biển tiếp tục giữ vai trò chủ lực và là động lực phát triển của địa phương; hoạt động thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá phát triển khá mạnh, góp phần thúc đẩy đô thị hóa, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

+ Công nghiệp - xây dựng trên địa bàn phát triển chủ yếu theo hướng công nghiệp chế biến thủy sản, cơ khí phục vụ nghề biển, sản xuất nước đá, đóng mới, sửa chữa tàu thuyền và các ngành nghề phục vụ hậu cần nghề cá.

+ Hiện nay, trên địa bàn đã hình thành nhiều cơ sở chế biến thủy sản, cơ sở cơ khí và các điểm thu mua, sơ chế thủy sản phục vụ hoạt động khai thác biển và tiêu thụ sản phẩm thủy sản trong khu vực.

+ Hoạt động xây dựng tiếp tục phát triển cùng với quá trình đô thị hóa; nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông, dân cư, thương mại và công trình công cộng được đầu tư xây dựng, góp phần từng bước hoàn thiện diện mạo đô thị ven biển.

- Về thương mại - dịch vụ:

+ Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Toàn xã có 157 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Thị trường hàng hóa cơ bản ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của Nhân dân; số lượng công ty, xí nghiệp lớn có điều kiện xuất hàng hóa trong, ngoài nước.

+ Về thương mại - dịch vụ: Toàn địa bàn có khoảng 800 cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ đang hoạt động khá ổn định với các ngành nghề chủ yếu như: Chế biến, thu mua thủy hải sản; sửa chữa đóng mới tàu cá; sản xuất nước đá; đồ gia dụng; vật tư xây dựng, dịch vụ ăn uống,... Ngoài ra trên địa bàn xã có 02 khu chợ và các cửa hàng tiện lợi, siêu thị Mini đang hoạt động tương đối ổn định, cơ bản đảm bảo phục vụ nhu cầu cần thiết cho người dân địa phương và các khu vực lân cận.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản:

+ Về khai thác thủy sản: Toàn xã có 320 tàu cá, với 218 phương tiện đủ điều kiện đánh bắt xa bờ, ngư dân khai thác sản lượng tương đối khá với 69.804 tấn (tôm, cua, cá các loại).

+ Về nuôi trồng thủy sản: Toàn xã có 5.512,87 ha diện tích đất nuôi trồng thủy sản, từ đầu năm đến nay tình hình nuôi trồng thủy sản ổn định, nông dân tập trung thu hoạch tôm, cua, cá đạt kích cỡ thương phẩm, với sản lượng ước đạt 19.400 tấn.

+ Trồng trọt và chăn nuôi: Diện tích trồng màu 10,1 ha, với sản lượng thu hoạch khoảng 98 tấn rau củ quả các loại. Tổng đàn gia súc, gia cầm 14.540 con.

Nhân dân thực hiện tốt công tác vệ sinh chuồng trại, tiêm ngừa các loại vắc xin phòng bệnh; tình hình dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm chưa xảy ra.

+ Lâm nghiệp, diêm nghiệp: Diện tích rừng phòng hộ 115,47 ha, thường xuyên phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng phòng hộ ven biển; Diện tích sản xuất muối vụ mùa 2024 - 2025 là 79,4 ha/19 hộ (trong đó có 44,7 ha sản xuất nước ót) tăng 44 ha/06 hộ. Sản lượng muối 464 tấn; 140 m³ nước ót.

+ Sản xuất giống: Toàn xã có 137 cơ sở sản xuất giống, sản xuất khoảng 10.907,7 triệu con giống, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân.

3.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Ngành giáo dục tiếp tục đổi mới công tác quản lý, phương pháp giảng dạy, phát triển đội ngũ giáo viên, tạo sự chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. Toàn xã có 06 trường học (*có 4 trường đạt chuẩn Quốc gia*), tổng số 95 lớp với 3.074 học sinh ở 03 cấp học (*THCS, Tiểu học và Mẫu giáo*). Công tác tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được thực hiện thường xuyên. Đồng thời, duy trì trường đạt chuẩn quốc gia, thực hiện kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục.

Tổ chức kiểm tra điều kiện bảo đảm cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà giáo, viên chức, người lao động trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

Tập trung nâng cao chất lượng dạy và học, chất lượng cán bộ quản lý và giáo viên; tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đổi mới nội dung chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo quy định; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, phát huy phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Vận động trẻ em trong độ tuổi lớp 1 đến trường và tỷ lệ học sinh hoàn thành tốt nghiệp tiểu học, trung học đạt 100%.

b) Y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, công tác phòng, chống dịch bệnh được quan tâm thường xuyên và ngày càng nâng cao về chất lượng. Phối hợp với Sở Y tế tổ chức tuyên truyền phòng, chống tệ nạn xã hội được 03 cuộc với trên 270 lượt người tham dự.

Tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết Trung thu và thành lập tổ kiểm tra về an toàn thực phẩm căn tin, bếp ăn tập thể các Trường học, quán ăn đường phố trên địa bàn xã. Phối hợp với Sở Y tế phát 200 suất quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (*chiều cao*) đạt 16%, đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã giao.

Chủ động thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn xã. Thường xuyên kiểm tra, đảm bảo an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc

thực phẩm trên địa bàn. Phối hợp với ngành chức năng trong việc kiểm tra, xử lý việc buôn bán thuốc giả, thực phẩm chức năng giả... trên địa bàn.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho Nhân dân. Tăng cường quản lý, kiểm tra hành nghề y, dược tư nhân trên địa bàn. Duy trì công tác phòng, chống dịch bệnh như: Sốt xuất huyết, sởi, tay chân miệng, thủy đậu...

c) Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao

Công tác thông tin, tuyên truyền được quan tâm thực hiện tốt. Công tác thông tin, tuyên truyền luôn bám sát nhiệm vụ chính trị của xã, tuyên truyền kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt là tuyên truyền về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các chủ trương, chính sách sắp xếp, tinh gọn bộ máy, công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội Đảng các cấp, kỷ niệm các ngày lễ lớn...

Triển khai thực hiện kế hoạch Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Đề nghị bình xét, công nhận các danh hiệu gia đình văn hóa, ấp văn hóa năm 2025, đến nay toàn xã có 6.020/6.661 hộ gia đình văn hóa (chiếm 90,38%).

Xây dựng kế hoạch thực hiện truyền thông, phổ biến nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành theo quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật và Kế hoạch thực hiện tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; Phối hợp thực hiện tuyên truyền các sự kiện lớn Đại hội thi đua yêu nước của tỉnh Cà Mau, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã.

Phối hợp các sở, ngành tỉnh tổ chức các hoạt động vui chơi, thông qua đó hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức quảng bá về tiềm năng, thế mạnh của xã.

Phối hợp với Thư viện tỉnh, tổ chức thành công xe ô tô lưu động đa phương tiện “*Ánh sáng tri thức*” phục vụ sách, báo năm 2025 tại Trường tiểu học Kim Sơn và Trường THCS Võ Thị Sáu. Chương trình đã thu hút hơn 1.000 em học sinh của 2 trường tham gia và Thư viện tỉnh trao tặng 200 phần quà cho các em. Có 87 lượt bạn đọc đến phòng đọc người lớn và thiếu nhi với 450 lượt sách được phục vụ bạn đọc.

d) Lao động - Thương binh và Xã hội

Công tác lao động, việc làm, an sinh xã hội và chăm lo các đối tượng chính sách được quan tâm thực hiện. Các chương trình đào tạo nghề, giải quyết việc làm và hỗ trợ sinh kế cho người dân từng bước phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững.

Triển khai xây dựng 77 căn nhà cho người có công, đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng 77 căn.

Giới thiệu việc làm trong và ngoài tỉnh 944 hồ sơ, đạt 100% chỉ tiêu giao.

Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống các tệ nạn xã hội được tăng cường; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên.

đ) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Công tác triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước cho đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo được quan tâm, thực hiện. Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong đồng bào dân tộc được ổn định; công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện theo quy định.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt đúng quy định của pháp luật. Quan tâm, chăm lo đồng bào dân tộc thiểu số, hỗ trợ sinh kế, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào, góp phần gìn giữ, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

3.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Đến cuối năm 2025, trên địa bàn Gành Hào có 90,07% (6.343/6.534 căn) nhà ở dân cư kiên cố và bán kiên cố. Ngoài ra, với sự vào cuộc quyết liệt của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương trong việc phân bổ kinh phí hỗ trợ và vận động xã hội hóa (chương trình xóa nhà dột nát, chương trình xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà vì người nghèo,...) đã hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn trên địa bàn xã xây dựng nhà ở ổn định, phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo bền vững.

b) Công trình cơ quan hành chính

Hệ thống công trình công cộng trên địa bàn xã, bao gồm trụ sở cơ quan, công trình giáo dục, y tế và các công trình dịch vụ công cộng, đã cơ bản đáp ứng yêu cầu làm việc và phục vụ nhân dân. Các công trình này đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành diện mạo không gian kiến trúc của khu trung tâm, góp phần tạo điểm nhấn cho khu vực trung tâm của xã.

Hệ thống công trình hành chính, trụ sở cơ quan (Đảng uỷ, HĐND - UBND - Ủy ban MTTQVN xã và các đơn vị liên quan) được tập trung tại khu trung tâm, có quy mô tương đối khang trang, tầng cao từ 2 đến 4 tầng, tạo điểm nhấn không gian.

c) Công trình giáo dục

Hệ thống giáo dục trên địa bàn Gành Hào tiếp tục được quan tâm đầu tư, cơ sở vật chất trường lớp từng bước được nâng cấp theo hướng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu dạy và học trong điều kiện phát triển đô thị. Mạng lưới trường lớp cơ bản được phân bố hợp lý, bảo đảm nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn và khu vực lân cận.

Hiện nay, trên địa bàn có 07 điểm trường, gồm: 02 trường Mẫu Giáo; 03 trường Tiểu học; 01 trường Trung học cơ sở; 01 trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy; tỷ lệ huy động học sinh đến trường đạt cao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của địa phương.

Cơ sở vật chất giáo dục được đầu tư tương đối hoàn chỉnh với hệ thống phòng học kiên cố, phòng chức năng, thư viện, sân chơi, bãi tập và các trang thiết bị phục vụ dạy học. Nhiều trường học được đầu tư xây dựng đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trong giai đoạn mới.

Theo định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giai đoạn 2026 - 2030, địa phương tiếp tục ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng giáo dục, bảo đảm đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh các cấp; phấn đấu duy trì và nâng cao tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, góp phần hoàn thiện tiêu chí hạ tầng xã hội của đô thị.

d) Công trình y tế

Hạ tầng y tế trên địa bàn xã Gành Hào tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong điều kiện phát triển đô thị và gia tăng dân số cơ học. Mạng lưới y tế cơ sở từng bước được củng cố, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn.

Hiện nay, hệ thống y tế được duy trì với 01 Trạm Y tế đạt chuẩn; bên cạnh đó trên địa bàn xã có Trung tâm y tế khu vực Đông Hải, với quy mô 110 giường góp phần hoàn thiện hệ thống y tế cơ sở theo hướng đồng bộ, nâng cao năng lực khám, chữa bệnh cho Nhân dân.

Ngoài ra, địa phương tiếp tục quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và chất lượng nguồn nhân lực ngành y tế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong thời gian tới.

Nhìn chung, hệ thống hạ tầng y tế trên địa bàn xã Gành Hào cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân, phù hợp với tiêu chí hạ tầng xã hội của đơn vị hành chính đô thị và định hướng thành lập phường trong giai đoạn hiện nay.

đ) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Trong những năm qua, được sự quan tâm của cấp trên cùng với sự nỗ lực của địa phương, hệ thống hạ tầng công trình văn hóa, thể dục - thể thao trên địa bàn xã Gành Hào từng bước được đầu tư xây dựng và nâng cấp, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, rèn luyện thể dục thể thao của Nhân dân.

Hiện nay, xã đã có các thiết chế văn hóa như nhà văn hóa xã, nhà sinh hoạt cộng đồng tại các ấp, khu thể dục - thể thao xã, sân bóng đá, sân bóng chuyền và các điểm sinh hoạt cộng đồng phục vụ người dân. Một số công trình được đầu tư khang trang, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hội họp, văn nghệ quần chúng, giao lưu thể thao và các phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

Trong thời gian tới, xã Gành Hào tiếp tục tranh thủ các nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng văn hóa, thể dục – thể thao theo hướng đồng bộ, hiện đại và phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Đồng thời tăng cường quản lý, khai thác hiệu quả các công trình hiện có nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa, rèn luyện sức khỏe của Nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng đời sống và xây dựng xã nông thôn mới phát triển bền vững.

e) Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

- Trên địa bàn xã Gành Hào hiện có 01 chợ và Trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi và các điểm buôn bán, cửa hàng tạp hóa, dịch vụ ăn uống và các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm xã.

- Ngoài ra, trên địa bàn xã Gành Hào có dự án Khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ thị trấn Gành Hào (nay là xã Gành Hào) với diện tích khoảng 82.424,6 m² (hơn 8,2 ha) là dự án đô thị có chức năng hỗn hợp, góp phần phát triển nhiều loại hình kinh tế - dịch vụ cho địa phương, cụ thể như:

+ Phát triển thương mại - dịch vụ, hình thành khu dân cư mới gắn với các hoạt động mua bán, kinh doanh, dịch vụ tổng hợp.

+ Phát triển nhà phố thương mại, tạo điều kiện cho người dân kinh doanh bán lẻ, ăn uống, lưu trú, văn phòng dịch vụ và các hoạt động thương mại khác.

+ Phát triển thị trường bất động sản và nhà ở đô thị, đáp ứng nhu cầu nhà ở, chỉnh trang và mở rộng không gian đô thị khu vực Gành Hào.

+ Phát triển dịch vụ vui chơi, giải trí và tiện ích đô thị như: công viên, khu sinh hoạt cộng đồng, khu thể dục thể thao, trung tâm thương mại và các tiện ích công cộng.

+ Góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa, xây dựng trung tâm dân cư hiện đại, nâng cao diện mạo đô thị và thu hút đầu tư vào địa phương.

- Bên cạnh đó, khu Dân cư tại ấp 3, xã Gành Hào góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và chỉnh trang đô thị, cụ thể như:

+ Phát triển khu dân cư tập trung, hiện đại, đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho người dân và phục vụ quá trình đô thị hóa của xã Gành Hào.

+ Góp phần phát triển thương mại - dịch vụ địa phương, tạo điều kiện hình thành các hoạt động kinh doanh như cửa hàng, ăn uống, dịch vụ dân sinh và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp.

+ Thúc đẩy phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội như giao thông, điện, nước, thoát nước, viễn thông và các công trình công cộng.

+ Góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng xã Gành Hào theo hướng đô thị văn minh, phát triển bền vững, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

* Đường tỉnh 02 tuyến: Dài khoảng 18,13 km; Bao gồm các tuyến:

- Đường Bộ Ven Biển (Gành Hào - ĐT.977): Dài khoảng 6,68 km;

- Đường ĐT.981B (Hộ Phòng - Gành Hào): Dài khoảng 11,45 km;

* Đường huyện (cũ) có: 02 Tuyến:

- Đường DH. 48 (Long Điền Đông - Long Điền Tây) (đoạn từ Huy Điền - kênh Xáng Hộ Phòng): Dài khoảng 6,26 km;

- Đường DH. 49 (Long Điền - Long Điền Tây), (Giáp Ranh xã Long Điền - Kênh Lầm Cháy): Dài khoảng 6,85 km.

* Đường giao thông xã: có 63 tuyến:

Ngoài ra còn có hệ thống giao thông nông thôn và hệ thống sông, kênh phục vụ giao thông thủy và sản xuất.

Nhìn chung, hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn xã Vĩnh Lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển đô thị của địa phương. Việc đầu tư hạ tầng giao thông đã góp phần thúc đẩy giao thương hàng hóa, phát triển thương mại, dịch vụ, mở rộng không gian đô thị và nâng cao đời sống Nhân dân.

b) Thủy lợi

Ngoài ra xã Gành Hào có bờ biển dài khoảng 9km, có cửa biển Gành Hào thông ra biển Đông, sông Gành Hào và kênh xáng Gành Hào - Hộ Phòng là 2 tuyến giao thủy chính và trên địa bàn xã có khoảng 36 tuyến kênh thủy lợi. thuận lợi cho giao thông đường biển và đường thủy nội địa.

c) Cấp điện

Hệ thống cung cấp điện trên địa bàn xã Gành Hào trong thời gian qua được quan tâm đầu tư, nâng cấp tương đối đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, thương mại và dịch vụ của Nhân dân và doanh nghiệp trên địa bàn. Hệ thống điện từng bước được hoàn thiện gắn với quá trình phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới và mở rộng không gian đô thị trung tâm Gành Hào.

Hệ thống điện chiếu sáng công cộng từng bước được đầu tư tại khu vực trung tâm đô thị, các tuyến đường chính và các khu dân cư tập trung. Nhiều tuyến giao thông đã được lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng; các tuyến đường dân cư nông thôn cơ bản được đầu tư hệ thống chiếu sáng phục vụ nhu cầu đi lại và bảo đảm an ninh trật tự.

Hạ tầng điện được phủ kín, với 100% hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia, toàn địa bàn có 111 trạm biến áp, bảo đảm cung cấp điện ổn định cho sinh hoạt và sản xuất.

d) Cấp nước

Hiện trạng xã Gành Hào sau khi sáp nhập, trên địa bàn xã hiện có 04 công trình hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung, gồm: Xã Long Điền Tây (cũ) có 03 công trình: Hệ thống cấp nước sạch ấp Thuận Điền, Hệ thống cấp nước sạch ấp Bình Điền và Công trình cấp nước sạch tập trung xã Long Điền Tây do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư, đang quản lý, vận hành phục vụ cấp nước sạch sinh hoạt ổn định cho nhân dân trong khu vực.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

*** Nước thải:**

+ Khu vực tập trung: Hệ thống thoát nước sinh hoạt chung với hệ thống thoát nước mưa (chủ yếu tại thị trấn Gành Hào cũ);

+ Đối với khu dân cư: dân cư bố trí công trình tự xử lý tại hộ gia đình bằng hầm tự hoại, hố ga lắng cặn sau đó chảy vào hệ thống thu gom, thoát nước thải khu vực;

+ Đối với cơ sở sản xuất - Kinh doanh và dịch vụ có hoạt động rác thải: Nước thải được xử lý theo đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

*** Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt:**

+ Công tác bảo vệ môi trường được chú trọng, rác thải sinh hoạt được thu gom thường xuyên với khối lượng khoảng 14 -15 tấn/ngày, từng bước cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường và nâng cao chất lượng sống đô thị.

+ Bãi xử lý rác thải Long Hà.

* Nghĩa trang: Chủ yếu an táng theo phong tục tập quán tại gia đình, tại xã Gành Hào có 1 nghĩa địa tập trung hiện hữu, diện tích 2,28 ha.

3.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Tình hình quốc phòng, an ninh

Xã Gành Hào là địa bàn ven biển có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh; đồng thời là trung tâm khai thác, hậu cần nghề cá và là đô thị cửa biển phía Đông của tỉnh. Do đó, công tác quốc phòng, an ninh luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố, xây dựng vững chắc; công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ được thực hiện đúng quy định. Công tác phối hợp giữa các lực lượng trong quản lý địa bàn, quản lý hoạt động trên biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo và phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU) được tăng cường.

Tình hình an ninh chính trị, an ninh biên giới biển, an ninh kinh tế, an ninh tôn giáo và an ninh trong Nhân dân tiếp tục được giữ vững; không phát sinh các vụ việc phức tạp ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự trên địa bàn.

b) Tình hình trật tự an toàn xã hội

Công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội được triển khai đồng bộ; các lực lượng chức năng thường xuyên tăng cường tuần tra, kiểm soát, chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và vi phạm pháp luật.

Tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội cơ bản được kiểm soát; công tác phòng, chống tội phạm, ma túy, cờ bạc, tín dụng đen và các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn được quan tâm thực hiện. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong Nhân dân.

Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông được tăng cường; tình hình tai nạn giao thông từng bước được kiềm chế. Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được triển khai theo quy định; thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại do sự cố xảy ra.

Nhìn chung, tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Gành Hào cơ bản ổn định, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

3.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

Đảng bộ xã được thành lập trên cơ sở sáp nhập các tổ chức đảng của các đơn vị hành chính trước đây theo chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp cơ sở. Hiện nay, Đảng bộ xã có 27 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, gồm 02 đảng bộ cơ sở, 13 chi bộ cơ sở và 13 chi bộ ấp; tổng số 671 đảng viên, trong đó có 263 đảng viên nữ, 23 đảng viên dự bị, 18 đảng viên dân tộc thiểu số, 02 đảng viên sinh hoạt tôn giáo.

Các chi bộ thực hiện sinh hoạt định kỳ theo quy định, triển khai các nội dung sinh hoạt gắn với nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã được kiện toàn theo quy định, thực hiện chức năng lãnh đạo toàn diện trên các lĩnh vực của địa phương. Các đồng chí trong Ban Chấp hành được phân công phụ trách tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện nhiệm vụ theo quy chế làm việc.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy được tổ chức theo quy định, bao gồm các bộ phận tham mưu về công tác tổ chức, kiểm tra, tuyên giáo, dân vận và các lĩnh vực khác. Các cơ quan này thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

Công tác sinh hoạt chi bộ được tổ chức theo định kỳ, nội dung sinh hoạt bao gồm việc triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và triển khai nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo.

Công tác phát triển đảng viên được thực hiện theo kế hoạch, thông qua việc tạo nguồn từ quần chúng ưu tú tại các khu dân cư, cơ quan, đơn vị và các tổ chức trên địa bàn. Việc kết nạp đảng viên được thực hiện theo quy trình, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Đảng.

Công tác quản lý đảng viên được thực hiện thông qua hệ thống tổ chức đảng, bao gồm việc theo dõi, đánh giá, phân loại đảng viên theo quy định. Các nội dung liên quan đến quản lý đảng viên được triển khai thông qua sinh hoạt chi bộ và các hoạt động của tổ chức đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát được triển khai theo chương trình, kế hoạch của Đảng ủy và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy. Các nội dung kiểm tra, giám sát được thực hiện đối với tổ chức đảng và đảng viên, bao gồm việc chấp hành các quy định của Đảng và việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Các hoạt động của tổ chức đảng trên địa bàn được triển khai gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Hội đồng nhân dân xã được tổ chức theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương theo thẩm quyền. Các kỳ họp Hội đồng nhân dân được tổ chức theo quy định, xem xét, thông qua các nghị quyết liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác.

Các đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo quy định, tham gia vào hoạt động của Hội đồng nhân dân và thực hiện nhiệm vụ đại biểu theo quy định. Các hoạt động tiếp xúc cử tri được tổ chức tại các ấp, phục vụ việc tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Ủy ban nhân dân xã được tổ chức theo quy định, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn. Các thành viên Ủy ban nhân dân được phân công phụ trách các lĩnh vực, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Có 03 cơ quan chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa – Xã hội) và Trung tâm Phục vụ hành chính công, được thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo phân công.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân xã được tổ chức thông qua việc ban hành các văn bản quản lý, triển khai các chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các nội dung quản lý nhà nước được triển khai tại các lĩnh vực trên địa bàn.

Công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định. Các thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý và trả kết quả cho người dân theo quy trình, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính tại địa phương.

c) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Từ ngày 01/7/2025, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo mô hình mới với nhiều thay đổi quan trọng. MTTQ có vai trò chủ trì, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc về tổ chức Đảng, chịu quản lý về biên chế và kinh phí thông qua MTTQ. Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã đồng thời là người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội xã, tạo sự thống nhất trong lãnh đạo và phối hợp hoạt động.

Về tổ chức bộ máy, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã có 51 ủy viên; cán bộ cơ quan MTTQ Việt Nam xã có 10 đồng chí. Trong đó Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã 05 đồng chí gồm (Chủ tịch Mặt trận, 04 Phó Chủ tịch là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên); 05 cán bộ, công chức giúp việc. Trưởng Ban Công tác Mặt trận ấp 13 đồng chí ở 13 ấp trên địa bàn xã, cơ cấu đủ thành phần, độ tuổi.

Các tổ chức Chính trị - xã hội xã tổ chức Đại hội sau Đại hội Đảng bộ và Đại hội MTTQ cùng cấp, bầu ra Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chủ tịch, Phó Chủ tịch để lãnh đạo hoạt động. Đối với các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, MTTQ đã phối hợp, hướng dẫn và UBND xã ra quyết định kiện toàn 05 hội.

Hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội có những thay đổi tích cực, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới đã đóng góp quan trọng vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; giám sát và phản biện xã hội và phát huy vai trò tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

d) Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng số cán bộ, công chức của xã hiện có là 68 người, trong đó:

- 15 cán bộ, công chức khối Đảng;
- 10 cán bộ, công chức khối MTTQVN, đoàn thể;
- 33 cán bộ, công chức khối chính quyền.

Trong điều kiện xã có quy mô diện tích lớn, dân số đông, phạm vi quản lý rộng và tốc độ phát triển nhanh, khối lượng công việc của đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng tăng, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng, đô thị, dân cư, an sinh xã hội và cải cách hành chính. Đội ngũ cán bộ, công chức được phân công thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực quản lý nhà nước; từng bước nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới.

Nhìn chung, tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của xã cơ bản ổn định, hoạt động theo quy định, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn; đồng thời, trong bối cảnh phát triển đô thị, yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức là hết sức cần thiết để đáp ứng yêu cầu quản lý trong thời gian tới.

4. Xã Hòa Bình

4.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

a) Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Hòa Bình được thành lập theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025, trên cơ sở sáp nhập thị trấn Hòa Bình, xã Vĩnh Mỹ A thuộc huyện Hòa Bình và xã Long Thạnh thuộc huyện Vĩnh Lợi.

Xã Hòa Bình có diện tích tự nhiên 114,79 km², nằm ở khu vực phía Bắc tỉnh Cà Mau; là địa bàn có vị trí thuận lợi về giao thông đường bộ và đường thủy, giữ vai trò là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ và giao thương của khu vực.

Ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp phường Bạc Liêu và xã Vĩnh Lợi;
- Phía Tây giáp xã Vĩnh Mỹ và xã Đông Hải;
- Phía Nam giáp xã Vĩnh Hậu;
- Phía Bắc giáp xã Châu Thới.

b) Vai trò chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Hòa Bình được xác định là đô thị hạt nhân của tiểu vùng phía Đông Bắc tỉnh, đồng thời là đô thị vệ tinh quan trọng của đô thị Bạc Liêu, thuộc không gian phát triển mở rộng của đô thị trung tâm tỉnh Cà Mau và giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa khu vực phía Bắc của tỉnh với các trung tâm kinh tế, đô thị quan trọng trong vùng. Với vị trí nằm trên Quốc lộ 1 và các tuyến giao thông liên vùng, địa phương có vị trí quan trọng trong tổ chức không gian phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại và dịch vụ của khu vực phía Bắc tỉnh.

Hòa Bình có chức năng là trung tâm thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến và hỗ trợ sản xuất cho khu vực phía Bắc; đồng thời là đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa và cung ứng các dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Với lợi thế nằm trong không gian phát triển của đô thị Bạc Liêu và trên hành lang giao thông chiến lược của tỉnh, địa phương có điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển các ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến và logistics, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực.

Đặc biệt, Hòa Bình có vị trí chiến lược trong mạng lưới liên kết vùng khi là đầu mối kết nối giữa đô thị Bạc Liêu với các địa phương Phước Long, Hồng Dân và khu vực ven biển Đông thông qua hệ thống giao thông gồm Quốc lộ 1, ĐT.987B, ĐT.979 (đường Vĩnh Mỹ - Phước Long - Ba Đình) và các tuyến kết nối liên vùng khác. Sự liên kết này góp phần hình thành không gian phát triển liên hoàn giữa đô thị, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và các vùng sản xuất trọng điểm của tỉnh; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, thu hút đầu tư và mở rộng không gian phát triển đô thị.

Với vị trí là đô thị vệ tinh của đô thị Bạc Liêu, là đầu mối kết nối giữa các trung tâm phát triển phía Bắc tỉnh và các hành lang giao thông chiến lược, Hòa Bình có vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực; góp phần tăng cường liên kết vùng, phát huy hiệu quả mạng lưới đô thị và tạo động lực phát triển cho khu vực phía Bắc tỉnh Cà Mau.

4.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Tổng diện tích tự nhiên của xã Hòa Bình là 114,79 km² (11.479 ha) địa bàn có hệ thống giao thông, thủy lợi và kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư đồng bộ, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong thời gian tới. Trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp là 103,79 km² (10.378,55 ha), chiếm 90,41%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp là 11,00 km² (1.100,45 ha), chiếm 9,59%;
- Diện tích đất chưa sử dụng là 0 km², chiếm 0%.

b) Cơ cấu các loại đất

Bảng thống kê diện tích theo mục đích sử dụng:

(Đơn vị tính: ha)

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		11.479,00	100,00
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	10.378,55	90,41
1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	3.759,03	32,75
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.746,01	32,63
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	13,02	0,11
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	863,97	7,53
3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5.755,55	50,14
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	1.100,45	9,59
1	Đất ở	OCT	319,38	2,78
2	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	27,27	0,24
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQP	30,37	0,26
4	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	10,57	0,09
5	Đất có mục đích công cộng	CCC	526,10	4,58

Qua thống kê cho thấy, quỹ đất phi nông nghiệp, đất ở, đất công cộng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn từng bước được mở rộng, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và định hướng thành lập Phường Hòa Bình trong thời gian tới.

4.3. Dân số, cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

- Tổng dân số: 66.237 người. Trong đó:
 - + Dân số thường trú: 66.001 người.

+ Dân số tạm trú: 236 người.

- Mật độ dân số: 577 người/km².

Dân cư phân bố tập trung chủ yếu dọc theo các tuyến giao thông chính như Quốc lộ 1 và các tuyến kênh rạch, đặc biệt là quanh khu vực trung tâm xã (khu vực ấp Thị Trấn A), hình thành nhiều khu dân cư kiểu mẫu, văn minh đặc trưng đô thị.

b) Cơ cấu lao động

Tổng dân số của xã Hòa Bình hiện nay là 66.237 người. Tổng số lao động đang làm việc là 39.500 người; trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp là 28.835 người, chiếm tỷ lệ 73%.

- Lao động nông nghiệp là 10.665 người, chiếm tỷ lệ 27%.

Cơ cấu lao động của địa phương đã chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng lao động phi nông nghiệp, phù hợp với quá trình đô thị hóa và định hướng phát triển Phường Hòa Bình trong thời gian tới.

c) Thành phần dân cư

Dân cư trên địa bàn xã Hòa Bình phân bố tương đối tập trung tại các khu dân cư ven các tuyến giao thông chính, khu vực trung tâm hành chính, thương mại và các khu dân cư phát triển theo định hướng đô thị.

Cộng đồng dân cư chủ yếu là dân tộc Kinh; ngoài ra còn có một bộ phận đồng bào Khmer và Hoa cùng sinh sống ổn định, đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Người dân trên địa bàn chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực: thương mại - dịch vụ; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; nuôi trồng, chế biến thủy sản; sản xuất nông nghiệp; vận tải và các ngành nghề khác.

Hiện nay, dân cư khu vực đô thị trên địa bàn xã là 37.159 người, chiếm 56,1% tổng dân số toàn xã; dân cư khu vực nông thôn là 29.078 người, chiếm 43,9%. Cơ cấu dân cư chuyển dịch theo hướng đô thị hóa, phù hợp với quá trình phát triển thương mại - dịch vụ, công nghiệp và mở rộng không gian đô thị của địa phương.

Mật độ dân cư tại khu vực trung tâm và các tuyến dân cư tập trung ngày càng cao; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên; trình độ dân trí, khả năng tiếp cận công nghệ thông tin và dịch vụ công trực tuyến ngày càng được cải thiện.

4.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tình hình kinh tế - xã hội của xã Hòa Bình tiếp tục phát triển ổn định; nhiều chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tổng sản phẩm trên địa bàn ước đạt 4.843 tỷ đồng, tăng 9,11% so cùng kỳ, cao hơn mức tăng trưởng bình quân chung của tỉnh.

Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 84,14 triệu đồng/người/năm; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện.

Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội được quan tâm thực hiện; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn còn khoảng 0,46%.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ; từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và xây dựng Phường Hòa Bình trong thời gian tới.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

Trong năm 2025, tình hình phát triển kinh tế của xã Hòa Bình tiếp tục duy trì ổn định và có bước tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng theo xu thế phát triển đô thị, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

Cơ cấu kinh tế của xã Hòa Bình tiếp tục chuyển dịch theo hướng đô thị hóa. Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ chiếm 82,31% cơ cấu kinh tế (công nghiệp - xây dựng chiếm 38,33%; thương mại - dịch vụ chiếm 43,98%), giữ vai trò chủ đạo và là động lực tăng trưởng của địa phương; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 17,69%.

- Về công nghiệp - xây dựng, địa phương tập trung phát triển các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, thủy sản, cơ khí nhỏ, xây dựng dân dụng và đầu tư hạ tầng kỹ thuật. Công tác xây dựng kết cấu hạ tầng tiếp tục được quan tâm thực hiện; nhiều công trình giao thông, trường học, cơ sở y tế, công trình công cộng được đầu tư, nâng cấp, góp phần chỉnh trang bộ mặt đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Về thương mại - dịch vụ, hoạt động mua bán, giao thương hàng hóa diễn ra khá sôi động; hệ thống chợ, cửa hàng kinh doanh, cơ sở dịch vụ, vận tải và dịch vụ dân sinh tiếp tục phát triển. Với lợi thế nằm trên trục Quốc lộ 1 và là khu vực trung tâm của địa phương, xã Hòa Bình từng bước hình thành các khu vực thương mại, dịch vụ tập trung, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân.

- Đối với lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, địa phương tiếp tục duy trì ổn định diện tích sản xuất lúa và nuôi trồng thủy sản; tập trung chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa sản xuất và các mô hình sản xuất thích ứng biến đổi khí hậu tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 đạt khoảng 84,14 triệu đồng/người/năm, vượt mức bình quân chung của tỉnh; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện. Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội được quan tâm thực hiện; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tiếp tục giảm qua từng năm.

4.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã tiếp tục được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; chất lượng dạy và học từng bước được nâng lên; cơ sở vật chất trường lớp tiếp tục được đầu tư theo hướng đạt chuẩn quốc gia.

Hiện nay, trên địa bàn xã có đầy đủ các bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông; ngoài hệ thống trường công lập còn có 01 trường mầm non tư thục và 02 trường trung học phổ thông đóng trên địa bàn xã, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân.

Tổng số học sinh toàn xã hiện nay khoảng 9.900 học sinh; trong đó: 1.333 học sinh mầm non; 3.617 học sinh tiểu học; 2.711 học sinh trung học cơ sở; còn lại là học sinh trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn.

Hiện nay, toàn xã có 12/12 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 100%; trong đó có 04 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Đồng thời, địa phương tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án dạy học 02 buổi/ngày, tổ chức bán trú, đầu tư hệ thống nước sạch và công trình vệ sinh trường học, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trong giai đoạn mới; từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ yêu cầu phát triển đô thị và xây dựng Phường Hòa Bình trong thời gian tới.

b) Y tế

Hạ tầng y tế trên địa bàn xã Hòa Bình tiếp tục được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong điều kiện phát triển đô thị. Hiện nay, địa phương có 01 Trạm Y tế chính, 02 điểm Trạm Y tế và 01 Bệnh viện đa khoa khu vực Hòa Bình với quy mô gần 200 giường bệnh, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân trên địa bàn và khu vực lân cận.

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm thực hiện; mạng lưới y tế cơ sở từng bước được củng cố; chất lượng khám, chữa bệnh ngày càng được nâng lên. Các cơ sở y tế trên địa bàn đã khám và điều trị cho hơn 199.705 lượt người, tăng 5,3% so cùng kỳ. Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 98,7%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 05 tuổi còn 8,6%.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt khoảng 99%; địa phương đang tiếp tục rà soát, bổ sung danh sách cấp miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định, phấn đấu đạt tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế 100% do xã thuộc vùng an toàn khu.

Đồng thời, địa phương tích cực triển khai thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế; hướng dẫn người dân tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID. Đến nay đã thực hiện tích hợp cho 3.634 người trong độ tuổi, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, theo dõi và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên nền tảng số.

Công tác phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện hiệu quả; trên địa bàn không ghi nhận trường hợp ngộ độc thực phẩm. Bên cạnh đó, địa phương tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sĩ; từng bước đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân và phục vụ mục tiêu phát triển Phường Hòa Bình trong thời gian tới.

c) Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được triển khai sâu rộng và đạt nhiều kết quả tích cực. Toàn xã hiện có 31/31 ấp đạt danh hiệu “Ấp văn hóa”; có 13.047/13.572 hộ gia đình được công nhận “Gia đình văn hóa”, đạt tỷ lệ 96,13%.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từng bước được đầu tư, nâng cấp; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của Nhân dân. Địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương với đông đảo người dân tham gia, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Hiện nay, địa phương đang hoàn thiện và chuẩn bị đưa vào sử dụng Nhà thi đấu đa năng xã Hòa Bình với quy mô, diện tích đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, hội nghị và sinh hoạt cộng đồng; góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng văn hóa - thể thao phục vụ mục tiêu phát triển đô thị trong thời gian tới.

Công tác thông tin, tuyên truyền và phát thanh được duy trì thường xuyên, bảo đảm kịp thời phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu tiếp cận thông tin của Nhân dân. Trung tâm Công ích xã thực hiện 365 chương trình thời sự địa phương trong năm, phát sóng hàng nghìn tin, bài với nhiều nội dung phong phú về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế - xã hội và các phong trào thi đua tại địa phương.

Địa phương hiện có hệ thống truyền thanh cơ sở phủ khắp địa bàn; đồng thời duy trì hoạt động xe tuyên truyền lưu động phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền tại các ấp, khu dân cư, nhất là trong các đợt cao điểm tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, cải cách hành chính, chuyển đổi số, phòng chống dịch bệnh và các ngày lễ lớn của đất nước, địa phương.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền trực quan, tuyên truyền lưu động, ứng dụng mạng xã hội và nền tảng số trong hoạt động thông tin, tuyên truyền tiếp tục được tăng cường; địa phương đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa cơ sở; từng bước xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, phù hợp với định hướng phát triển đô thị và xây dựng Phường Hòa Bình trong thời gian tới.

d) Lao động - Thương binh và Xã hội

Công tác an sinh xã hội, chăm lo người có công, giảm nghèo và giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện kịp thời, đúng quy định.

Toàn xã hiện có 1.061 đối tượng người có công; công tác thăm hỏi, chăm lo gia đình chính sách được thực hiện thường xuyên. Địa phương đã hoàn thành xây dựng, sửa chữa 53 căn nhà cho người có công và gia đình liệt sĩ, đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao.

Năm 2025, địa phương giải quyết việc làm cho 1.495 lao động, đạt 103% kế hoạch; đào tạo nghề cho 543 lao động; hoàn thành xây dựng mới 80 căn nhà cho hộ nghèo và hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở.

d) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng và dân tộc được thực hiện đúng quy định của pháp luật; các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn diễn ra ổn định, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng chính đáng của Nhân dân.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 1.831 hộ đồng bào dân tộc thiểu số với 7.599 người sinh sống ổn định, đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Toàn xã hiện có 21 cơ sở thờ tự với khoảng 11.239 tín đồ và phật tử; các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo được tổ chức đúng quy định pháp luật, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trên địa bàn.

Địa phương thường xuyên quan tâm thăm hỏi, hỗ trợ các cơ sở tôn giáo, chức sắc, chức việc; thực hiện tốt chính sách dân tộc, chính sách an sinh xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số; góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Hạ tầng nhà ở trên địa bàn đang trong quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, hình thành nhiều khu dân cư văn minh kiểu mẫu đặc trưng đô thị, tập trung chủ yếu dọc theo Quốc lộ 1, các tuyến kênh rạch và các khu vực trung tâm thị trấn, trung tâm xã (cũ). Hiện tại, địa phương đang và sẽ triển khai hàng loạt dự án phát triển đô thị, khu dân cư và nhà ở quy mô lớn như: Dự án Khu đô thị mới Hòa Bình tại ấp Thị trấn B (9,8 ha), Dự án Khu đô thị ven sông tại thị trấn A (2,63 ha), Khu đô thị mới Hòa Bình 2 (28 ha), Khu đô thị mới Hòa Bình 3 (50 ha) tại ấp Cái Tràm B, Dự án Khu đô thị F - Hòa Bình tại ấp Thị trấn A1 (khoảng 4,34 ha) và Dự án nhà ở xã hội tại ấp Chùa Phật (3,5 ha). Sự đầu tư đồng bộ này là nền tảng quan trọng giúp nâng cao chất lượng không gian sống và từng bước hoàn thiện hạ tầng nhà ở theo định hướng lên phường.

b) Công trình cơ quan hành chính

Hệ thống trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của xã hiện nay đang nằm tại vị trí dọc theo Quốc lộ 1 và Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu. Địa phương đang tận dụng lại các trục sở hiện trạng từ các cơ quan cấp huyện cũ và xã cũ, bao gồm các công trình tiêu biểu như:

- Trụ sở Huyện ủy Hòa Bình cũ tại ấp Thị trấn A1 với diện tích 9.272,5 m², nay là trụ sở Đảng ủy xã Hòa Bình.

- Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Hòa Bình cũ tại ấp Thị trấn A với diện tích 8.807,4 m², nay là trụ sở HĐND - UBND xã Hòa Bình.

- Trụ sở Tòa án nhân dân Hòa Bình cũ tại ấp Thị trấn A với diện tích 1.052, m², nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Cà Mau.

- Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Hòa Bình (cũ) tại ấp Thị trấn A1, nay là Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hòa Bình.

- Trụ sở Bảo hiểm xã hội (527,5 m²) và Chi cục thuế (1.162,1 m²).

- Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND các xã, thị trấn cũ, Công an và Ban chỉ huy quân sự xã và các trụ sở khác.

c) Công trình giáo dục

Mạng lưới công trình giáo dục trên địa bàn rất đa dạng với quy mô diện tích đất sử dụng lớn, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của nhân dân. Hệ thống cơ sở hạ tầng giáo dục bao gồm:

- bậc cao đẳng và nghề: Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu - cơ sở 2 tại ấp Cái Tràm A1 sở hữu diện tích lên tới 70.050 m²; Trung tâm hỗ trợ nông dân và giáo dục nghề nghiệp tại ấp Tân Long (10.975,3 m²) và Trung tâm Bồi dưỡng chính trị tại ấp Thị trấn A (5.720 m²).

- bậc trung học phổ thông và thường xuyên: Trường THPT Lê Thị Riêng tại ấp Thị trấn A (12.452,6 m²); Trường phổ thông dân tộc nội trú tại ấp Thị trấn A (17.107,7 m²) và Trung tâm giáo dục thường xuyên tại ấp B1 (3.925,8 m²).

- bậc trung học cơ sở và tiểu học: Gồm 09 trường và điểm trường công lập.

- bậc mầm non: Gồm 03 trường công lập và 01 trường tư thục.

d) Công trình y tế

Hạ tầng công trình y tế được đầu tư tương đối tập trung với cơ sở hạt nhân là Bệnh viện đa khoa khu vực Hòa Bình (cũ) có quy mô gần 200 giường bệnh, nay là Trung tâm Y tế Hòa Bình tại ấp Thị trấn B với quy mô diện tích đất là 19.793 m². Bên cạnh đó, mạng lưới y tế cơ sở còn có sự đóng góp hạ tầng từ các trạm y tế thuộc các xã cũ để lại nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận chăm sóc sức khỏe cho người dân ở các phân khu, tiêu biểu là Trạm Y tế thị trấn Hòa Bình cũ tại ấp Láng Giài, Trạm Y tế xã Vĩnh Mỹ A cũ tại ấp Xóm Lớn B và Trạm Y tế xã Long Thạnh cũ tại ấp Tân Long.

đ) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Các công trình văn hóa, thể thao cấp đô thị tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm xã bao gồm Công viên Hòa Bình với diện tích 1.609,5 m² và khu vực hoạt động ngoài trời tại xã tại ấp Thị trấn A có quy mô diện tích lớn lên đến 17.072 m². Để phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng tại các khu vực nông thôn và các vùng sáp nhập, địa phương duy trì hệ thống thiết chế văn hóa khá dày đặc bao gồm Trung tâm văn hóa xã Vĩnh Mỹ A cũ tại ấp Xóm Lớn B, Trung tâm văn hóa xã Long Thạnh cũ tại ấp Phước Thạnh 1, cùng với hơn 20 nhà văn hóa ấp phân bố rộng khắp tại các ấp như Huy Hết, Do Thới, Vĩnh Tiến, Vĩnh Thành, Tân Long, Tràm Một, Láng Giòn, Cái Tràm A1, Béc Hen Lớn, Béc Hen Nhỏ,...

e) Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

Mạng lưới công trình thương mại, dịch vụ trên địa bàn phát triển sôi động và rộng khắp, cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu mua bán vật tư sản xuất và hàng hóa tiêu dùng cho nhân dân. Cơ sở hạ tầng thương mại nổi bật với hệ thống các chợ đầu mối giao thương lớn bao gồm:

- Chợ Hòa Bình (chợ thị trấn cũ) tọa lạc tại ấp Thị trấn A với diện tích 2.601,6 m².
- Chợ Long Thạnh tọa lạc tại ấp Phước Thạnh 1 với diện tích 512,8 m².
- Chợ Cầu Sập tại ấp Tân Long với diện tích 430,7 m².
- Chợ Cái Tràm tại ấp Cái Tràm A1 với diện tích 559,5 m².

Về công trình phục vụ du lịch, mặc dù địa phương chưa hình thành các khu du lịch chuyên biệt quy mô lớn, nhưng xã Hòa Bình có nhiều tiềm năng nổi bật để phát triển du lịch văn hóa, lịch sử và tâm linh gắn với hệ thống di tích, cơ sở tín ngưỡng lâu đời mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương. Trên địa bàn hiện có 04 di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh gồm: Di tích lịch sử Đình Tân Long (ấp Tân Long), Di tích lịch sử Đình Vĩnh Mỹ (ấp Xóm Lớn), Di tích lịch sử - văn hóa Đình Bình An (ấp Láng Giài) và Di tích lịch sử - văn hóa Thành Hoàng Cổ Miếu (ấp Thị Trấn A). Đây là những công trình có giá trị lịch sử, văn hóa và kiến trúc đặc trưng, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Hòa Bình; đồng thời là nơi sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng quan trọng của Nhân dân địa phương qua nhiều thế hệ.

Ngoài ra, trên địa bàn còn có nhiều cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng tiêu biểu như Chùa Hòa Bình Cũ, Chùa Hòa Bình Mới, Chùa An Thạnh Linh,... tạo nên không gian văn hóa tâm linh phong phú, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Với lợi thế nằm trên trục Quốc lộ 1, kết nối thuận lợi cả đường bộ và đường thủy, xã Hòa Bình có điều kiện thuận lợi để hình thành các tuyến du lịch văn hóa, tâm linh kết hợp thương mại, dịch vụ và du lịch cộng đồng; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tạo động lực mở rộng không gian đô thị trong thời gian tới.

4.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

- Đường bộ: Xã Hòa Bình có lợi thế lớn khi trục Quốc lộ 1 - tuyến giao thông huyết mạch quan trọng nhất quốc gia - chạy xuyên dọc qua địa bàn. Mạng lưới đường kết nối đồng bộ giữa khu vực trung tâm và các vùng lân cận qua các tuyến đường chính như đường tỉnh 978 (Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa), đường tỉnh 978B (đường Lê Thị Riêng) và các đường nội thị như: đường Nhạc Khi, Nguyễn Trung Trực, 30/4, Trần Huỳnh, Lê Quý Đôn, Trần Văn Lắm, Trần Văn Hộ, đường 19/5, đường 1/5, đường 3/2,.... Hiện tại, giao thông đường bộ đang được nâng cấp mạnh mẽ nhờ các dự án trọng điểm như cầu Hòa Bình 2, đường tránh Quốc lộ 1 và các tuyến đường đầu nối quy hoạch mới nhằm mở rộng không gian đô thị.

- Đường thủy: Địa phương sở hữu hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, tạo điều kiện thuận lợi cho vận tải thủy liên vùng. Hành lang vận tải chính là tuyến kênh xáng Bạc Liêu – Cà Mau đạt tiêu chuẩn đường thủy cấp III. Phối hợp với đó là tuyến kênh Chùa Phật (chiều dài 9,5 km, quy hoạch cấp VI) và kênh Cầu Sập – Ngan Dừa (đoạn qua xã dài 4,5 km, quy hoạch cấp V). Trên địa bàn hiện duy trì khoảng 30 bến xếp dỡ hàng hóa quy mô vừa và nhỏ.

b) Thủy lợi

- Hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư tương đối đồng bộ, được nạo vét định kỳ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất theo từng vùng sinh thái biệt lập:

- Vùng phía Nam Quốc lộ 1: Chịu ảnh hưởng mạnh của bán nhật triều biển Đông với biên độ triều lớn (bình quân 2,85m), rất thuận lợi cho việc tiêu thoát nước tự chảy, rửa mặn số phèn và chủ động lấy nước mặn vào đồng ruộng phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- Vùng phía Bắc Quốc lộ 1: Hệ thống thủy lợi được đầu tư khép kín để xây dựng những cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao. Tuy nhiên, do xã nằm ở cuối nguồn nước ngọt Quản Lộ - Phụng Hiệp và lưu lượng nước từ đầu nguồn ngày càng cạn kiệt, nguồn cấp nước ngọt trong mùa khô gặp nhiều khó khăn. Định hướng tới cần tiếp tục kiên cố hóa hệ thống kênh tạo nguồn và bổ sung các trạm bơm điện.

c) Cấp điện

Hệ thống cung cấp điện trên địa bàn Hòa Bình được đầu tư tương đối đồng bộ, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của Nhân dân và doanh nghiệp.

Hệ thống cung cấp điện trên địa bàn xã Hòa Bình được đầu tư tương đối đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và yêu cầu phát triển của đô thị trung tâm khu vực. Hiện nay, tổng chiều dài đường dây điện trung thế đạt khoảng 102,544 km và đường dây hạ thế khoảng 195,108 km, phủ khắp các khu dân cư, tuyến dân cư tập trung và các khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Trên địa bàn khu vực có 01 trạm biến áp 110/22 kV công suất 40 MVA (đặt tại xã Vĩnh Hậu), giữ vai trò nguồn cấp điện chính, bảo đảm cung cấp điện ổn định cho toàn khu vực.

Hệ thống trạm biến áp phân phối gồm 211 trạm công cộng và chuyên dùng, với tổng công suất lắp đặt khoảng 27.547,5 kVA, cơ bản đáp ứng nhu cầu phụ tải ngày càng tăng của địa phương, nhất là phục vụ phát triển thương mại, dịch vụ, tiêu thụ công nghiệp, sản xuất và các hoạt động kinh doanh đô thị.

Sản lượng điện tiêu thụ bình quân hằng năm ước đạt khoảng 84,34 triệu kWh, phản ánh quy mô phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa của địa phương. Tổng số khách hàng sử dụng điện là 19.448 khách hàng, trong đó có 16.157 khách hàng hộ gia đình (bao gồm các hộ có hoạt động sản xuất, kinh doanh) và 2.291 khách hàng phục vụ sản xuất, kinh doanh. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%; chất lượng điện năng cơ bản ổn định, đáp ứng yêu

cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiêu chí hạ tầng kỹ thuật đô thị và vai trò trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ của địa phương trong thời gian tới.

d) Cấp nước

Cấp nước sạch đô thị: Trên địa bàn xã hiện có 01 nhà máy cấp nước hoạt động với công suất thiết kế đạt 2.356 m³/ngày đêm, cơ bản bảo đảm cung cấp đủ nhu cầu nước sạch cho cư dân khu vực trung tâm thị trấn.

Cấp nước sạch nông thôn: Cư dân khu vực ngoại thành sử dụng nguồn nước sinh hoạt từ các giếng khoan khai thác nước ngầm tầng nông và tầng sâu (độ sâu phổ biến từ 80m đến 150m), kết hợp bể chứa nước mưa. Hiện tại xã có nhiều trạm cấp nước như: Trạm cấp nước thị trấn Hòa Bình (cũ), Trạm cấp nước ấp Xóm Lớn A (xã Vĩnh Mỹ A cũ), Trạm cấp nước Long Thạnh (cũ),...

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Hòa Bình từng bước được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Hiện nay, hệ thống thoát nước trên địa bàn chủ yếu là hệ thống thoát nước chung, thu gom chung nước mưa và nước thải sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt tại các hộ gia đình phần lớn được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sau đó tự thấm hoặc thoát ra các tuyến mương dọc Quốc lộ 1, các tuyến thoát nước hai bên các trục đường trung tâm và xả ra hệ thống kênh, rạch tự nhiên.

Công tác vệ sinh môi trường được duy trì thường xuyên; hoạt động thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt từng bước đi vào nề nếp. Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh và được thu gom trên địa bàn đạt khoảng 26 tấn/ngày từ khoảng 2.932 hộ dân tập trung tại khu vực chợ, trung tâm xã và các tuyến giao thông chính.

Công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt do lực lượng công nhân môi trường và Trung tâm Công ích xã thực hiện với lực lượng gồm 08 công nhân, bảo đảm duy trì thường xuyên, góp phần giữ gìn mỹ quan và vệ sinh môi trường đô thị.

Hiện nay, trên địa bàn có 01 bãi rác tạm với diện tích khoảng 3.100 m² và bãi rác khu vực tại ấp 14 phục vụ nhu cầu tập kết, xử lý rác thải sinh hoạt bằng phương pháp chôn lấp và đốt vào mùa khô. Các điểm có nguy cơ ô nhiễm môi trường tồn đọng từng bước được rà soát, xử lý; các cơ sở sản xuất, kinh doanh cơ bản thực hiện đăng ký và cam kết bảo vệ môi trường theo quy định.

Bên cạnh đó, hệ thống nhà ở trên địa bàn xã tiếp tục phát triển theo hướng kiên cố, đồng bộ; các khu dân cư tập trung được hình thành và mở rộng dọc theo các tuyến giao thông chính và khu vực trung tâm hành chính, thương mại của địa phương. Tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố ngày càng tăng; công tác chỉnh trang đô thị, xây dựng cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp được quan tâm thực hiện, góp phần từng bước hoàn thiện tiêu chí hạ tầng kỹ thuật và môi trường đô thị phục vụ mục tiêu xây dựng Phường Hòa Bình trong thời gian tới.

4.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Tình hình quốc phòng, an ninh

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được triển khai thực hiện nghiêm túc; thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố, tăng cường. Lực lượng quân sự, công an xã thường xuyên phối hợp nắm chắc tình hình địa bàn, chủ động tham mưu xử lý kịp thời các tình huống phát sinh, không để bị động, bất ngờ.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hằng năm được thực hiện đúng quy định, đạt chỉ tiêu trên giao; công tác huấn luyện, diễn tập, giáo dục quốc phòng - an ninh được quan tâm thực hiện.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản được giữ vững; phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật được tăng cường; nhiều mô hình tự quản về an ninh trật tự hoạt động hiệu quả tại địa phương.

Địa phương tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ; đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh điện tử phục vụ công tác quản lý nhà nước và bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn.

b) Tình hình trật tự an toàn xã hội

Tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định; các loại tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm soát. Trong năm 2025, số vụ phạm pháp hình sự giảm khoảng 26,67% so cùng kỳ; tỷ lệ điều tra, khám phá án đạt cao. Công tác quản lý cư trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự được thực hiện chặt chẽ.

Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông được tăng cường; lực lượng chức năng thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát, tuyên truyền pháp luật về giao thông, góp phần hạn chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông trên địa bàn.

Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được quan tâm thực hiện; thường xuyên tổ chức tuyên truyền, kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu dân cư và chợ trên địa bàn. Trong năm, trên địa bàn không xảy ra vụ việc cháy nổ nghiêm trọng, góp phần bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Khối Đảng

Gồm các cơ quan: Văn phòng Đảng ủy xã, Ban Xây dựng Đảng, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Trung tâm Chính trị xã (*Đơn vị sự nghiệp của Đảng*).

Hiện nay, hệ thống chính trị của xã tiếp tục được củng cố, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đảng bộ xã có 54 tổ chức đảng trực thuộc, gồm 04 đảng bộ cơ sở, 19 chi bộ cơ sở và 31 chi bộ ấp, với tổng số 1.588 đảng viên, chiếm tỷ lệ 2,40% dân số toàn xã. Ban Chấp hành Đảng bộ xã có 29

đồng chí; Ban Thường vụ Đảng ủy có 10 đồng chí; Thường trực Đảng ủy gồm 03 đồng chí, trong đó có 01 Bí thư và 02 Phó Bí thư.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã được tổ chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng Đảng, kiểm tra, giám sát, công tác chính trị tư tưởng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên tại địa phương. Công tác xây dựng Đảng được quan tâm triển khai đồng bộ trên các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; chất lượng sinh hoạt chi bộ từng bước được nâng lên. Hoạt động kiểm tra, giám sát được tăng cường, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Trung tâm Chính trị xã thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã được tổ chức, kiện toàn theo quy định, bảo đảm thực hiện hiệu quả chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh tại địa phương.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã gồm: Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc gồm: Trung tâm Công ích; Trạm Y tế xã; Ban Quản lý dự án Khu vực Hòa Bình và 12 cơ sở giáo dục và đào tạo (04 trường mầm non, 05 trường tiểu học và 03 trường trung học cơ sở),

Hệ thống cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công và phục vụ Nhân dân, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay.

c) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Khối Mặt trận và các đoàn thể của xã gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã; Các tổ chức chính trị - xã hội, gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh.

Về tổ chức bộ máy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã có 63 ủy viên; cán bộ cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam xã có 06 đồng chí. Trong đó, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã có 06 đồng chí, gồm Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và 05 đồng chí là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội; có 05 công chức, viên chức giúp việc.

Đội ngũ Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở các ấp có 31 đồng chí tại 31 ấp trên địa bàn xã, được kiện toàn bảo đảm cơ cấu, thành phần, độ tuổi theo quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác Mặt trận trong tình hình mới.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động ổn định, phát huy tốt vai trò tập hợp, vận động Nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân

tộc. Nội dung, phương thức hoạt động từng bước được đổi mới, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương và nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân. Tổng số đoàn viên, hội viên hiện có 8.950 người, chiếm tỷ lệ 13,55% dân số toàn xã, góp phần củng cố hệ thống chính trị cơ sở ngày càng vững mạnh.

Các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên phối hợp triển khai hiệu quả các phong trào thi đua, các chương trình an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, bảo vệ môi trường, chăm lo đời sống đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền được tăng cường; vai trò cầu nối giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân tiếp tục được phát huy, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

d) Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách của xã Hòa Bình hiện có 587 người; cụ thể:

- Khối cơ quan Đảng: 32 người (*gồm 13 cán bộ, 16 công chức và 03 viên chức*);
- Khối cơ quan nhà nước: 49 người (*gồm 06 cán bộ, 33 công chức và 10 viên chức*);
- Khối đơn vị sự nghiệp công lập: 493 người (*Trong đó, Trạm Y tế là 27/37 biên chế, Trung tâm Công ích 10/13 biên chế, Ban Quản lý dự án là 07/10 biên chế và Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo là 450/474 biên chế*).
- Người hoạt động không chuyên trách: 13 người.

Đội ngũ cán bộ, công chức của xã Hòa Bình có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, chủ động và tích cực trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được nâng lên; cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong điều kiện phát triển đô thị và xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp.

Đa số cán bộ, công chức có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý hành chính, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hành chính, chuyển đổi số và đạo đức công vụ được quan tâm thực hiện thường xuyên; chất lượng thực thi công vụ ngày càng được nâng lên. Tập thể cán bộ, công chức cơ bản phát huy tốt tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương.

Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển đô thị và xây dựng Phường Hòa Bình trong thời gian tới, đội ngũ cán bộ, công chức cần tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý đô thị, ứng dụng công nghệ thông tin và năng lực chuyển đổi số nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

5. Xã Cái Nước

5.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò, chức năng

a) Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Cái Nước thuộc tỉnh Cà Mau, được hình thành trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Cái Nước, xã Trần Thới và một phần của 03 xã Tân Hưng Đông, Đông Hưng và Đông Thới theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

Xã có diện tích tự nhiên 117,94 km² (11.793,84 ha), nằm ở khu vực Trung tâm huyện Cái Nước cũ. Ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Quách Phẩm và Trần Phán;
- Phía Tây giáp xã Phú Mỹ và Nguyễn Việt Khái;
- Phía Nam giáp các xã Năm Căn, Đất Mới và Nguyễn Việt Khái;
- Phía Bắc giáp xã Hưng Mỹ và Tân Hưng.

Quá trình sắp xếp, kiện toàn và tổ chức lại đơn vị hành chính mang tính lịch sử này hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khách quan của công tác quản lý nhà nước, đáp ứng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội lâu dài của địa phương. Đặc biệt, việc mở rộng địa giới hành chính và tổ chức lại bộ máy theo mô hình cấp xã mới đã tạo tiền đề vững chắc, mở ra không gian phát triển đồng bộ, tạo động lực mạnh mẽ để phát triển kinh tế và từng bước hiện đại hóa hạ tầng nông thôn.

Sở hữu vị trí địa lý mang tính chiến lược, xã Cái Nước hiện nay giữ vai trò là trung tâm kết nối giao thương nội địa và là địa bàn trọng điểm phát triển kinh tế thủy sản của tỉnh Cà Mau. Với hệ thống sông ngòi chằng chịt kết hợp hạ tầng giao thông đồng bộ, địa phương có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế nông - ngư nghiệp và thương mại - dịch vụ; trong đó, Chợ Cái Nước đóng vai trò là hạt nhân kinh tế, đầu mối trung chuyển hàng hóa nông - thủy sản, tạo động lực phát triển cho các khu vực lân cận. Bên cạnh đó, đây cũng là khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng - an ninh, đóng góp vị thế đặc biệt quan trọng vào sự ổn định và phát triển bền vững chung của tỉnh Cà Mau.

b) Vai trò, chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Cái Nước được xác định là đô thị trung tâm thuộc vùng phát triển dịch vụ - đô thị - công nghiệp trung tâm và nằm trên trục động lực Bắc - Nam của tỉnh, giữ vai trò quan trọng trong kết nối các không gian phát triển nội địa với các vùng kinh tế biển trọng điểm. Với vị trí nằm trên Quốc lộ 1 và hành lang phát triển của tuyến cao tốc Cà Mau - Đất Mũi, xã Cái Nước là đầu mối giao thông chiến lược kết nối trung tâm tỉnh với Khu kinh tế Năm Căn, khu vực Đất Mũi và các đô thị ven biển phía Nam; đồng thời là điểm giao thoa giữa các hành lang phát triển kinh tế, đô thị và dịch vụ của tỉnh.

Xã Cái Nước có chức năng là trung tâm tổng hợp về thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế, công nghiệp chế biến và hỗ trợ sản xuất cho khu vực phía Nam tỉnh Cà Mau; là đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa, cung ứng dịch vụ và kết nối các vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản với các trung tâm kinh tế biển, cảng biển và khu công nghiệp của tỉnh. Với lợi thế về vị trí địa lý và hệ thống giao thông đối ngoại, địa phương giữ vai trò quan trọng trong tổ chức mạng lưới đô thị, phân phối hàng hóa và cung cấp các dịch vụ công cộng cho khu vực.

Đặc biệt, xã Cái Nước có mối liên kết thông suốt với các đô thị động lực của tỉnh, nhất Khu kinh tế Năm Căn, chuỗi đô thị ven biển phía Tây, các đô thị ven biển phía Đông và trung tâm tỉnh (đô thị Cà Mau). Thông qua hệ thống giao thông quốc gia (Quốc lộ 1) và các tuyến giao thông chiến lược (cao tốc Cà Mau - Đất Mũi) đang được đầu tư, địa phương đóng vai trò là cầu nối giữa không gian phát triển nội địa với không gian phát triển kinh tế biển, góp phần tăng cường liên kết vùng, mở rộng không gian phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ và công nghiệp chế biến. Với vị trí trung tâm trong khu vực phía Nam và khả năng kết nối đa chiều với các vùng động lực của tỉnh, xã Cái Nước có vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của tỉnh Cà Mau.

5.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Xã Cái Nước có tổng diện tích tự 117,94 km² (11.793,84 ha) được tổ chức quản lý hành chính tập trung tại 31 ấp. Diện tích tự nhiên của xã phân bố trên không gian rộng lớn, bao gồm các khu vực dân cư hiện hữu mang bản sắc đặc trưng của vùng sông nước, hình thành, phát triển các cơ sở đại lý thu mua, sơ chế thủy sản, hệ thống dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp - thủy sản và mạng lưới kinh doanh thương mại phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất của nhân dân và các vùng lân cận, các quỹ đất dự phòng được quy hoạch cho phát triển đô thị trong thời gian tới. Phạm vi quản lý rộng gắn với nhiều loại hình sử dụng đất và đặc thù sông ngòi chằng chịt, đặt ra yêu cầu tổ chức quản lý thống nhất, đồng bộ theo quy hoạch.

b) Cơ cấu các loại đất

Tổng diện tích tự nhiên của xã Cái Nước là 117,94 km² (11.793,84 ha). Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 106,9703 km² (10.697,03 ha), chiếm 90,70%; diện tích đất phi nông nghiệp 10,9098 km² (1.090,98 ha), chiếm 9,25 % và diện tích đất chưa sử dụng 0,0582 km² (5,82 ha), chiếm 0,05%.

Bảng thống kê diện tích theo mục đích sử dụng:

(Đơn vị tính: ha)

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích		11.793,84	100,00
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	10.697,03	90,70
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	1,40	0,01
1.1	Đất trồng lúa	LUA		
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC		
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK		
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1,40	0,01
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.287,45	19,40
3	Đất lâm nghiệp	LNP		
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD		
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH		
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX		
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	8.407,17	71,28
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT		
6	Đất làm muối	LMU		
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,02	0,01
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	1.090,98	9,25
1	Đất ở	OTC	173,59	1,47
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	104,37	0,89
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	69,22	0,59
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,68	0,07
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	10,32	0,09
3.1	Đất quốc phòng	CQP	7,31	0,06
3.2	Đất an ninh	CAN	3,01	0,03
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	28,99	0,25
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,59	0,01
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH		
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,99	0,06
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	14,33	0,12
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	6,07	0,05

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT		
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT		
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK		
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	5,52	0,05
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC		
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK		
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN		
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,36	0,01
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4,16	0,04
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	174,10	1,48
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	166,09	1,41
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	3,20	0,03
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC		
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	1,12	0,01
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,19	0,00
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,50	0,00
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,60	0,01
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1,22	0,01
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	1,18	0,01
7	Đất tôn giáo	TON	3,26	0,03
8	Đất tín ngưỡng	TIN	0,74	0,01
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	4,03	0,03
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	682,76	5,79

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC		
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	682,76	5,79
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	5,82	0,05
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	5,32	0,05
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	0,50	0,00
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
4	Núi đá không có rừng cây	NCS		
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS		

5.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Theo số liệu của dữ liệu dân cư, dân số của xã Cái Nước hiện nay là 54.661 người. Mật độ dân số trung bình đạt khoảng 463 người/km², phân bố trên toàn bộ diện tích tự nhiên của xã.

Dân số của xã Cái Nước có quy mô dân số lớn, mật độ phân bố tập trung rõ rệt dọc theo các tuyến giao thông huyết mạch và khu vực ven sông; bước đầu hình thành các cụm dân cư tập trung mang đặc trưng đô thị trung tâm, tạo động lực mạnh mẽ cho xu hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với củng cố quốc phòng - an ninh tại địa phương trong giai đoạn hiện nay. Quy mô dân số này là một trong những yếu tố quan trọng trong việc xác định tính chất và tổ chức đơn vị hành chính phù hợp.

b) Cơ cấu lao động

Lực lượng lao động trên địa bàn xã Cái Nước chiếm tỷ lệ lớn trong tổng dân số, tham gia vào các lĩnh vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Dân số trong độ tuổi lao động: 24.246 (chiếm 60,00%); trong đó: Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế: 16.290 người (đạt 67,18%); Lao động chưa có việc làm và lao động nhàn rỗi và học sinh, sinh viên trong độ tuổi lao động: 7.956 (tỷ lệ thất nghiệp: 7,43%).

Tổng số lao động phi nông nghiệp là 11.552 người (tỷ lệ 70,91%), Trong đó: công nghiệp - xây dựng: 6.970 người (tỷ lệ 42,79%), lao động công chức, viên chức nhà nước và lao động làm ăn xa ngoài tỉnh: 4.582 người (tỷ lệ 28,13%).

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tập trung chủ yếu tại các đô thị trung tâm, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các hoạt động dịch vụ. Lao động trong lĩnh vực

nông nghiệp, thủy sản vẫn chiếm một tỷ lệ nhất định, gắn với diện tích đất nông nghiệp còn lớn trên địa bàn. Việc chuyển dịch cơ cấu lao động gắn liền với quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa văn minh, đồng thời chịu tác động tích cực của việc thu hút đầu tư, mở rộng các hạ tầng dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã Cái Nước.

c) Thành phần dân cư

Dân cư trên địa bàn xã Cái Nước bao gồm lực lượng dân cư tại chỗ lâu đời và dân cư từ các địa phương khác đến sinh sống, lập nghiệp. Thành phần dân cư đa dạng, bao gồm người lao động trong các cơ sở nuôi trồng, sơ chế, chế biến thủy sản, dịch vụ và các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ.

Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 2,58% tổng dân số. Các nhóm dân cư sinh sống xen kẽ tại các khu vực dân cư, tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn. Quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa đã làm thay đổi cơ cấu dân cư, với sự gia tăng dân cư làm việc trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, đồng thời hình thành các khu dân cư tập trung gắn với khu vực trung tâm.

5.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

Trong năm 2025, mặc dù thực hiện khối lượng lớn công việc liên quan đến sắp xếp, kiện toàn bộ máy hành chính sau hợp nhất, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Cái Nước tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực trọng tâm:

a) Chỉ tiêu phát triển kinh tế

GRDP, cơ cấu ngành, thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ hộ nghèo, lao động phi nông nghiệp, ... Hệ thống các chỉ tiêu phát triển kinh tế của xã Cái Nước từ sản xuất, thương mại đến đầu tư hạ tầng kỹ thuật đều thể hiện tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững và có tính chuyển dịch cơ cấu rõ nét. Sự hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu cốt lõi về thủy sản và sự đột phá mạnh mẽ của khối dịch vụ - hộ kinh doanh là minh chứng khách quan khẳng định địa phương đã tích lũy đầy đủ nội lực kinh tế, sẵn sàng chuyển đổi mô hình quản lý hành chính từ nông thôn sang mô hình hành chính đô thị văn minh, hiện đại.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng: Trong những năm qua, mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới được địa phương hưởng ứng và phấn đấu, theo đó các tiêu chí nông thôn mới đã được đạt 19/19 tiêu chí tại khu vực xã Trần Thới và Đông (cũ) và thị trấn Cái Nước (cũ) đạt đô thị V với các dự án đầu tư xây dựng đã hoàn thiện và đáp ứng các tiêu chí nông thôn mới. Các nhóm ngành nổi bật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng chủ yếu là đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội cho thấy sự quan tâm đầu tư của địa phương đối với bộ mặt hiện đại hóa theo chiều rộng và chiều sâu của đô thị. Hiện nay với định hướng và cấu trúc không gian đô thị trong giai đoạn mới, việc bổ sung đầu tư, cải tạo nâng cấp các dự án, hạ tầng đô thị trên địa bàn xã đang thực hiện vừa thể hiện sự quan tâm của địa phương trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, vừa là động thái cần thiết trong bối cảnh hiện tại.

- Về thương mại - dịch vụ: Với lợi thế là khu vực trung tâm của vùng huyện Cái Nước (cũ) đồng thời có đường giao thông huyết mạch quốc lộ 1, kết nối đến Trung tâm tỉnh Cà Mau và các xã lân cận, lĩnh vực thương mại – dịch vụ vẫn luôn là mũi nhọn kinh tế với đóng góp đáng kể trong cơ cấu kinh tế của địa phương, mạng lưới hệ thống thương mại – dịch vụ phân bố có cấu trúc cụ thể trên địa bàn xã, theo đó các nhóm ngành thương mại và dịch vụ hoạt động chủ yếu xen kẽ giữa các khu dân cư, tuyến dân cư và nhóm ngành tiêu thủ công nghiệp sản xuất chủ yếu có mối liên hệ chặt chẽ với ngành chăn nuôi sản xuất nông nghiệp và phân bố trong các khu sản xuất nông nghiệp của xã.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản: Xã Cái Nước với tổng diện tích tự nhiên khoảng 11.825 ha, trong đó diện tích đất nuôi trồng thủy sản khoảng 6.507,98 ha (chiếm 55,04% diện tích tự nhiên), Lĩnh vực sản thủy sản trên địa bàn xã tăng trưởng ổn định và ít đột biến đồng thời là một mũi nhọn trong cơ cấu nền kinh tế của xã. Về chăn nuôi, vẫn duy trì ổn định tổng đàn gia cầm xuất chuồng đạt 109.335 con (đạt 101,2% chỉ tiêu), đàn heo có 7.726 con (đạt 101,6% chỉ tiêu). Trong những năm qua công tác tuyên truyền, chăm sóc và tiêm chủng bệnh dại được địa phương quan tâm và triển khai trên khắp địa bàn xã nhằm chống lại các rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, những thất thoát vật nuôi tuy không thể tránh khỏi, tuy nhiên không làm ảnh hưởng đến sản lượng kinh tế của địa phương.

5.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Năm học 2025 - 2026, toàn xã có 219 lớp với 5.844 học sinh ở các cấp học. Mạng lưới trường, lớp tiếp tục được rà soát, sắp xếp theo hướng phù hợp với quy mô dân cư và yêu cầu phát triển đô thị; cơ sở vật chất trường học từng bước được đầu tư, nâng cấp đáp ứng nhu cầu dạy và học.

Hiện nay, toàn xã có 07/11 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 đạt tỷ lệ 63,64%; có 03/11 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, đạt tỷ lệ 27,27%. Ngoài ra, trên địa bàn còn có 01 Trường trung học phổ thông, góp phần hoàn thiện hệ thống giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác dạy và học của học sinh trong xã và các xã lân cận.

Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong ngành giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Y tế

Hạ tầng y tế trên địa bàn tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong điều kiện phát triển đô thị. Hiện nay, trên địa bàn xã có 01 Bệnh viện Đa khoa Cái Nước, 02 Phòng khám chữa bệnh cùng 01 Trạm y tế xã đã đạt chuẩn theo quy định, cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu khám, điều trị bệnh tại chỗ cho người dân.

c) Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được duy trì và phát triển; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 97,73%, tỷ lệ ấp đạt chuẩn văn hóa đạt 101,76%. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức thường xuyên, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

Toàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao huyện Cái Nước (cũ); 02 Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Học tập cộng đồng của các xã Trần Thới và Đông Thới (cũ). Hệ thống thiết chế cấp ấp được duy trì với 31 trụ sở sinh hoạt văn hóa ấp, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức hội họp, tuyên truyền và sinh hoạt cộng đồng. Về cơ sở vật chất phục vụ thể dục, thể thao quần chúng, xã hiện có 04 khu luyện tập thể dục, thể thao; 16 sân bóng chuyền; 21 sân cầu lông; 03 điểm sân bóng đá mini do hộ kinh doanh đầu tư; 01 hồ bơi kinh doanh trên địa bàn. Các công trình này góp phần đa dạng hóa loại hình luyện tập, thu hút người dân tham gia rèn luyện sức khỏe thường xuyên. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư tiếp tục được duy trì. Nhiều ấp tổ chức tốt hoạt động văn hóa - thể thao, cảnh quan môi trường được cải thiện, an ninh trật tự cơ bản ổn định.

d) Lao động - Thương binh và Xã hội

Việc triển khai các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và các chính sách bảo trợ xã hội được thực hiện toàn diện, bảo đảm đúng đối tượng, đúng chế độ quy định và kịp thời. Năm 2025 thực hiện chi trả trợ cấp hằng tháng cho 4.950 lượt đối tượng người có công với cách mạng và quản lý 3.422 đối tượng Bảo trợ xã hội với tổng số tiền trên 42 tỷ 590 triệu đồng.

Triển khai thực hiện các chính sách về đào tạo, truyền nghề cho lao động nông thôn đạt kết quả khá tốt; việc làm, giải quyết việc làm phù hợp với nhu cầu, trong năm đã giải quyết việc làm cho 2.313/2.265 lao động nông thôn, đạt 102,12% chỉ tiêu giao. Ngoài ra, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh tổ chức thành công sàn giao dịch việc làm tại xã.

Công tác giảm nghèo được quan tâm tạo điều kiện để hộ nghèo cận nghèo vươn lên trong cuộc sống bằng việc hỗ trợ nhà ở, tạo sinh kế, vốn vay... để hộ nghèo thoát nghèo bền vững. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã có 48 hộ nghèo, chiếm 0,46% và có 89 hộ cận nghèo, chiếm 0,85%.

Thường xuyên chỉ đạo, phối hợp, tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHXH bắt buộc 1.443 người, đạt 99,93% kế hoạch; BHXH tự nguyện 1.633 người, đạt 119,90% kế hoạch; BHYT 1.125 người, đạt 95,99% kế hoạch; tỷ lệ tham gia BHYT đạt 100% (xã an toàn khu).

đ) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Công tác triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước cho đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo được quan tâm, thực hiện. Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong đồng bào dân tộc được ổn định; công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện theo quy định.

Toàn xã có 250 hộ dân tộc thiểu số, với 1.041 người; 04 cơ sở thờ tự tôn giáo; 03 điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung và 38 cơ sở tín ngưỡng dân gian với 2.516 tín đồ, hoạt động tín ngưỡng đúng quy định; thường xuyên phối hợp nắm tình hình, kịp thời giải quyết những vụ việc phát sinh. Nhân dịp Lễ Sen Dolta và Tết Chôl Chnăm Thmây năm 2025: Phối hợp tổ chức đoàn thăm và tặng quà cho đồng bào tại ấp Khánh Tư. Trong đó, Tỉnh ủy - HĐND - UBND - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cà Mau đã trao tặng 19 suất quà với tổng trị giá 16.100.000 đồng và 23 suất quà (tổng trị giá 34.500.000 đồng) cho Ban Quản trị Salatet, các thành viên Ban Quản trị, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các gia đình chính sách người dân tộc thiểu số.

5.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Đến cuối năm 2025, tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố trên địa bàn xã Cái Nước đạt trên 85%, phản ánh rõ mức độ cải thiện về điều kiện sống, khả năng tích lũy kinh tế của người dân và xu hướng phát triển theo hướng đô thị hóa. Cơ cấu nhà ở dân cư từng bước chuyển dịch từ mô hình nhà ở phân tán, tạm bợ sang nhà ở kiên cố tập trung dọc các tuyến giao thông chính, khu vực trung tâm thương mại và các cụm dân cư tập trung, tạo diện mạo ngày càng khang trang, đồng bộ cho địa phương. Bên cạnh đó, địa phương đã triển khai hiệu quả các chương trình an sinh xã hội như xóa nhà tạm, nhà dột nát, xây dựng nhà Đại đoàn kết, nhà tình thương, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn. Qua đó không chỉ góp phần ổn định nơi ở cho người dân mà còn tạo điều kiện để các hộ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững. Đây là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đô thị, bảo đảm tiêu chí phát triển xã hội hài hòa trong quá trình xây dựng phường.

Sự phát triển của hệ thống nhà ở trên địa bàn còn cho thấy tốc độ gia tăng dân cư cơ học và nhu cầu định cư ngày càng lớn tại khu vực trung tâm Cái Nước. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng khẳng định địa phương đã hình thành không gian dân cư mang tính đô thị tương đối rõ nét, phù hợp với định hướng phát triển phường trong thời gian tới.

b) Công trình cơ quan hành chính

Hiện nay trên địa bàn xã sau khi sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 đơn vị thị trấn Cái Nước, xã Trần Thới và một phần của 03 xã (xã Tân Hưng Đông, xã Đông Hưng và xã Đông Thới). Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã Cái Nước hiện là địa bàn tập trung hệ thống cơ quan hành chính, chính trị và đơn vị sự nghiệp quy mô lớn của khu vực trung tâm huyện Cái Nước (cũ). Việc hợp nhất địa giới hành chính đã tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức lại bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính quyền địa phương.

Hệ thống trụ sở cơ quan hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính, giải quyết thủ tục cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn có quy mô dân số lớn. Trung tâm Phục vụ hành chính công đã từng bước ứng dụng công nghệ

thông tin, chuyển đổi số trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, phù hợp với yêu cầu xây dựng chính quyền đô thị hiện đại.

Việc tập trung các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và đầu mối hành chính tại khu vực trung tâm còn góp phần thúc đẩy sự hình thành không gian đô thị hành chính, dịch vụ, tạo sức lan tỏa đối với các hoạt động thương mại, dịch vụ và phát triển dân cư xung quanh. Đây là một trong những yếu tố nền tảng quan trọng để xã Cái Nước chuyển đổi mô hình quản lý từ đơn vị hành chính nông thôn sang phường.

c) Công trình giáo dục

Mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Cái Nước được đầu tư tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trong xã và các khu vực lân cận. Hiện nay, toàn xã có đầy đủ các cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông với 03 trường mầm non, 05 trường tiểu học, 02 trường tiểu học và trung học cơ sở, 01 trường trung học cơ sở và 01 trường trung học phổ thông.

Quy mô trường lớp phát triển tương đối ổn định, gắn với quá trình gia tăng dân số và mở rộng không gian đô thị. Cơ sở vật chất trường học từng bước được đầu tư nâng cấp theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa; nhiều trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và mức độ 2, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trên địa bàn.

Hệ thống giáo dục hiện nay không chỉ đáp ứng nhu cầu học tập cơ bản mà còn từng bước thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số, đổi mới phương pháp dạy học và phát triển nguồn nhân lực chất lượng phục vụ tiến trình đô thị hóa. Việc tập trung đầy đủ các cấp học trên địa bàn cũng cho thấy vai trò trung tâm giáo dục khu vực của xã Cái Nước, phù hợp với vị thế là trung tâm phát triển đô thị của tiểu vùng phía Nam tỉnh Cà Mau.

d) Công trình y tế

Hệ thống y tế trên địa bàn xã Cái Nước được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, có khả năng đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn và các khu vực lân cận. Hiện nay, xã có 01 Bệnh viện Đa khoa Cái Nước, 02 phòng khám chữa bệnh và 01 Trạm Y tế đạt chuẩn theo quy định.

Sự hiện diện của Bệnh viện Đa khoa Cái Nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân trong xã mà còn đóng vai trò là cơ sở y tế trung tâm của khu vực phía Nam tỉnh Cà Mau. Qua đó góp phần giảm tải cho các cơ sở y tế tuyến trên, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân.

Cùng với quá trình phát triển đô thị, nhu cầu về dịch vụ y tế chất lượng cao ngày càng tăng. Vì vậy, việc tiếp tục đầu tư mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành y tế sẽ là nền tảng quan trọng để xã Cái Nước đáp ứng các tiêu chí đô thị và nâng cao chất lượng sống của người dân trong tương lai.

đ) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục - thể thao trên địa bàn xã Cái Nước từng bước được đầu tư phát triển tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện thể chất và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Hiện nay, toàn xã có 01 Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao; 02 Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Học tập cộng đồng; 31 Nhà văn hóa ấp cùng nhiều công trình thể thao quần chúng như sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân bóng đá mini và hồ bơi kinh doanh.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được duy trì hiệu quả, tỷ lệ gia đình văn hóa và ấp văn hóa đạt ở mức cao, góp phần hình thành môi trường văn hóa lành mạnh, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao được tổ chức thường xuyên, tạo không gian sinh hoạt cộng đồng phong phú, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần cho người dân trong điều kiện phát triển đô thị. Đồng thời, hệ thống thiết chế văn hóa hiện có còn là nền tảng quan trọng để xây dựng nếp sống văn minh đô thị, phát huy bản sắc văn hóa vùng sông nước đặc trưng của địa phương.

e) Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Cái Nước phát triển khá sôi động, từng bước khẳng định vai trò là trung tâm giao thương của khu vực phía Nam tỉnh Cà Mau. Hệ thống chợ, cơ sở kinh doanh, dịch vụ dân sinh cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và lưu thông hàng hóa của người dân trên địa bàn.

Trong đó, chợ Cái Nước và chợ Đầm Cùng giữ vai trò là hai hạt nhân kinh tế quan trọng, đầu mối trung chuyển hàng hóa nông nghiệp, thủy sản và cung ứng dịch vụ cho nhiều địa phương lân cận. Sự phát triển mạnh của hệ thống thương mại đã thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống thương mại - dịch vụ hiện nay vẫn cần tiếp tục được đầu tư theo hướng hiện đại, đồng bộ hơn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong tương lai. Việc quy hoạch phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, dịch vụ logistics, dịch vụ lưu trú và các công trình thương mại cấp đô thị sẽ tạo động lực quan trọng để hình thành không gian đô thị hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư cho địa phương.

5.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

Hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã Cái Nước đang từng bước được đầu tư đồng bộ, tạo động lực mạnh mẽ cho liên kết vùng, lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế - xã hội. Hiện tại, địa phương sở hữu nhiều tuyến huyết mạch trọng điểm như: Quốc lộ 1 kết nối trung tâm tỉnh Cà Mau, tuyến ĐT.986 và tuyến Tân Duyệt - Cái Nước - Đầm Dơi. Đặc biệt, dự án Cao tốc Cà Mau - Đất Mũi đi qua địa bàn xã với chiều dài khoảng 3,79 km hiện đang được triển khai xây dựng,

dự kiến hoàn thành vào năm 2028. Đây chính là những trục giao thông chiến lược, không chỉ kết nối trung tâm xã với các khu vực trong và ngoài tỉnh, mà còn mở ra không gian phát triển đô thị đồng bộ, hiện đại trong tương lai.

Bên cạnh giao thông đường bộ, hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt cũng tạo lợi thế đặc biệt cho giao thông thủy và vận chuyển hàng hóa, nhất là đối với lĩnh vực nuôi trồng, sơ chế và tiêu thụ thủy sản. Sự kết hợp giữa giao thông đường bộ và đường thủy đã hình thành mạng lưới lưu thông tương đối hoàn chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại, dịch vụ và logistics.

b) Thủy lợi

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã Cái Nước giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong những năm qua, địa phương thường xuyên quan tâm đầu tư, duy tu, nạo vét hệ thống kênh mương, cống đập nhằm chủ động điều tiết nguồn nước phục vụ sản xuất và dân sinh.

Các công trình thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng và phòng chống thiên tai, góp phần giảm thiểu thiệt hại do hạn hán, triều cường và xâm nhập mặn gây ra. Đây là yếu tố có ý nghĩa rất lớn đối với địa phương có thể mạnh về nuôi trồng thủy sản như xã Cái Nước.

Ngoài phục vụ sản xuất, hệ thống thủy lợi còn góp phần ổn định môi trường sinh thái, cải thiện điều kiện sống của người dân và tạo nền tảng cho phát triển đô thị bền vững. Trong thời gian tới, việc tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại sẽ là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm an toàn cho khu vực đô thị trung tâm.

c) Cấp điện

Hệ thống điện trên địa bàn xã Cái Nước được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của người dân. Hiện nay, mạng lưới điện trung thế, hạ thế được phủ rộng trên toàn địa bàn với tổng chiều dài hàng trăm kilômét, bảo đảm cung cấp điện ổn định cho khu dân cư, cơ sở sản xuất và các hoạt động thương mại - dịch vụ.

Địa phương hiện có 01 trạm biến áp 110 kV công suất 40 MVA giữ vai trò nguồn cấp điện chính cho toàn khu vực. Sản lượng điện tiêu thụ bình quân hằng năm đạt khoảng 46,49 triệu kWh, phản ánh quy mô phát triển kinh tế - xã hội và mức độ đô thị hóa ngày càng gia tăng của địa phương. Tổng số khách hàng sử dụng điện trên địa bàn tương đối lớn, trong đó tỷ lệ hộ dân sử dụng điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất đạt mức cao.

Việc bảo đảm cung cấp điện ổn định đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp nhỏ, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng thể hiện mức độ hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đô thị của xã Cái Nước trong lộ trình xây dựng phường.

d) Cấp nước

Hệ thống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn xã Cái Nước từng bước được mở rộng và nâng cao chất lượng phục vụ. Hiện nay, tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đạt 81,95%; tỷ lệ dân số khu vực đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 85%.

Kết quả này cho thấy địa phương đã có nhiều nỗ lực trong đầu tư hạ tầng cấp nước, cải thiện điều kiện sinh hoạt và bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Việc mở rộng mạng lưới cấp nước tập trung không chỉ góp phần nâng cao chất lượng sống mà còn đáp ứng yêu cầu về vệ sinh môi trường, xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển đô thị trong giai đoạn mới, địa phương cần tiếp tục đầu tư nâng cấp công suất hệ thống cấp nước, mở rộng mạng lưới đến các khu dân cư mới và nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Công tác thu gom, xử lý rác thải và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Cái Nước được quan tâm thực hiện tương đối đồng bộ. Hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được duy trì thường xuyên thông qua đơn vị dịch vụ môi trường chuyên trách, góp phần bảo đảm mỹ quan và vệ sinh môi trường đô thị.

Hiện nay, địa phương đã bố trí 09 điểm tập kết rác thải phù hợp, bảo đảm trung chuyển toàn bộ lượng rác sinh hoạt đến khu xử lý tập trung theo đúng quy định. Đối với bãi rác tạm trước đây, địa phương đã chủ động triển khai các biện pháp xử lý ô nhiễm, phun chế phẩm sinh học, phủ bạt toàn bộ bề mặt và từng bước thực hiện chuyển đổi công năng sử dụng đất phù hợp với định hướng phát triển đô thị.

Nhìn chung, công tác bảo vệ môi trường đã có chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị bền vững. Tuy nhiên, trong thời gian tới cần tiếp tục đầu tư hệ thống thoát nước đô thị, nâng cao năng lực xử lý nước thải và đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư.

5.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình quốc phòng, an ninh: Quốc phòng quân sự địa phương được đảm bảo; tình hình an ninh chính trị trên địa bàn ổn định; các lực lượng chủ động phối hợp hoạt động chặt chẽ, hiệu quả; tổ chức tuần tra, kiểm soát, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị quan trọng, mục tiêu trọng yếu đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã. Kết quả tuyển quân năm 2025 tổ chức đưa tiễn 33/31 tân binh lên đường nhập ngũ, đạt 106,45% chỉ tiêu được giao. Lực lượng vũ trang xã thực hiện tốt công tác huấn luyện lực lượng Dân quân tự vệ; tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17 và phúc tra, quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên theo đúng kế hoạch đề ra.

Tình hình trật tự an toàn xã hội: Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, trật tự an toàn giao thông được tập trung chỉ đạo. Các loại tội phạm và vi phạm về ma túy được phát hiện và xử lý nghiêm, góp phần hạn chế phát sinh

tội phạm. Công tác phòng chống cháy, nổ tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt; thường xuyên kiểm tra phòng cháy chữa cháy các cơ sở kinh doanh có điều kiện, khu tập trung đông dân cư, chợ; từ đầu năm đến nay, không xảy ra vụ cháy trên địa bàn.

5.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

Đảng bộ xã được thành lập trên cơ sở sáp nhập các tổ chức đảng của các đơn vị hành chính trước đây theo chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp cơ sở. Hiện nay, Đảng bộ xã có 51 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, gồm 4 đảng bộ cơ sở (với 26 chi bộ trực thuộc), 16 chi bộ cơ sở và 31 chi bộ ấp; tổng số 1975 đảng viên (Đảng viên dự bị 78; nữ 716; đảng viên là người dân tộc thiểu số 11; đảng viên tôn giáo 06; giáo viên 438; đoàn viên 363; ấp 968; cơ quan 116; sự nghiệp 802; doanh nghiệp 36; lực lượng vũ trang 54).

Các chi bộ thực hiện sinh hoạt định kỳ theo quy định, triển khai các nội dung sinh hoạt gắn với nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã được kiện toàn theo quy định, thực hiện chức năng lãnh đạo toàn diện trên các lĩnh vực của địa phương. Các đồng chí trong Ban Chấp hành được phân công phụ trách tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện nhiệm vụ theo quy chế làm việc.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy được tổ chức theo quy định, bao gồm các bộ phận tham mưu về công tác tổ chức, kiểm tra, tuyên giáo, dân vận và các lĩnh vực khác. Các cơ quan này thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

Công tác sinh hoạt chi bộ được tổ chức theo định kỳ, nội dung sinh hoạt bao gồm việc triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và triển khai nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo.

Công tác phát triển đảng viên được thực hiện theo kế hoạch, thông qua việc tạo nguồn từ quần chúng ưu tú tại các khu dân cư, cơ quan, đơn vị và các tổ chức trên địa bàn. Việc kết nạp đảng viên được thực hiện theo quy trình, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Đảng.

Công tác quản lý đảng viên được thực hiện thông qua hệ thống tổ chức đảng, bao gồm việc theo dõi, đánh giá, phân loại đảng viên theo quy định. Các nội dung liên quan đến quản lý đảng viên được triển khai thông qua sinh hoạt chi bộ và các hoạt động của tổ chức đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát được triển khai theo chương trình, kế hoạch của Đảng ủy và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy. Các nội dung kiểm tra, giám sát được thực hiện đối với tổ chức đảng và đảng viên, bao gồm việc chấp hành các quy định của Đảng và việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Các hoạt động của tổ chức đảng trên địa bàn được triển khai gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Hội đồng nhân dân xã được tổ chức theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương theo thẩm quyền. Các kỳ họp Hội đồng nhân dân được tổ chức theo quy định, xem xét, thông qua các nghị quyết liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác.

Các đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo quy định, tham gia vào hoạt động của Hội đồng nhân dân và thực hiện nhiệm vụ đại biểu theo quy định. Các hoạt động tiếp xúc cử tri được tổ chức tại các ấp, phục vụ việc tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Ủy ban nhân dân xã được tổ chức theo quy định, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn. Các thành viên Ủy ban nhân dân được phân công phụ trách các lĩnh vực, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Có 03 cơ quan chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội) và Trung tâm Phục vụ hành chính công, được thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo phân công.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân xã được tổ chức thông qua việc ban hành các văn bản quản lý, triển khai các chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các nội dung quản lý nhà nước được triển khai tại các lĩnh vực trên địa bàn.

Công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định. Các thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý và trả kết quả cho người dân theo quy trình, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính tại địa phương.

c) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Từ ngày 1/7/2025, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo mô hình mới với nhiều thay đổi quan trọng. MTTQ có vai trò chủ trì, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc về tổ chức Đảng, chịu quản lý về biên chế và kinh phí thông qua MTTQ. Người đứng đầu các tổ chức này sẽ giữ chức vụ phó chủ tịch Ủy ban MTTQ các cấp, tạo sự thống nhất trong lãnh đạo và phối hợp hoạt động

Về tổ chức bộ máy, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã có 55/57 ủy viên (01 chết, 01 chưa chuyển công tác chưa kiện toàn; cán bộ cơ quan MTTQ Việt Nam xã có đồng chí. Trong đó Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã 05/06 Đồng chí gồm (Chủ tịch Mặt trận, 04 Phó Chủ tịch là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội); khuyết 01 PCT MT đồng thời Bí thư xã đoàn) 04 cán bộ, công chức giúp việc. Trưởng Ban Công tác Mặt trận ấp 31 đồng chí ở 31 ấp trên địa bàn xã, cơ cấu đủ thành phần, độ tuổi.

Các tổ chức Chính trị - xã hội xã tổ chức Đại hội sau Đại hội Đảng bộ và Đại hội MTTQ cùng cấp, bầu ra Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chủ tịch, Phó Chủ tịch để lãnh đạo hoạt động. Đối với các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, MTTQ đang phối hợp, hướng dẫn sắp xếp như các tổ chức chính trị - xã hội.

Hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội có những thay đổi tích cực, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. đã đóng góp quan trọng vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; giám sát và phản biện xã hội và phát huy vai trò tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao năng lực cho cán bộ và hoàn thiện cơ chế giám sát để khắc phục hạn chế hiện có.

Vận hành theo mô hình chính quyền mới yêu cầu cán bộ, công chức kiêm nhiệm nhiều việc, tạo áp lực lớn, hiệu quả xử lý công việc chưa cao.

d) Cán bộ, công chức cấp xã

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm duy trì hoạt động thường xuyên của hệ thống chính trị và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật và thái độ phục vụ Nhân dân ngày càng được nâng cao. Phần lớn cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, từng bước đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc ngày càng chặt chẽ, hiệu quả; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý văn bản, giải quyết thủ tục hành chính được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản phát huy tinh thần đoàn kết, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Xã Đầm Dơi

6.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò, chức năng

a) Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Đầm Dơi thuộc tỉnh Cà Mau, được hình thành trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Đầm Dơi, xã Tân Dân, xã Tân Duyệt và phần còn lại của xã Tạ An Khương (ấp Tân Điền B) và theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

Xã có diện tích tự nhiên 96,28 km², phía Đông giáp xã Tân Tiến và xã Tân Thuận, phía Tây giáp xã Trần Phán và xã Quách Phẩm, phía Nam giáp xã Thanh Tùng và phía Bắc giáp xã Tạ An Khương. Địa giới hành chính của xã được chia thành 19 ấp.

Ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Tân Tiến và Tân Thuận;
- Phía Tây giáp xã Trần Phán và Quách Phẩm;
- Phía Nam giáp xã Thanh Tùng;

- Phía Bắc giáp xã Tạ An Khương.

Xã Đàm Dơi là địa bàn có vị trí tương đối thuận lợi, không chỉ bảo đảm tính ổn định trong quản lý hành chính mà còn tạo lợi thế trong tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội theo hướng đô thị liên vùng.

b) Vai trò, chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Đàm Dơi được xác định là đô thị trung tâm khu vực phía Đông Nam của tỉnh Cà Mau, giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa trung tâm tỉnh với các đô thị, trung tâm kinh tế ven biển phía Đông và các vùng sản xuất trọng điểm của tỉnh. Với vị trí nằm trên trục giao thông Cà Mau - Đàm Dơi, đồng thời kết nối thuận lợi với các đô thị Cái Nước, Cái Đoi Vàm, Gành Hào và các khu vực ven biển thông qua hệ thống giao thông liên vùng, Đàm Dơi có vị trí quan trọng trong tổ chức không gian phát triển đô thị và kinh tế của khu vực phía Đông Nam tỉnh.

Đàm Dơi có chức năng là trung tâm tổng hợp về thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và hỗ trợ sản xuất cho khu vực phía Đông Nam; đồng thời là đầu mối thu gom, trung chuyển, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản của vùng. Đặc biệt, Đàm Dơi là một trong những vùng nuôi trồng thủy sản trọng điểm của tỉnh Cà Mau, có vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị nuôi trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ thủy sản; là địa bàn kết nối giữa các vùng sản xuất thủy sản tập trung với các trung tâm chế biến, thương mại và dịch vụ hậu cần nghề cá của tỉnh.

Bên cạnh vai trò là trung tâm kinh tế - dịch vụ của khu vực, Đàm Dơi còn giữ vị trí chiến lược trong mạng lưới liên kết vùng của tỉnh. Thông qua tuyến đường Cà Mau - Đàm Dơi, tuyến ĐT.986 và kết nối tốt với tuyến trục Đông - Tây tỉnh Cà Mau, Đàm Dơi có khả năng kết nối thuận lợi với các đô thị Cà Mau, Cái Nước, Cái Đoi Vàm, Gành Hào, Năm Căn và các trung tâm kinh tế quan trọng khác của tỉnh. Đồng thời, địa phương là đầu mối kết nối giữa khu vực nội địa với vùng ven biển phía Đông, góp phần thúc đẩy lưu thông hàng hóa, mở rộng không gian phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ và kinh tế biển.

Với vị trí là trung tâm của khu vực phía Đông Nam, là vùng sản xuất thủy sản trọng điểm và là đầu mối giao thông kết nối các không gian phát triển của tỉnh, Đàm Dơi có vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tiểu vùng phía Đông Nam; đồng thời góp phần tăng cường liên kết vùng, phát huy hiệu quả mạng lưới đô thị và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của tỉnh Cà Mau.

6.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Tổng diện tích tự nhiên của xã Đàm Dơi là 96,28 km² (9.628 ha). Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 86 km² (8616,88 ha), chiếm 89,49%; diện tích đất phi

nông nghiệp 10 km² (1009,96 ha), chiếm 10,48 % và diện tích đất chưa sử dụng 0,01 km² (1,09 ha), chiếm 0,01%.

b) Cơ cấu các loại đất

Bảng thống kê diện tích theo mục đích sử dụng:

(Đơn vị tính: ha)

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	TS	9.628	100
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	8616.95	89.498
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	0.17	0.001
2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	0.17	0.001
3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1146.73	11.910
4	Đất lâm nghiệp	LNP	127.37	1.322
5	Đất rừng đặc dụng	RDD	127.37	1.322
6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	7342.68	76.263
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	1009.96	10.489
1	Đất ở	OTC	180.91	1.879
2	Đất ở tại nông thôn	ONT	146.22	1.518
3	Đất ở tại đô thị	ODT	34.68	0.360
4	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10.61	0.110
5	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	4.34	0.045
6	Đất quốc phòng	CQP	1.57	0.016
7	Đất an ninh	CAN	2.76	0.028
8	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	21.94	0.227
9	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1.87	0.019
10	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3.70	0.038
11	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	13.95	0.144
12	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	2.12	0.022
13	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0.30	0.003

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
14	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	5.59	0.058
15	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1.23	0.012
16	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4.36	0.045
17	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	326.13	3.387
18	Đất công trình giao thông	DGT	199.05	2.067
19	Đất công trình thủy lợi	DTL	122.38	1.271
20	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0.06	0.0006
21	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0.30	0.003
22	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1.70	0.017
23	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0.21	0.002
24	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1.43	0.014
25	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	1.01	0.010
26	Đất tôn giáo	TON	1.71	0.017
27	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	3.04	0.031
28	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	455.69	4.733
29	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	455.69	4.733
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1.09	0.01
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	1.09	0.01

6.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Xã Đàm Dơi có quy mô dân số tương đối lớn, mật độ dân cư tương đối cao, phản ánh rõ đặc điểm của địa bàn đô thị phát triển mạnh về chế biến thủy sản, tiểu

thủ công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Theo số liệu quản lý dân cư đến cuối năm 2025, tổng dân số toàn xã: 39.191 người. Trong đó:

- Dân số thường trú: 38.090 người;
- Dân số tạm trú: 1.101 người.
- Dân số khu vực đô thị: khoảng 26.375 người.
- Tỷ lệ dân số đô thị hóa: khoảng 67,3%.
- Mật độ dân số: khoảng 407 người/km².

Dân cư phân bố tương đối tập trung tại các khu vực nội ô, các tuyến giao thông chính và các khu thương mại, dịch vụ; từng bước hình thành không gian dân cư mang đặc trưng đô thị.

Trong những năm qua, cùng với quá trình phát triển kinh tế của địa phương và đô thị hóa, quy mô dân số cơ học trên địa bàn có xu hướng gia tăng, nhất là lực lượng lao động phục vụ chế biến thủy sản, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Điều này làm gia tăng yêu cầu quản lý đô thị, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công trên địa bàn.

b) Cơ cấu lao động

Lực lượng lao động trên địa bàn xã Đầm Dơi chiếm tỷ lệ lớn trong tổng dân số, tham gia vào các lĩnh vực sản xuất chế biến thủy sản, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Dân số trong độ tuổi lao động: 29.628 (chiếm 75,6%) làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như công nghiệp, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, vận tải...)

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tập trung chủ yếu tại trung tâm, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các hoạt động dịch vụ. Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm một tỷ lệ nhất định, gắn với diện tích đất nuôi trồng thủy sản còn lớn trên địa bàn. Việc chuyển dịch cơ cấu lao động gắn với quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa, đồng thời chịu tác động của việc thu hút đầu tư và mở rộng các khu công nghiệp trên địa bàn.

c) Thành phần dân cư

Dân cư trên địa bàn xã Đầm Dơi bao gồm dân cư tại chỗ và dân cư đến từ các địa phương khác. Thành phần dân cư đa dạng, bao gồm người lao động tại các cơ sở kinh doanh và các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ.

Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 2,5% tổng dân số. Các nhóm dân cư sinh sống xen kẽ tại các khu vực dân cư, tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn. Quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa đã làm thay đổi cơ cấu dân cư, với sự gia tăng dân cư làm việc trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, đồng thời hình thành các khu dân cư tập trung gắn với khu vực trung tâm.

6.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng sản lượng thủy sản 7.685 tấn, đạt 107,8% (trong đó tôm 5.560 tấn, đạt 108,2% kế hoạch).

Trên địa bàn xã có 95 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký hơn 149 tỷ đồng, chủ yếu thuộc lĩnh vực thương mại - dịch vụ. Thành lập mới 05 doanh nghiệp, phát triển mới 02 hợp tác xã và 02 tổ hợp tác, đạt 100% kế hoạch năm.

Thu nhập bình quân đầu người đạt 73,67 triệu đồng/người/năm.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,31%.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

Trong những năm qua, mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới được địa phương hưởng ứng và phấn đấu, theo đó các tiêu chí nông thôn mới đã được đạt 19/19 tiêu chí tại khu vực xã Tân Duyệt (cũ), các tiêu chí nông thôn mới nâng cao đạt 20/20 tiêu chí tại khu vực xã Tân Dân (cũ) với các dự án đầu tư xây dựng đã hoàn thiện và đáp ứng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao. Các nhóm ngành nổi bật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng chủ yếu là đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội cho thấy sự quan tâm đầu tư của địa phương đối với bộ mặt hiện đại hóa theo chiều rộng và chiều sâu của đô thị.

Hiện nay với định hướng và cấu trúc không gian đô thị trong giai đoạn mới, việc bổ sung đầu tư, cải tạo nâng cấp các dự án, hạ tầng đô thị trên địa bàn xã đang thực hiện vừa thể hiện sự quan tâm của địa phương trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, vừa là động thái cần thiết trong bối cảnh hiện tại.

- Về thương mại - dịch vụ:

Với lợi thế là khu vực trung tâm của huyện Đàm Dơi (cũ), lĩnh vực thương mại - dịch vụ vẫn luôn là mũi nhọn kinh tế với đóng góp đáng kể trong cơ cấu kinh tế của địa phương, mạng lưới hệ thống thương mại - dịch vụ phân bố có cấu trúc cụ thể trên địa bàn xã, theo đó các nhóm ngành thương mại và dịch vụ hoạt động chủ yếu xen kẽ giữa các khu dân cư, tuyến dân cư và nhóm ngành tiểu thủ công nghiệp sản xuất chủ yếu có mối liên hệ chặt chẽ với ngành chế biến thủy sản trên địa bàn xã.

Cơ cấu kinh tế của địa phương chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản:

Tổng sản lượng thủy sản năm 2025 đạt 7.685 tấn, đạt 107,85% (*vượt Kế hoạch*); trong đó, sản lượng tôm 5.560 tấn, đạt 108,2%; thủy sản khác đạt 2.125 tấn. Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã tăng trưởng ổn định và ít đột biến đồng thời là một mũi nhọn trong cơ cấu nền kinh tế của xã.

Trên địa bàn xã có 18 sản phẩm OCOP của 4 chủ thể trong đó 5 sản phẩm đạt 4 sao, 13 sản phẩm đạt 03 sao của các chủ thể: Hợp tác xã Sông Đàm, Hợp tác xã Trúc Thương, Hợp tác xã Muối Cà Mau và Hợp tác xã Huy Thịnh.

Về trồng trọt và chăn nuôi: Tổng diện tích rau màu, cây ăn trái 145 ha. Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc, gia cầm 9.100 con; trong đó, gia súc 1.110 con; gia cầm 7.990 con. Trong những năm qua công tác tuyên truyền, chăm sóc và tiêm chủng bệnh dại được địa phương quan tâm và triển khai trên khắp địa bàn xã nhằm chống lại các rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, những thất thoát vật nuôi tuy không thể tránh khỏi, tuy nhiên không làm ảnh hưởng đến sản lượng kinh tế của địa phương.

6.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Trên địa bàn có 15 trường công lập và 02 trường tư thục, gồm: 06 trường mẫu giáo, mầm non (02 trường mầm non, 02 trường mẫu giáo và 02 trường tư thục); 05 trường tiểu học; 04 trường trung học cơ sở; 02 trường trung học phổ thông; có khoảng 8.384 học sinh các cấp học trên địa bàn.

Chất lượng giáo dục và phổ cập: Xã Đầm Dơi đảm bảo điều kiện và đạt chuẩn về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đều đạt mức độ 3 (mức độ cao nhất).

Về hiện đại hóa giáo dục: 100% các trường học trên địa bàn đã được kết nối Internet, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý văn bản, hồ sơ học sinh. Các trường học được ưu tiên đầu tư trong các dự án chỉnh trang đô thị (vĩa hè, hệ thống chiếu sáng, thoát nước đồng bộ quanh khu vực trường học), đảm bảo cảnh quan sư phạm xanh - sạch - đẹp theo chuẩn văn minh đô thị.

Nhìn chung, công tác Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn xã Đầm Dơi đã có bước phát triển vượt bậc cả về quy mô lẫn chất lượng. Với hệ thống trường lớp kiên cố và kết quả phổ cập giáo dục đạt mức độ cao nhất, ngành giáo dục địa phương không chỉ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của một Phường mà còn đóng vai trò là động lực then chốt trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, sẵn sàng cho việc chuyển đổi sang mô hình quản lý chính quyền đô thị.

Trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng, nhu cầu học tập của nhân dân trên địa bàn có xu hướng gia tăng cả về quy mô và chất lượng. Mạng lưới trường lớp hiện có cơ bản đáp ứng nhu cầu. Các cơ sở giáo dục đã tích cực triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới; từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy. Việc chuyển đổi số trong giáo dục bước đầu đạt kết quả, song cần tiếp tục đầu tư đồng bộ hơn. Hệ thống cơ sở giáo dục cơ bản phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị. Hạ tầng giao thông kết nối đến các trường học tương đối thuận lợi, đảm bảo an toàn cho học sinh. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng yêu cầu để chuyển sang đơn vị hành chính phường. Các tiêu chí về quy mô, chất lượng, phổ cập giáo dục được đảm bảo; tuy nhiên, cần tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung nguồn lực để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển đô thị.

b) Y tế

Trạm Y tế xã Đầm Dơi đã từng bước củng cố tổ chức, duy trì hoạt động ổn định và thực hiện cơ bản đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Trong thời

gian qua, Trạm Y tế đã phát huy vai trò là cơ sở y tế tuyến đầu, trực tiếp triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, công tác phòng bệnh, khám chữa bệnh thông thường, quản lý sức khỏe cộng đồng và thực hiện các chương trình y tế trên địa bàn. Hiện nay, mạng lưới y tế cơ sở của xã gồm 01 Trạm Y tế chính tại xã Đàm Dơi và 01 điểm trạm. Việc duy trì hoạt động của cả trạm chính và điểm trạm đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong tiếp cận dịch vụ y tế, góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe ở cơ sở.

Trong thời gian qua, công tác khám chữa bệnh tại địa phương được duy trì thường xuyên. Tổng số lượt khám chữa bệnh năm 2025 là 13.808 lượt. Cùng với hoạt động khám chữa bệnh, công tác quản lý sức khỏe nhân dân được triển khai nghiêm túc. Việc theo dõi, quản lý sức khỏe đã góp phần hỗ trợ phát hiện sớm bệnh tật, tư vấn điều trị kịp thời và nâng cao ý thức phòng bệnh trong cộng đồng. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của y tế cơ sở, thể hiện vai trò chủ động trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân ngay từ tuyến đầu. Bên cạnh đó, hoạt động khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền tiếp tục được duy trì và từng bước phát triển. Việc kết hợp giữa y học cổ truyền với chăm sóc sức khỏe ban đầu đã góp phần đa dạng hóa các hình thức điều trị, đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn.

Các chỉ số về sức khỏe cộng đồng của xã cơ bản đạt kết quả tích cực. Công tác y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu và sự phối hợp tương đối tốt giữa ngành y tế với các ban, ngành, đoàn thể trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân. Qua đó, đời sống sức khỏe cộng đồng trên địa bàn từng bước được cải thiện và nâng lên.

c) Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao

Công tác xây dựng và phát triển đời sống văn hóa trên địa bàn xã Đàm Dơi trong thời gian qua được quan tâm triển khai đồng bộ, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Toàn xã hiện có 19 ấp, trong đó 19/19 ấp được công nhận danh hiệu ấp văn hóa, đạt tỷ lệ 100%; tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa hằng năm đạt khoảng 97%. Công tác gia đình được chú trọng triển khai; các hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, phòng, chống bạo lực gia đình được thực hiện hiệu quả; duy trì các mô hình như Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc; công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức của người dân.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn xã tiếp tục phát triển, góp phần nâng cao sức khỏe và đời sống tinh thần của Nhân dân. Tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt khoảng 21%; tỷ lệ gia đình thể thao đạt khoảng 20%. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể dục thể thao từng bước được đầu tư; toàn xã có 03 sân bóng đá 07 người; 02 sân tennis, 01 sân bóng bàn, 01 sân bóng chuyền; có 19/19 ấp được trang bị dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời; hầu hết các ấp có bố trí khu vực sân chơi, bãi tập phục vụ Nhân dân. Hằng năm, xã tổ chức các giải thể thao như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, chạy việt

dã; duy trì hoạt động câu lạc bộ thể dục thể thao quần chúng; tham gia đầy đủ các hội thao cấp trên và đạt thành tích cao.

Căn cứ các tiêu chí về văn hóa, thông tin, thể dục thể thao trong xây dựng đơn vị hành chính cấp phường, qua đánh giá thực trạng cho thấy xã Đầm Dơi cơ bản đáp ứng các yêu cầu theo quy định. Trước hết, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai sâu rộng, có hiệu quả, với 100% áp dụng danh hiệu ấp văn hóa và tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 97%. Đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao, các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy thông qua hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ quần chúng. Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được đầu tư tương đối đồng bộ; toàn xã có nhà văn hóa xã và 100% ấp có nhà sinh hoạt cộng đồng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức thường xuyên, gắn với các sự kiện chính trị, lễ, tết, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân. Trong lĩnh vực thông tin - truyền thông, hệ thống truyền thanh cơ sở được phủ sóng đến toàn bộ các thôn với mô hình truyền thanh thông minh; nội dung tuyên truyền được duy trì thường xuyên, kịp thời. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số bước đầu đạt kết quả tích cực thông qua việc vận hành Trang thông tin điện tử và các nền tảng mạng xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả cung cấp thông tin đến người dân. Phong trào thể dục thể thao quần chúng được duy trì và phát triển; các hoạt động thi đấu thể thao được tổ chức thường xuyên; hệ thống sân bãi, dụng cụ tập luyện từng bước được đầu tư, tạo điều kiện cho người dân tham gia rèn luyện sức khỏe.

d) Lao động - Thương binh và Xã hội

Công tác lao động, việc làm và an sinh xã hội trên địa bàn xã Đầm Dơi được tổ chức thực hiện theo các chương trình, kế hoạch của địa phương và quy định của pháp luật. Lực lượng lao động trên địa bàn tham gia vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, gắn với hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Cơ cấu lao động đang chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng dần lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

Công tác giải quyết việc làm được triển khai thông qua việc kết nối lao động với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn và các khu vực lân cận. Người lao động tham gia làm việc tại các khu công nghiệp, các công trình xây dựng, các cơ sở dịch vụ và các hoạt động sản xuất khác, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và điều kiện của người lao động.

Công tác chính sách đối với người có công với cách mạng được thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm các chế độ, chính sách đối với các đối tượng thụ hưởng. Các đối tượng chính sách được quản lý, theo dõi và thực hiện chi trả chế độ theo quy định. Công tác bảo trợ xã hội được triển khai đối với các đối tượng theo quy định, bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng

khác thuộc diện bảo trợ xã hội. Các chế độ trợ cấp được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Công tác giảm nghèo được thực hiện trên địa bàn xã theo quy định. Các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân được triển khai theo kế hoạch của địa phương.

Công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội được triển khai trên địa bàn theo quy định. Người dân tham gia các loại hình bảo hiểm theo điều kiện và quy định của pháp luật, gắn với việc bảo đảm an sinh xã hội.

Các hoạt động lao động, việc làm và an sinh xã hội được tổ chức thực hiện gắn với sự phát triển kinh tế của địa phương và các chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền, bảo đảm thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động và các đối tượng trên địa bàn xã Đầm Dơi.

đ) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Dân số của xã Đầm Dơi là 38.034 người; trong đó đồng bào dân tộc thiểu số có 950 người, chiếm 2,5% dân số toàn xã. Các dân tộc cùng sinh sống gồm: Kinh, Tày, Hoa, Chăm, Khmer; phân bố xen kẽ, ổn định, tập trung chủ yếu tại ấp Đồng A, Đồng Tâm B.

Trên địa bàn xã có 05 cơ sở tín ngưỡng gồm: Chùa Long Khánh, Thánh Thất Ngọc Điện Đàn, Nhà Thờ Tin Lành, Nhóm Công Giáo, Nhóm Phật giáo Hòa Hảo; trong đó Phật giáo có 01 cơ sở với 05 chức sắc và 05 chức việc; Công giáo có 50 tín đồ; Tin lành có 01 điểm sinh hoạt với 01 chức sắc, 08 chức việc.

Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn xã diễn ra bình thường, ổn định, tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các chức sắc, chức việc và tín đồ các tôn giáo chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cơ sở tôn giáo trên địa bàn đã tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, từ thiện, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, học sinh nghèo hiếu học, trẻ em nhân dịp lễ, Tết, Trung thu, Vu Lan, Giáng sinh... góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và xây dựng đời sống văn hóa tại địa phương. Tình hình tôn giáo trên địa bàn ổn định, không phát sinh điểm nóng, không xảy ra vụ việc phức tạp; không có hoạt động tôn giáo trái pháp luật, không có trường hợp lợi dụng tôn giáo gây mất an ninh trật tự.

Ủy ban nhân dân xã thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; triển khai đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện thường xuyên; qua đó nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân và các tổ chức tôn giáo. Chính quyền địa phương duy trì công tác theo dõi, nắm bắt tình hình; tổ chức kiểm tra định kỳ; hướng dẫn các cơ sở tôn giáo thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động tôn giáo đúng quy định. Mối quan hệ giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo được duy trì tốt, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; công

tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được duy trì thường xuyên; chính quyền địa phương chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời hướng dẫn và giải quyết các vấn đề phát sinh. Trên địa bàn không xảy ra điểm nóng, không phát sinh vụ việc phức tạp liên quan đến tôn giáo; không có hoạt động lợi dụng tôn giáo gây mất an ninh trật tự.

Công tác dân tộc trên địa bàn xã được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả; các chính sách dân tộc được thực hiện đầy đủ, đúng đối tượng. Đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được nâng cao; các chính sách về y tế, giáo dục, bảo hiểm, nước sinh hoạt, hỗ trợ sinh kế được đảm bảo. Hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc được đầu tư đồng bộ; 100% ấp có điện lưới quốc gia; hệ thống giao thông được nhựa hóa, bê tông hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất và sinh hoạt.

6.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Dân cư phân bố trên địa bàn xã chịu sự chi phối của các điều kiện tự nhiên như: địa hình, sông và quá trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt về cơ sở hạ tầng giao thông. Hệ thống nhà ở trên địa bàn trong những năm qua tương đối ổn định, không có sự phát triển đột biến. Hình thức nhà ở chủ yếu là nhà phố, nhà vườn. Mô hình nhà phố hình thành chủ yếu dọc các tuyến đường nội ô trung tâm xã. Tầng cao nhà ở phổ biến là 1 tầng và 2 tầng. Tỷ lệ nhà cao tầng thấp.

Hình thành và phát triển các khu dân cư tập trung dọc theo các trục đường giao thông chính tại khu vực trung tâm, chủ yếu là hình thức nhà phố xen lẫn nhà vườn. Các loại hình nhà ở tại địa bàn được phân bổ thành 02 loại:

- Dạng nhà ô phố: bám theo các trục đường lớn như đường Dương Thị Cẩm Vân, đường 19/5, đường 30/4, ...

- Dạng nhà vườn: phân bố dọc theo các tuyến đường phụ và rải rác trong các khu dân cư.

b) Công trình cơ quan hành chính

Khu trung tâm hành chính xã (trụ sở làm việc HĐND, UBND, ...) sử dụng trụ sở cũ của Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi, khu trung tâm hành chính hiện hữu có hệ thống hạ tầng kỹ thuật tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu hoạt động của bộ máy chính quyền đô thị sau khi thành lập phường.

c) Công trình giáo dục

Trên địa bàn có 15 trường công lập và 02 trường tư thục, gồm: 06 trường mẫu giáo, mầm non (02 trường mầm non, 02 trường mẫu giáo và 02 trường tư thục); 05 trường tiểu học; 04 trường trung học cơ sở; 02 trường trung học phổ thông; có khoảng 8.384 học sinh các cấp học trên địa bàn.

Quy mô trường, lớp tiếp tục được quan tâm đầu tư, xã hội hóa lĩnh vực giáo dục được chú trọng.

Hệ thống giáo dục trên địa bàn cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập, từng bước nâng cao chất lượng dạy và học; đồng thời tạo điều kiện phát triển nguồn lực phục vụ quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

d) Công trình Y tế

Hiện xã có 01 Bệnh viện Đa Khoa Đầm Dơi; 01 Trạm Y tế; 01 Phòng khám đa khoa Sài Gòn Tâm Đức, 01 Phòng khám đa khoa Thanh Vũ và có 54 cơ sở y tế tư nhân cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn.

Mạng lưới y tế công lập và tư nhân phát triển tương đối đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, đáp ứng yêu cầu phục vụ dân cư đô thị và khu vực lân cận.

đ) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Thiết chế văn hóa xã đảm bảo phục vụ nhu cầu cho các hoạt động thể dục, thể thao của người dân (xã có sân bóng đá mini, sân cầu lông, sân tennis,...).

Nhà Văn hóa: 19 ấp.

Các thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân, xây dựng môi trường đô thị, văn minh, hiện đại.

e) Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn phát triển khá sôi động, từng bước hình thành các loại kinh doanh hiện đại; đóng vai trò là trung tâm giao thương, mua sắm và cung ứng dịch vụ của khu vực (01 chợ trung tâm, 02 siêu thị Bách hóa xanh, 01 Thế giới di động, 01 Điện máy xanh...). Đây là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thương mại - dịch vụ - đô thị.

6.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Hạ tầng giao thông

Hệ thống giao thông từng bước được đầu tư, kết nối với các trục giao thông quan trọng như trục lộ Đông - Tây và hệ thống giao thông thủy, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương hàng hóa và phát triển kinh tế.

b) Hạ tầng điện

Hệ thống cung cấp điện trên địa bàn xã Đầm Dơi được đầu tư đồng bộ, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của Nhân dân và doanh nghiệp.

Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%, chất lượng điện năng ổn định, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tiêu chí hạ tầng của đô thị.

c) Cấp nước

Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đạt 75%.

Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 82%.

d) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Hệ thống thoát nước tại các khu dân cư tập trung và tại các trụ sở các cơ quan hành chính, các tổ chức chính trị - xã hội đã được đầu tư theo quy hoạch, cơ bản đáp ứng được nhu cầu thoát nước trong khu vực.

- Khối lượng rác thải sinh hoạt được thu gom khoảng 12 tấn/ngày

- Tổ chức thu gom tại 1.463 hộ dân, tập trung ở khu dân cư, chợ và các tuyến chính.

- Hoạt động thu gom do Công ty liên danh Kiều Phương - Thiên Phát và với hơn 10 công nhân thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt; hoạt động thu gom nơi công cộng, công ty, doanh nghiệp, nhà dân và các tuyến đường trên địa bàn xã đảm bảo thường xuyên, đảm bảo rác không ứ đọng.

6.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Tình hình quốc phòng, an ninh

Quốc phòng quân sự địa phương được đảm bảo; tình hình an ninh chính trị trên địa bàn ổn định; các lực lượng chủ động phối hợp hoạt động chặt chẽ, hiệu quả; tổ chức tuần tra, kiểm soát, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị quan trọng, mục tiêu trọng yếu đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2025 đúng luật định, bảo đảm số lượng, chất lượng, kết quả giao quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Tổ chức Lễ đón thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương, quân số 16 đồng chí và đăng ký vào ngạch dự bị 16 đồng chí theo quy định.

Sắp xếp biên chế vào các đơn vị dự bị động viên, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, đạt 100% chỉ tiêu trên giao, tổ chức biên chế đúng quy định. Chấp hành nghiêm kế hoạch huấn luyện chiến đấu năm 2025, tổ chức tập huấn, huấn luyện, mô hình học cụ, biên soạn giáo án đúng theo quy định.

Phối hợp giữa lực lượng Công an, Quân sự ngày càng chặt chẽ, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Tình hình trật tự an toàn xã hội

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, trật tự an toàn giao thông được tập trung chỉ đạo. Các loại tội phạm và vi phạm về ma túy được phát hiện và xử lý nghiêm, góp phần hạn chế phát sinh tội phạm.

Hiện nay, trên địa bàn xã đang thực hiện mô hình “Camera an ninh”, với tổng số 108 camera. Thông qua công tác tuyên truyền Nhân dân đã cung cấp nhiều nguồn tin có giá trị, giúp lực lượng công an làm rõ, xử lý được 20 vụ việc vi phạm.

Công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm an toàn giao thông được tổ chức thực hiện thường xuyên.

Phòng chống cháy, nổ tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt; thường xuyên kiểm tra phòng cháy chữa cháy các cơ sở kinh doanh có điều kiện, khu tập trung đông dân cư, chợ; từ đầu năm đến nay, không xảy ra vụ cháy trên địa bàn.

6.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

Đảng bộ xã được thành lập trên cơ sở sáp nhập các tổ chức đảng của các đơn vị hành chính trước đây theo chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp cơ sở. Hiện nay, Đảng bộ xã có 42 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, gồm 3 đảng bộ cơ sở (với 20 chi bộ trực thuộc), 19 chi bộ cơ sở và 20 chi bộ ấp; tổng số 1716 đảng viên, trong đó có 635 đảng viên nữ, 29 đảng viên dự bị, 18 đảng viên dân tộc thiểu số, 9 đảng viên sinh hoạt tôn giáo.

Các chi bộ thực hiện sinh hoạt định kỳ theo quy định, triển khai các nội dung sinh hoạt gắn với nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã được kiện toàn theo quy định, thực hiện chức năng lãnh đạo toàn diện trên các lĩnh vực của địa phương. Các đồng chí trong Ban Chấp hành được phân công phụ trách tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện nhiệm vụ theo quy chế làm việc.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy được tổ chức theo quy định, bao gồm các bộ phận tham mưu về công tác tổ chức, kiểm tra, tuyên giáo, dân vận và các lĩnh vực khác. Các cơ quan này thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

Công tác sinh hoạt chi bộ được tổ chức theo định kỳ, nội dung sinh hoạt bao gồm việc triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và triển khai nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo.

Công tác phát triển đảng viên được thực hiện theo kế hoạch, thông qua việc tạo nguồn từ quần chúng ưu tú tại các khu dân cư, cơ quan, đơn vị và các tổ chức trên địa bàn. Việc kết nạp đảng viên được thực hiện theo quy trình, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Đảng.

Công tác quản lý đảng viên được thực hiện thông qua hệ thống tổ chức đảng, bao gồm việc theo dõi, đánh giá, phân loại đảng viên theo quy định. Các nội dung liên quan đến quản lý đảng viên được triển khai thông qua sinh hoạt chi bộ và các hoạt động của tổ chức đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát được triển khai theo chương trình, kế hoạch của Đảng ủy và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy. Các nội dung kiểm tra, giám sát được thực hiện đối với tổ chức đảng và đảng viên, bao gồm việc chấp hành các quy định của Đảng và việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Các hoạt động của tổ chức đảng trên địa bàn được triển khai gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Hội đồng nhân dân xã được tổ chức theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương theo thẩm quyền. Các kỳ họp Hội đồng nhân dân được tổ chức theo quy định, xem xét, thông qua các nghị quyết liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác.

Các đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo quy định, tham gia vào hoạt động của Hội đồng nhân dân và thực hiện nhiệm vụ đại biểu theo quy định. Các hoạt động tiếp xúc cử tri được tổ chức tại các ấp, phục vụ việc tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Ủy ban nhân dân xã được tổ chức theo quy định, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn. Các thành viên Ủy ban nhân dân được phân công phụ trách các lĩnh vực, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Có 03 cơ quan chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội) và Trung tâm Phục vụ hành chính công, được thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo phân công.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân xã được tổ chức thông qua việc ban hành các văn bản quản lý, triển khai các chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các nội dung quản lý nhà nước được triển khai tại các lĩnh vực trên địa bàn.

Công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định. Các thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý và trả kết quả cho người dân theo quy trình, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính tại địa phương.

c) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Từ ngày 1/7/2025, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo mô hình mới với nhiều thay đổi quan trọng. MTTQ có vai trò chủ trì, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc về tổ chức Đảng, chịu quản lý về biên chế và kinh phí thông qua MTTQ. Người đứng đầu các tổ chức này sẽ giữ chức vụ phó chủ tịch Ủy ban MTTQ các cấp, tạo sự thống nhất trong lãnh đạo và phối hợp hoạt động

Về tổ chức bộ máy, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã có 63 ủy viên; cán bộ cơ quan MTTQ Việt Nam xã có 14 đồng chí. Trong đó Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã 05 Đồng chí gồm (Chủ tịch Mặt trận, 04 Phó Chủ tịch là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội) 09 cán bộ, công chức giúp việc. Trưởng Ban Công tác Mặt trận ấp 19 đồng chí ở 19 ấp trên địa bàn xã, cơ cấu đủ thành phần, độ tuổi.

Các tổ chức chính trị - xã hội xã tổ chức Đại hội sau Đại hội Đảng bộ và Đại hội MTTQ cùng cấp, bầu ra Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chủ tịch, Phó Chủ tịch để lãnh đạo hoạt động. Đối với các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, MTTQ đang phối hợp, hướng dẫn sắp xếp như các tổ chức chính trị - xã hội.

Hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội có những thay đổi tích cực, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. đã đóng góp quan trọng vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; giám sát và phản biện xã hội và phát huy vai trò tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao năng lực cho cán bộ và hoàn thiện cơ chế giám sát để khắc phục hạn chế hiện có.

Vận hành theo mô hình chính quyền mới yêu cầu cán bộ, công chức kiêm nhiệm nhiều việc, tạo áp lực lớn, hiệu quả xử lý công việc chưa cao.

d) Cán bộ, công chức cấp xã

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm duy trì hoạt động thường xuyên của hệ thống chính trị và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật và thái độ phục vụ Nhân dân ngày càng được nâng cao. Phần lớn cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, từng bước đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc ngày càng chặt chẽ, hiệu quả; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý văn bản, giải quyết thủ tục hành chính được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản phát huy tinh thần đoàn kết, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

7. Xã Thới Bình

7.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò, chức năng

a) Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Thới Bình được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích, dân số của thị trấn Thới Bình và xã Thới Bình (cũ), theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

Xã có diện tích tự nhiên là 121,05 km², nằm ở khu vực phía Bắc của tỉnh, có vị trí địa lý quan trọng trong phát triển kinh tế du lịch và giao thương liên vùng. Ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Tân Lộc và xã Trí Phải;
- Phía Tây giáp xã Khánh An và xã Nguyễn Phích;
- Phía Nam giáp xã Hồ Thị Kỷ;
- Phía Bắc giáp xã Biển Bạch, xã Nguyễn Phích và xã Trí Phải.

b) Vai trò, chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Thới Bình được xác định là đô thị trung tâm khu vực phía Bắc của tỉnh Cà Mau, giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa trung tâm tỉnh với các địa phương phía Bắc và khu vực giáp ranh tỉnh An Giang. Với vị trí nằm trên các trục giao thông quan trọng của tỉnh, có khả năng tiếp cận thuận lợi với tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, hành lang ven biển phía Nam và các tuyến giao thông liên vùng, Thới Bình có vị trí quan trọng trong tổ chức không gian phát triển đô thị, kinh tế và tăng cường liên kết vùng của tỉnh.

Thới Bình có chức năng là trung tâm tổng hợp về thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và hỗ trợ sản xuất cho khu vực phía Bắc; đồng thời là đầu mối thu gom, trung chuyển, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản của vùng. Với lợi thế là địa bàn thuộc vùng sản xuất lúa - tôm trọng điểm của tỉnh, địa phương giữ vai trò quan trọng trong chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, thủy sản; góp phần nâng cao giá trị sản xuất và thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững.

Đặc biệt, Thới Bình có vị trí chiến lược trong mạng lưới liên kết vùng của tỉnh khi là cửa ngõ kết nối khu vực phía Bắc tỉnh Cà Mau với các địa phương thuộc tỉnh An Giang và các trung tâm kinh tế của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Thông qua hệ thống giao thông đối ngoại, tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và các trục giao thông liên vùng, địa phương có khả năng kết nối thuận lợi với cực tăng trưởng Phước Long, các đô thị Hồng Dân, Hòa Bình, đô thị Bạc Liêu và trung tâm tỉnh Cà Mau. Với vai trò là đầu mối trung chuyển hàng hóa, dịch vụ và kết nối các vùng sản xuất trọng điểm, Thới Bình góp phần tăng cường liên kết vùng, mở rộng không gian phát triển kinh tế và phát huy hiệu quả các hành lang phát triển chiến lược của tỉnh.

Với vị trí là trung tâm khu vực phía Bắc, là đầu mối liên kết giữa các vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm với hệ thống đô thị và các hành lang giao thông chiến lược, Thới Bình có vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tiểu vùng phía Bắc; đồng thời góp phần tăng cường liên kết vùng, phát huy hiệu quả mạng lưới đô thị và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của tỉnh Cà Mau.

7.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Xã có diện tích tự nhiên: 121,053 km². Địa bàn có đặc điểm hệ thống sông, kênh rạch phân bố khá dày đặc; Quỹ đất của địa phương cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, dân cư, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hạ tầng kỹ thuật, thương mại, dịch vụ và các công trình công cộng.

b) Cơ cấu các loại đất

Xã Thới Bình sau khi sáp nhập thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, có tổng diện tích đất tự nhiên 12.105, 32 ha, gồm 02 nhóm đất, cụ thể:

- Đất nông nghiệp 11.070,89 ha, chiếm 91,45%.
- Đất phi nông nghiệp 1.034,43 ha, chiếm 8,55%.

Bảng thống kê diện tích theo mục đích sử dụng:

Đơn vị tính: ha

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích		12.105	100,00
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	11.020,95	91,04
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	5.086,6	42,02
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.046,44	41,69
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	9,57	0,08
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	5.036,87	41,6
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	40,16	0,33
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.197,84	9,90
3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	4.736,51	39,13
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	1.084,05	8,96
1	Đất ở	OTC	135,06	1,12
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	83,20	0,69
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	51,86	0,43
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	4,99	0,04
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	101,24	0,84
3.1	Đất quốc phòng	CQP	99,66	0,82
3.2	Đất an ninh	CAN	1,58	0,01
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	17,56	0,15
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,79	0,03
4.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,87	0,03
4.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	9,89	0,08
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1,53	0,01
5.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,93	0,01

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
5.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,60	0,005
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	335,06	2,77
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	325,66	2,69
6.2	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,36	0,0029
6.3	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,01	0,0001
6.4	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	4,27	0,04
6.5	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	4,18	0,03
6.6	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,16	0,001
6.7	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,30	0,002
6.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,13	0,001
7	Đất tôn giáo	TON	2,93	0,02
8	Đất tín ngưỡng	TIN	0,29	0,002
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	1,42	0,01
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	483,97	3,99
10.1	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	483,97	3,99
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	-	-

7.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

- Dân số: có 8.430 hộ, có 38.067 người
- Mật độ dân số: khoảng 314,5 người/km².
- Dân cư phân bố tương đối tập trung tại các khu vực ven sông, các trục giao thông chính, hình thành các khu dân cư mang đặc trưng đô thị.

b) Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động của xã chuyển dịch mạnh theo hướng phi nông nghiệp, phù hợp với đặc điểm phát triển của đô thị. Đến cuối năm 2025, tổng số lao động trên địa bàn khoảng 26.509 lao động; trong đó lao động phi nông nghiệp khoảng 20.677 người, đạt tỷ lệ 78%.

Lao động phi nông nghiệp tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực: công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, vận tải ... cho thấy cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động trên địa bàn đã chuyển dịch rõ nét theo hướng công nghiệp - thương mại - dịch vụ. Các chỉ tiêu này không chỉ phản ánh trình độ phát triển kinh tế - xã hội mà còn khẳng định diện mạo đô thị đã từng bước hình thành rõ nét trên địa bàn xã. Quá trình phát triển kinh tế thủy sản, thương mại, dịch vụ và du lịch trong thời gian qua đã thúc đẩy tốc độ đô thị hóa trên địa bàn diễn ra nhanh, hình thành tương đối rõ nét không gian đô thị động lực, phát triển khoa học, công nghệ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, với dân cư tập trung, các tuyến thương mại - dịch vụ phát triển liên tục và hệ thống hạ tầng từng bước được đầu tư đồng bộ. Với vai trò là phường trung tâm phía Bắc tỉnh Cà Mau, Thới Bình đang từng bước thể hiện đặc trưng của đô thị động lực gắn với kinh tế thủy sản, thương mại, dịch vụ.

c) Thành phần dân cư

Dân cư trên địa bàn chủ yếu là người Kinh chiếm 96,48%; bên cạnh đó có một số hộ dân thuộc các dân tộc khác: Dân tộc Khmer có 202 hộ chiếm 2,71%, Hoa có 55 hộ chiếm 0,74%, Dân tộc khác 5 hộ chiếm 0,07%. Các dân tộc cùng sinh sống ổn định, đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

Xã có quy mô dân số lớn với 38.067 người (Thường trú 37.888 người, tạm trú 179 người), mật độ dân số khoảng 314,5 người/km². Dân cư phân bố tương đối tập trung tại các khu vực ven sông và dọc theo các trục giao thông chính. Đây là đặc điểm đặc trưng của khu vực đô thị, phản ánh mức độ tập trung dân cư ngày càng cao và yêu cầu quản lý, phát triển theo định hướng đô thị.

Quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế đã thu hút lao động từ nhiều địa phương đến sinh sống, làm việc và kinh doanh. Từ đó, dân số đô thị tăng lên đáng kể: khoảng 23.600 người, chiếm tỷ lệ khoảng 62%, góp phần tạo nên tính đa dạng về ngành nghề, hoạt động kinh tế và thúc đẩy quá trình hình thành nếp sống đô thị trên địa bàn.

7.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của địa phương như sau:

- Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ đạt khoảng 75%.
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt khoảng 62%.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 70 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo chiếm 0,59%.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2025 đạt khoảng 225.313 triệu đồng.
- Tổng số 05 Hợp tác xã đang hoạt động hiệu quả, có 815 thành viên góp vốn, tổng vốn điều lệ 9,175 tỷ đồng. Thành lập mới được 01 tổ hợp tác, nâng lên tổng số 11 tổ hợp tác, có 160 thành viên, tổng vốn góp 115,1 triệu đồng.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

Trong những năm qua, mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và Đô thị văn minh được địa phương phấn đấu, theo đó các tiêu chí nông thôn mới đã được đạt 19/19 tiêu chí tại xã Thới Bình (cũ), tiêu chí đô thị văn minh đạt 9/9 tiêu chí tại Thị trấn Thới Bình (cũ).

Qua rà soát, tự đánh giá thực trạng theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; xã Thới Bình thuộc nhóm 1, hiện tại đạt 30/47 nội dung tiêu chí, đạt 4/10 tiêu chí (các tiêu chí đã đạt gồm tiêu chí số 6 (Giảm nghèo và An sinh xã hội), tiêu chí số 8 (Môi trường và cảnh quan nông thôn), tiêu chí số 9 (Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công), tiêu chí số 10 (Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng).

Các nhóm ngành nổi bật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng chủ yếu là đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội cho thấy sự quan tâm đầu tư của địa phương đối với bộ mặt hiện đại hóa theo chiều rộng và chiều sâu của đô thị. Toàn xã có 8.430 hộ sử dụng điện, đạt 100% số hộ của xã, chất lượng điện năng cơ bản ổn định, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tiêu chí hạ tầng của đô thị.

Công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được tập trung nguồn lực thực hiện nâng cấp, mở rộng và bê tông hóa hệ thống trục đường giao thông nông thôn, xây dựng cầu nông thôn kết nối liên ấp, đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương, buôn bán của người dân. Hệ thống trường học, trạm y tế và các trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng được xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa khang trang đạt chuẩn nông thôn mới và đô thị văn minh. Sự thúc đẩy kinh tế sau sáp nhập đã kích cầu hoạt động xây dựng nhà ở kiên cố của người dân địa phương.

- Về thương mại - dịch vụ:

Hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển khá sôi động, tập trung tại khu vực trung tâm xã và các tuyến giao thông chính. Trên địa bàn có 01 chợ đang hoạt động; trên 652 hộ kinh doanh cá thể; 86 doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ hợp tác hoạt động trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, vận tải, xây dựng và sản xuất nhỏ, thúc đẩy phát triển kinh tế và giải quyết việc làm cho người lao động, đóng góp rất lớn vào tăng trưởng kinh tế chung của xã, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể trên địa bàn.

Thương mại - dịch vụ được xác định là một trong những lĩnh vực có tiềm năng phát triển lớn của phường Thới Bình trong giai đoạn tới, gắn với quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị trung tâm phía Bắc tỉnh Cà Mau.

- Về sản xuất nông nghiệp, thủy sản:

Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định; Kinh tế thủy sản là ngành chủ lực, bao gồm khai thác, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp. Trên địa bàn đã hình thành các cơ sở chế biến gỗ, dịch vụ thương mại, dịch vụ.

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản thả nuôi được 9.613 ha, đạt 100% kế hoạch, sản lượng thủy sản thu hoạch ước đạt 10.128 tấn/8.155 tấn, đạt 124,2% kế hoạch.

Thu hoạch vụ lúa tằm năm 2024 - 2025 với diện tích đạt 3.108 ha, tổng sản lượng đạt 12.836 tấn. Tổng sản lượng thủy sản đạt 10.128 tấn/8.155 tấn, đạt 124,2% kế hoạch (trong đó: Sản lượng tằm thu hoạch được 4.373 tấn/3.650 tấn đạt 119,8% kế hoạch, sản lượng của thu hoạch được 830 tấn/640 tấn đạt 129,7% kế hoạch).

7.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Năm học 2025 - 2026, toàn xã có 199 lớp với 5.689 học sinh ở các cấp học. Mạng lưới trường, lớp tiếp tục được rà soát, sắp xếp theo hướng phù hợp với quy mô dân cư và yêu cầu phát triển đô thị; cơ sở vật chất trường học từng bước được đầu tư, nâng cấp đáp ứng nhu cầu dạy và học.

Hiện nay, toàn xã có 12/13 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, đạt tỷ lệ 92,30% (Trong đó, có 04 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2). Ngoài ra, trên địa bàn còn có 01 Trường trung học phổ thông, góp phần hoàn thiện hệ thống giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác dạy và học của học sinh trong xã và các xã lân cận.

Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong ngành giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm; hoạt động khám chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh được thực hiện thường xuyên. Hạ tầng y tế trên địa bàn tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong điều kiện phát triển đô thị. Chủ động phòng chống các loại dịch bệnh và thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia.

c) Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được duy trì và phát triển; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 96%, tỷ lệ ấp đạt chuẩn văn hóa đạt 100%. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức thường xuyên, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

d) Lao động - Thương binh và Xã hội

Triển khai thực hiện các chính sách về đào tạo, truyền nghề cho lao động nông thôn đạt kết quả khá tốt; việc làm, giải quyết việc làm phù hợp với nhu cầu, trong năm tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt khoảng 78%. Ngoài ra, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh tổ chức các phiên giao dịch việc làm tại xã, mỗi phiên có từ 150 đến 200 người tham dự (dự kiến từ tháng 06/2026 đến 12/2026).

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, chăm lo người có công, người nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã.

Thường xuyên chỉ đạo, phối hợp, tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHXH bắt buộc 2.411/2.906 người, đạt 82,97% kế hoạch; BHXH tự nguyện 1.346/1.414 người, đạt 95,19 %; tỷ lệ tham gia BHYT đạt 100% (xã an toàn khu). Triển khai, hướng dẫn người dân tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên VneID 7.582/27.505 người trong độ tuổi, đạt 27,57%.

đ) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Công tác triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước cho đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo được quan tâm, thực hiện. Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong đồng bào dân tộc được ổn định; công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện theo quy định.

7.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Đến cuối năm 2025, trên địa bàn Xã có trên 85,9% nhà ở dân cư kiên cố và bán kiên cố. Ngoài ra, với sự vào cuộc quyết liệt của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc phân bổ kinh phí hỗ trợ và vận động xã hội hóa (chương trình xóa nhà dột nát, chương trình xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà vì người nghèo,...) đã hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn trên địa bàn xã xây dựng nhà ở ổn định, phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo bền vững.

b) Công trình cơ quan hành chính

Hệ thống trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội được bố trí tập trung từ các cơ quan Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện (trước sáp nhập), cơ bản đáp ứng đủ yêu cầu, thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân.

Các công trình hành chính từng bước được đầu tư, sửa chữa, nâng cấp; hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số được quan tâm đầu tư, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương.

c) Công trình giáo dục

Trên địa bàn, có 04 trường Mầm non, 06 trường Tiểu học, 03 trường Trung học cơ sở và 01 trường Trung học phổ thông. Cơ sở vật chất trường học từng bước được đầu tư theo hướng kiên cố hóa; phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị

dạy học cơ bản đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trong điều kiện phát triển đô thị.

d) Công trình y tế

Hệ thống hạ tầng y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và nâng cấp. Hiện nay, Thới Bình có 01 Trạm y tế đạt chuẩn theo quy định, 01 Bệnh viện Đa khoa, 01 Phòng khám Đa khoa tư nhân đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân trong xã và khu vực.

đ) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Hoạt động thể dục, thể thao được quan tâm đầu tư; hiện nay trên địa bàn có 01 khu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao tại Trung tâm Công ích xã, cùng nhiều sân vận động và các công trình phục vụ luyện tập thể thao như sân bóng đá mini, sân cầu lông, pickleball..., cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vui chơi và rèn luyện sức khỏe của người dân.

e) Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

- Trên địa bàn xã Thới Bình hiện có 01 chợ Chợ Thới Bình và các điểm buôn bán, cửa hàng tạp hóa, đại lý vật tư nông nghiệp, dịch vụ ăn uống và các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm hành chính xã.

- Hoạt động thương mại phục vụ chủ yếu nhu cầu tiêu dùng nội địa, sản xuất nông nghiệp và giao thương hàng hóa nông sản.

- Một số tuyến đường chính đã xuất hiện mô hình nhà ở kết hợp kinh doanh dịch vụ, tạo tiền đề hình thành các trục thương mại địa phương.

- Xã có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch theo hướng trở thành ngành kinh tế quan trọng của địa phương. Với vị trí kết nối giao thông thuận lợi, không gian sinh thái đặc trưng vùng Đồng bằng sông Cửu Long cùng các giá trị văn hóa – lịch sử lâu đời, địa phương có khả năng hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù mang tính trải nghiệm và bản sắc riêng.

Các tiềm năng nổi bật gồm: Hệ thống di tích lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng truyền thống; Cảnh quan nông thôn, sông nước, đồng ruộng và vườn cây đặc trưng miền Tây; Văn hóa cộng đồng dân cư đa dạng, giàu bản sắc; Các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản có thể gắn với du lịch trải nghiệm và OCOP; Điều kiện liên kết với các tuyến du lịch trong khu vực tỉnh Cà Mau và Đồng bằng sông Cửu Long.

7.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

Hệ thống giao thông từng bước được đầu tư, kết nối với các trục giao thông quan trọng như: Đường hành lang ven biển phía Nam, Đường ĐT.983B (Thới Bình - Tân Lộc), Đường ĐT.983 (Thới Bình - Trí Phải), tuyến đường Cao tốc Cà Mau - Cần Thơ và hệ thống giao thông thủy, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương hàng hóa và phát triển kinh tế.

b) Thủy lợi

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, dân sinh và phòng, chống thiên tai. Các tuyến kênh, rạch tự nhiên kết hợp với hệ thống công trình thủy lợi hiện có góp phần phục vụ thoát nước, điều tiết nguồn nước và hỗ trợ hoạt động nuôi trồng thủy sản.

Địa phương thường xuyên thực hiện công tác duy tu, nạo vét các tuyến kênh, rạch nhằm bảo đảm lưu thông dòng chảy, hạn chế tình trạng ngập úng cục bộ trong mùa mưa và phục vụ sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân.

c) Cấp điện

Hệ thống cung cấp điện trên địa bàn Thới Bình được đầu tư tương đối đồng bộ, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của Nhân dân và doanh nghiệp.

Hiện nay, tổng chiều dài đường dây điện trung thế dài 765 km và đường dây hạ thế dài 927 km, phủ khắp các khu dân cư và khu vực sản xuất. Trên địa bàn có 01 trạm biến áp 110 kV Thới Bình, cấp điện 5 phát tuyến, giữ vai trò nguồn cấp điện chính, bảo đảm ổn định cho toàn khu vực.

Hệ thống trạm biến áp phân phối gồm 1129 trạm, tổng số MBA 1241 máy, tổng dung lượng 95.565 kVA, đáp ứng cơ bản nhu cầu phụ tải ngày càng tăng, đặc biệt trong lĩnh vực chế biến thủy sản tuyến 471AX, sản xuất kinh doanh dịch vụ và thương mại. Sản lượng điện tiêu thụ bình quân hằng năm ước đạt khoảng 136 triệu kWh, phản ánh quy mô và mức độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

d) Cấp nước

Hiện Thới Bình có 01 trạm nước qua xử lý cung cấp 60% dân cư sống trên địa bàn, đang hoàn thiện hồ sơ xây dựng 01 nhà máy nước 20 tỷ nhằm cung cho khoảng 6.800 hộ dân. Tỷ lệ dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, đạt 100%. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 95%.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Khối lượng rác thải sinh hoạt được thu gom khoảng 30 tấn/ngày.
- Tổ chức thu gom tại 5.500 hộ dân, tập trung ở khu dân cư, chợ và các tuyến chính.
- Hoạt động thu gom do Hợp tác xã Nông nghiệp, Môi trường Thới Bình thực hiện với 20 công nhân, đảm bảo thực hiện thường xuyên.
- Hạ tầng xử lý chất thải: hiện có 01 bãi rác tạm với diện tích khoảng 45.000 m², sức chứa khoảng 10.000 tấn, phục vụ thu gom rác thải cho 04 xã lân cận. Các điểm ô nhiễm môi trường tồn đọng từng bước được xử lý; các cơ sở sản xuất, kinh doanh cơ bản thực hiện đăng ký bảo vệ môi trường theo quy định.

7.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội được triển khai đồng bộ; các lực lượng chức năng thường xuyên tăng cường tuần tra, kiểm soát, chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và vi phạm pháp luật.

Tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội cơ bản được kiểm soát; công tác phòng, chống tội phạm, ma túy, cờ bạc, tín dụng đen và các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn được quan tâm thực hiện. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong Nhân dân.

Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông được tăng cường; tình hình tai nạn giao thông từng bước được kiểm chế. Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được triển khai theo quy định; thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại do sự cố xảy ra.

Nhìn chung, tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Thới Bình cơ bản ổn định, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đô thị và bảo đảm đời sống bình yên cho Nhân dân.

7.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

Đảng bộ xã Thới Bình có 40 tổ chức cơ sở đảng, chi bộ trực thuộc, gồm: 15 đảng bộ, chi bộ cơ sở loại hình sự nghiệp; 02 chi bộ cơ sở loại hình cơ quan; 02 chi bộ cơ sở loại hình lực lượng vũ trang; 02 chi bộ cơ sở loại hình doanh nghiệp; 01 chi bộ cơ sở loại hình hợp tác xã; 18 chi bộ ấp trực thuộc. Tổng số đảng viên toàn Đảng bộ xã là 1.462 đảng viên, trong đó: đảng viên dự bị 35 đồng chí; nữ 569 đồng chí; dân tộc thiểu số 15 đồng chí; tôn giáo 05 đồng chí.

Đảng bộ xã được tổ chức và hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức Đảng tiếp tục được kiện toàn theo hướng tinh gọn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu.

Đảng ủy xã thực hiện tốt vai trò lãnh đạo toàn diện đối với hệ thống chính trị; tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị và công tác xây dựng Đảng trên địa bàn.

Công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức cán bộ, kiểm tra, giám sát, dân vận và xây dựng tổ chức cơ sở đảng được triển khai thường xuyên; năng lực lãnh đạo, điều hành và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu quản lý địa bàn đô thị ven biển trong tình hình mới.

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã được tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật; thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn.

Hội đồng nhân dân xã phát huy vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương; thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng và giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện nghị quyết trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân xã thực hiện tốt chức năng quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và cung ứng dịch vụ công cho Nhân dân.

Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, giải quyết thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân được quan tâm thực hiện.

Trong điều kiện quy mô dân số lớn, tốc độ đô thị hóa nhanh, yêu cầu nâng cao năng lực quản trị đô thị, quản lý đất đai, xây dựng, môi trường và trật tự đô thị ngày càng cao, đặt ra yêu cầu tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền đô thị sau khi thành lập phường.

c) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội được tổ chức, hoạt động theo đúng quy định; phát huy vai trò tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Các phong trào thi đua yêu nước, vận động xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển kinh tế được triển khai thường xuyên, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và tuyên truyền, vận động Nhân dân đồng thuận thực hiện chủ trương thành lập phường được tăng cường, tạo sự thống nhất trong hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư.

d) Cán bộ, công chức cấp xã

Đội ngũ cán bộ, công chức xã cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân trên địa bàn.

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị của cán bộ, công chức đạt và trên chuẩn; năng lực thực tiễn của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được nâng lên; đa số đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức được thực hiện theo quy định và phù hợp với yêu cầu tổ chức bộ máy sau sắp xếp đơn vị hành chính. Tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân và kỷ luật, kỷ cương hành chính tiếp tục được tăng cường.

Tuy nhiên, trong điều kiện phát triển đô thị và yêu cầu quản lý địa bàn ngày càng cao, nhất là trong các lĩnh vực quản lý đô thị, đất đai, xây dựng, môi trường, chuyển đổi số và cải cách hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức cần tiếp tục được đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản trị và khả năng thích ứng với mô hình chính quyền đô thị.

8. Xã Trần Văn Thời

8.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò, chức năng

a) Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Trần Văn Thời thuộc tỉnh Cà Mau, được hình thành trên cơ sở sáp nhập các đơn vị hành chính, gồm: Thị trấn Trần Văn Thời, xã Khánh Lộc, xã Phong Lạc và điều chỉnh một phần diện tích, dân số của các xã: Phong Điền, Trần Hợi

và Lợi An theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

Xã có diện tích tự nhiên 133,82 km², nằm ở khu vực phía Tây tỉnh Cà Mau Ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp: Xã Khánh Bình, Xã Lương Thế Trân và xã Hưng Mỹ.
- Phía Tây giáp: Xã Sông Đốc và xã Khánh Hưng.
- Phía Nam giáp: Xã Hưng Mỹ và xã Phú Mỹ.
- Phía Bắc giáp: Xã Đá Bạc và xã Khánh Bình.

b) Vai trò, chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Trần Văn Thời được xác định là đô thị trung tâm cấp tiểu vùng của khu vực phía Tây tỉnh Cà Mau. Với vị trí nằm trên các trục giao thông quan trọng kết nối trung tâm tỉnh với đô thị Sông Đốc và khu vực ven biển phía Tây, xã Trần Văn Thời giữ vai trò là đầu mối liên kết giữa không gian phát triển nội địa với không gian phát triển kinh tế biển của tỉnh.

Xã Trần Văn Thời có chức năng là trung tâm điều phối các hoạt động hành chính, thương mại và sản xuất của khu vực phía Tây tỉnh; đồng thời là địa bàn kết nối vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản với các tuyến giao thông đối ngoại, các khu vực phát triển ven biển và các trung tâm kinh tế của tỉnh. Với lợi thế về vị trí giao thông, cơ sở sản xuất và mạng lưới dịch vụ hiện có, địa phương giữ vai trò quan trọng trong thu gom, trung chuyển, chế biến và lưu thông hàng hóa, góp phần nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản của khu vực.

Đặc biệt, xã Trần Văn Thời có mối quan hệ phát triển gắn kết chặt chẽ với đô thị Sông Đốc - cực động lực kinh tế biển phía Tây của tỉnh. Thông qua hệ thống giao thông kết nối trực tiếp giữa hai địa phương, xã Trần Văn Thời đóng vai trò là cầu nối giữa vùng sản xuất nội địa với trung tâm kinh tế biển, dịch vụ hậu cần nghề cá, khai thác và chế biến thủy sản của khu vực phía Tây. Sự liên kết này góp phần hình thành chuỗi giá trị sản xuất - chế biến - thương mại - dịch vụ thủy sản, tăng cường liên kết không gian phát triển giữa khu vực nội địa và ven biển, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Tây và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của tỉnh Cà Mau.

8.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Tổng diện tích tự nhiên của xã Trần Văn Thời là 133.82km² (13.382,22ha). Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 119,76km² (11.976,34ha), chiếm 89,49%; diện tích đất phi nông nghiệp 14,64km² (1.464,66ha), chiếm 10,5% và diện tích đất chưa sử dụng 0,0125 km² (1,25ha), chiếm 0,01%.

b) Cơ cấu các loại đất

Bảng thống kê diện tích theo mục đích sử dụng:

(Đơn vị tính: ha)

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng diện tích		13.382,22	100,00
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	11.976,34	89,49
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	5.111,38	38,20
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.111,38	38,20
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	5.108,94	38,18
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	2,44	0,02
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK		
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.990,42	22,35
3	Đất lâm nghiệp	LNP		
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD		
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH		
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX		
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3.873,28	28,94
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT		
6	Đất làm muối	LMU		
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,26	0,01
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	1.404,63	10,50
1	Đất ở	OTC	204,25	1,53
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	151,68	1,13
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	52,57	0,39
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,99	0,06
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	8,92	0,07
3.1	Đất quốc phòng	CQP	7,59	0,06
3.2	Đất an ninh	CAN	1,33	0,01
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	28,34	0,21

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	6,87	0,05
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH		
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,18	0,02
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	13,46	0,10
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	4,00	0,03
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT		
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT		
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,83	0,01
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,94	0,01
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC		
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK		
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN		
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,88	0,01
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,06	
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	190,25	1,42
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	175,92	1,32
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	5,40	0,04
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,08	0,00
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC		
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,01	
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,38	0,00

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	2,82	0,02
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,50	0,00
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	2,48	0,02
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	2,65	0,02
7	Đất tôn giáo	TON	6,50	0,05
8	Đất tín ngưỡng	TIN	1,29	0,01
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	4,81	0,04
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	951,33	7,11
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	313,25	2,34
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	638,08	4,77
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1,25	0,01
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	1,25	0,01
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS		
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
4	Núi đá không có rừng cây	NCS		
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS		

8.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

- Tổng dân số toàn xã hiện có 56.418 người; trong đó dân số khu vực đô thị là 36.538 người.

- Tỷ lệ dân số đô thị hóa, cụ thể: 36.538/56.179 người, đạt 65,04%.

- Mật độ dân số: Khoảng 419 người/km².

b) Cơ cấu lao động

Đến cuối năm 2025, xã hiện có 41.185 lao động (trong đó có 29.241 lao động đang làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, vận tải ...), đạt tỷ lệ 70,99%.

c) Thành phần dân cư

Xã Trần Văn Thời hiện có 56.179 người; trong đó, dân số khu vực đô thị là 36.538 người (trong đó: Thị trấn Trần Văn Thời cũ: 14.693 người; khu vực dân cư tái định cư 3.228 người; dân cư dịch chuyển: 18.617 người), dân thành thị chiếm tỷ lệ 64,76% .

8.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Chỉ tiêu phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 07%.
- Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn 10,2%.
- Kinh tế tư nhân:
 - + Số doanh nghiệp thành lập mới: 30 doanh nghiệp.
 - + Số hộ cá thể phát triển lên doanh nghiệp: 08 hộ.
- Kinh tế tập thể:
 - + Số hợp tác xã thành mới đạt 01 hợp tác xã.
 - + Số tổ hợp tác thành lập mới đạt 01 tổ hợp tác.
- Tỷ lệ người dân giao dịch không sử dụng tiền mặt: 78%.
- Chi ngân sách xã: 330.448 triệu đồng.
- Tổng sản lượng lúa: 61.050 tấn.
- Tổng sản lượng thủy sản: 11.000 tấn.
- Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tăng 9,5%.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm còn 0,27%.
- Tỷ lệ trường học có hệ thống nước sạch để uống và nhà vệ sinh tiêu chuẩn: 88%.
- Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao: Đạt thêm 02 tiêu chí (Giáo dục, Nhà ở dân cư), nâng tổng số lên 12/19 tiêu chí.
- Phát triển mới cơ sở du lịch sinh thái: 01 cơ sở.
- Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch:
 - + Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung: 82%.
 - + Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn: 61%.
- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt: 91%.
- Tỷ lệ tuyển chọn thanh niên nhập ngũ, ra quân huấn luyện đạt chỉ tiêu trên giao.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

Trong những năm qua, mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và Đô thị văn minh được địa phương phấn đấu, theo đó các tiêu chí nông thôn mới đã được đạt 19/19 tiêu chí tại xã Trần Hợi (cũ), các tiêu chí nông thôn mới nâng cao đạt 20/20 tiêu chí tại xã Khánh Lộc (cũ); Đô thị văn minh đạt 9/9 tiêu chí tại Thị trấn Trần Văn Thời (cũ); các dự án đầu tư xây dựng đã hoàn thiện và đáp ứng các tiêu chí nông thôn mới, Đô thị văn minh.

Các nhóm ngành nổi bật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng chủ yếu là đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội cho thấy sự quan tâm đầu tư của địa phương đối với bộ mặt hiện đại hóa theo chiều rộng và chiều sâu của đô thị. Toàn xã có 10.844 hộ sử dụng điện, đạt 100% số hộ của xã.

Công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được tập trung nguồn lực thực hiện nâng cấp, mở rộng và bê tông hóa hệ thống trục đường giao thông nông thôn, xây dựng cầu nông thôn kết nối liên ấp, đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương, buôn bán của người dân. Hệ thống trường học, trạm y tế và các trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng được xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa khang trang đạt chuẩn nông thôn mới và đô thị văn minh. Sự thúc đẩy kinh tế sau sáp nhập đã kích cầu hoạt động xây dựng nhà ở kiên cố của người dân địa phương; thị trường vật liệu xây dựng tại chỗ phát triển nhộn nhịp để đáp ứng nhu cầu xây dựng trên địa bàn.

- Về thương mại - dịch vụ:

Hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển khá sôi động, tập trung tại khu vực trung tâm xã và các tuyến giao thông chính. Trên địa bàn có 03 chợ đang hoạt động; trên 1.200 hộ kinh doanh cá thể; 91 doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ hợp tác hoạt động trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, vận tải, xây dựng và sản xuất nhỏ, thúc đẩy phát triển kinh tế và giải quyết việc làm cho người lao động, đóng góp rất lớn vào tăng trưởng kinh tế chung của xã, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể trên địa bàn.

Thương mại - dịch vụ được xác định là một trong những lĩnh vực có tiềm năng phát triển lớn của phường Trần Văn Thời trong giai đoạn tới, gắn với quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị trung tâm phía Tây tỉnh Cà Mau.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản:

Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định; triển khai thực hiện Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030.

Diện tích thu hoạch lúa đạt 10.452 ha; năng suất bình quân đạt 5,84 tấn/ha; tổng sản lượng lúa đạt 61.050 tấn.

Nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển; tổng sản lượng đạt 11.000 tấn.

Toàn xã hiện có 03 sản phẩm OCOP đạt hạng 4 sao.

8.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Năm học 2025 - 2026, toàn xã có 231 lớp với 7.276 học sinh ở các cấp học. Mạng lưới trường, lớp tiếp tục được rà soát, sắp xếp theo hướng phù hợp với quy mô dân cư và yêu cầu phát triển đô thị; cơ sở vật chất trường học từng bước được đầu tư, nâng cấp đáp ứng nhu cầu dạy và học.

Hiện nay, toàn xã có 15/17 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, đạt tỷ lệ 88,2%; có 01/17 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, đạt tỷ lệ 5,88%. Ngoài ra, trên địa bàn còn có 02 Trường trung học phổ thông, góp phần hoàn thiện hệ thống giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác dạy và học của học sinh trong xã và các xã lân cận.

Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong ngành giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm; hoạt động khám chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh được thực hiện thường xuyên; Hiện xã có 01 Bệnh viện Đa Khoa Trần Văn Thời; 01 Trạm Y tế có 04 cơ sở; 01 Phòng khám đa khoa Sài Gòn và có 49 cơ sở y tế tư nhân cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn.

c) Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được duy trì và phát triển; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 94,10%, tỷ lệ ấp đạt chuẩn văn hóa đạt 100%. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức thường xuyên, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

Hoạt động thể dục, thể thao được quan tâm đầu tư; hiện nay trên địa bàn có 05 trung tâm văn hóa, 01 sân vận động cùng nhiều công trình phục vụ luyện tập thể thao như sân bóng đá mini, sân cầu lông, 02 sân tennis..., cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vui chơi và rèn luyện sức khỏe của người dân.

Hoạt động du lịch từng bước phát triển gắn với tiềm năng sinh thái và văn hóa địa phương; năm 2025 ước đón hơn 17.600 lượt khách đến tham quan, mua sắm tại các điểm du lịch trên địa bàn, góp phần thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ và quảng bá hình ảnh địa phương.

d) Lao động - Thương binh và Xã hội

Triển khai thực hiện các chính sách về đào tạo, truyền nghề cho lao động nông thôn đạt kết quả khá tốt; việc làm, giải quyết việc làm phù hợp với nhu cầu, trong năm đã giải quyết việc làm cho 1.194/1.165 lao động nông thôn, đạt 102,5% chỉ tiêu giao. Ngoài ra, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh tổ chức thành công sàn giao dịch việc làm tại xã.

Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, chăm lo người có công, người nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã.

Công tác giảm nghèo được quan tâm tạo điều kiện để hộ nghèo cận nghèo vươn lên trong cuộc sống bằng việc hỗ trợ nhà ở, tạo sinh kế, vốn vay... để hộ nghèo thoát nghèo bền vững. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã có 34 hộ nghèo, chiếm 0,31% (*giảm 0,11%, tương đương giảm 11 hộ so với cuối năm 2024*) và có 90 hộ cận nghèo, chiếm 0,83% (*giảm 0,20%, tương đương giảm 22 hộ so với cuối năm 2024*).

Thường xuyên chỉ đạo, phối hợp, tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHXH bắt buộc 1.537 người, đạt 126,5% kế hoạch; BHXH tự nguyện 1.545 người, đạt 8,6%, vượt 0,07% kế hoạch; BHTN 1.342 người, đạt 126,9% kế hoạch; tỷ lệ tham gia BHYT đạt 100% (xã an toàn khu). Triển khai, hướng dẫn người dân tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên VneID 3.491/18.494 người trong độ tuổi, đạt 18,87%.

d) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Công tác triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước cho đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo được quan tâm, thực hiện. Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong đồng bào dân tộc được ổn định; công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện theo quy định.

Toàn xã có 296 hộ dân tộc thiểu số, với 1.255 người; 07 cơ sở tín ngưỡng, với 4.538 tín đồ, hoạt động tín ngưỡng đúng quy định; thường xuyên phối hợp nắm tình hình, kịp thời giải quyết những vụ việc phát sinh; thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”, tại Ấp 4, Bình Minh 1, Kinh Ngang. Phối hợp mở 01 lớp dạy chữ Khmer; vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn trên địa bàn xã.

8.9. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Đến cuối năm 2025, trên địa bàn Xã Trần Văn Thời có trên 80% nhà ở dân cư kiên cố và bán kiên cố. Ngoài ra, với sự vào cuộc quyết liệt của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc phân bổ kinh phí hỗ trợ và vận động xã hội hóa (chương trình xóa nhà dột nát, chương trình xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà vì người nghèo,...) đã hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn trên địa bàn xã xây dựng nhà ở ổn định, phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo bền vững.

b) Công trình cơ quan hành chính

Bao gồm các cơ quan hành chính sự nghiệp hiện nay trên địa bàn xã sau khi sáp nhập (thuộc Thị trấn Trần Văn Thời và các xã: Khánh Lộc, Phong Lạc, Phong Điền, Lợi An và Trần Hợi).

c) Công trình giáo dục

- 06 trường Mầm non.
- 07 trường Tiểu học.
- 05 trường Trung học cơ sở.
- 02 trường Trung học phổ thông.

d) Công trình y tế

Hiện xã có 01 Bệnh viện Đa Khoa Trần Văn Thời; 01 Trạm Y tế có 04 cơ sở; 01 Phòng khám đa khoa Sài Gòn và có 49 cơ sở y tế tư nhân cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn.

đ) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Thiết chế văn hóa xã đảm bảo phục vụ nhu cầu cho các hoạt động thể dục, thể thao của người dân (xã có sân vận động, sân bóng đá mini, sân cầu lông, sân tennis, quảng trường...).

Nhà Văn hóa: 38 ấp.

e) Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

Có khu vực Đầm Thị Tường, trong đó có 1/2 diện tích thuộc phạm vi địa giới Xã Trần Văn Thời; phát triển các loại hình du lịch sinh thái, trải nghiệm, văn hóa và ẩm thực địa phương.

8.10. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

Trên địa bàn có các tuyến giao thông kết nối quan trọng gồm:

- Đường Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc.
- Tuyến đường đầu nối Quốc lộ 1.
- Tuyến đường bờ Nam Sông Đốc.
- Tuyến đường đầu nối vào Đầm Thị Tường.

Ngoài ra còn có hệ thống giao thông nông thôn và hệ thống sông, kênh phục vụ giao thông thủy và sản xuất.

b) Thủy lợi

Toàn xã có 60 tuyến kênh (gồm: 02 tuyến kênh trực; 08 tuyến kênh cấp I; 18 tuyến kênh cấp II; 32 tuyến kênh cấp III); 04 trạm bơm tiêu nước; 20 cống điều tiết nước vùng ngọt hóa (có 4 cống nội đồng); 17 cống điều tiết nước phục vụ sản xuất vùng lúa tôm. Hệ thống kênh mương, cống cơ bản đảm bảo điều tiết nước và đề bao từng bước được đầu tư, duy tu, nạo vét, góp phần chủ động cấp thoát nước, hạn chế thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn và triều cường gây ra. Công tác quản lý, vận hành công trình thủy lợi được tăng cường, cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và dân sinh.

c) Cấp điện

Toàn xã, có 10.844 hộ sử dụng điện, đạt 100% số hộ của xã; trong đó 10.747 hộ sử dụng điện kế chính, chiếm 99,1%, còn 97 hộ sử dụng điện chia hơi chiếm 0,9%.

d) Cấp nước

Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đạt 76%.

Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 82%.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Hệ thống thoát nước tại các khu dân cư tập trung và tại các trụ sở các cơ quan hành chính, các tổ chức chính trị - xã hội đã được đầu tư theo quy hoạch, cơ bản đáp ứng được nhu cầu thoát nước trong khu vực. Việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt đảm bảo theo quy định, đa số hộ dân đều có hố rác gia đình, nhà tiêu hợp vệ sinh; tỷ lệ rác thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 91%. Xã có bãi trung chuyển rác thải sinh hoạt tại vàm kênh Trảng Cò, Ấp 5 và Ấp 9. Khu vực nghĩa trang được bố trí phù hợp theo quy hoạch.

8.11. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Tình hình quốc phòng, an ninh

Quốc phòng quân sự địa phương được đảm bảo; tình hình an ninh chính trị trên địa bàn ổn định; các lực lượng chủ động phối hợp hoạt động chặt chẽ, hiệu quả; tổ chức tuần tra, kiểm soát, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị quan trọng, mục tiêu trọng yếu đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2025 đúng Luật định, bảo đảm số lượng, chất lượng, kết quả giao quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Tổ chức Lễ đón thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương, quân số 31 đồng chí và đăng ký vào ngạch dự bị 31 đồng chí theo quy định. Đồng thời, chuẩn bị các điều kiện cho công tác tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2026, kết quả 82/41 thanh niên đủ điều kiện nhập ngũ, đạt 200% so với chỉ tiêu.

Sắp xếp biên chế vào các đơn vị dự bị động viên, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, đạt 100% chỉ tiêu trên giao, tổ chức biên chế đúng quy định. Chấp hành nghiêm kế hoạch huấn luyện chiến đấu năm 2025, tổ chức tập huấn, huấn luyện, mô hình học cụ, biên soạn giáo án đúng theo quy định.

Phối hợp giữa lực lượng Công an, Quân sự ngày càng chặt chẽ, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Tình hình trật tự an toàn xã hội

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, trật tự an toàn giao thông được tập trung chỉ đạo. Các loại tội phạm và vi phạm về ma túy được phát hiện và xử lý nghiêm, góp phần hạn chế phát sinh tội phạm.

Hiện nay, trên địa bàn xã đang thực hiện mô hình “Camera an ninh”, với tổng số 118 camera. Thông qua công tác tuyên truyền Nhân dân đã cung cấp nhiều nguồn tin có giá trị, giúp lực lượng công an làm rõ, xử lý được 14 vụ việc vi phạm.

Công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm an toàn giao thông được tổ chức thực hiện thường xuyên; xảy ra 02 vụ va chạm giao thông đường bộ.

Phòng chống cháy, nổ tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt; thường xuyên kiểm tra phòng cháy chữa cháy các cơ sở kinh doanh có điều kiện, khu tập trung đông dân cư, chợ; từ đầu năm đến nay, không xảy ra vụ cháy trên địa bàn.

8.12. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

Đảng bộ xã được thành lập trên cơ sở sáp nhập các tổ chức đảng của các đơn vị hành chính trước đây theo chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp cơ sở. Hiện nay, Đảng bộ xã có 68 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, gồm 06 đảng bộ cơ sở (với 28 chi bộ trực thuộc), 24 chi bộ cơ sở và 38 chi bộ ấp; tổng số 1.981 đảng viên, trong đó có 712 đảng viên nữ, 46 đảng viên dự bị, 21 đảng viên dân tộc thiểu số, 14 đảng viên sinh hoạt tôn giáo.

Các chi bộ thực hiện sinh hoạt định kỳ theo quy định, triển khai các nội dung sinh hoạt gắn với nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã được kiện toàn theo quy định, thực hiện chức năng lãnh đạo toàn diện trên các lĩnh vực của địa phương. Các đồng chí trong Ban Chấp hành được phân công phụ trách tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện nhiệm vụ theo quy chế làm việc.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy được tổ chức theo quy định, bao gồm các bộ phận tham mưu về công tác tổ chức, kiểm tra, tuyên giáo, dân vận và các lĩnh vực khác. Các cơ quan này thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

Công tác sinh hoạt chi bộ được tổ chức theo định kỳ, nội dung sinh hoạt bao gồm việc triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và triển khai nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo.

Công tác phát triển đảng viên được thực hiện theo kế hoạch, thông qua việc tạo nguồn từ quần chúng ưu tú tại các khu dân cư, cơ quan, đơn vị và các tổ chức trên địa bàn. Việc kết nạp đảng viên được thực hiện theo quy trình, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Đảng.

Công tác quản lý đảng viên được thực hiện thông qua hệ thống tổ chức đảng, bao gồm việc theo dõi, đánh giá, phân loại đảng viên theo quy định. Các nội dung liên quan đến quản lý đảng viên được triển khai thông qua sinh hoạt chi bộ và các hoạt động của tổ chức đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát được triển khai theo chương trình, kế hoạch của Đảng ủy và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy. Các nội dung kiểm tra, giám sát được thực hiện đối với tổ chức đảng và đảng viên, bao gồm việc chấp hành các quy

định của Đảng và việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Các hoạt động của tổ chức đảng trên địa bàn được triển khai gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Hội đồng nhân dân xã được tổ chức theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương theo thẩm quyền. Các kỳ họp Hội đồng nhân dân được tổ chức theo quy định, xem xét, thông qua các nghị quyết liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác.

Các đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo quy định, tham gia vào hoạt động của Hội đồng nhân dân và thực hiện nhiệm vụ đại biểu theo quy định. Các hoạt động tiếp xúc cử tri được tổ chức tại các ấp, phục vụ việc tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Ủy ban nhân dân xã được tổ chức theo quy định, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn. Các thành viên Ủy ban nhân dân được phân công phụ trách các lĩnh vực, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Có 03 cơ quan chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội) và Trung tâm Phục vụ hành chính công, được thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo phân công.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân xã được tổ chức thông qua việc ban hành các văn bản quản lý, triển khai các chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các nội dung quản lý nhà nước được triển khai tại các lĩnh vực trên địa bàn.

Công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định. Các thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý và trả kết quả cho người dân theo quy trình, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính tại địa phương.

c) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Từ ngày 1/7/2025, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo mô hình mới với nhiều thay đổi quan trọng. MTTQ có vai trò chủ trì, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc về tổ chức Đảng, chịu quản lý về biên chế và kinh phí thông qua MTTQ. Người đứng đầu các tổ chức này sẽ giữ chức vụ phó chủ tịch Ủy ban MTTQ các cấp, tạo sự thống nhất trong lãnh đạo và phối hợp hoạt động

Về tổ chức bộ máy, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã có 62 ủy viên; cán bộ cơ quan MTTQ Việt Nam xã có 17 đồng chí. Trong đó Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã 06 đồng chí gồm (Chủ tịch Mặt trận, 05 Phó Chủ tịch là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội) 12 cán bộ, công chức giúp việc. Trưởng Ban Công tác Mặt trận ấp 38 đồng chí ở 38 ấp trên địa bàn xã, cơ cấu đủ thành phần, độ tuổi.

Các tổ chức Chính trị - xã hội xã tổ chức Đại hội sau Đại hội Đảng bộ và Đại hội MTTQ cùng cấp, bầu ra Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chủ tịch, Phó

Chủ tịch để lãnh đạo hoạt động. Đối với các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, MTTQ đang phối hợp, hướng dẫn sắp xếp như các tổ chức chính trị - xã hội.

Hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội có những thay đổi tích cực, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. đã đóng góp quan trọng vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; giám sát và phản biện xã hội và phát huy vai trò tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao năng lực cho cán bộ và hoàn thiện cơ chế giám sát để khắc phục hạn chế hiện có.

Vận hành theo mô hình chính quyền mới yêu cầu cán bộ, công chức kiêm nhiệm nhiều việc, tạo áp lực lớn, hiệu quả xử lý công việc chưa cao.

d) Cán bộ, công chức cấp xã

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm duy trì hoạt động thường xuyên của hệ thống chính trị và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật và thái độ phục vụ Nhân dân ngày càng được nâng cao. Phần lớn cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, từng bước đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc ngày càng chặt chẽ, hiệu quả; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý văn bản, giải quyết thủ tục hành chính được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản phát huy tinh thần đoàn kết, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

9. Xã Phước Long

9.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò, chức năng

a) Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Phước Long thuộc tỉnh Cà Mau, được hình thành trên cơ sở sáp nhập thị trấn Phước Long và xã Vĩnh Phú Đông theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

Xã có diện tích tự nhiên 98,12 km², nằm ở khu vực phía Bắc của tỉnh. Ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Ninh Quới;
- Phía Tây giáp xã Vĩnh Phước;
- Phía Nam giáp xã Vĩnh Thanh;
- Phía Bắc giáp xã Hồng Dân.

b) Vai trò, chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Phước Long được xác định là đô thị trung tâm khu vực phía Bắc tỉnh, giữ vai trò là 1 trong 3 cực tăng trưởng quan trọng trong mô hình phát triển không gian của tỉnh Cà Mau với các đô thị vệ tinh xung quanh (Ninh Quới A, Ngan Dừa, Phó Sinh), đồng thời nằm trên các trục giao thông kết nối vùng Bắc Cà Mau với trung tâm tỉnh và các địa phương trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (tỉnh An Giang, thành phố Cần Thơ), Phước Long là đầu mối liên kết phát triển kinh tế - xã hội, thương mại, dịch vụ và sản xuất của khu vực phía Bắc tỉnh.

Đô thị Phước Long có chức năng là trung tâm tổng hợp về thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế, công nghiệp chế biến và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; là hạt nhân thúc đẩy phát triển vùng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tập trung, gắn với công nghiệp chế biến và chuỗi giá trị nông sản, thủy sản của tỉnh. Đồng thời, đây là trung tâm cung cấp các dịch vụ công cộng, dịch vụ đô thị và hỗ trợ sản xuất cho khu vực phía Bắc, góp phần nâng cao chất lượng đời sống dân cư và thúc đẩy quá trình đô thị hóa của địa phương.

Với vai trò là cực tăng trưởng khu vực phía Bắc tỉnh, Phước Long có tác động lan tỏa đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của toàn vùng Bắc Cà Mau; là đầu mối kết nối giữa các vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản trọng điểm với hệ thống đô thị, trung tâm thương mại và các khu vực phát triển công nghiệp của tỉnh. Thông qua việc phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến và nông nghiệp công nghệ cao, Phước Long góp phần mở rộng không gian phát triển nội địa, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh và thực hiện mục tiêu phát triển cân bằng giữa các vùng động lực của tỉnh Cà Mau.

9.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Tổng diện tích tự nhiên của xã Phước Long là 98,12 km² (9.812,14 ha). Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 89,14 km² (8.913,64 ha), chiếm 90,84%; diện tích đất phi nông nghiệp 8,98 km² (898,50 ha), chiếm 9,16 % và diện tích đất chưa sử dụng 0 km² (0 ha), chiếm 0%.

b) Cơ cấu các loại đất

Bảng thống kê diện tích theo mục đích sử dụng:

(Đơn vị tính: ha)

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		9.812,14	100
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	8.913,64	90,84
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	5.195,87	58,29

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.002,76	11,25
3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.706,87	30,37
4	Đất nông nghiệp khác	NKH	8,15	0,09
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	898,50	9,16
1	Đất ở	OTC	191,61	21,33
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	5,88	0,65
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	3,72	0,41
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	18,41	0,19
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	17,17	0,17
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	522,09	5,32
7	Đất tôn giáo	TON	3,69	0,41
8	Đất tín ngưỡng		0,28	0,03
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	9,01	1,00
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	126,62	14,09
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	00	00

9.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

- Dân số trên địa bàn 47.667 người.
- Tỷ lệ dân số đô thị hóa là 50,95%.
- Mật độ dân số 486 người/km².

b) Cơ cấu lao động

Xã Phước Long hiện có 20.621 lao động, trong đó 14.517 lao động đang làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, du lịch,... chiếm 70,40% tổng số lao động trên địa bàn.

c) Thành phần dân cư

Xã Phước Long được thành lập trên cơ sở giữ nguyên trạng thị trấn Phước Long (là Đô thị loại V) và xã Vĩnh Phú Đông (là xã Nông thôn mới kiểu mẫu).

Theo đó, dân số khu vực đô thị của xã Phước Long chiếm 24.289 người trên tổng số 47.667 người, đạt tỷ lệ 50,95%.

9.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Các chỉ tiêu phát triển kinh tế điều đạt và vượt kế hoạch đề ra:

- Tổng giá trị sản xuất đạt 8.401 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch năm;
- Tổng sản lượng lương thực đạt, thủy sản đạt 100.902 tấn đạt 107% kế hoạch năm;
- Tỷ lệ tổng thu/tổng chi là: 228 tỷ 563 triệu đồng/198 tỷ 807 triệu đồng, tỷ lệ 114,97%.
- Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt 9,18% đạt 100% kế hoạch năm;
- Số doanh nghiệp và hợp tác xã thành lập mới đạt 100% kế hoạch năm;
- Tỷ lệ người dân giao dịch không dùng tiền mặt đạt 102,5% kế hoạch năm;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 105 triệu đồng đạt 100% kế hoạch năm;
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% kế hoạch năm;
- Đào tạo nghề 950 lao động đạt 100% kế hoạch năm;
- Giải quyết việc làm 1.200 lao động đạt 100% kế hoạch năm;
- Xuất khẩu lao động 18 lao động đạt 150% kế hoạch năm.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

Tiếp tục phát triển ổn định các ngành như nhựa gia dụng, xay xát lúa gạo, cơ khí và may công nghiệp đều ghi nhận tăng trưởng tốt. Nhiều ngành nghề truyền thống cũng được duy trì và phát triển, góp phần tăng thu nhập và cải thiện đời sống. Vận động người dân tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hiện tại toàn xã có 05 sản phẩm được công nhận. Tiếp tục duy trì, phát triển các hoạt động làng nghề đan lát trên địa bàn ấp Mỹ I.

Công tác quản lý trật tự xây dựng được tăng cường; tiếp nhận và giải quyết hồ sơ xin cấp phép xây dựng; phối hợp khảo sát tình trạng sụp lún, ổ gà tại đường dẫn cầu Phước Long 2 và một số tuyến lộ, cầu ở ấp Vĩnh Phú A để trình Sở Xây dựng và các đơn vị chức năng kịp thời khắc phục. Đầu tư xây dựng mới các tuyến lộ, cầu bê tông cốt thép; đồng thời vận động nhân dân tham gia dặm vá, sửa chữa các tuyến lộ ngõ xóm, móng cầu bị hư hỏng, góp phần đảm bảo nhu cầu đi lại của nhân dân.

- Về thương mại - dịch vụ:

Hoạt động sản xuất, kinh doanh, buôn bán trên địa bàn xã tiếp tục ổn định; tập trung vận động thành lập doanh nghiệp hàng năm, có trên 905 hộ kinh doanh cá thể.

Thành lập mới 03/03 HTX, với 92 thành viên, đạt 100% kế hoạch (gồm: HTX Tiến Phát ấp Tường 1, HTX Nấm sạch ấp Phước Hòa Tiền, HTX DVNN Thủy sản Thành Đạt ấp Hành Chính).

Tỷ lệ người dân thực hiện giao dịch không dùng tiền mặt ngày càng tăng.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản:

Tổng sản lượng lương thực trên địa bàn xã đến cuối năm là 99.706/93.546 tấn (trong đó bắp quy ra thóc 1.300 tấn, sản lượng lúa 98.406 tấn), đạt 107% kế hoạch, cụ thể:

Diện tích canh tác lúa là 8.042 ha; diện tích gieo trồng trong năm 13.885 ha; diện tích thu hoạch 13.860 ha năng suất bình quân đạt gần 7,1 tấn/ha, sản lượng ước đạt 98.406 tấn (bao gồm: Lúa - tằm 2.900 ha, năng suất 7,5 tấn/ha, sản lượng 21.750 tấn; lúa Đông xuân 5.142 ha, năng suất bình quân gần 8,3 tấn/ha, sản lượng 42.676 tấn; lúa Hè thu 5.142 ha, năng suất bình quân 5,9 tấn/ha, sản lượng 30.338 tấn; lúa Thu đông 607 ha, năng suất 6,0 tấn/ha, sản lượng đạt 3.642 tấn).

Xuống giống 130 ha bắp, đạt 100% kế hoạch (chủ yếu tập trung ở ấp Mỹ 1). Thu hoạch đến cuối năm đạt 130 ha, năng suất ước đạt 10 tấn/ha, sản lượng quy ra thóc ước đạt 1.300 tấn, đạt 100% kế hoạch năm.

Tổng diện tích trồng rau 73,2 ha, diện tích gieo trồng 407,2 ha, thu hoạch trong năm 407,2 ha, đạt 100% kế hoạch.

Tổng sản lượng nuôi trồng và đánh bắt 7.897/7.356 tấn (trong đó sản lượng tôm, cua 1.927 tấn; sản lượng cá 4.310 tấn; đánh bắt tự nhiên 1.660 tấn), đạt 107,4% kế hoạch, (tăng 1.649 tấn so với năm 2024). Diện tích nuôi trồng thủy sản được Chi Cục thủy sản cấp mã số vùng nuôi cho các tổ chức, cá nhân nuôi tôm trên địa bàn xã được 728 mã số cho 913 ao với diện tích 1.430,37/2.900 ha, đạt 49,32% diện tích.

Tổng đàn gia súc, gia cầm 87.335 con, bao gồm: Tổng đàn gia súc 3.055 con (Heo 2.786 con; Trâu 137 con; Bò 65 con; Dê 67 con); Tổng đàn gia cầm 84.280 con (Gà 6.018 con; vịt 78.262 con); Toàn xã có 49 nhà Yến; Có 7.534 con động vật hoang dã chủ yếu cá sấu, rắn, rắn, baba, chồn hương,... Trên địa bàn xã trong tháng 7/2025 có 01 hộ chăn nuôi tại ấp Mỹ Tân đàn heo bị mắc dịch tả heo Châu phi (số lượng 13 con) UBND xã đã chỉ đạo ngành chuyên môn phối hợp với Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Phước Long tiến hành tiêu hủy số lượng heo mắc bệnh theo đúng quy định.

9.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Trên địa bàn có 12 trường công lập và 01 trường tư thục, gồm: 05 trường mầm non trong đó có 01 trường tư thục; 05 trường tiểu học; 02 trường trung học cơ sở; 01 trường trung học phổ thông; có khoảng 8.241 học sinh các cấp học trên địa bàn.

Triển khai thực hiện nghiêm túc Đề án phát triển nâng cao chất lượng giáo dục. Các trường học trên địa bàn tích cực hưởng ứng và tham gia hiệu quả các phong trào thi đua do ngành và các cấp phát động, gắn với các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực.

Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập tiếp tục được duy trì và phát triển. Các tổ chức đoàn thể, hội khuyến học vận động tốt phong trào học tập suốt đời, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn. Cân đối, phân bổ giáo viên, đảm bảo đủ nguồn lực cho nhiệm vụ giảng dạy năm học mới 2025 - 2026; thực hiện đổi tên trường để phù hợp với tên gọi khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Đồng thời chuẩn bị tốt mọi điều kiện thực hiện sáp nhập các trường học trên địa bàn theo đúng chủ trương của tỉnh trong thời gian tới. Tái công nhận trường Trung học cơ sở A Vĩnh Phú Đông đạt chuẩn quốc gia.

Tỷ lệ học sinh học tiểu học, học 02 buổi/ngày đạt tỷ lệ 100%; Tỷ lệ trường phổ thông sử dụng học bạ điện tử đạt tỷ lệ 100%. Trường học có hệ thống nước sạch để uống và nhà vệ sinh đạt chuẩn 12/12 trường đạt 100% chỉ tiêu.

b) Y tế

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân tiếp tục được quan tâm, triển khai đồng bộ và đạt nhiều kết quả tích cực. Hoạt động khám và điều trị bệnh cho nhân dân được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được duy trì tốt; không xảy ra dịch bệnh lớn, các chỉ tiêu tiêm chủng mở rộng đạt theo kế hoạch. Hỗ trợ tích hợp Sổ khám sức khỏe điện tử trên VneID cho người đủ 14 tuổi trở lên 15.329/15.329 người, đạt 100%.

Thường xuyên kiểm tra công tác An toàn vệ sinh thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ăn uống 100% cơ sở được kiểm tra đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm, không phát sinh vụ ngộ độc tập thể, trên địa bàn.

Công tác vận động người dân tham gia BHYT đạt tỷ lệ 100%, Tỷ lệ người dân tham gia BHXH tự nguyện đạt 102%.

c) Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao

Về thông tin truyền thông, KHCN, chuyển đổi số được triển khai quyết liệt, đồng bộ theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh. Ủy ban nhân dân xã ban hành đầy đủ hệ thống kế hoạch, quy chế, quyết định tổ chức bộ máy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ công tác và các lực lượng hỗ trợ chuyển đổi số tại cơ sở. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng được tăng cường; cấp 60 tài khoản quản lý văn bản, trên 53 tài khoản thư điện tử công vụ, 53 chứng thư số phục vụ ký số và xử lý văn bản điện tử; cử 35 cán bộ, công chức, viên chức tham gia khóa học trên nền tảng “Bình dân học vụ số”; 15 cán bộ, công chức tham gia tập huấn chuyển đổi số...

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao được tổ chức thường xuyên, công tác tuyên truyền được triển khai đa dạng qua tuyên truyền lưu động, hội họp, sinh hoạt đoàn thể, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật.

c) Lao động - Thương binh và Xã hội

Công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo gia đình chính sách, người có công với cách mạng được thực hiện đầy đủ, kịp thời; công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội,

chăm sóc trẻ em được thực hiện khá tốt. Tổ chức tốt các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, kỷ niệm 78 năm Ngày Thương binh, Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2025). Nhận 02 hồ sơ làm lại Tổ quốc ghi công; chi trả tiền trợ cấp hàng tháng cho gia đình chính sách, người có công và đối tượng bảo trợ xã hội kịp thời; Chi mai táng phí đối tượng gia đình chính sách, người có công với cách mạng 30 đối tượng và 50 hồ sơ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội.

Xây dựng hoàn thành 58 căn nhà ở cho người có công (*trong đó 31 căn xây dựng mới và 27 căn sửa chữa*). Xây dựng hoàn thành 02 căn nhà ở cho nghèo, hộ cận nghèo; hỗ trợ 01 hộ gia đình bị tốc mái hoàn toàn ở ấp Phước Hòa Tiền.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm: Trong năm mở lớp dạy nghề, truyền nghề cho 950/950 người, đạt 100% chỉ tiêu (giảm 550 lao động so năm 2024); giới thiệu việc làm cho 1.422/1.200 lao động, đạt 118,5% chỉ tiêu (giảm 600 lao động so với năm 2024); xuất khẩu lao động 18/12 người, đạt 150% kế hoạch (tăng 04 lao động so năm 2024).

d) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Trên địa bàn xã 3.326 tín đồ, có 08 điểm tôn giáo được nhà nước cấp phép hoạt động có 44 chức việc, 27 chức sắc. (Trong đó: Phật giáo có 05 điểm với 3.003 tín đồ (02 Chùa, 01 Tịnh xá, 02 đạo tràng); Tịnh độ cư sĩ có 01 điểm với 68 tín đồ; Công giáo có 01 điểm với 91 tín đồ; Tin Lành 02 điểm với 35 tín đồ).

Trong những năm qua, công tác dân tộc - tôn giáo tiếp tục được quan tâm thực hiện, gắn với nhiệm vụ giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở; tăng cường công tác nắm tình hình hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, nhất là những điểm sinh hoạt chưa được cấp phép, đảm bảo không phát sinh vi phạm pháp luật, giữ gìn khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo khảo sát các đối tượng được thụ hưởng Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS tại ấp Vĩnh Phú B, Vĩnh Lộc, Long Đức có: 05 hộ đủ điều kiện để hỗ trợ nhà ở. Đồng thời, đã rà soát, tổng hợp nguồn kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn, vốn sự nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 và dự toán vốn NSNN năm 2026 của Chương trình theo quy định.

9.9. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Về nhà ở không ngừng được mở rộng cả về số lượng và chất lượng; nhiều khu dân cư mới được hình thành với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội từng bước được đầu tư đồng bộ. Các loại hình nhà ở đa dạng hơn, bao gồm nhà ở riêng lẻ, nhà ở thương mại và nhà ở xã hội, phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính của nhiều nhóm đối tượng.

Bên cạnh sự phát triển tại khu vực đô thị, nhà ở tại khu vực nông thôn cũng có nhiều cải thiện rõ rệt. Người dân chú trọng hơn đến việc xây dựng nhà kiên cố, bán kiên cố thay thế cho nhà tạm, nhà xuống cấp. Chương trình hỗ trợ nhà ở cho

hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo an sinh xã hội.

b) Công trình cơ quan hành chính

Các cơ quan hành chính trên địa bàn được bố trí tập trung, khoa học hiện đại và đảm bảo tính công năng; không gian bên trong được tổ chức khoa học, thuận tiện cho việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ và giao dịch với người dân. Đồng thời cũng đảm bảo an ninh, an toàn và khả năng tiếp cận dễ dàng cho người dân.

c) Công trình y tế

Hạ tầng y tế trên địa bàn tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong điều kiện phát triển đô thị. Hiện nay, Phước Long có 01 Trạm Y tế đạt chuẩn theo quy định.

Bên cạnh đó, địa phương có 01 Bệnh viện đa khoa Phước Long đóng trên địa bàn với quy mô khoảng 250 giường bệnh, góp phần nâng cao năng lực khám, chữa bệnh, giảm tải cho tuyến trên và đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng của Nhân dân trong khu vực.

d) Công trình giáo dục

Xã luôn quan tâm đến việc phát triển hạ tầng công trình giáo dục xác định đây là vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Việc đầu tư xây dựng trường lớp khang trang, hiện đại không chỉ tạo môi trường học tập an toàn, thuận lợi cho học sinh mà còn góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy của giáo viên. Hiện nay các trường trên địa bàn xã hệ thống cơ sở vật chất đầy đủ như: phòng học chức năng, thư viện, phòng thí nghiệm, khu thể chất và trang thiết bị công nghệ thông tin giúp học sinh được tiếp cận với phương pháp học tập tiên tiến, phát triển toàn diện cả về kiến thức lẫn kỹ năng.

đ) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Hiện trên địa bàn xã Phước Long có 22 thiết chế văn hóa ấp và 01 trung tâm văn hóa phục vụ nhu cầu sinh hoạt tinh thần, rèn luyện sức khỏe và nâng cao đời sống Nhân dân. Ngoài ra còn có các khu vui chơi công cộng. Xã luôn quan tâm trong việc đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình văn hóa, thể dục - thể thao xem không chỉ góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống mà còn tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia các hoạt động thể chất, giải trí và giao lưu cộng đồng.

Bên cạnh đó, hệ thống công trình văn hóa, thể dục - thể thao còn đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục thế hệ trẻ, nâng cao ý thức đoàn kết, xây dựng lối sống lành mạnh và thúc đẩy phong trào rèn luyện sức khỏe toàn dân, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, tạo mỹ quan đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

e) Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

Xã đã tập trung kêu gọi đầu tư xây dựng khu đô thị mới, vận động các hộ kinh doanh trên địa bàn mở rộng quy mô và diện tích nhằm cung cấp dịch vụ cho người dân trên địa bàn được tốt hơn; các siêu thị phục vụ tham quan và nhu cầu mua sắm; hiện nay xã đang tập trung kêu gọi đầu tư vào làng nghề đan đác tại ấp Mỹ 1, vườn chim tại ấp Long Hòa nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan và du lịch của du khách.

9.10. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

Hệ thống giao thông từng bước được đầu tư, kết nối với các trục giao thông quan trọng như tuyến Quản lộ - Phụng Hiệp, kênh sáng Phụng Hiệp và hệ thống giao thông thủy, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương hàng hóa và phát triển kinh tế.

b) Thủy lợi

Tập trung sên vét 03 kênh thủy lợi, dài 7.156m và sên vét được 06 kênh thủy nông nội đồng, dài 7.050 mét; đồng thời cải tạo, nâng cấp 02 trạm bơm (*ấp Mỹ 1 và Mỹ 2A*) vào hoạt động, nâng cấp 02 trạm bơm phụ; 04 cống nội đồng và 01 đập tạm trạm bơm điện phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất của người dân trên địa bàn.

c) Cấp điện

Hệ thống cung cấp điện trên địa bàn Phước Long được đầu tư tương đối đồng bộ, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của Nhân dân và doanh nghiệp.

Hiện nay, tổng chiều dài đường dây điện trung thế đạt khoảng 191,4 km và đường dây hạ thế khoảng 194,4 km, phủ khắp các khu dân cư và khu vực sản xuất. Trên địa bàn có 221 trạm biến áp với dung lượng 63,05 MVA, giữ vai trò nguồn cấp điện chính, bảo đảm ổn định cho toàn khu vực.

Sản lượng điện tiêu thụ bình quân hằng năm ước đạt khoảng 51,9 triệu kWh, phản ánh quy mô và mức độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tổng số khách hàng sử dụng điện là 12.040 khách hàng, trong đó có 11.441 khách hàng hộ gia đình (bao gồm các hộ có hoạt động sản xuất, kinh doanh) và 629 khách hàng chuyên sản xuất, kinh doanh.

Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%, chất lượng điện năng cơ bản ổn định, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tiêu chí hạ tầng của đô thị.

d) Cấp nước

Việc đảm bảo xây dựng, vận hành và bảo trì mạng lưới đường ống dẫn nước, trạm bơm và nhà máy xử lý nước để đảm bảo áp lực và lưu lượng ổn định đến từng hộ gia đình. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh từ các nguồn đạt 100%.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Khối lượng rác thải sinh hoạt được thu gom 20 tấn/ngày; tổ chức thu gom tại 2.400 hộ dân, tập trung ở khu dân cư, chợ và các tuyến chính, hoạt động thu gom do Trung tâm Công ích thực hiện với 10 công nhân, đảm bảo thường xuyên.

Hạ tầng xử lý chất thải: 01 bãi rác tạm diện tích khoảng 04 ha, sức chứa 40.000 tấn; góp phần xử lý các điểm ô nhiễm tồn đọng; các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký bảo vệ môi trường theo quy định.

9.11. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm theo đúng quy định bảo đảm chất lượng thanh niên nhập ngũ về chính trị, sức khỏe và trình độ văn hóa, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng trong tình hình mới, đạt 100% chỉ tiêu trên giao; công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo đồng bộ. Từ đó, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn ổn định, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị, không để xảy ra “điểm nóng”. Công tác bảo vệ bí mật nhà nước và an ninh mạng được đảm bảo.

Triệt xóa 10 vụ tệ nạn xã hội, liên quan 40 đối tượng, xử phạt hành chính 09 vụ với 37 đối tượng, số tiền trên 73 triệu đồng; khởi tố 01 vụ 04 đối tượng; tình hình tai nạn giao thông đường bộ tiếp tục được kiểm chế, trong năm xảy ra 05 vụ tai nạn giao thông (*giảm 01 vụ so với cùng kỳ năm 2024*).

9.12. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

Đảng bộ xã Phước Long được thành lập theo Quyết định số 1496-QĐ/TU, ngày 22/6/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025. Đảng bộ xã Phước Long có 47 đảng bộ, chi bộ trực thuộc, gồm: 02 đảng bộ cơ sở, 23 chi bộ cơ sở và 22 chi bộ ấp, có 1.466 đảng viên có 01 bí thư và 01 Phó Bí thư thường trực.

Ban Xây dựng Đảng được Đảng ủy giao 06 đồng chí (01 trưởng ban, 01 phó ban và 04 chuyên viên), Ủy ban kiểm tra có 05 đồng chí (01 trưởng ban, 01 phó ban và 03 chuyên viên). Trung tâm chính trị có 03 đồng chí (01 giám đốc, 01 phó giám đốc và 01 chuyên viên).

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Hội đồng nhân dân xã có 03 cán bộ chuyên trách gồm: Phó chủ tịch HĐND và 02 Phó Trưởng Ban của 02 Ban HĐND xã (Chủ tịch HĐND và Trưởng 2 Ban HĐND xã hoạt động kiêm nhiệm); Ủy ban nhân dân xã có 03 cán bộ gồm: Chủ tịch UBND và 02 Phó Chủ tịch UBND; Văn phòng HĐND và UBND xã có 07 công chức (Chánh Văn phòng và 01 Phó Chánh Văn phòng, cùng với 05 công chức chuyên môn); Phòng Kinh tế xã có 10 công chức (trong đó: 01 Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng và 08 công chức chuyên môn); Phòng Văn hóa - Xã hội xã có 07 công chức (trong đó: Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng cùng với 05 công chức chuyên môn); Trung tâm Phục vụ hành chính công có 01 Giám đốc và 06 công chức. Xã được giao 47 biên chế cán bộ, công chức theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

về biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và người hoạt động không chuyên trách cấp xã năm 2026.

Biên chế hiện có mặt là: 38 biên chế cán bộ, công chức, trong đó: Nam 26 người, nữ 12 người.

c) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, các hội trực thuộc thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ, tham gia xây dựng chính quyền và phản biện xã hội. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có 11 đồng chí (trong đó có 01 chủ tịch, 04 phó chủ tịch và 06 chuyên viên).

d) Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng số cán bộ, công chức của xã Phước Long là 66 người, cụ thể: khối đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là 27 người; HĐND-UBND và các phòng chuyên môn là 39 người. Trình độ lý luận chính trị (cao cấp 29 đồng chí, trung cấp 44 đồng chí)

Nhìn chung, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng được nhu cầu thực hiện nhiệm vụ trong gian đoạn hiện nay.

10. Xã Hồng Dân

10.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò, chức năng

a) Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Hồng Dân thuộc tỉnh Cà Mau, được hình thành trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã: Lộc Ninh, Ninh Hòa và Thị trấn Ngan Dừa theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

Xã có diện tích tự nhiên 124,93 km², nằm ở khu vực phía Bắc tỉnh Cà Mau. Ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Ninh Quới, tỉnh Cà Mau;
- Phía Tây giáp xã Vĩnh Lộc và xã Ninh Thanh Lợi, tỉnh Cà Mau;
- Phía Nam giáp xã Phước Long và xã Vĩnh Phước, tỉnh Cà Mau;
- Phía Bắc giáp xã Lương Tâm, thành phố Cần Thơ.

b) Vai trò, chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, đô thị Ngan Dừa, xã Hồng Dân được xác định là đô thị trung tâm khu vực phía Bắc của tỉnh Cà Mau, giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa các vùng sản xuất trọng điểm với các trung tâm đô thị, thương mại và dịch vụ của tỉnh. Với vị trí nằm trong không gian phát triển phía Bắc, giáp xã Phước Long - cực tăng trưởng của tỉnh và có mối liên kết trực tiếp với các địa phương thuộc tỉnh

An Giang, Hồng Dân có vị trí quan trọng trong tổ chức không gian phát triển kinh tế, đô thị và tăng cường liên kết vùng của tỉnh Cà Mau.

Hồng Dân có chức năng là trung tâm thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và hỗ trợ sản xuất cho khu vực phía Bắc của tỉnh; đồng thời là đầu mối thu gom, trung chuyển, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản của vùng. Với lợi thế nằm trong khu vực sản xuất nông nghiệp trọng điểm của tỉnh, địa phương giữ vai trò quan trọng trong liên kết chuỗi giá trị sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, thủy sản; góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế nông nghiệp và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của khu vực.

Đặc biệt, Hồng Dân có vị trí chiến lược trong mạng lưới liên kết vùng khi nằm trong không gian phát triển gắn với cực tăng trưởng Phước Long và các hành lang giao thông quan trọng của tỉnh. Thông qua hệ thống giao thông đối ngoại, khả năng tiếp cận thuận lợi với tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, định hướng tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu và các tuyến kết nối liên vùng, địa phương có điều kiện thuận lợi để liên kết với đô thị Bạc Liêu, Hòa Bình, Phước Long và các trung tâm kinh tế của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Cùng với Phước Long, Hồng Dân tham gia hình thành không gian phát triển động lực phía Bắc của tỉnh, tạo điều kiện mở rộng phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao và thu hút đầu tư vào khu vực.

Với vị trí là đầu mối kết nối trong không gian phát triển phía Bắc, là địa bàn hỗ trợ trực tiếp cho cực tăng trưởng Phước Long và là cầu nối giữa tỉnh Cà Mau với các địa phương lân cận trong vùng, Hồng Dân có vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Bắc; góp phần tăng cường liên kết vùng, phát huy hiệu quả các hành lang phát triển chiến lược và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của tỉnh Cà Mau.

10.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Tổng diện tích tự nhiên của xã Hồng Dân là 124,93 km² (12.493,37ha). Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 113,68 km² (11.367,78ha), chiếm 90,99%; diện tích đất phi nông nghiệp 112,25 km² (1.124,37ha), chiếm 9,00% và diện tích đất chưa sử dụng 0,012 km² (1,22ha), chiếm 0,01%.

b) Cơ cấu các loại đất

Bảng thống kê diện tích theo mục đích sử dụng:

(Đơn vị tính: ha)

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		12.493,37	100
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	11.367,78	90,99
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	9.851,41	78,85
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.511,97	12,10

3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	4,39	0,04
4	Đất nông nghiệp khác	NKH	0	0
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	1.124,37	9,00
1	Đất ở	OTC	257,02	2,06
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,42	0,01
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	5,65	0,05
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	19,77	0,16
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	15,97	0,13
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	537,07	4,30
7	Đất tôn giáo	TON	14,43	0,12
8	Đất tín ngưỡng	TIN	0,94	0,01
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	9,74	0,08
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	251,35	2,01
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1,22	0,01

10.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

- Dân số: 53.452 người (Trong đó: Thường trú là 53.345 người; tạm trú là 107 người).

- Mật độ dân số: khoảng 427,85 người/km².

- Dân cư phân bố tương đối tập trung tại khu vực trung tâm và các tuyến giao thông chính, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đô thị trong thời gian tới.

b) Cơ cấu lao động

Xã Hồng Dân hiện có 33.155 lao động, trong đó 23.268 lao động đang làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, vận tải,... chiếm 70,18% tổng số lao động trên địa bàn.

c) Thành phần dân cư

Xã Hồng Dân được thành lập trên cơ sở giữ nguyên trạng thị trấn Ngan Dừa (là Đô thị loại V), xã Ninh Hòa (*xã Nông thôn mới*) và xã Lộc Ninh (*xã Nông thôn mới*). Theo đó, dân số khu vực đô thị của xã Hồng Dân chiếm 27.553 người trên tổng số 53.452 người, đạt tỷ lệ 51,55%.

10.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Chỉ tiêu phát triển kinh tế

- Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn từ 100% trở lên:

+ Tổng thu ngân sách xã năm 2025 là: 285.539 triệu đồng.

+ Tổng chi trên địa bàn xã năm 2025 là: 285.490 triệu đồng.

Tỉ lệ tổng thu/tổng chi là: 285.539/285.490 triệu đồng, tỷ lệ 100,02%.

- Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP đạt từ 70% trở lên: Qua điều tra, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của xã Hồng Dân đạt 70,42% (trong đó Công nghiệp - Xây dựng 22,15%; Thương mại - Dịch vụ 48,27%).

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 70% trở lên: Xã hiện có 33.155 lao động trong độ tuổi, trong đó có 23.268 lao động đang làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, vận tải ..., đạt tỷ lệ 70,2%.

- Thu nhập bình quân đầu người của xã là 90,66 triệu đồng.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều là 0,62%.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng: Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống trên địa bàn xã được duy trì, tạo điều kiện mở rộng, nâng cao chất lượng sản phẩm, giúp giải quyết việc làm cho nhiều lao động tại chỗ, tăng thu nhập cho hộ gia đình, hiện nay trên địa bàn có 159 hộ duy trì với các nghề truyền thống như bánh tằm, dệt chiếu, nghề rèn, làm mộc..., giải quyết việc làm cho hơn 520 lao động.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, trong nhiệm kỳ có nhiều dự án cầu, đường giao thông, đèn chiếu sáng và nhiều hạng mục công trình đã và đang đầu tư trên địa bàn xã góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, đô thị và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Về thương mại - dịch vụ: Khu trung tâm thương mại và các điểm mua bán tập trung của xã đã được nâng cấp, mở rộng, duy trì trật tự. Hệ thống giao thông cũng được quan tâm đầu tư, hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi giao thương hàng hóa; gắn với tăng cường công tác quản lý đô thị, xây dựng, môi trường, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn để kêu gọi, thu hút đầu tư; đến nay, toàn xã hiện có 1.644 hộ kinh doanh cá thể, 67 doanh nghiệp (tăng 27 doanh nghiệp và 368 hộ kinh doanh so với đầu nhiệm kỳ). Bến xe của xã luôn được đầu tư xây dựng cơ bản, đáp ứng tốt nhu cầu đậu, đỗ và vận chuyển hành khách, hàng hóa vào trung tâm chợ và các cơ sở kinh doanh.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản: Sản phẩm chủ lực ngành trồng trọt của xã là lúa, gạo, với tổng diện tích trồng lúa nước đạt 10.088,85 ha, sản lượng 5 năm

đạt 464.157 tấn. Diện tích lúa chất lượng cao (*ST24, ST25, Đài thơm 8, OM 18, RVT, OM4900*) ước đạt 92% diện tích gieo trồng. Diện tích trồng màu vùng ngọt và trên bờ vuông 159,5 ha, lợi nhuận bình quân hằng năm từ 50 - 60 triệu đồng.

Ngành chăn nuôi phát triển ổn định, duy trì tổng đàn gia súc khoảng 30.000 con, gia cầm khoảng 155.000 con, đảm bảo cung ứng cho nhu cầu tiêu thụ của người dân.

Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất thủy sản được chú trọng, đã thực hiện ứng dụng công nghệ nuôi thương phẩm tôm sú 2 hoặc 3 giai đoạn, nuôi lươn không bùn, nuôi cá chạch lấu bằng hệ thống oxy tuần hoàn, nuôi tôm sú kết hợp cua biển... nhằm tăng hiệu quả trên đơn vị diện tích; bên cạnh đó, vùng chuyển đổi được quan tâm chỉ đạo và đạt hiệu quả tốt. Tổng sản lượng thủy sản trên địa bàn đạt 44.029 tấn (*trong đó, sản lượng tôm đạt 23.545 tấn*).

Về xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp được quan tâm chỉ đạo tốt. Thường xuyên duy tu, nâng cấp nhiều tuyến đường, cầu trên địa bàn; củng cố các tổ bơm tác, rà soát các tuyến kênh, ô đê bao bị bồi lắng nạo vét kịp thời phục vụ cho sản xuất. Về kinh tế hợp tác, đã thành lập được 08 hợp tác xã, nâng tổng số hiện có 17 hợp tác xã, trong đó lĩnh vực nông nghiệp có 15 hợp tác xã. Các sản phẩm chế biến trong xã bước đầu đã xây dựng được 02 thương hiệu sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao.

10.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Trên địa bàn có 16 trường công lập, gồm: 05 trường Mầm non; 06 trường Tiểu học; 04 trường Trung học cơ sở và 01 trường Trung học phổ thông với tổng số học sinh là 8.351 ở các cấp học trên địa bàn.

Triển khai thực hiện nghiêm túc Đề án phát triển nâng cao chất lượng giáo dục. Các trường học trên địa bàn tích cực hưởng ứng và tham gia hiệu quả các phong trào thi đua do ngành và các cấp phát động, gắn với các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực.

Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập tiếp tục được duy trì và phát triển. Các tổ chức đoàn thể, hội khuyến học vận động tốt phong trào học tập suốt đời, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn. Cân đối, phân bổ giáo viên, đảm bảo đủ nguồn lực cho nhiệm vụ giảng dạy năm học mới 2025 - 2026. Đồng thời chuẩn bị tốt mọi điều kiện thực hiện sáp nhập các trường học trên địa bàn theo đúng chủ trương của tỉnh trong thời gian tới.

Tỷ lệ học sinh học tiểu học, học 02 buổi/ngày đạt tỷ lệ 100%; Tỷ lệ trường phổ thông sử dụng học bạ điện tử đạt tỷ lệ 100%. Trường học có hệ thống nước sạch để uống và nhà vệ sinh đạt chuẩn 15/15 trường đạt 100% chỉ tiêu.

b) Y tế

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân tiếp tục được quan tâm, triển khai đồng bộ và đạt nhiều kết quả tích cực. Hoạt động khám và điều trị bệnh cho nhân dân được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được duy trì tốt; không xảy ra dịch bệnh lớn, các chỉ tiêu tiêm chủng mở rộng đạt theo kế hoạch. Hồ trợ tích hợp Sổ khám sức khỏe điện tử trên VneID cho người đủ 14 tuổi trở lên đạt 100%.

Thường xuyên kiểm tra công tác An toàn vệ sinh thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ăn uống 100% cơ sở được kiểm tra đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm, không phát sinh vụ ngộ độc tập thể, trên địa bàn.

Công tác vận động người dân tham gia BHYT đạt tỷ lệ 100%.

c) Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao

Công tác thông tin, tuyên truyền được quan tâm thực hiện tốt. Công tác thông tin, tuyên truyền luôn bám sát nhiệm vụ chính trị của xã, tuyên truyền kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt là tuyên truyền về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các chủ trương, chính sách sắp xếp, tinh gọn bộ máy, công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội Đảng các cấp, kỷ niệm các ngày lễ lớn...

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của xã, các ngày lễ, tết; đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; tăng cường kiểm tra các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và lễ hội; vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, bài trừ tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh hoạt động giới thiệu, quảng bá về tiềm năng du lịch, phát huy giá trị các di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch. Triển khai các hoạt động phục vụ công tác chuyển đổi số trên địa bàn xã.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được triển khai thực hiện có hiệu quả nhằm từng bước nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, ấp văn hóa. Tăng cường kiểm tra các hoạt động quảng cáo, kinh doanh dịch vụ văn hóa và lễ hội trên địa bàn. Đã phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch kiểm tra tình hình cổng chào, bảng pano, trung tâm văn hoá của xã. Thường xuyên kiểm tra các hoạt động của khu thiết chế văn hóa, thể thao, điểm vui chơi công cộng, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, cơ sở dịch vụ photocopy trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tổ chức thực hiện các hoạt động, dịch vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

Thường xuyên đổi mới nội dung biên tập chương trình và nâng cao chất lượng tin, bài phản ánh tình hình chung trên địa bàn xã; xây dựng nhiều phóng sự những gương “người tốt, việc tốt” tiêu biểu, những mô hình làm ăn hiệu quả để tuyên truyền rộng rãi trong Nhân dân. Thường xuyên bảo trì các trang thiết bị kỹ thuật hiện có, các trang thiết bị mới được đầu tư, nhất là hệ thống loa ở các tuyến ấp, đảm bảo thông tin tuyên truyền được thông suốt, kịp thời.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra các hoạt động của khu thiết chế văn hóa, thể thao, điểm vui chơi công cộng, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, cơ sở dịch vụ photocopy trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

c) Lao động - Thương binh và Xã hội

Trong thời gian qua, công tác Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn xã Hồng Dân luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Công tác thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng được triển khai kịp thời, đúng quy định. Giải quyết kịp thời các chế độ cho gia đình chính sách, người có công và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã. Các hoạt động thăm hỏi, tặng quà nhân dịp lễ, Tết, chăm lo gia đình chính sách, thương binh, bệnh binh và thân nhân liệt sĩ được thực hiện thường xuyên, thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

Công tác bảo trợ xã hội được quan tâm thực hiện tốt; các chế độ trợ cấp đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng bảo trợ xã hội khác được chi trả đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, địa phương cũng tích cực phối hợp triển khai các chương trình giảm nghèo, hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động.

Công tác lao động, việc làm và đào tạo nghề từng bước đạt kết quả tích cực. Nhiều lao động được giới thiệu việc làm, tham gia học nghề, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống gia đình. Công tác tuyên truyền về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện, an toàn lao động và phòng, chống tệ nạn xã hội được tăng cường, góp phần nâng cao nhận thức của người dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác Lao động - Thương binh và Xã hội của xã vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: nguồn lực hỗ trợ còn hạn chế; một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn cần được quan tâm nhiều hơn; tỷ lệ lao động qua đào tạo chưa cao; việc giải quyết việc làm ổn định cho lao động nông thôn còn gặp khó khăn. Một số hồ sơ liên quan đến chính sách người có công còn thiếu giấy tờ, gây khó khăn trong quá trình giải quyết.

Trong thời gian tới, xã Hồng Dân cần tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai đầy đủ các chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững; tăng cường chăm lo cho các đối tượng chính sách, người có công và các đối tượng yếu thế trong xã hội. Đồng thời phát huy vai trò phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể trong thực hiện công tác Lao động - Thương binh và Xã hội, góp phần ổn định đời sống Nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

d) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo trên địa bàn xã. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn. Đồng thời, thăm hỏi, động viên và giải quyết các nguyện vọng chính đáng của đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc.

Theo dõi, nắm tình hình để phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vào mục đích ngoài tôn giáo, chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi.

10.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Về nhà ở không ngừng được mở rộng cả về số lượng và chất lượng; nhiều khu dân cư mới được hình thành với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội từng bước được đầu tư đồng bộ. Các loại hình nhà ở đa dạng hơn, bao gồm nhà ở riêng lẻ, nhà ở thương mại và nhà ở xã hội, phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính của nhiều nhóm đối tượng.

Bên cạnh sự phát triển tại khu vực đô thị, nhà ở tại khu vực nông thôn cũng có nhiều cải thiện rõ rệt. Người dân chú trọng hơn đến việc xây dựng nhà kiên cố, bán kiên cố thay thế cho nhà tạm, nhà xuống cấp. Chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo an sinh xã hội.

b) Công trình cơ quan hành chính

Các cơ quan hành chính trên địa bàn được bố trí tập trung, khoa học hiện đại và đảm bảo tính công năng; không gian bên trong được tổ chức khoa học, thuận tiện cho việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ và giao dịch với người dân. Đồng thời cũng đảm bảo an ninh, an toàn và khả năng tiếp cận dễ dàng cho người dân.

c) Công trình y tế

Hạ tầng y tế trên địa bàn tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong điều kiện phát triển đô thị. Hiện nay, Hồng Dân có 01 Trạm Y tế đạt chuẩn theo quy định.

Bên cạnh đó, địa phương có 01 Bệnh viện đa khoa Hồng Dân đóng trên địa bàn với quy mô khoảng 100 giường bệnh, góp phần nâng cao năng lực khám, chữa bệnh, giảm tải cho tuyến trên và đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng của Nhân dân trong khu vực.

d) Công trình giáo dục

Xã luôn quan tâm đến việc phát triển hạ tầng công trình giáo dục xác định đây là vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Việc đầu tư xây dựng trường lớp khang trang, hiện đại không chỉ tạo môi trường học tập an toàn, thuận lợi cho học sinh mà còn góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy của giáo viên. Hiện nay các trường trên địa bàn xã hệ thống cơ sở vật chất đầy đủ như: phòng học chức năng, thư viện, phòng thí nghiệm, khu thể chất và trang thiết bị công nghệ thông tin giúp

học sinh được tiếp cận với phương pháp học tập tiên tiến, phát triển toàn diện cả về kiến thức lẫn kỹ năng.

đ) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Hiện trên địa bàn xã Hồng Dân có 24 thiết chế văn hóa ấp và 01 trung tâm văn hóa phục vụ nhu cầu sinh hoạt tinh thần, rèn luyện sức khỏe và nâng cao đời sống Nhân dân. Ngoài ra còn có các khu vui chơi công cộng. Xã luôn quan tâm trong việc đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình văn hóa, thể dục - thể thao xem không chỉ góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống mà còn tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia các hoạt động thể chất, giải trí và giao lưu cộng đồng.

Bên cạnh đó, hệ thống công trình văn hóa, thể dục - thể thao còn đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục thế hệ trẻ, nâng cao ý thức đoàn kết, xây dựng lối sống lành mạnh và thúc đẩy phong trào rèn luyện sức khỏe toàn dân, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, tạo mỹ quan đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

e) Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

Xã đã tập trung kêu gọi đầu tư xây dựng khu đô thị mới, vận động các hộ kinh doanh trên địa bàn mở rộng quy mô và diện tích nhằm cung cấp dịch vụ cho người dân trên địa bàn được tốt hơn; các siêu thị phục vụ tham quan và nhu cầu mua sắm.

10.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn từng bước được đầu tư nâng cấp; nhiều tuyến đường giao thông nông thôn được bê tông hóa, nhựa hóa.

Hệ thống giao thông kết nối giữa trung tâm xã với các khu vực dân cư cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương và phát triển kinh tế - xã hội.

b) Thủy lợi

Tập trung sên vét 17 kênh thủy lợi, dài 43.555 m và sên vét được 17 kênh thủy nông nội đồng, dài 43.555 mét; đồng thời cải tạo, nâng cấp 04 cống nội đồng vụ tốt cho nhu cầu sản xuất của người dân trên địa bàn.

c) Cấp điện

Hệ thống cung cấp điện trên địa bàn xã Hồng Dân được đầu tư tương đối đồng bộ, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của Nhân dân và doanh nghiệp. Hiện nay, tổng chiều dài đường dây điện trung thế đạt khoảng 111,467 km và đường dây hạ thế khoảng 169,626 km, phủ khắp các khu dân cư và khu vực sản xuất. Trên địa bàn có 188 trạm biến áp phân phối công cộng và chuyên dùng, với tổng công suất lắp đặt khoảng 45.000 kVA, giữ vai trò nguồn cấp điện chính (đang xây dựng trạm biến 110/220kV, tổng công suất 40MVA, dự kiến đóng điện trong năm 2026), bảo đảm ổn định cho toàn khu vực, đáp ứng cơ bản nhu cầu phụ tải ngày càng tăng. Sản lượng điện tiêu thụ bình quân

hàng năm ước đạt khoảng 28.614.621 kWh, phản ánh quy mô và mức độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tổng số khách hàng sử dụng điện là 12.772 khách hàng, trong đó có 12.510 khách hàng hộ gia đình (bao gồm các hộ có hoạt động sản xuất, kinh doanh) và 262 khách hàng chuyên sản xuất, kinh doanh.

d) Cấp nước

Việc đảm bảo xây dựng, vận hành và bảo trì mạng lưới đường ống dẫn nước, trạm bơm và nhà máy xử lý nước để đảm bảo áp lực và lưu lượng ổn định đến từng hộ gia đình. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh từ các nguồn đạt 100%.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Khối lượng rác thải sinh hoạt được thu gom khoảng 22 tấn/ngày
- Tổ chức thu gom tại 400 hộ dân, tập trung ở khu dân cư, chợ và các tuyến chính.
- Hoạt động thu gom do Trung tâm Công ích xã thực hiện với 05 công nhân, đảm bảo thường xuyên.
- Hạ tầng xử lý chất thải: 01 bãi rác tạm diện tích khoảng 2ha; các điểm ô nhiễm tồn đọng từng bước được xử lý; các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký bảo vệ môi trường theo quy định.

10.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm theo đúng quy định bảo đảm chất lượng thanh niên nhập ngũ về chính trị, sức khỏe và trình độ văn hóa, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng trong tình hình mới, đạt 100% chỉ tiêu trên giao; công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo đồng bộ. Từ đó, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn ổn định, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị, không để xảy ra “điểm nóng”. Công tác bảo vệ bí mật nhà nước và an ninh mạng được đảm bảo.

Triệt xóa 15 vụ tệ nạn xã hội, liên quan 63 đối tượng, xử phạt hành chính 13 vụ với 61 đối tượng, số tiền trên 123 triệu đồng; khởi tố 01 vụ 01 đối tượng; tình hình tai nạn giao thông đường bộ tiếp tục được kiểm chế, trong năm xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông.

10.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

Đảng bộ xã Hồng Dân được thành lập theo Quyết định số 1500-QĐ/TU, ngày 22/6/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025. Đảng bộ xã Hồng Dân có 49 tổ chức cơ sở Đảng gồm: 04 đảng bộ cơ sở, 21 chi bộ cơ sở và 24 chi bộ ấp, có 1.296 đảng viên, có 01 bí thư và 01 Phó Bí thư thường trực.

Ban Xây dựng Đảng được Đảng ủy giao 06 đồng chí (01 trưởng ban, 02 phó ban và 03 chuyên viên), Ủy ban kiểm tra có 05 đồng chí (01 trưởng ban, 01

phó ban và 03 chuyên viên). Trung tâm chính trị có 03 đồng chí (01 giám đốc, 02 chuyên viên).

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Hội đồng nhân dân xã có 03 cán bộ chuyên trách gồm: Phó chủ tịch HĐND và 02 Phó Trưởng Ban của 02 Ban HĐND xã (Chủ tịch HĐND và Trưởng 2 Ban HĐND xã hoạt động kiêm nhiệm); Ủy ban nhân dân xã có 03 cán bộ gồm: Chủ tịch UBND và 02 Phó Chủ tịch UBND; Văn phòng HĐND và UBND xã có 07 công chức (Chánh Văn phòng và 01 Phó Chánh Văn phòng, cùng với 09 công chức chuyên môn); Phòng Kinh tế xã có 10 công chức (trong đó: 01 Trưởng phòng và 02 Phó Trưởng phòng và 07 công chức chuyên môn); Phòng Văn hóa - Xã hội xã có 07 công chức (trong đó: Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng cùng với 05 công chức chuyên môn); Trung tâm Phục vụ hành chính công có 01 Giám đốc và 07 công chức. Xã được giao 49 biên chế cán bộ, công chức theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và người hoạt động không chuyên trách cấp xã năm 2026.

Biên chế hiện có mặt là: 42 biên chế cán bộ, công chức, trong đó: Nam 27 người, nữ 15 người.

c) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, các hội trực thuộc thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ, tham gia xây dựng chính quyền và phản biện xã hội. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có 12 đồng chí (trong đó có 01 chủ tịch, 04 phó chủ tịch và 07 chuyên viên).

d) Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng số cán bộ, công chức của xã Hồng Dân là 72 người, cụ thể: khối đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là 30 người; HĐND-UBND và các phòng chuyên môn là 42 người. Trình độ lý luận chính trị (*cao cấp 33 đồng chí, trung cấp 34 đồng chí và 05 chưa đào tạo*).

Nhìn chung, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng được nhu cầu thực hiện nhiệm vụ trong gian đoạn hiện nay.

11. Xã Vĩnh Lợi

11.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò, chức năng

a) Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Vĩnh Lợi thuộc tỉnh Cà Mau, được hình thành trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Châu Hưng và xã Châu Hưng A thuộc huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trước đây và theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

Xã có diện tích tự nhiên 61,69 km², ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Hưng Hội;
- Phía Tây giáp xã Châu Thới và xã Hòa Bình;
- Phía Nam giáp phường Bạc Liêu;
- Phía Bắc giáp thành phố Cần Thơ.

b) Vai trò, chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, đô thị Châu Hưng, xã Vĩnh Lợi được xác định là đô thị vệ tinh của đô thị Bạc Liêu, giữ vai trò là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Cà Mau trong liên kết với thành phố Cần Thơ và các trung tâm kinh tế quan trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Với vị trí nằm trên Quốc lộ 1 - hành lang kinh tế Bắc - Nam quan trọng của quốc gia và của tỉnh, đồng thời có khả năng tiếp cận thuận lợi với tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và các tuyến giao thông liên vùng theo quy hoạch, địa phương có vị trí chiến lược trong tổ chức không gian phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ và tăng cường liên kết vùng của tỉnh.

Vĩnh Lợi có chức năng là trung tâm thương mại, dịch vụ, logistics và hỗ trợ sản xuất cho khu vực phía Bắc; đồng thời là đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa và kết nối các hoạt động kinh tế giữa tỉnh Cà Mau với các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Với lợi thế nằm trên hành lang giao thông huyết mạch của vùng, địa phương có điều kiện thuận lợi để phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến, logistics và các ngành kinh tế hỗ trợ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực phía Bắc tỉnh.

Đặc biệt, Vĩnh Lợi giữ vai trò quan trọng trong mạng lưới liên kết vùng khi là cửa ngõ kết nối tỉnh Cà Mau với thành phố Cần Thơ, các trung tâm kinh tế của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các hành lang phát triển chiến lược của quốc gia. Thông qua Quốc lộ 1 và các tuyến giao thông kết nối liên vùng, địa phương có khả năng liên kết thuận lợi với đô thị Bạc Liêu, Hòa Bình, Phước Long, Hồng Dân và các trung tâm kinh tế quan trọng khác của tỉnh. Đồng thời, đây là địa bàn có vai trò trung chuyển hàng hóa, dịch vụ và kết nối giữa các vùng sản xuất, các khu vực đô thị với hệ thống giao thông quốc gia, góp phần mở rộng không gian phát triển kinh tế, đô thị và thu hút đầu tư cho tỉnh.

Với vị trí là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh, là đô thị vệ tinh của đô thị Bạc Liêu và là đầu mối giao thông quan trọng trên hành lang kinh tế Quốc lộ 1, Vĩnh Lợi có vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Bắc; tăng cường liên kết giữa tỉnh Cà Mau với các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đồng thời góp phần phát huy hiệu quả mạng lưới đô thị và tạo động lực phát triển cho toàn tỉnh.

11.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Xã Vĩnh Lợi có diện tích tự nhiên 61,69 km² (6.168,62 ha), là địa bàn có quy mô diện tích tương đối lớn của tỉnh Cà Mau, thuận lợi cho việc tổ chức không gian phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ và mở rộng kết cấu hạ tầng trong thời gian tới.

b) Cơ cấu các loại đất

Tổng diện tích tự nhiên của xã khoảng 6.168,62 ha, trong đó cơ cấu sử dụng đất chủ yếu là đất nông nghiệp, chiếm tỷ trọng lớn.

- Đất nông nghiệp: khoảng 5.445,37 ha, chiếm 88,28%;
- Đất phi nông nghiệp: khoảng 723,25 ha, chiếm 11,72%.

Bảng thống kê diện tích theo mục đích sử dụng:

(Đơn vị tính: ha)

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích		6.168,62	100%
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	5.445,37	88,28%
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	4.892,52	79,31%
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.767,98	
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	4.767,98	
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK		
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	124,54	
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	519,48	8,42%
3	Đất lâm nghiệp	LNP		
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD		
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH		
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX		
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	33,34	0,54%
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT		
6	Đất làm muối	LMU		
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,02	
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	723,25	11,72%
1	Đất ở	OTC	197,61	3,20%

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	108,22	
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	89,39	
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,63	0,14%
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	6,01	0,10%
3.1	Đất quốc phòng	CQP	1,82	
3.2	Đất an ninh	CAN	4,19	
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	9,89	0,16%
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,16	
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH		
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	1,66	
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	6,59	
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,48	
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT		
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT		
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK		
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	8,66	0,14%
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC		
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK		
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN		
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	3,29	
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	5,37	

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
6	<i>Đất sử dụng vào mục đích công cộng</i>	<i>CCC</i>	<i>349,28</i>	<i>5,66%</i>
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	146,63	
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	183,91	
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	1	
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC		
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD		
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	11,33	
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,95	
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,06	
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,14	
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	4,27	
7	<i>Đất tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>2,04</i>	<i>0,03%</i>
8	<i>Đất tín ngưỡng</i>	<i>TIN</i>	<i>1,71</i>	<i>0,03%</i>
9	<i>Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt</i>	<i>NTD</i>	<i>19,12</i>	<i>0,31%</i>
10	<i>Đất có mặt nước chuyên dùng</i>	<i>TVC</i>	<i>120,30</i>	<i>1,95%</i>
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC		
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	120,3	
11	<i>Đất phi nông nghiệp khác</i>	<i>PNK</i>		
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD		
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT		

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS		
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
4	Núi đá không có rừng cây	NCS		
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS		

11.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Quy mô dân số của xã hiện nay là 29.120 người, gồm: Dân số thường trú: 28.948 người; Dân số tạm trú: 172 người.

Mật độ dân số đạt 472 người/km²; dân cư phân bố tương đối tập trung tại khu vực trung tâm xã, dọc theo tuyến Quốc lộ 1, các tuyến giao thông chính và khu vực ven sông, từng bước hình thành các cụm dân cư mang đặc trưng đô thị.

b) Cơ cấu lao động

Trong những năm qua, cơ cấu lao động của xã Vĩnh Lợi có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Lao động trên địa bàn chủ yếu vẫn tập trung trong lĩnh vực công nghiệp - thương mại và dịch vụ. Đây là lực lượng lao động quan trọng góp phần duy trì và phát triển kinh tế của xã.

Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và lao động làm việc ngoài địa phương từng bước tăng lên. Một bộ phận người lao động đã mạnh dạn chuyển đổi ngành nghề, tham gia làm việc tại các khu công nghiệp, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống gia đình.

Chất lượng lao động của xã ngày càng được nâng lên thông qua công tác đào tạo nghề, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật và tuyên truyền nâng cao nhận thức về việc làm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có chuyển biến tích cực, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong giai đoạn mới.

Trong thời gian tới, xã Vĩnh Lợi cần tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và hỗ trợ chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu thực tế; khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả; tăng cường liên kết đào tạo nghề gắn với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Đồng thời đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm dần lao động nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và ngành nghề phi nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống Nhân dân.

c) Thành phần dân cư

Dân số toàn xã Vĩnh Lợi khoảng 29.120 người, phân bố trên 16 ấp. Cơ cấu phân bố dân cư không đồng đều, có xu hướng tập trung tại các khu vực thuận lợi về giao thông và dịch vụ. Dân cư chủ yếu tập trung tại:

- Khu vực trung tâm xã (ấp Xẻo Chích);
- Dọc tuyến Quốc lộ 1;
- Các trục giao thông chính như ĐH.28, ĐH.28B và tuyến đường vào Đền thờ Bác.

Ngoài ra, dân cư còn phân bố rải rác tại các khu vực nông thôn, ven kênh rạch và đất sản xuất nông nghiệp, tạo nên đặc trưng phân bố dân cư dạng tuyến và phân tán, đặc trưng của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

11.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Chỉ tiêu phát triển kinh tế

- Tổng sản lượng lương thực năm 2025 ước đạt 57.384 tấn; Năm 2026 chỉ tiêu giao 58.000 tấn. Kết quả thực hiện 05 tháng đầu năm 2026, tổng sản lượng lương thực đạt 32.480 tấn, đạt 56% kế hoạch;
- Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt 2.087.259 triệu đồng. Năm 2026 chỉ tiêu giao 2.295.985 triệu đồng. Kết quả thực hiện 05 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị sản phẩm đạt 1.219.671 triệu đồng, đạt 53,1% kế hoạch;
- Tài chính - ngân sách xã năm 2025: Tổng thu ngân sách địa phương đạt 149.824 triệu đồng, tổng chi ngân sách địa phương đạt 149.340 triệu đồng, tỷ lệ thu/chi đạt 100,32%, bảo đảm nguồn lực tài chính phục vụ phát triển địa phương. Kế hoạch, Dự toán giao năm 2026: tổng thu ngân sách địa phương 120.039 triệu đồng, tổng chi ngân sách địa phương 120.039 triệu đồng. Kết quả thực hiện 05 tháng đầu năm 2026: tổng thu ngân sách địa phương 99.511 triệu đồng, tổng chi ngân sách địa phương 59.365 triệu đồng;
- Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn liên tục tăng qua các năm và luôn cao hơn mức bình quân chung của tỉnh. Năm 2025: Thu nhập bình quân đầu người của xã (tính bình quân các xã) là 81,84 triệu đồng;
- Công tác giảm nghèo đạt nhiều kết quả tích cực, tỷ lệ hộ nghèo của xã đạt 0,4% thấp hơn mức bình quân của tỉnh 0,63%.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Khu vực Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: Tổng giá trị sản phẩm năm 2025 đạt 349.925 triệu đồng. Năm 2026 chỉ tiêu giao 384.918 triệu đồng. Kết quả thực hiện 05 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị sản phẩm đạt 180.383 triệu đồng, đạt 51,5% kế hoạch;
- Khu vực sản xuất công nghiệp và xây dựng: Tổng giá trị năm 2025 đạt 751.765 triệu đồng. Năm 2026 chỉ tiêu giao 826.942 triệu đồng. Kết quả thực hiện 05 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị sản phẩm đạt 430.009 triệu đồng, đạt 52% kế hoạch;

- Khu vực sản xuất thương mại - dịch vụ: Tổng giá trị năm 2025 đạt 985.569 triệu đồng. Năm 2026 chỉ tiêu giao 1.084.126 triệu đồng. Kết quả thực hiện 05 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị sản phẩm đạt 609.279 triệu đồng, đạt 56% kế hoạch;

Cơ cấu kinh tế của địa phương chuyển dịch theo hướng tăng nhanh khu vực phi nông nghiệp. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn cho thấy hoạt động thương mại, dịch vụ, xây dựng và sản xuất phi nông nghiệp ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế địa phương.

11.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Ngành Giáo dục tiếp tục đổi mới công tác quản lý, phương pháp giảng dạy, phát triển đội ngũ giáo viên, tạo sự chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. Toàn xã hiện có 05 trường, trong đó, cấp học mầm non: 02 trường; tiểu học: 01 trường; trung học cơ sở: 01 trường và 01 trường tiểu học - trung học cơ sở. Đã ban hành Quyết định tiếp nhận 223 viên chức và người lao động; bổ nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các trường là 12 trường hợp.

Hướng dẫn, giám sát các trường trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý triển khai các hoạt động chuẩn bị cho năm học mới theo quy định của ngành cấp trên. Đồng thời, duy trì trường đạt chuẩn quốc gia, thực hiện kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục theo quy định. Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn là 05/05 trường, đạt 100% (05/05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt 100%).

Tổ chức kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục của các sở sở giáo dục; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà giáo, viên chức, người lao động trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

Tập trung nâng cao chất lượng dạy và học, chất lượng cán bộ quản lý và giáo viên; tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đổi mới nội dung chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo quy định; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, phát huy phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Triển khai thực hiện hiệu quả phong trào thi đua “*Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập*” ngành Giáo dục giai đoạn 2020 - 2025.

b) Y tế

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho Nhân dân luôn được quan tâm thường xuyên và ngày càng nâng cao về chất lượng. Các chương trình y tế quốc gia, chương trình phòng, chống dịch bệnh trên người được duy trì thực hiện thường xuyên; mạng lưới y tế tuyến cơ sở từng bước được củng cố và tăng cường. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi chiếm 7,04%; tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 95,5%.

Tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết cổ truyền ChôlChnămThmây và hưởng ứng Tháng hành động vì an toàn vệ sinh thực phẩm, qua kiểm tra không có trường hợp xảy ra ngộ độc thực phẩm trên địa bàn. Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, quản lý an toàn thực phẩm, ngăn ngừa thực phẩm giả, nhất là thuốc giả, thực phẩm bảo vệ sức khỏe giả trên địa bàn.

Tiếp tục thực hiện tốt việc mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng thụ hưởng từ ngân sách nhà nước theo đúng quy định. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội bảo tăng bảo hiểm y tế cho đối tượng hưu trí xã hội 164 trường hợp. Triển khai kế hoạch vận động tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn xã. Đến nay, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 90,1%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là 97%; bảo hiểm xã hội tự nguyện là 5,5%.

Đã triển khai chiến dịch tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID cho tất cả người dân từ 14 tuổi trở lên, kết quả đến thời điểm hiện tại đã có 9.002/9.525 người dân thường trú từ 14 tuổi trở lên tích hợp, đạt 94,51%.

Chủ động thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn xã. Thường xuyên kiểm tra, đảm bảo an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trên địa bàn. Phối hợp với ngành chức năng trong việc kiểm tra, xử lý việc buôn bán thuốc giả, thực phẩm chức năng giả... trên địa bàn.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho Nhân dân. Tăng cường quản lý, kiểm tra hành nghề y, dược tư nhân trên địa bàn. Duy trì công tác phòng, chống dịch bệnh như: Sốt xuất huyết, sởi, tay chân miệng, thủy đậu...

Tập trung triển khai các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phấn đấu đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

c) Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao

Công tác thông tin, tuyên truyền được quan tâm thực hiện tốt. Công tác thông tin, tuyên truyền luôn bám sát nhiệm vụ chính trị của xã, tuyên truyền kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt là tuyên truyền về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các chủ trương, chính sách sắp xếp, tinh gọn bộ máy, công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội Đảng các cấp, kỷ niệm các ngày lễ lớn...

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của xã, các ngày lễ, tết; đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; tăng cường kiểm tra các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và lễ hội; vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, bài trừ tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh hoạt động giới thiệu, quảng bá về tiềm năng du lịch, phát huy giá trị các di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch. Triển khai các hoạt động phục vụ công tác chuyển đổi số trên địa bàn xã.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được triển khai thực hiện có hiệu quả nhằm từng bước nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, ấp văn hóa. Tính đến nay, toàn xã có 6.064/6.647 hộ gia đình được xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa, đạt 91,23%. Toàn xã có 16/16 ấp đạt chuẩn văn hóa, đạt 100%. Tăng cường kiểm tra các hoạt động quảng cáo, kinh doanh dịch vụ văn hóa và lễ hội trên địa bàn. Đã phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch kiểm tra tình hình công chào, bảng pano, trung tâm văn hoá của xã. Thường xuyên kiểm tra các hoạt động của khu thiết chế văn hóa, thể thao, điểm vui chơi công cộng, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, cơ sở dịch vụ photocopy trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tổ chức thực hiện các hoạt động, dịch vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

Thường xuyên đổi mới nội dung biên tập chương trình và nâng cao chất lượng tin, bài phản ánh tình hình chung trên địa bàn xã; xây dựng nhiều phóng sự những gương “người tốt, việc tốt” tiêu biểu, những mô hình làm ăn hiệu quả để tuyên truyền rộng rãi trong Nhân dân. Thường xuyên bảo trì các trang thiết bị kỹ thuật hiện có, các trang thiết bị mới được đầu tư, nhất là hệ thống loa ở các tuyến ấp, đảm bảo thông tin tuyên truyền được thông suốt, kịp thời.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra các hoạt động của khu thiết chế văn hóa, thể thao, điểm vui chơi công cộng, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, cơ sở dịch vụ photocopy trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

d) Lao động - Thương binh và Xã hội

Trong thời gian qua, công tác Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn xã Vĩnh Lợi luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Công tác thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng được triển khai kịp thời, đúng quy định. Giải quyết kịp thời các chế độ cho gia đình chính sách, người có công và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã. Các hoạt động thăm hỏi, tặng quà nhân dịp lễ, Tết, chăm lo gia đình chính sách, thương binh, bệnh binh và thân nhân liệt sĩ được thực hiện thường xuyên, thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

Công tác bảo trợ xã hội được quan tâm thực hiện tốt; các chế độ trợ cấp đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng bảo trợ xã hội khác được chi trả đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, địa phương cũng tích cực phối hợp triển khai các chương trình giảm nghèo, hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động.

Công tác lao động, việc làm và đào tạo nghề từng bước đạt kết quả tích cực. Nhiều lao động được giới thiệu việc làm, tham gia học nghề, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống gia đình. Công tác tuyên truyền về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện, an toàn lao động và phòng, chống tệ nạn xã hội được tăng cường, góp phần nâng cao nhận thức của người dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác Lao động - Thương binh và Xã hội của xã vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: nguồn lực hỗ trợ còn hạn chế; một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn cần được quan tâm nhiều hơn; tỷ lệ lao động qua đào tạo chưa cao; việc giải quyết việc làm ổn định cho lao động nông thôn còn gặp khó khăn. Một số hồ sơ liên quan đến chính sách người có công còn thiếu giấy tờ, gây khó khăn trong quá trình giải quyết.

Trong thời gian tới, xã Vĩnh Lợi cần tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai đầy đủ các chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh đào tạo nghề

gắn với giải quyết việc làm; nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững; tăng cường chăm lo cho các đối tượng chính sách, người có công và các đối tượng yếu thế trong xã hội. Đồng thời phát huy vai trò phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể trong thực hiện công tác Lao động - Thương binh và Xã hội, góp phần ổn định đời sống Nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

d) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo trên địa bàn xã. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn. Đồng thời, thăm hỏi, động viên và giải quyết các nguyện vọng chính đáng của đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc.

Theo dõi, nắm tình hình để phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vào mục đích ngoài tôn giáo, chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi.

11.9. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Tổng số nhà kiến cổ trên địa bàn là khoảng 6625 căn nhà, với tổng diện tích sàn 642.675 m²; trong đó nhà tạm, đơn sơ khoảng 72 căn.

Nhà ở trên địa bàn xã chủ yếu là nhà ở thấp tầng (nhà liên kế, nhà vườn), với tầng cao phổ biến từ 1 đến 3 tầng; một số khu vực dọc tuyến Quốc lộ 1 giáp phường Bạc Liêu có nhà ở cao từ 4 đến 5 tầng. Tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố chiếm tỷ lệ cao, cơ bản đáp ứng nhu cầu ở của người dân.

Đồng thời, khu vực dọc Quốc lộ 1 và trung tâm xã cần được định hướng về kiến trúc nhà ở theo hướng hiện đại, đồng bộ, có tính nhận diện cao, góp phần cải thiện cảnh quan đô thị và tạo bộ mặt kiến trúc đặc trưng cho địa phương.

b) Công trình cơ quan hành chính

Hệ thống công trình công cộng trên địa bàn xã, bao gồm trụ sở cơ quan, công trình giáo dục, y tế và các công trình dịch vụ công cộng, đã cơ bản được đầu tư xây dựng với quy mô tương đối đồng bộ, kiến trúc hiện đại, đáp ứng yêu cầu làm việc và phục vụ nhân dân. Các công trình này đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành diện mạo không gian kiến trúc của khu trung tâm, góp phần tạo điểm nhấn cho khu vực cửa ngõ phía Đông Bắc của tỉnh.

Hệ thống công trình hành chính, trụ sở cơ quan (HĐND - UBND xã, Đảng ủy và các đơn vị liên quan) được xây dựng tập trung tại khu trung tâm, có quy mô tương đối khang trang, tầng cao từ 2 đến 4 tầng, tạo điểm nhấn không gian.

c) Công trình giáo dục

Hệ thống giáo dục trên địa bàn Vĩnh Lợi tiếp tục được quan tâm đầu tư, cơ sở vật chất trường lớp từng bước được nâng cấp theo hướng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu dạy và học trong điều kiện phát triển đô thị. Mạng lưới trường lớp cơ bản được phân bố hợp lý, bảo đảm nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn và khu vực lân cận.

Hiện nay, trên địa bàn có 06 trường công lập, gồm: 02 trường mầm non; 01 trường tiểu học; 01 trường tiểu học và trung học cơ sở; 01 trường trung học cơ sở; 01 trường trung học phổ thông, với khoảng trên 3.500 học sinh các cấp học đang theo học hằng năm. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy; tỷ lệ huy động học sinh đến trường đạt cao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của địa phương.

Cơ sở vật chất giáo dục được đầu tư tương đối hoàn chỉnh với hệ thống phòng học kiên cố, phòng chức năng, thư viện, sân chơi, bãi tập và các trang thiết bị phục vụ dạy học. Nhiều trường học được đầu tư xây dựng đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trong giai đoạn mới.

Theo định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giai đoạn 2026 - 2030, địa phương tiếp tục ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng giáo dục, bảo đảm đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh các cấp; phấn đấu duy trì và nâng cao tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, góp phần hoàn thiện tiêu chí hạ tầng xã hội của đô thị.

Bên cạnh đó, khu vực còn có điều kiện thuận lợi để tiếp cận hệ thống giáo dục trung tâm của huyện và thành phố lân cận thông qua mạng lưới giao thông kết nối đồng bộ, tạo điều kiện cho việc phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

d) Công trình y tế

Hạ tầng y tế trên địa bàn Vĩnh Lợi tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong điều kiện phát triển đô thị và gia tăng dân số cơ học. Mạng lưới y tế cơ sở từng bước được củng cố, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 01 trạm y tế đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế, được đầu tư tương đối hoàn chỉnh về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ nhân viên y tế. Trạm y tế thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe sinh sản, tiêm chủng mở rộng, phòng chống dịch bệnh và các chương trình y tế quốc gia. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt khoảng 95,5%, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của Nhân dân.

Bên cạnh đó, trên địa bàn còn có 01 bệnh viện công lập với quy mô 100 giường bệnh, phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh cho Nhân dân trên địa bàn xã và các khu vực lân cận. Bệnh viện được đầu tư hệ thống phòng khám, khu điều trị nội trú, trang thiết bị y tế cơ bản và đội ngũ y, bác sĩ đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh thông thường. Qua đó góp phần nâng cao năng lực khám, chữa bệnh của địa phương, giảm tải cho tuyến trên và đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng của Nhân dân trong khu vực.

Ngoài ra, địa phương tiếp tục quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và chất lượng nguồn nhân lực ngành y tế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong thời gian tới.

Nhìn chung, hệ thống hạ tầng y tế trên địa bàn xã Vĩnh Lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân, phù hợp với tiêu chí hạ tầng xã hội của đơn vị hành chính đô thị và định hướng thành lập phường trong giai đoạn hiện nay.

đ) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Trong những năm qua, được sự quan tâm của cấp trên cùng với sự nỗ lực của địa phương, hệ thống hạ tầng công trình văn hóa, thể dục - thể thao trên địa bàn xã Vĩnh Lợi từng bước được đầu tư xây dựng và nâng cấp, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, rèn luyện thể dục thể thao của Nhân dân.

Hiện nay, xã đã có các thiết chế văn hóa như nhà văn hóa xã, nhà sinh hoạt cộng đồng tại các ấp, khu thể dục - thể thao xã, sân bóng đá, sân bóng chuyền và các điểm sinh hoạt cộng đồng phục vụ người dân. Một số công trình được đầu tư khang trang, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hội họp, văn nghệ quần chúng, giao lưu thể thao và các phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

Bên cạnh đó, việc xây dựng tuyến đường cờ Tổ quốc, cảnh quan môi trường và các công trình công cộng đã góp phần tạo diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân và góp phần thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Trong thời gian tới, xã Vĩnh Lợi cần tiếp tục tranh thủ các nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng văn hóa, thể dục - thể thao theo hướng đồng bộ, hiện đại và phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Đồng thời tăng cường quản lý, khai thác hiệu quả các công trình hiện có nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa, rèn luyện sức khỏe của Nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng đời sống và xây dựng xã nông thôn mới phát triển bền vững.

e) Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

- Trên địa bàn xã Vĩnh Lợi hiện có 02 chợ loại 3 là Chợ Cầu Trâu và chợ Châu Hưng và các điểm buôn bán, cửa hàng tạp hóa, đại lý vật tư nông nghiệp, dịch vụ ăn uống và các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm hành chính xã.

- Hoạt động thương mại phục vụ chủ yếu nhu cầu tiêu dùng nội địa, sản xuất nông nghiệp và giao thương hàng hóa nông sản.

- Một số tuyến đường chính đã xuất hiện mô hình nhà ở kết hợp kinh doanh dịch vụ, tạo tiền đề hình thành các trục thương mại địa phương.

- Xã Vĩnh Lợi có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch theo hướng trở thành ngành kinh tế quan trọng của địa phương. Với vị trí kết nối giao thông thuận lợi, không gian sinh thái đặc trưng vùng Đồng bằng sông Cửu Long cùng

các giá trị văn hóa - lịch sử lâu đời, địa phương có khả năng hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù mang tính trải nghiệm và bản sắc riêng.

Các tiềm năng nổi bật gồm: Hệ thống di tích lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng truyền thống; Cảnh quan nông thôn, sông nước, đồng ruộng và vườn cây đặc trưng miền Tây; Văn hóa cộng đồng dân cư đa dạng, giàu bản sắc; Các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản có thể gắn với du lịch trải nghiệm và OCOP; Điều kiện liên kết với các tuyến du lịch trong khu vực tỉnh Cà Mau và Đồng bằng sông Cửu Long. Đặc biệt trên địa bàn dự kiến sẽ đầu tư Công viên 03 hạt lúa với chiều cao biểu tượng hạt lúa 24m sẽ góp phần phát triển du lịch địa phương đáng kể.

11.10. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

Hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã Vĩnh Lợi trong thời gian qua được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện theo hướng đồng bộ, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, phát triển thương mại, dịch vụ và kết nối đô thị. Với vị trí nằm trên tuyến Quốc lộ 1 - trục giao thông huyết mạch của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, xã Vĩnh Lợi có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển giao thương, mở rộng không gian đô thị và thu hút đầu tư.

Hiện nay, trên địa bàn xã có mạng lưới giao thông đường bộ khá phát triển với tổng chiều dài các tuyến đường khoảng 128,024 km, gồm: 01 tuyến Quốc lộ dài 9,459 km; 02 tuyến đường tỉnh dài 10,944 km; 06 tuyến đường liên xã (đường huyện cũ) dài 18,051 km; 17 tuyến đường đô thị dài 23,583 km; 13 tuyến đường trục xã dài 32,191 km và 34 tuyến đường trục ngõ, xóm dài 33,796 km. Hệ thống giao thông cơ bản được đầu tư bằng bê tông xi măng, bê tông nhựa và nhựa hóa, tạo thành mạng lưới kết nối tương đối hoàn chỉnh giữa trung tâm xã với các khu dân cư và địa phương lân cận. Trong đó, tuyến Quốc lộ 1 đi qua địa bàn xã có chiều dài 9,459 km, mặt đường bê tông nhựa, quy mô cấp II đồng bằng, bề rộng mặt đường khoảng 19 m; đồng thời trên địa bàn còn có các tuyến đường tỉnh quan trọng như ĐT.976B, ĐT.980B và các tuyến đường huyện kết nối với các địa phương trong khu vực. Ngoài ra, hệ thống đường đô thị tại trung tâm xã từng bước được đầu tư đồng bộ với nhiều tuyến đường có tải trọng từ 8 đến 20 tấn, góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị của địa phương.

Nhìn chung, hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn xã Vĩnh Lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển đô thị của địa phương. Việc đầu tư hạ tầng giao thông đã góp phần thúc đẩy giao thương hàng hóa, phát triển thương mại, dịch vụ, mở rộng không gian đô thị và nâng cao đời sống Nhân dân.

b) Thủy lợi

Bên cạnh giao thông đường bộ, xã Vĩnh Lợi còn có hệ thống giao thông đường thủy nội địa khá phát triển với nhiều tuyến kênh, rạch phục vụ vận chuyển hàng hóa, sản xuất nông nghiệp và tiêu thoát nước. Trên địa bàn xã, hiện có trên 60 tuyến kênh, rạch lớn nhỏ với tổng chiều dài hàng trăm kilômét, hình thành mạng lưới giao thông thủy liên hoàn kết nối giữa các khu dân cư, vùng sản xuất

và các địa phương lân cận. Trong đó, một số tuyến kênh chính có vai trò quan trọng như: kênh Xẻo Chích dài 25 km, kênh Chín Nhiều dài 15,475 km, kênh Thông Lưu (Hưng Thành - Hưng Hội) dài 13,125 km, kênh Lộ Châu Hưng dài 7,950 km, kênh Lộ Chắc Đốt dài 7,300 km và kênh Nàng Rền dài 6 km. Hệ thống kênh nội đồng và các tuyến thủy nội địa khác được phân cấp kỹ thuật từ cấp IV đến cấp VI, cơ bản đáp ứng yêu cầu vận tải thủy, phục vụ sản xuất và đời sống của Nhân dân.

c) Cấp điện

Hệ thống cung cấp điện trên địa bàn Vĩnh Lợi trong thời gian qua được quan tâm đầu tư, nâng cấp tương đối đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, thương mại và dịch vụ của Nhân dân và doanh nghiệp trên địa bàn. Hệ thống điện từng bước được hoàn thiện gắn với quá trình phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới và mở rộng không gian đô thị trung tâm Vĩnh Lợi.

Hiện nay, nguồn điện cung cấp cho khu vực chủ yếu được cấp từ hệ thống điện lưới quốc gia thông qua Trạm biến áp 110/22kV Bạc Liêu với công suất (40+63) MVA, truyền tải qua các tuyến trung thế 22kV dọc theo Quốc lộ 1, ĐT.976, ĐT.980B và các tuyến liên xã, bảo đảm cung cấp điện ổn định cho xã Vĩnh Lợi và các địa phương lân cận. Trên địa bàn còn có các tuyến điện 110kV và 220kV đi qua như tuyến 110kV Bạc Liêu – Giá Rai – Thanh Trị tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nguồn và lưới điện trong tương lai.

Hệ thống lưới điện trung thế hiện vận hành chủ yếu ở cấp điện áp 22kV, được xây dựng theo dạng hình tia kết hợp khép mạch vòng nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện. Các tuyến trung thế chủ yếu sử dụng dây dẫn AC-240, AC-185, AC-120; các nhánh rẽ sử dụng dây AC-50, AC-70 và AC-95, được lắp đặt trên trụ bê tông ly tâm cao từ 10 đến 14 mét. Hệ thống lưới điện hạ thế 0,4kV sử dụng cáp đồng bọc và cáp nhôm vặn xoắn (ABC), cơ bản phủ kín các khu dân cư, tuyến dân cư tập trung và khu vực sản xuất trên địa bàn.

Các trạm biến áp phân phối trên địa bàn chủ yếu gồm các trạm mono 1 pha công suất từ 25 kVA đến 75 kVA và các trạm giàn 3 pha có công suất từ 100 kVA đến 250 kVA phục vụ khu vực nông thôn; riêng tại khu vực trung tâm thị trấn Châu Hưng và các khu dân cư tập trung sử dụng các máy biến áp 3 pha có công suất từ 160 kVA đến 750 kVA nhằm đáp ứng nhu cầu phụ tải ngày càng tăng của khu vực đô thị và thương mại dịch vụ.

Hệ thống điện chiếu sáng công cộng từng bước được đầu tư tại khu vực trung tâm đô thị, các tuyến đường chính và các khu dân cư tập trung. Nhiều tuyến giao thông đã được lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng đèn cao áp gắn trên trụ thép hoặc đi chung với hệ thống điện hạ thế; các tuyến đường dân cư nông thôn cơ bản được đầu tư hệ thống chiếu sáng phục vụ nhu cầu đi lại và bảo đảm an ninh trật tự.

Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia hiện đạt khoảng 99,89%, cơ bản đáp ứng yêu cầu sử dụng điện phục vụ đời sống dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, hệ thống điện tiếp tục được ngành điện quan tâm

đầu tư nâng cấp, cải tạo và mở rộng nhằm giảm tổn thất điện năng, nâng cao bán kính cấp điện, bảo đảm an toàn vận hành và đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị trong thời gian tới.

Theo định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giai đoạn 2026 – 2030 và các năm tiếp theo, địa phương tiếp tục ưu tiên đầu tư nâng cấp lưới điện trung áp, hạ áp, hệ thống điện chiếu sáng đô thị, đồng thời nghiên cứu đầu tư Trạm biến áp 110/22kV Vĩnh Lợi nhằm bảo đảm nhu cầu phụ tải điện phục vụ phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại và dịch vụ trong tương lai.

d) Cấp nước

Hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn xã Vĩnh Lợi đã được đầu tư và bước đầu đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân, chủ yếu tập trung tại khu trung tâm xã (ấp Xẻo Chích), khu dân cư tập trung (ấp Nhà Dài A) và các tuyến dân cư chính.

Hiện nay, trên địa bàn xã Vĩnh Lợi có 04 công trình hệ thống cấp nước sạch với công suất khoảng 5000 m³/ngày/đêm tập trung do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh quản lý, vận hành.

Tuy nhiên, phạm vi cấp nước chưa phủ đều trên toàn địa bàn, đặc biệt tại các khu vực xa trung tâm và khu dân cư phân tán. Công suất và mạng lưới cấp nước còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn xã Vĩnh Lợi trong thời gian qua được quan tâm thực hiện, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển đô thị của địa phương. Hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt được duy trì thường xuyên; nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường từng bước được nâng cao.

Hiện nay, khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn khoảng 12 – 15 tấn/ngày, tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm xã, chợ, khu dân cư tập trung, các tuyến giao thông chính và các cơ sở thương mại, dịch vụ. Công tác thu gom rác thải sinh hoạt được tổ chức thực hiện tương đối ổn định, với khoảng trên 17.885 hộ dân tham gia dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt. Về hạ tầng xử lý chất thải, trên địa bàn hiện có 01 bãi rác với diện tích khoảng 110.142,2 m², xử lý khoảng 180 tấn/ ngày đêm phục vụ nhu cầu tập kết và trung chuyển rác thải sinh hoạt của địa phương. Phát triển trong thời gian tới địa phương xây dựng được Nhà máy xử lý rác với công suất 200 tấn/ngày, đêm (hiện nay nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ T-Tech Việt Nam đang thực hiện dự án, dự kiến đưa vào hoạt động đầu năm 2027) đảm bảo xử lý rác thải sinh hoạt của xã và các khu vực lân cận góp phần xử lý môi trường đạt hiệu quả.

Đồng thời, các điểm ô nhiễm môi trường tồn đọng từng bước được rà soát, xử lý; công tác quản lý môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh được tăng cường theo quy định của pháp luật. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn cơ bản thực hiện đăng ký môi trường, các thủ tục liên quan theo quy định hiện hành.

Về nước thải sinh hoạt hiện xã có hệ thống cống theo tuyến lộ để xử lý, hoặc người dân tự xử lý để có kế hoạch xử lý lâu dài đạt hiệu quả, UBND xã đầu tư nhà máy xử lý đầu tư hệ xử lý nước thải tập trung đô thị đạt chuẩn để xử lý cho khu vực Vĩnh Lợi và các vùng phụ cận.

Bên cạnh đó, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt khoảng 100%; hệ thống thoát nước từng bước được đầu tư nâng cấp tại khu vực trung tâm xã và các tuyến dân cư tập trung. Địa phương tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh đô thị, giữ gìn vệ sinh môi trường, phân loại rác tại nguồn và bảo vệ cảnh quan môi trường sống.

Nhìn chung, hạ tầng môi trường trên địa bàn xã Vĩnh Lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ dân sinh và phát triển đô thị; từng bước hoàn thiện theo tiêu chí đô thị loại III và định hướng thành lập phường trong thời gian tới.

11.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng, an ninh

Tình hình công tác quân sự quốc phòng địa phương, đơn vị đã quán triệt, triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện và hoàn thành tốt các mặt công tác. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; theo dõi nắm chắc tình hình, tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời các tình huống, không để bị động bất ngờ, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Làm tốt công tác xây dựng lực lượng, chất lượng huấn luyện ngày càng tăng. Thực hiện tốt công tác đảng, công tác chính trị; giáo dục chính trị, phổ biến giáo dục pháp luật; kịp thời định hướng cho cán bộ, chiến sĩ; nội bộ đoàn kết, thống nhất; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng được nâng lên. Bảo đảm đầy đủ các mặt công tác Hậu cần - Kỹ thuật cho các nhiệm vụ Quân sự quốc phòng địa phương trong thời gian qua.

Xã Vĩnh Lợi có tình hình an ninh cơ bản ổn định không có vụ việc phức tạp kéo dài. Hiện trên địa bàn có Công ty TNHH MTV PINETREE, ấp Trà Ban I, xã Châu Hưng A, huyện Vĩnh Lợi có 100% vốn đầu tư nước ngoài (Hàn Quốc) với trên 1.500 công nhân, thời gian qua hoạt động của Công ty cơ bản ổn định không có diễn biến phức tạp.

Làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ; chủ động nắm, tham mưu, đề xuất cấp ủy các cấp xử lý kịp thời những vấn đề chính trị phức tạp trong nội bộ, giữ vững an ninh chính trị nội bộ các cơ quan Đảng, chính quyền, không để các thế lực thù địch, phản động lợi dụng xuyên tạc, kích động chống phá. Phát huy hiệu quả hoạt động trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; viết, đăng hàng nghìn tin bài phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận. Tập trung triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước; phòng ngừa phát hiện, ngăn chặn hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia trên không gian mạng; chủ động rà soát, khắc phục điểm yếu, lỗ hổng bảo mật, nguy cơ mất an ninh mạng, an ninh thông tin trên địa bàn. Tình hình tôn giáo cơ bản ổn định, chưa phát hiện vấn đề gì

nổi lên về an ninh, trật tự. Các hoạt động được tổ chức đảm bảo thuần túy tôn giáo, đúng quy định.

Trong kỳ có 150 lượt người nước ngoài đến, có 474 lượt người nước ngoài đi. Hiện nay đang tiếp tục thực hiện tốt công tác nắm, quản lý đối với 61 người nước ngoài tạm trú trên địa bàn. Qua nắm tình hình, chưa phát hiện có dấu hiệu nghi vấn phức tạp liên quan an ninh quốc gia.

b) Trật tự an toàn xã hội

Địa bàn xã Vĩnh Lợi tình hình trật tự an toàn xã hội tương đối ổn định tuy nhiên vẫn nổi lên một số tội phạm như: Trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích và tệ nạn xã hội (đánh bài, đá gà, số đề). Cấp ủy - Ban chấp hành Công an xã đã triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở các tuyến, địa bàn, mục tiêu, lĩnh vực, đối tượng trên địa bàn kết hợp với công tác điều tra cơ bản và đề ra nhiều biện pháp để đấu tranh hiệu quả đối với tình hình tội phạm theo từng thời điểm để đấu tranh, trấn áp hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm kịp thời.

Triển khai thực hiện hiệu quả xã không ma túy, hiện tại trên địa bàn xã chưa phát hiện điểm tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy và đối tượng mua bán trái phép chất ma túy và đang quản lý 02 đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, 07 đối tượng nghiện ma túy và quản lý sau cay 18 đối tượng.

Thời gian qua, triệt xóa 07 vụ tệ nạn xã hội (đánh bạc); xác minh 02 tin báo, điều tra 04 vụ án (01 bị can). Trên địa bàn không có tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự.

Tình hình tai nạn giao thông: xảy ra 04 vụ tai nạn giao thông (03 người chết, 04 người bị thương)

Công tác phòng cháy chữa cháy: Công an xã đã tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn công tác phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn cho các cơ sở ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, hộ kinh doanh nhà trọ cho thuê tháng, người dân trên địa bàn xã. Qua đó, không có vụ cháy nào xảy ra trên địa bàn. Triển khai thực hiện hiệu quả mô hình “Tổ liên gia an toàn phòng cháy chữa cháy” với 10 Tổ; Mô hình “Điểm chữa cháy công cộng” với 09 điểm.

11.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

Đảng ủy xã Vĩnh Lợi gồm các cơ quan: Văn phòng Đảng ủy xã, Ban Xây dựng Đảng, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Trung tâm Chính trị xã (Đơn vị sự nghiệp của Đảng).

Hiện nay, hệ thống chính trị của xã tiếp tục được củng cố, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đảng bộ xã có 30 tổ chức đảng trực thuộc, gồm 01 đảng bộ cơ sở, 13 chi bộ cơ sở và 16 chi bộ ấp, với tổng số 862 đảng viên, chiếm tỷ lệ 2,96% dân số toàn xã. Ban Chấp hành Đảng bộ xã có 27 đồng chí; Ban Thường vụ Đảng ủy có 9 đồng chí; Thường trực Đảng ủy gồm 03 đồng chí, trong đó có 01 Bí thư và 02 Phó Bí thư.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã được tổ chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng Đảng, kiểm tra, giám sát, công tác chính trị tư tưởng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên tại địa phương. Công tác xây dựng Đảng được quan tâm triển khai đồng bộ trên các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; chất lượng sinh hoạt chi bộ từng bước được nâng lên. Hoạt động kiểm tra, giám sát được tăng cường, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Trung tâm Chính trị xã thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã được tổ chức, kiện toàn theo quy định, bảo đảm thực hiện hiệu quả chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh tại địa phương. Hội đồng nhân dân có 02 Ban của Hội đồng nhân dân xã: Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã gồm: Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc gồm: Trung tâm Công ích; Trạm Y tế xã; Ban Quản lý dự án Khu vực Vĩnh Lợi và 05 cơ sở giáo dục và đào tạo (02 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 tiểu học và trường trung học cơ sở và 01 trường trung học cơ sở).

Hệ thống cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công và phục vụ Nhân dân, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay.

c) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Khối Mặt trận và các đoàn thể của xã gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã; Các tổ chức chính trị - xã hội, gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh.

Về tổ chức bộ máy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã có 61 ủy viên; cán bộ cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam xã có 14 đồng chí. Trong đó, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã có 06 đồng chí, gồm Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và 05 đồng chí là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội; có 08 công chức, viên chức giúp việc.

Đội ngũ Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở các ấp có 16 đồng chí tại 16 ấp trên địa bàn xã, được kiện toàn bảo đảm cơ cấu, thành phần, độ tuổi theo quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác Mặt trận trong tình hình mới.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động ổn định, phát huy tốt vai trò tập hợp, vận động Nhân dân tham gia các phong

trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nội dung, phương thức hoạt động từng bước được đổi mới, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương và nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân. Tổng số đoàn viên, hội viên hiện có 6519 người, chiếm tỷ lệ 22,45% dân số toàn xã, góp phần củng cố hệ thống chính trị cơ sở ngày càng vững mạnh.

Các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên phối hợp triển khai hiệu quả các phong trào thi đua, các chương trình an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, bảo vệ môi trường, chăm lo đời sống đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền được tăng cường; vai trò cầu nối giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân tiếp tục được phát huy, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

d) Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức hiện có là 342 người, gồm:

- 36/41 cán bộ, công chức khối Đảng, đoàn thể;
- 44/45 cán bộ, công chức khối chính quyền;
- 224/228 viên chức ngành giáo dục;
- 21/27 viên chức ngành y tế;
- 04 viên chức lĩnh vực quản lý dự án (không giao biên chế);
- 13/18 viên chức lĩnh vực công ích.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của xã cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp, từng bước được chuẩn hóa theo quy định. Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương.

Trong thời gian qua, bộ máy của hệ thống chính trị xã Vĩnh Lợi được tổ chức ổn định, hoạt động hiệu quả, bảo đảm thực hiện tốt chức năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành trên địa bàn; góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống Nhân dân.

Các cơ quan, đơn vị được tổ chức và hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy Đảng, hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc cùng các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

12. Xã Lương Thế Trân

12.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò, chức năng

a) Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Lương Thế Trân thuộc tỉnh Cà Mau, được hình thành trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Thạnh Phú, Phú Hưng, Lương Thế Trân và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lợi An theo Nghị

quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

Xã có diện tích tự nhiên 135,32 km², nằm ở khu vực phía Nam của tỉnh Cà Mau. Ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Trần Phán và phường Hòa Thành;
- Phía Tây giáp xã Khánh Bình và xã Trần Văn Thới;
- Phía Nam giáp xã Tân Hưng và Hưng Mỹ;
- Phía Bắc giáp phường Lý Văn Lâm và xã Khánh Bình.

b) Vai trò, chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Lương Thế Trân được xác định là đô thị vệ tinh của đô thị trung tâm Cà Mau, giữ vai trò là không gian phát triển công nghiệp, đô thị và dịch vụ quan trọng trong vùng phụ cận trung tâm tỉnh. Với vị trí nằm trên Quốc lộ 1 - trục giao thông huyết mạch của tỉnh và của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời có khả năng tiếp cận thuận lợi với tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, địa phương có vị trí chiến lược trong tổ chức không gian phát triển đô thị, công nghiệp và liên kết vùng của tỉnh Cà Mau.

Lương Thế Trân có chức năng là trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, logistics và là đô thị cửa ngõ phía Nam hỗ trợ cho đô thị trung tâm Cà Mau; đồng thời là địa bàn quan trọng trong phát triển công nghiệp chế biến, dịch vụ hậu cần và cung ứng hàng hóa cho khu vực phía Nam của tỉnh. Đặc biệt, với lợi thế gắn với Khu công nghiệp Hòa Trung - một trong những khu công nghiệp trọng điểm của tỉnh, địa phương có điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển sản xuất công nghiệp, tạo việc làm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hình thành các không gian phát triển công nghiệp - đô thị hiện đại.

Bên cạnh vai trò là không gian phát triển công nghiệp và đô thị vệ tinh, Lương Thế Trân còn giữ vị trí quan trọng trong mạng lưới liên kết giao thông và phát triển vùng của tỉnh. Thông qua Quốc lộ 1, tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và các tuyến giao thông kết nối khu vực phía Nam, địa phương có khả năng liên kết thuận lợi với đô thị trung tâm Cà Mau, các đô thị Cái Nước, Năm Căn, Đất Mũi và các trung tâm kinh tế quan trọng khác của tỉnh. Đồng thời, đây là địa bàn có vai trò kết nối giữa trung tâm tỉnh với các khu vực phát triển công nghiệp, dịch vụ, kinh tế biển và các cực tăng trưởng phía Nam, góp phần tăng cường lưu thông hàng hóa, lao động và mở rộng không gian phát triển đô thị.

Với vị trí là đô thị vệ tinh của đô thị trung tâm Cà Mau, là địa bàn gắn với Khu công nghiệp Hòa Trung và nằm trên hành lang phát triển kinh tế Bắc - Nam của tỉnh, Lương Thế Trân có vai trò quan trọng trong thực hiện định hướng giãn dân, mở rộng không gian đô thị trung tâm, phát triển công nghiệp - dịch vụ và tăng cường liên kết giữa các vùng động lực của tỉnh; qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Cà Mau.

12.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Xã Lương Thê Trân có tổng diện tích tự nhiên 135,32km² (tương đương 13.532 ha), được tổ chức quản lý hành chính tập trung tại 30 ấp.

Diện tích tự nhiên của xã phân bố trên không gian rộng lớn, bao gồm các khu vực dân cư hiện hữu mang đậm bản sắc đặc trưng của vùng sông nước, hình thành và phát triển các cơ sở đại lý thu mua, sơ chế thủy sản, hệ thống dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp - thủy sản và mạng lưới kinh doanh thương mại phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất của Nhân dân và các vùng lân cận, các quỹ đất dự phòng được quy hoạch cho phát triển đô thị trong thời gian tới. Phạm vi quản lý rộng gắn với nhiều loại hình sử dụng đất và đặc thù sông ngòi chằng chịt, đặt ra yêu cầu tổ chức quản lý thống nhất, đồng bộ theo quy hoạch.

b) Cơ cấu các loại đất

Tổng diện tích tự nhiên của xã Lương Thê Trân là 135,32 km² (13.532 ha). Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 134,4475 km² (134.447,50 ha), chiếm 98,93%; diện tích đất phi nông nghiệp 1,452 km² (1.452,34 ha), chiếm 1,07% và diện tích đất chưa sử dụng 0,00016 km² (0,16 ha), chiếm 0,00012%.

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích		135.32	100,00
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	133.867,50	98,93
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN		
1.1	Đất trồng lúa	LUA		
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC		
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK		
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK		
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.013,42	
3	Đất lâm nghiệp	LNP		
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD		
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH		
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX		
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	130.848,88	
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT		

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
6	Đất làm muối	LMU		
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	5,2	
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	1.452,34	1,07
1	Đất ở	OTC	250,15	
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	250,15	
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT		
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,83	
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	16,19	
3.1	Đất quốc phòng	CQP	16,19	
3.2	Đất an ninh	CAN		
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	19,73	
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,01	
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH		
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	2,95	
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	13,77	
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT		
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT		
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT		
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK		
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	108,62	
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	86,5	
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	86,5	

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN		
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,29	
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	20,83	
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	284,77	
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	273,23	
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	3,43	
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC		
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,55	
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA		
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,27	
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	4,49	
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,16	
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	1,64	
7	Đất tôn giáo	TON	4,02	
8	Đất tín ngưỡng	TIN	1,41	
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	0,36	
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	765,26	

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC		
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	765,26	
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	0,16	0,00012
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	0,16	
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS		
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
4	Núi đá không có rừng cây	NCS		
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS		

12.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Theo số liệu của dữ liệu dân cư, dân số của xã Lương Thế Trân hiện nay là 63.883 người. Mật độ dân số trung bình đạt khoảng 472 người/km², phân bố trên toàn bộ diện tích tự nhiên của xã.

Dân số của xã Lương Thế Trân có quy mô lớn mật độ phân bố tập trung rõ nét dọc theo các tuyến đường giao thông huyết mạch và khu vực ven sông; bước đầu hình thành các cụm dân cư tập trung mang đặc trưng đô thị trung tâm, tạo động lực mạnh mẽ cho xu hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với củng cố quốc phòng - an ninh tại địa phương trong giai đoạn hiện nay. Quy mô dân số này là một trong những yếu tố quan trọng trong việc xác định tính chất và tổ chức đơn vị hành chính phù hợp.

b) Cơ cấu lao động

Lực lượng lao động trên địa bàn xã Lương Thế Trân chiếm tỷ lệ lớn trong tổng dân số, tham gia vào các lĩnh vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Dân số trong độ tuổi lao động: 30.191 (chiếm 47,56%); trong đó: Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế: 21.928 người (đạt 72,63%); Lao động chưa có việc làm và lao động nhàn rỗi và học sinh, sinh viên trong độ tuổi lao động: 8.263 (tỷ lệ thất nghiệp: 27,37%).

Tổng số lao động phi nông nghiệp là 22.000 lao động (tỷ lệ 72,87%), trong đó công nghiệp - xây dựng: 12.956 người (tỷ lệ 58,89%), lao động công chức, viên chức nhà nước và lao động làm ăn xa ngoài tỉnh: 9.044 người (tỷ lệ 41,11%).

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tập trung chủ yếu tại các đô thị trung tâm, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các hoạt động dịch vụ. Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản vẫn chiếm một tỷ lệ nhất định, gắn với diện tích đất nông nghiệp còn lớn trên địa bàn. Việc chuyển dịch cơ cấu lao động gắn liền với quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa văn minh, đồng thời chịu tác động tích cực của việc thu hút đầu tư, mở rộng các hạ tầng dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã Lương Thế Trân.

c) Thành phần dân cư

Dân cư trên địa bàn xã Lương Thế Trân bao gồm dân cư tại chỗ và dân cư đến từ các địa phương khác. Thành phần dân cư đa dạng, bao gồm người lao động trong các khu công nghiệp, người sản xuất nông nghiệp và các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ.

Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 1,04% tổng dân số. Các nhóm dân cư sinh sống xen kẽ tại các khu vực dân cư, tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn. Quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa đã làm thay đổi cơ cấu dân cư, với sự gia tăng dân cư làm việc trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, đồng thời hình thành các khu dân cư tập trung gắn với khu vực trung tâm.

12.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Năm 2025, các chỉ tiêu kinh tế đều thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra:

- Thu ngân sách: 295.462.358.059 đồng.
- Chi ngân sách: 295.462.358.059 đồng.
- Sản lượng thủy sản: 13.810/12.800 tấn, đạt 107,89%. (trong đó: Sản lượng tôm đạt 8.816/8.300 tấn, đạt 106,22%).
- Thành lập mới 03/03 Tổ hợp tác, đạt 100%.
- Đàn heo xuất chuồng 9.604 /9.600 con, đạt 100,04%
- Đàn gia cầm xuất chuồng 117.010/117.000 con, đạt 101,01%.
- Giới thiệu và tạo việc làm mới 2.573/2.560 lao động, đạt 100,51%.
- Hộ nghèo giảm 18/13 hộ, đạt 138,46%.
- Tham gia các loại hình bảo hiểm:
 - + Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế: 97,95%/95%, đạt 103,11%
 - + Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (thuộc đối tượng tham gia): 898/898 người, đạt 100%.
 - + Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp (thuộc đối tượng tham gia): 730/720 người, đạt 101,39%.
 - + Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (thuộc đối tượng tham gia): 1.535/1.535 người, đạt 100%.

- Dạy nghề, bồi dưỡng nghề, truyền nghề cho 976/970 người, đạt 100,62%.
- Hộ cận nghèo giảm 51/20 hộ, đạt 255%.
- Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt từ 95,24%/94,3%, đạt 101%.
- Ấp đạt chuẩn văn hóa 100% (30 ấp/30 ấp), đạt 100%.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng: Trong những năm qua, mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới được địa phương hưởng ứng và phấn đấu, xã Thạnh Phú (cũ) được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã Phú Hưng (cũ) được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã Lương Thế Trân đạt 16/19 tiêu chí, xã Thạnh Phú (cũ) đạt đô thị V với các dự án đầu tư xây dựng đã hoàn thiện và đáp ứng các tiêu chí nông thôn mới. Các nhóm ngành nổi bật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng chủ yếu là đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội cho thấy sự quan tâm đầu tư của địa phương đối với bộ mặt hiện đại hóa theo chiều rộng và chiều sâu của đô thị. Các nhóm ngành nổi bật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng chủ yếu là đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội cho thấy sự quan tâm đầu tư của địa phương đối với bộ mặt hiện đại hóa theo chiều rộng và chiều sâu của đô thị. Toàn xã có 13.527 hộ sử dụng điện, đạt 100% số hộ của xã.

- Về thương mại - dịch vụ: Với lợi thế tiếp giáp với khu hành chính của tỉnh Cà Mau, đồng thời có đường giao thông huyết mạch tuyến Quốc lộ 1 và xã Lương Thế Trân có khu công nghiệp Hòa Trung, khu chợ Nhà Phán lĩnh vực thương mại - dịch vụ vẫn luôn là mũi nhọn kinh tế với đóng góp đáng kể trong cơ cấu kinh tế của địa phương, mạng lưới hệ thống thương mại - dịch vụ phân bố có cấu trúc cụ thể trên địa bàn xã, theo đó các nhóm ngành thương mại và dịch vụ hoạt động chủ yếu xen kẽ giữa các khu dân cư, tuyến dân cư và nhóm ngành tiểu thủ công nghiệp sản xuất chủ yếu có mối liên hệ chặt chẽ với ngành chăn nuôi sản xuất nông nghiệp và phân bố trong các khu sản xuất nông nghiệp của xã.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản: Xã Lương Thế Trân với tổng diện tích tự nhiên 13.532 ha, trong đó diện tích đất nuôi trồng thủy sản 13.084 ha (chiếm 96,69% diện tích tự nhiên), lĩnh vực sản thủy sản trên địa bàn xã tăng trưởng ổn định và ít đột biến đồng thời là một mũi nhọn trong cơ cấu nền kinh tế của xã. Về chăn nuôi, vẫn duy trì ổn định tổng đàn gia cầm xuất chuồng 9.604 con, đạt 100,04 % kế hoạch; đàn gia cầm xuất chuồng 117.010 con, đạt 100,01% kế hoạch. Trong những năm qua công tác tuyên truyền, chăm sóc và tiêm chủng bệnh dại được địa phương quan tâm và triển khai trên khắp địa bàn xã nhằm chống lại các rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, những thất thoát vật nuôi tuy không thể tránh khỏi, tuy nhiên không làm ảnh hưởng đến sản lượng kinh tế của địa phương.

12.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Năm học 2025 - 2026, toàn xã có 281 lớp hơn 8.037 học sinh ở các cấp học. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 14/17, đạt 82,35%. Ngoài ra, trên địa bàn còn

có 01 Trường trung học phổ thông, góp phần hoàn thiện hệ thống giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác dạy và học của học sinh trong xã và các xã lân cận.

Trên địa bàn có 17 trường công lập, gồm: 04 trường mầm non; 09 trường tiểu học; 04 trường trung học cơ sở; mạng lưới trường lớp được phân bố tương đối hợp lý theo địa bàn dân cư, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân. Các trường học đều có địa điểm ổn định, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển đô thị.

Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong ngành giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Y tế

Hạ tầng y tế trên địa bàn tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong điều kiện phát triển đô thị. Hiện nay, mạng lưới y tế cơ sở của xã gồm 01 Trạm Y tế chính và 03 điểm trạm. Việc duy trì hoạt động của cả trạm chính và điểm trạm đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong tiếp cận dịch vụ y tế, góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe ở cơ sở.

Tổng số cán bộ y tế hiện có là 30 biên chế (trong đó: 08 bác sỹ, 09 y sỹ, 02 dược đại học, 02 dược cao đẳng, 01 Thạc sỹ y tế công cộng, 01 kế toán, 01 kỹ sư an toàn thực phẩm, 01 Cử nhân xét nghiệm, 02 Cử nhân hộ sinh đại học, 02 Cử nhân hộ sinh cao đẳng, 01 Điều dưỡng trung cấp).

c) Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao

Công tác xây dựng đời sống văn hóa có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ danh hiệu “Gia đình văn hóa” là 95,24 %, có 30/30 ấp được tặng danh hiệu “Ấp Văn hóa”.

Hoạt động thể dục, thể thao được quan tâm đầu tư; hiện nay trên địa bàn có 03 trung tâm văn hóa, 05 sân bóng đá mini, 02 sân bóng chuyền cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vui chơi và rèn luyện sức khỏe của người dân. Các công trình này góp phần đa dạng hóa loại hình luyện tập, thu hút người dân tham gia rèn luyện sức khỏe thường xuyên. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư tiếp tục được duy trì. Nhiều ấp tổ chức tốt hoạt động văn hóa - thể thao, cảnh quan môi trường được cải thiện, an ninh trật tự cơ bản ổn định.

d) Lao động - Thương binh và Xã hội

Việc triển khai các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và các chính sách bảo trợ xã hội được thực hiện toàn diện, bảo đảm đúng đối tượng, đúng chế độ quy định và kịp thời. Năm 2025 thực hiện chi trả trợ cấp hằng tháng 7.135 lượt đối tượng người có công với cách mạng với số tiền 18.323,4 triệu đồng và 34.769 lượt đối tượng bảo trợ xã hội, với số tiền 26.380,6 triệu đồng.

Triển khai thực hiện các chính sách về đào tạo, truyền nghề cho lao động nông thôn đạt kết quả khá tốt; việc làm, giải quyết việc làm phù hợp với nhu cầu,

trong năm đã giải quyết việc làm cho 2.573 lao động, đạt 100,51% kế hoạch. Ngoài ra, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh tổ chức thành công sản giao dịch việc làm tại xã.

Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, chăm lo người có công, người nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã.

Công tác giảm nghèo được quan tâm tạo điều kiện để hộ nghèo cận nghèo vươn lên trong cuộc sống bằng việc hỗ trợ nhà ở, tạo sinh kế, vốn vay... để hộ nghèo thoát nghèo bền vững. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã có 48 hộ nghèo, chiếm 0,38%, hộ cận nghèo còn 171 hộ, chiếm 1,30%.

Thường xuyên chỉ đạo, phối hợp, tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHXH bắt buộc 898 người, đạt 100% kế hoạch; BHXH tự nguyện 1.535 người, đạt 100% kế hoạch; BHTN 730 người, đạt 101,39% kế hoạch; tỷ lệ tham gia BHYT đạt 97,95%.

đ) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Tình hình đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh chính trị; tư tưởng của đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục ổn định; Ủy ban nhân dân xã luôn quan tâm thực hiện tốt công tác dân tộc. Hiện toàn xã có 143 hộ đồng bào dân tộc thiểu số (trong đó, Khome: 128 hộ, Hoa: 12 hộ, khác: 03 hộ; có 01 hộ nghèo và 10 hộ cận nghèo). Có 02 ấp được cấp trên công nhận ấp đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số (ấp Cái Bát 58 hộ, ấp Đường Cuốc 18 hộ); kịp thời triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến các đối tượng thụ hưởng, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định.

Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được quan tâm thực hiện. Toàn xã có 39 cơ sở thờ tự Tín ngưỡng dân gian, với 178 người trong Ban quản lý; 05 cơ sở thờ tự Tôn giáo, với 1.528 tín đồ (04 chức sắc, 38 chức việc) và 11 điểm sinh hoạt Tôn giáo, Công giáo tập trung, với 4.341 tín đồ và giáo dân (có 02 linh mục). Quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa đồng bào dân tộc và đồng bào có đạo trên địa bàn được giữ vững, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các chức sắc, chức việc và tín đồ tôn giáo luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

12.9. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Đến cuối năm 2025, trên địa bàn xã Lương Thế Trân có trên 92% nhà ở dân cư kiên cố và bán kiên cố, phản ánh rõ mức độ cải thiện về điều kiện sống, khả năng tích lũy kinh tế của người dân và xu hướng phát triển theo hướng đô thị hóa. Cơ cấu nhà ở dân cư từng bước chuyển dịch từ mô hình nhà ở phân tán, tạm bợ sang nhà ở kiên cố tập trung dọc các tuyến giao thông chính, khu vực trung tâm thương mại và các cụm dân cư tập trung, tạo diện mạo ngày càng khang trang, đồng bộ cho địa phương. Bên cạnh đó, địa phương đã triển khai hiệu quả các

chương trình an sinh xã hội như xóa nhà tạm, nhà dột nát, xây dựng nhà Đại đoàn kết, nhà tình thương, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn. Qua đó không chỉ góp phần ổn định nơi ở cho người dân mà còn tạo điều kiện để các hộ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững. Đây là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đô thị, bảo đảm tiêu chí phát triển xã hội hài hòa trong quá trình xây dựng phường.

Sự phát triển của hệ thống nhà ở trên địa bàn còn cho thấy tốc độ gia tăng dân cư cơ học và nhu cầu định cư ngày càng lớn tại khu vực trung tâm Lương Thế Trân. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng khẳng định địa phương đã hình thành không gian dân cư mang tính đô thị tương đối rõ nét, phù hợp với định hướng phát triển phường trong thời gian tới.

b) Công trình cơ quan hành chính

Các cơ quan hành chính hiện nay trên địa bàn xã sau sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã gồm: Lương Thế Trân, Thạnh Phú và Phú Hưng và một phần xã Lợi An. Việc hợp nhất địa giới hành chính đã tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức lại bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính quyền địa phương.

Hệ thống trụ sở cơ quan hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính, giải quyết thủ tục cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn có quy mô dân số lớn. Trung tâm Phục vụ hành chính công đã từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, phù hợp với yêu cầu xây dựng chính quyền đô thị hiện đại.

Việc tập trung các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và đầu mối hành chính tại khu vực trung tâm còn góp phần thúc đẩy sự hình thành không gian đô thị hành chính, dịch vụ, tạo sức lan tỏa đối với các hoạt động thương mại, dịch vụ và phát triển dân cư xung quanh. Đây là một trong những yếu tố nền tảng quan trọng để xã Lương Thế Trân chuyển đổi mô hình quản lý từ đơn vị hành chính nông thôn sang phường.

c) Công trình giáo dục

Mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Lương Thế Trân được đầu tư tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trong xã và các khu vực lân cận. Hiện nay, toàn xã có đầy đủ các cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông với 04 trường mầm non, 09 trường tiểu học, 04 trường trung học cơ sở và 01 trường trung học phổ thông.

Quy mô trường lớp phát triển tương đối ổn định, gắn với quá trình gia tăng dân số và mở rộng không gian đô thị. Cơ sở vật chất trường học từng bước được đầu tư nâng cấp theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa; nhiều trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và mức độ 2, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trên địa bàn.

Hệ thống giáo dục hiện nay không chỉ đáp ứng nhu cầu học tập cơ bản mà còn từng bước thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số, đổi mới phương pháp dạy học và phát triển nguồn nhân lực chất lượng phục vụ tiến trình đô thị hóa. Việc tập trung đầy đủ các cấp học trên địa bàn cũng cho thấy vai trò trung tâm giáo dục khu vực của xã Lương Thế Trân, phù hợp với vị thế là trung tâm phát triển đô thị của tiểu vùng phía Nam tỉnh Cà Mau.

d) Công trình y tế

Hệ thống y tế trên địa bàn xã Lương Thế Trân được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, có khả năng đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn và các khu vực lân cận. Hiện nay, trên địa bàn xã có 04 điểm trạm, cơ bản phục vụ tốt công tác khám, tư vấn, điều trị và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân.

Cùng với quá trình phát triển đô thị, nhu cầu về dịch vụ y tế chất lượng cao ngày càng tăng. Vì vậy, việc tiếp tục đầu tư mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành y tế sẽ là nền tảng quan trọng để xã Lương Thế Trân đáp ứng các tiêu chí đô thị và nâng cao chất lượng sống của người dân trong tương lai.

đ) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục - thể thao trên địa bàn xã Lương Thế Trân từng bước được đầu tư phát triển tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện thể chất và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Hiện nay trên địa bàn có 03 trung tâm văn hóa (xã Thạnh Phú, xã Phú Hưng, và xã Lợi An), 05 sân bóng đá mini, 02 sân bóng chuyền cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vui chơi và rèn luyện sức khỏe của người dân.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được duy trì hiệu quả, tỷ lệ gia đình văn hóa và ấp văn hóa đạt ở mức cao, góp phần hình thành môi trường văn hóa lành mạnh, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao được tổ chức thường xuyên, tạo không gian sinh hoạt cộng đồng phong phú, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần cho người dân trong điều kiện phát triển đô thị. Đồng thời, hệ thống thiết chế văn hóa hiện có còn là nền tảng quan trọng để xây dựng nếp sống văn minh đô thị, phát huy bản sắc văn hóa vùng sông nước đặc trưng của địa phương.

e) Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Lương Thế Trân phát triển khá sôi động, từng bước khẳng định vai trò là trung tâm giao thương của khu vực phía Nam tỉnh Cà Mau. Hệ thống chợ, cơ sở kinh doanh, dịch vụ dân sinh cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và lưu thông hàng hóa của người dân trên địa bàn.

Hệ thống hạ tầng thương mại trên địa bàn tiếp tục phát triển ổn định; trong đó, khu công nghiệp Hòa Trung và chợ Nhà Phấn giữ vai trò là hạt nhân kinh tế, đầu mối trung chuyển hàng hóa nông - thủy sản trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy

sự phát triển kinh tế - xã hội cho các vùng lân cận. Sự phát triển mạnh của hệ thống thương mại đã thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống thương mại - dịch vụ hiện nay vẫn cần tiếp tục được đầu tư theo hướng hiện đại, đồng bộ hơn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong tương lai. Việc quy hoạch phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, dịch vụ logistics, dịch vụ lưu trú và các công trình thương mại cấp đô thị sẽ tạo động lực quan trọng để hình thành không gian đô thị hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư cho địa phương.

12.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Lương Thế Trân từng bước được đầu tư đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho liên kết vùng, lưu thông hàng hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay, địa phương có nhiều tuyến giao thông quan trọng. Hiện nay trên địa bàn có các tuyến giao thông kết nối quan trọng như: Tuyến đường đầu nối Quốc lộ 1; tuyến tránh Quốc lộ 1; Cà Mau - Đầm Dơi; tuyến Lung Lá - Nhà Thê; tuyến về xã Tân Hưng, tuyến ô tô về Trung Tâm xã Lợi An (cũ). Đây là các trục giao thông giữ vai trò kết nối trung tâm xã với các địa phương trong và ngoài tỉnh, góp phần mở rộng không gian phát triển đô thị.

Bên cạnh giao thông đường bộ, hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt cũng tạo lợi thế đặc biệt cho giao thông thủy và vận chuyển hàng hóa, nhất là đối với lĩnh vực nuôi trồng, sơ chế và tiêu thụ thủy sản. Sự kết hợp giữa giao thông đường bộ và đường thủy đã hình thành mạng lưới lưu thông tương đối hoàn chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại, dịch vụ và logistics.

b) Thủy lợi

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã Lương Thế Trân giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong những năm qua, địa phương thường xuyên quan tâm đầu tư, duy tu, nạo vét hệ thống kênh mương, cống đập nhằm chủ động điều tiết nguồn nước phục vụ sản xuất và dân sinh.

Các công trình thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng và phòng chống thiên tai, góp phần giảm thiểu thiệt hại do hạn hán, triều cường và xâm nhập mặn gây ra. Đây là yếu tố có ý nghĩa rất lớn đối với địa phương có thế mạnh về nuôi trồng thủy sản như xã Lương Thế Trân.

Ngoài phục vụ sản xuất, hệ thống thủy lợi còn góp phần ổn định môi trường sinh thái, cải thiện điều kiện sống của người dân và tạo nền tảng cho phát triển đô thị bền vững. Trong thời gian tới, việc tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại sẽ là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm an toàn cho khu vực đô thị trung tâm.

c) Cấp điện

Hệ thống điện trên địa bàn xã Lương Thế Trân được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của người dân. Hiện nay, mạng lưới điện trung thế, hạ thế được phủ rộng trên toàn địa bàn với tổng chiều dài hàng trăm kilômét, bảo đảm cung cấp điện ổn định cho khu dân cư, cơ sở sản xuất và các hoạt động thương mại - dịch vụ.

Công tác phát triển lưới điện tiếp tục được ngành điện quan tâm đầu tư. Công tác tuyên truyền, kiểm tra an toàn sử dụng điện được quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Đến nay, toàn xã có 100% hộ sử dụng điện; trong đó, hộ sử dụng điện kế chính chiếm 98,3%.

Việc bảo đảm cung cấp điện ổn định đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp nhỏ, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng thể hiện mức độ hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đô thị của xã Lương Thế Trân trong lộ trình xây dựng phường.

d) Cấp nước

Hệ thống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn xã Lương Thế Trân từng bước được mở rộng và nâng cao chất lượng phục vụ. Hiện nay, tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đạt 87,63%; tỷ lệ dân số khu vực đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 58,47%.

Kết quả này cho thấy địa phương đã có nhiều nỗ lực trong đầu tư hạ tầng cấp nước, cải thiện điều kiện sinh hoạt và bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Việc mở rộng mạng lưới cấp nước tập trung không chỉ góp phần nâng cao chất lượng sống mà còn đáp ứng yêu cầu về vệ sinh môi trường, xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển đô thị trong giai đoạn mới, địa phương cần tiếp tục đầu tư nâng cấp công suất hệ thống cấp nước, mở rộng mạng lưới đến các khu dân cư mới và nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Công tác thu gom, xử lý rác thải và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Lương Thế Trân được quan tâm thực hiện tương đối đồng bộ. Hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được duy trì thường xuyên thông qua đơn vị dịch vụ môi trường chuyên trách, góp phần bảo đảm mỹ quan và vệ sinh môi trường đô thị. Hiện nay, địa phương đã bố trí 02 đội thu gom rác thải phù hợp, bảo đảm vận chuyển toàn bộ lượng rác sinh hoạt đến khu xử lý tập trung theo đúng quy định.

Nhìn chung, công tác bảo vệ môi trường đã có chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị bền vững. Tuy nhiên, trong thời gian tới cần tiếp tục đầu tư hệ thống thoát nước đô thị, nâng cao năng lực xử lý nước thải và đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư.

12.10. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng, an ninh

Quốc phòng quân sự địa phương được đảm bảo; tình hình an ninh chính trị trên địa bàn ổn định; các lực lượng chủ động phối hợp hoạt động chặt chẽ, hiệu quả; tổ chức tuần tra, kiểm soát, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị quan trọng, mục tiêu trọng yếu đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã. Kết quả tuyển quân năm 2025 tổ chức đưa 46/43 tân binh lên đường nhập ngũ, đạt 106,96% chỉ tiêu được giao. Lực lượng vũ trang xã thực hiện tốt công tác huấn luyện lực lượng Dân quân tự vệ; tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17 và phúc tra, quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên theo đúng kế hoạch đề ra.

b) Trật tự an toàn xã hội

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, trật tự an toàn giao thông được tập trung chỉ đạo. Các loại tội phạm và vi phạm về ma túy được phát hiện và xử lý nghiêm, góp phần hạn chế phát sinh tội phạm. Công tác phòng cháy, chữa cháy được tăng cường kiểm tra tại các khu dân cư, chợ, cơ sở kinh doanh và khu vực đông người; ý thức chấp hành các quy định về phòng cháy, chữa cháy của người dân từng bước được nâng lên. Việc bảo đảm tốt quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội là nền tảng quan trọng để xã Lương Thế Trân phát triển ổn định, bền vững và đáp ứng yêu cầu xây dựng đô thị trong giai đoạn mới.

12.11. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

Đảng bộ xã được thành lập trên cơ sở sáp nhập các tổ chức đảng của các đơn vị hành chính trước đây theo chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp cơ sở. Hiện nay, Đảng bộ xã có 53 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, gồm 01 đảng bộ cơ sở (với 04 chi bộ trực thuộc), 16 chi bộ cơ sở và 30 chi bộ ấp; tổng số 1.530 đảng viên (Đảng viên dự bị 42; nữ 548; đảng viên là người dân tộc thiểu số 02; đảng viên tôn giáo 11; giáo viên 571; đoàn viên 131; ấp 793; cơ quan 116; sự nghiệp 27; lực lượng vũ trang 46).

Các chi bộ thực hiện sinh hoạt định kỳ theo quy định, triển khai các nội dung sinh hoạt gắn với nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã được kiện toàn theo quy định, thực hiện chức năng lãnh đạo toàn diện trên các lĩnh vực của địa phương. Các đồng chí trong Ban Chấp hành được phân công phụ trách tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện nhiệm vụ theo quy chế làm việc.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy được tổ chức theo quy định, bao gồm các bộ phận tham mưu về công tác tổ chức, kiểm tra, tuyên giáo, dân vận và các lĩnh vực khác. Các cơ quan này thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

Công tác sinh hoạt chi bộ được tổ chức theo định kỳ, nội dung sinh hoạt bao gồm việc triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và triển khai nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo.

Công tác phát triển đảng viên được thực hiện theo kế hoạch, thông qua việc tạo nguồn từ quần chúng ưu tú tại các khu dân cư, cơ quan, đơn vị và các tổ chức trên địa bàn. Việc kết nạp đảng viên được thực hiện theo quy trình, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Đảng.

Công tác quản lý đảng viên được thực hiện thông qua hệ thống tổ chức đảng, bao gồm việc theo dõi, đánh giá, phân loại đảng viên theo quy định. Các nội dung liên quan đến quản lý đảng viên được triển khai thông qua sinh hoạt chi bộ và các hoạt động của tổ chức đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát được triển khai theo chương trình, kế hoạch của Đảng ủy và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy. Các nội dung kiểm tra, giám sát được thực hiện đối với tổ chức đảng và đảng viên, bao gồm việc chấp hành các quy định của Đảng và việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Các hoạt động của tổ chức đảng trên địa bàn được triển khai gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Hội đồng nhân dân xã được tổ chức theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương theo thẩm quyền. Các kỳ họp Hội đồng nhân dân được tổ chức theo quy định, xem xét, thông qua các nghị quyết liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác.

Đến cuối năm 2025, tổng số đại biểu HĐND xã là 100 vị, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân đã thực hiện nhiệm vụ đại biểu theo quy định. Các hoạt động tiếp xúc cử tri được tổ chức tại các ấp, phục vụ việc tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Ủy ban nhân dân xã được tổ chức theo quy định, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn. Các thành viên Ủy ban nhân dân được phân công phụ trách các lĩnh vực, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Có 03 cơ quan chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội) và Trung tâm Phục vụ hành chính công, được thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo phân công.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân xã được tổ chức thông qua việc ban hành các văn bản quản lý, triển khai các chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các nội dung quản lý nhà nước được triển khai tại các lĩnh vực trên địa bàn.

Công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định. Các thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý và trả kết quả cho người dân theo quy trình, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính tại địa phương.

c) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Từ ngày 1/7/2025, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo mô hình mới với nhiều thay đổi quan trọng. MTTQ có vai trò chủ trì, các tổ chức

chính trị - xã hội trực thuộc về tổ chức Đảng, chịu quản lý về biên chế và kinh phí thông qua MTTQ. Người đứng đầu các tổ chức này sẽ giữ chức vụ phó chủ tịch Ủy ban MTTQ các cấp, tạo sự thống nhất trong lãnh đạo và phối hợp hoạt động

Về tổ chức bộ máy, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã có 59/59 ủy viên; cán bộ cơ quan MTTQ Việt Nam xã có đồng chí. Trong đó Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã 05/05 đồng chí gồm (Chủ tịch Mặt trận, 04 Phó Chủ tịch là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội); 02 cán bộ, công chức giúp việc. Trưởng Ban Công tác Mặt trận ấp 30 đồng chí ở 30 ấp trên địa bàn xã, cơ cấu đủ thành phần, độ tuổi.

Các tổ chức chính trị - xã hội xã tổ chức Đại hội sau Đại hội Đảng bộ và Đại hội MTTQ cùng cấp, bầu ra Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chủ tịch, Phó Chủ tịch để lãnh đạo hoạt động. Đối với các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, MTTQ đang phối hợp, hướng dẫn sắp xếp như các tổ chức chính trị - xã hội.

Hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội có những thay đổi tích cực, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. đã đóng góp quan trọng vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; giám sát và phản biện xã hội và phát huy vai trò tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao năng lực cho cán bộ và hoàn thiện cơ chế giám sát để khắc phục hạn chế hiện có.

Vận hành theo mô hình chính quyền mới yêu cầu cán bộ, công chức kiêm nhiệm nhiều việc, tạo áp lực lớn, hiệu quả xử lý công việc chưa cao.

d) Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng số cán bộ, công chức có mặt 42/50 biên chế (có 14 nữ). Trong đó:

- Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 02 người; Đại học 40 người.
- Về chính trị: Cao cấp 05 người; Trung cấp 36 người; Sơ cấp 01 người.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm duy trì hoạt động thường xuyên của hệ thống chính trị và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật và thái độ phục vụ Nhân dân ngày càng được nâng cao. Phần lớn cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, từng bước đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc ngày càng chặt chẽ, hiệu quả; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý văn bản, giải quyết thủ tục hành chính được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản phát huy tinh thần đoàn kết, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

13. Xã Cái Đôi Vàm

13.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò, chức năng

a) Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Cái Đôi Vàm thuộc tỉnh Cà Mau, được hình thành trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Cái Đôi Vàm, xã Nguyễn Việt Khái (cũ) theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

Xã có diện tích tự nhiên 131,06 km², nằm ở khu vực Trung tâm huyện Phú Tân cũ. Ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Nguyễn Việt Khái;
- Phía Tây giáp Vịnh Thái Lan;
- Phía Nam giáp xã Đất Mới;
- Phía Bắc giáp xã Phú Tân.

Quá trình sắp xếp, kiện toàn và tổ chức lại đơn vị hành chính mang tính lịch sử này hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khách quan của công tác quản lý nhà nước, đáp ứng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội lâu dài của địa phương. Đặc biệt, việc mở rộng địa giới hành chính và tổ chức lại bộ máy theo mô hình cấp xã mới đã tạo tiền đề vững chắc, mở ra không gian phát triển đồng bộ, tạo động lực mạnh mẽ để phát triển kinh tế và từng bước hiện đại hóa hạ tầng nông thôn.

Sở hữu vị trí địa lý mang tính chiến lược, xã Cái Đôi Vàm hiện nay giữ vai trò là trung tâm kết nối giao thương nội địa và là địa bàn trọng điểm phát triển kinh tế thủy sản của tỉnh Cà Mau. Với hệ thống sông ngòi chằng chịt kết hợp hạ tầng giao thông đồng bộ, địa phương có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế nông - ngư nghiệp và thương mại - dịch vụ; trong đó, Chợ Cái Đôi Vàm đóng vai trò là hạt nhân kinh tế, đầu mối trung chuyển hàng hóa nông - thủy sản, tạo động lực phát triển cho các khu vực lân cận. Bên cạnh đó, đây cũng là khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng - an ninh, đóng góp vị thế đặc biệt quan trọng vào sự ổn định và phát triển bền vững chung của tỉnh Cà Mau.

b) Vai trò, chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Cái Đôi Vàm được xác định là đô thị trung tâm chuyên ngành thủy sản khu vực phía Tây Nam tỉnh Cà Mau, giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa các trung tâm kinh tế biển, các đô thị ven biển và khu vực nội địa của tỉnh. Với vị trí nằm trên hành lang phát triển ven biển và có mối liên kết thuận lợi với các đô thị Sông Đốc, Trần Văn Thời, Cái Nước và Năm Căn, địa phương có vị trí quan trọng trong tổ chức không gian phát triển vùng ven biển Tây Nam và tăng cường liên kết giữa các khu vực phát triển của tỉnh.

Cái Đôi Vàm có chức năng là trung tâm thương mại, dịch vụ, khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; là đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa và cung ứng các dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế biển cho khu vực ven biển phía Tây Nam của tỉnh. Với lợi thế là đô thị cửa biển có truyền thống phát triển kinh tế thủy sản, địa phương giữ vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị khai thác, nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ thủy sản; đồng thời là trung tâm cung cấp các dịch vụ hậu cần nghề cá, thương mại và dịch vụ hỗ trợ sản xuất cho khu vực ven biển.

Đặc biệt, Cái Đôi Vàm có vị trí chiến lược trong mạng lưới liên kết vùng và hệ thống đô thị ven biển của tỉnh. Thông qua tuyến đường ven biển tỉnh Cà Mau và các trục giao thông kết nối Đông - Tây, địa phương có khả năng kết nối thuận lợi với các cực phát triển kinh tế biển của tỉnh như Sông Đốc, Năm Căn và Gành Hào; đồng thời giữ vai trò là mắt xích quan trọng trong chuỗi đô thị ven biển của tỉnh Cà Mau. Với vị trí nằm giữa các trung tâm kinh tế biển và các đô thị động lực của tỉnh, Cái Đôi Vàm góp phần tăng cường liên kết vùng, kết nối không gian phát triển kinh tế biển với khu vực nội địa, mở rộng không gian phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ và phát huy hiệu quả hành lang kinh tế ven biển của tỉnh.

Với vai trò là đô thị cửa biển, trung tâm dịch vụ nghề cá và đầu mối liên kết giữa các không gian phát triển ven biển của tỉnh, Cái Đôi Vàm có vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Tây Nam; đồng thời góp phần tăng cường liên kết các cực tăng trưởng, phát huy hiệu quả mạng lưới đô thị ven biển và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của tỉnh Cà Mau.

13.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Xã Cái Đôi Vàm có tổng diện tích tự nhiên 131,06 km², quy mô dân số 36.964 người, được tổ chức quản lý hành chính tập trung tại 19 ấp. Diện tích tự nhiên của xã phân bố trên không gian rộng lớn, bao gồm các khu vực dân cư hiện hữu mang bản sắc đặc trưng của vùng sông nước, hình thành, phát triển các cơ sở đại lý thu mua, sơ chế thủy sản, hệ thống dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp - thủy sản và mạng lưới kinh doanh thương mại phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất của nhân dân và các vùng lân cận, các quỹ đất dự phòng được quy hoạch cho phát triển đô thị trong thời gian tới. Phạm vi quản lý rộng gắn với nhiều loại hình sử dụng đất và đặc thù sông ngòi chằng chịt, đặt ra yêu cầu tổ chức quản lý thống nhất, đồng bộ theo quy hoạch.

b) Cơ cấu các loại đất

Bảng thống kê hiện trạng sử dụng đất (Đơn vị tính: ha):

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng diện tích		13.106,02	100,00
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	9.898,23	75,52

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN		
1.1	Đất trồng lúa	LUA		
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC		
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK		
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK		
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	543,51	4,15
3	Đất lâm nghiệp	LNP	5.124,24	30,1
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD		
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.818,57	21,51
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX	2.305,68	17,59
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN		
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	4.230,47	32,28
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT		
6	Đất làm muối	LMU		
7	Đất nông nghiệp khác	NKH		
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	2.749,88	20,98
1	Đất ở	OTC	100,74	0,77
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	39,30	0,3
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	61,44	0,47
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,49	0,06
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	230,11	1,76
3.1	Đất quốc phòng	CQP	226,66	1,73
3.2	Đất an ninh	CAN	3,45	0,03
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	26,96	0,21
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	7,16	0,05
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH		
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,06	0,04
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	13,78	0,11

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT		
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT		
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT		
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,97	0,01
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	6,52	0,05
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC		
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK		
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN		
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,81	0,01
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4,71	0,04
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	339,45	2,59
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	173,33	1,32
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	1,84	0,01
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,79	0,01
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	161,97	1,24
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD		
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,02	

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL		
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,72	0,01
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,27	
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,52	
7	Đất tôn giáo	TON	1,47	0,01
8	Đất tín ngưỡng	TIN	0,14	
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD		
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	2.036,01	15,53
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC		
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.036,01	15,53
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	457,91	3,49
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	1,62	0,01
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	456,28	3,48
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
4	Núi đá không có rừng cây	NCS		
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS		

13.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Theo số liệu của dữ liệu dân cư, dân số của xã Cái Đôi Vàm hiện nay là 36.964 người. Mật độ dân số trung bình đạt khoảng 282 người/km², phân bố trên toàn bộ diện tích tự nhiên của xã.

Dân số của xã Cái Đôi Vàm có quy mô dân số lớn, mật độ phân bố tập trung rõ rệt dọc theo các tuyến giao thông huyết mạch và khu vực ven sông; bước đầu hình thành các cụm dân cư tập trung mang đặc trưng đô thị trung tâm, tạo động

lực mạnh mẽ cho xu hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với củng cố quốc phòng - an ninh tại địa phương trong giai đoạn hiện nay. Quy mô dân số này là một trong những yếu tố quan trọng trong việc xác định tính chất và tổ chức đơn vị hành chính phù hợp.

b) Cơ cấu lao động

Lực lượng lao động trên địa bàn xã Cái Đôi Vàm chiếm tỷ lệ lớn trong tổng dân số, tham gia vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Dân số trong độ tuổi lao động: 26.240 (chiếm 71,03%); trong đó có 20.677 lao động làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: công nghiệp xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, vận tải... đạt tỷ lệ 78,80%.

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tập trung chủ yếu tại các đô thị trung tâm, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các hoạt động dịch vụ. Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản vẫn chiếm một tỷ lệ nhất định, gắn với diện tích đất nông nghiệp còn lớn trên địa bàn.. Việc chuyển dịch cơ cấu lao động gắn liền với quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa văn minh, đồng thời chịu tác động tích cực của việc thu hút đầu tư, mở rộng các hạ tầng dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã Cái Đôi Vàm.

c) Thành phần dân cư

Dân cư trên địa bàn xã Cái Đôi Vàm bao gồm lực lượng dân cư tại chỗ lâu đời và dân cư từ các địa phương khác đến sinh sống, lập nghiệp. Thành phần dân cư đa dạng, bao gồm người lao động trong các cơ sở nuôi trồng, sơ chế, chế biến thủy sản, dịch vụ và các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ.

Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 2,93% tổng dân số. Các nhóm dân cư sinh sống xen kẽ tại các khu vực dân cư, tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn. Quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa đã làm thay đổi cơ cấu dân cư, với sự gia tăng dân cư làm việc trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, đồng thời hình thành các khu dân cư tập trung gắn với khu vực trung tâm.

13.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Sản xuất nông nghiệp và thủy sản tiếp tục khẳng định vai trò chủ lực. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt hơn 8.690 ha, với 4.076 hộ nuôi. Trong đó, Diện tích nuôi tôm siêu thâm canh 258 ha với 180 hộ nuôi; diện tích nuôi tôm quảng canh cải tiến 8.432 ha với 3.896 hộ nuôi. Tổng sản lượng thủy sản đầu năm đến nay là 32.960 tấn. Trong đó, sản lượng khai thác thủy sản 17.210 tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản 15.750 tấn. Lĩnh vực chăn nuôi phát triển ổn định với đàn gia súc đạt trên 4.387 con; đàn gia cầm 87.621 con. Hoạt động kinh doanh sôi động với 68 doanh nghiệp và 513 hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động trên địa bàn. Thu ngân sách nhà nước đạt 4 tỷ 558 triệu đồng, đạt 101,07% kế hoạch đề ra.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng: Công tác phát triển kết cấu hạ tầng được triển khai quyết liệt. Trong năm, xã đã triển khai xây dựng 11 tuyến lộ giao thông nông thôn với chiều dài trên 12,555km và khởi công 12 cây cầu giao thông, tổng vốn đầu tư trên 20,767 tỷ đồng.

- Về thương mại - dịch vụ: Hoạt động phát triển ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân. Hệ thống cơ sở kinh doanh, dịch vụ duy trì hoạt động hiệu quả, nguồn cung hàng hóa được bảo đảm. Công tác quản lý thị trường, kiểm tra an toàn thực phẩm được tăng cường. Các lĩnh vực vận tải, bưu chính, viễn thông, tài chính - ngân hàng tiếp tục phát triển, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản: Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục được duy trì và phát triển theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy sản được duy trì ổn định; người dân từng bước áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và thu nhập. Công tác xây dựng các mô hình sản xuất hiệu quả, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được quan tâm thực hiện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và nâng cao đời sống Nhân dân.

13.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục triển khai xây dựng các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia và đầu tư nâng cấp các trường đã đạt chuẩn; toàn xã có 06/11 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt 54,55%.

Chỉ đạo các trường đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; xây dựng văn hóa giao thông và ý thức tự giác, tự bảo vệ chính mình và cộng đồng khi tham gia giao thông.

Để đảm bảo các điều kiện tổ chức tốt năm học 2025 - 2026 trong bối cảnh bộ máy quản lý giáo dục vừa được chuyển giao về cấp xã và các địa bàn hành chính cũ được sáp nhập. Ủy ban nhân dân xã tiếp tục tập trung chỉ đạo các trường ổn định tổ chức, xây dựng nội quy, quy chế dạy và học ngay từ khâu chuẩn bị năm học mới. Tăng cường đầu tư và cải thiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; nâng cao chất lượng đội ngũ và công tác quản lý giáo dục; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động học sinh đến lớp, chống bỏ học. Thực hiện tốt công tác vận động hỗ trợ học sinh vào đầu năm học 2025 - 2026, tính từ ngày Khai giảng 05/9/2025 đến nay đã vận động hỗ trợ cho 374 học sinh với số tiền 304.755 triệu đồng.

b) Y tế

Công tác khám chữa bệnh được duy trì và thực hiện tốt, nhất là cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi. Trạm y tế xã đảm bảo đủ cơ sở thuốc phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao y đức của đội ngũ thầy thuốc, quản lý các hoạt động y dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm... được quan tâm triển khai thực hiện. Công tác tiêm chủng mở rộng và

chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản luôn được duy trì thường xuyên, tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ trẻ em toàn xã trong kỳ báo cáo 222/280 trẻ, đạt 79,28%; tiêm chủng phụ nữ có thai 223/280 người, đạt 79,64%.

Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế xã An toàn khu đạt 100% dân số.

c) Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao

Hoạt động thông tin, tuyên truyền luôn bám sát các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của xã; thực hiện tốt các nội dung định hướng tuyên truyền, góp phần tạo sự thống nhất về tư tưởng chính trị trong Đảng và nhân dân.

Xã hiện có 6.609/8.415 hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa, chiếm tỷ lệ 78,54%; có 19/19 ấp đạt chuẩn văn hóa, đạt tỷ lệ 100%.

Tiếp tục tuyên truyền vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quần chúng nhân dân tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên để duy trì phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, “khỏe để xây dựng và bảo vệ tổ quốc”.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Ủy ban nhân dân xã tiếp tục được duy trì thực hiện, đáp ứng tốt yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân xã. Vận hành tốt hệ thống phòng họp trực tuyến kết nối với các cơ quan cấp trên.

d) Lao động - Thương binh và Xã hội

Công tác đảm bảo an sinh xã hội, các chính sách dân tộc, tôn giáo được quan tâm thực hiện thường xuyên đúng theo quy định. Công tác chăm lo cho đối tượng người có công với cách mạng được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Tính từ 01/7/2025 đến thời điểm báo cáo có 302 người mở tài khoản mới để hưởng chính sách an sinh xã hội (bảo trợ xã hội: 302 người, người có công: 0 người) đã thực hiện chi trả với số tiền 7.362.928 triệu đồng, trong đó: bảo trợ xã hội 1.506 đối tượng, người có công 167 đối tượng.

Thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, nhân dịp 78 năm ngày Thương binh liệt sĩ 27/7/1947 - 27/7/2025 và kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, Ủy ban nhân dân xã đã thăm và tặng quà cho hộ gia đình chính sách, người có công trên địa bàn, tổng trị giá 38,5 triệu đồng. Triển khai thực hiện chính sách tặng quà cho Nhân dân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ phụ trách công tác cấp quà cho Nhân dân trên địa bàn (10 Tổ), ban hành Thông báo phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho các Tổ viên và địa điểm cấp phát quà, bảo đảm việc cấp phát quà cho Nhân dân công khai, minh bạch, đầy đủ, đúng quy định, tuyệt đối không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực. Qua đó, đã cấp được 35.989/36.183 người/khẩu (đạt tỷ lệ 99,46%), với tổng số tiền là 3.598,9 triệu đồng. Trong đó, nhận chuyển khoản 1.383 người/khẩu; nhận tiền mặt 34.606 người/khẩu. Số còn lại chưa thực hiện là 194 người/khẩu, tương ứng với số tiền còn lại là 19.4 triệu đồng.

Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo tiến hành chi trả tiền quà theo Nghị quyết 418/NQ-CP được 1.536/1.536 đối tượng, tổng số tiền 614.400.000 đồng, đạt 100% đối tượng thụ hưởng theo quy định của Nghị quyết số 418/NQ-CP của Chính phủ.

Toàn xã có 29 hộ nghèo/6.912 hộ dân, chiếm tỷ lệ 0,42%; 122 hộ cận nghèo/6.912 hộ dân, chiếm tỷ lệ 1,77%.

Công tác giải quyết việc làm được quan tâm triển khai thực hiện tốt. Các giải pháp đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được thực hiện đồng bộ. Từ đầu năm đến nay đã giải quyết việc làm cho 1.332 lao động (1.308 lao động trong nước, 24 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng). Từ ngày 01/7/2025 đến nay đã giải quyết việc làm cho 804 người (795 lao động trong nước, 09 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng).

Thực hiện hoàn thành chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát, nhà cho người có công với 96/96 căn, tổng kinh phí xây dựng hơn 4.800 triệu đồng.

13.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Hiện trạng nhà ở trên địa bàn xã Cái Đôi Vàm chủ yếu là nhà xây dựng theo dạng liên kề và phân bố tập trung dọc các tuyến giao thông chính, các trục đường bê tông hiện hữu, kênh rạch và khu vực trung tâm các ấp 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, ấp Gò Công và ấp Gò Công Đông. Các cụm dân cư hình thành theo tuyến, phục vụ thuận lợi cho sinh hoạt, giao thương và hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân. Một số khu vực đã được đầu tư xây dựng kiên cố, đồng bộ về kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và tập quán sinh sống của người dân. Hình thức nhà ở đa dạng về quy mô gia đình, kiểu dáng phong phú đa dạng mang nhiều phong cách. Nhìn chung, hiện trạng nhà ở cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân nhưng cần tiếp tục được quy hoạch, nâng cấp và chỉnh trang đồng bộ trong thời gian tới.

b) Công trình cơ quan hành chính

- Trụ sở MTTQ xã Cái Đôi Vàm (MTTQ huyện Phú Tân cũ);
- Trụ sở Đảng ủy xã Cái Đôi Vàm (Đảng ủy huyện Phú Tân cũ);
- Trụ sở UBND xã Cái Đôi Vàm (UBND huyện Phú Tân cũ);
- Kho bạc Nhà nước;
- Tòa án;
- Viện Kiểm sát;
- Bảo hiểm xã hội;
- Chi cục Thuế;
- Chi cục Thi hành án;

- Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị;
- Điện lực;
- Đội Quản lý thị trường;
- Hạt Kiểm lâm;
- Ban Quản lý rừng phòng hộ Biển Tây (Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Nguyễn Việt Khái cũ);
- Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh khu vực Phú Tân và Trạm Kiểm ngư Cái Đôi Vàm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND thị trấn Cái Đôi Vàm cũ).

c) Công trình giáo dục

- Trường Mầm non: Cái Đôi Vàm, Hoa Tường Vi, Sơn Ca;
- Trường Tiểu học: Nguyễn Việt Khái, Cái Đôi Vàm 1, Cái Đôi Vàm 2;
- Trường Tiểu học và THCS: Gò Công, Lê Hồng Phòng, Võ Thị Sáu;
- Trường THCS: Phan Ngọc Hiền, Nguyễn Việt Khái;
- Trường THPT: Phú Tân.

d) Công trình y tế

- Bệnh viện đa khoa Phú Tân;
- Trạm y tế xã Cái Đôi Vàm (Điểm Trạm y tế xã Nguyễn Việt Khái cũ);
- Trạm y tế xã Cái Đôi Vàm (Điểm Trạm y tế thị trấn Cái Đôi Vàm cũ).

đ) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

- TTVH và TDTT xã Cái Đôi Vàm (TTVH huyện Phú Tân cũ);
- TTVH và TT xã Cái Đôi Vàm;
- TTVH xã Nguyễn Việt Khái cũ;
- Nhà Văn hóa Khmer (Ấp 5 và ấp Gò Công);
- Trụ sở các ấp 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, Cái Đôi Nhỏ, Cái Đôi Nhỏ A, Cái Đôi Nhỏ B, Tân Quảng A, Tân Quảng B, Tân Quảng Tây, Tân Quảng Đông, Sào Lưới, Sào Lưới Tây, Gò Công, Gò Công Đông.

e) Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

- Ngân Hàng Nông Nghiệp;
- Ngân Hàng Chính Sách Xã Hội;
- Bưu Điện;
- Chợ Cái Đôi Vàm;
- Chợ Gò Công;
- CT TNHH SNK TS Tân Thành (chi nhánh Phú Tân);

- Trạm Xăng Dầu Petrolimex số 20;
- Trạm Xăng Dầu Petrolimex số 31;
- DNTN Xăng Dầu Vũ Hằng;
- DNTN Xăng Dầu Tấn Lực;
- DNTN Xăng Dầu Kiều Lan;
- Cty TNHH DVTV Tài Nguyên;
- Cửa hàng Xăng dầu Phú Quý.

13.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

- Đường tỉnh ĐT.986 (Đầm Dơi - Cái Nước - Cái Đôi Vàm): Dài 43,83km, điểm đầu giao với tuyến đường ĐT,988 (Lương Thế Trân - Đầm Dơi), điểm cuối giao với đường Phan Ngọc Hiển tại xã Cái Đôi Vàm. Hiện tuyến được phân thành 2 đoạn:

+ Đoạn 1: Dài 21,5 km, điểm đầu giao đường Lương Thế Trân - Đầm Dơi, điểm cuối giao QL,1, Mặt nhựa 3,5m, nền 6,5m, chất lượng trung bình. 217

+ Đoạn 2: Dài 22,33 km, điểm đầu giao QL,1 tại xã Cái Nước, điểm cuối giao đường Phan Ngọc Hiển xã Cái Đôi Vàm, Mặt nhựa rộng 5,5m, nền 7,5m, chất lượng khá tốt.

- Đường TT.xã Nguyễn Việt Khái cũ (ĐH.42) : Dài 12,6 km, điểm đầu giao đường ĐT.986, điểm cuối tại UBND xã Nguyễn Việt Khái (cũ) . Hiện nay mặt đường lát nhựa 3,5m.

- Các tuyến đường đô thị tại thị trấn Cái Đôi Vàm cũ như: Phan Ngọc Hiển, Nguyễn Việt Khái, Hồ Thị Kỷ, Cách Mạng Tháng 8, Lý Văn Lâm, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, 13 Tháng 12 có lộ giới từ 12 – 30m, mặt đường nhựa

- Ngoài ra còn các tuyến lộ giao thông nông thôn trực áp liên ấp, trực xóm nhánh phân tán trên toàn bộ địa bàn xã kết nối từ các trục giao thông chính vào sâu trong nội đồng, kết cấu mặt đường bê tông.

* Hệ thống bến bãi:

- Cảng cá Cái Đôi Vàm.
- Bến tàu tại khu vực Chợ Cái Đôi Vàm.
- Bến xe Cái Đôi Vàm, bến xe loại V nằm trên đường tỉnh ĐT 986.

b) Thủy lợi

Tuyến giao thông thủy quan trọng của xã là các tuyến sông Cái Đôi Vàm đây là các tuyến vận tải thủy cấp IV do tỉnh quản lý.

Ngoài ra trên địa bàn huyện còn rất nhiều tuyến kênh, rạch khác, tuy nhiên khả năng khai thác vận tải không cao, chủ yếu phục vụ đi lại cho người dân hoặc vận chuyển hàng hóa nhỏ, lẻ.

c) Cấp điện

Nguồn điện: Hiện nay, xã Cái Đôi Vàm nhận điện chủ yếu từ Trạm biến áp 110kV Tân Hưng Tây (có công suất 2x40MVA).

Đây là trạm đầu mối quan trọng trung chuyển điện năng từ lưới điện quốc gia thông qua đường dây 110kV để cung cấp cho toàn bộ khu vực các xã lân cận, trong đó có xã Cái Đôi Vàm.

Từ trạm 110kV này, điện năng được phân phối qua các đường dây trung thế 22kV chạy dọc theo các trục lộ giao thông chính để dẫn về các trạm biến áp hạ thế tại trung tâm xã và các ấp.

d) Cấp nước

- Trong những năm qua, hệ thống cấp nước của xã Cái Đôi Vàm đã được quan tâm đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, tuy nhiên công suất cấp nước hiện nay chưa đủ để cấp cho toàn bộ các ấp trên địa bàn xã gây nhiều khó khăn trong sinh hoạt và sản xuất của người dân, các công trình cấp nước trong xã được sử dụng từ nguồn nước ngầm.

- Hiện nay trên địa bàn xã có 3 trạm cấp nước:

+ Trạm Cấp nước bờ Bắc, công suất 430 m³/ngày/đêm

+ Trạm Cấp nước bờ Nam, công suất 1290 m³/ngày/đêm

+ Trạm Cấp nước Gò Công Đông, công suất 720 m³/ngày/đêm

- Tổng công suất cấp nước khoảng 2.440 m³/ngày/đêm

- Tổng chiều dài đường ống cấp nước đã đầu tư khoảng 37 km

- Tổng số hộ lắp đặt đồng hồ nước khoảng 3.578 hộ.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Hệ thống thoát nước thải chưa được đầu tư xây dựng, hệ thống hiện nay đang là hệ thống thoát nước chung, tuy nhiên mới chỉ tập trung tại một số khu vực của trung tâm xã.

Nước thải sinh hoạt, các hộ gia đình chủ yếu sử dụng bể tự hoại sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung hoặc tự thấm và chảy tràn ra các vườn và kênh rạch trong khu vực.

13.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng được đảm bảo, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, dự báo, nắm chắc tình hình, bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng yếu trên địa bàn xã; thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa 3 lực lượng: Công an - Quân sự - Biên phòng, góp phần giữ vững và ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Ban Chỉ huy Quân sự đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn sắp xếp, kiện toàn tổ chức biên chế lực lượng Dự bị động viên 356 lực lượng, đạt 100%. Công tác tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân được thực hiện đúng theo quy

định. Tham mưu Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã thực hiện công tác tuyển quân đúng theo quy định. Qua đó, tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự độ tuổi 17 được 151 thanh niên, đạt 100% báo cáo về trên theo quy định. Năm 2025, Ban Chỉ huy Quân sự xã giao quân về trên được 23 thanh niên đạt 100% chỉ tiêu, có 100% thanh niên viết đơn tình nguyện; làm tốt công tác chính sách hậu phương quân đội, vận động tặng quà cho thanh niên lên đường nhập ngũ bảo vệ tổ quốc với số tiền 14 triệu đồng; tổ chức thăm và tặng quà Tết cho thanh niên nhập ngũ với tổng số tiền 23 triệu đồng.

13.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

- Số đơn vị áp trực thuộc: 19 áp.
- Cơ cấu tổ chức bộ máy của xã:
 - + 03 cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Văn phòng Đảng ủy, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã);
 - + 02 ban của HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội);
 - + Hệ thống cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội;
 - + 04 cơ quan, tổ chức hành chính (Văn phòng HĐND&UBND xã, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công);
 - + 14 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã (Trung tâm Công ích, Ban Quản lý dự án, Trạm Y tế và 11 trường học).
- Tổng số 391/480 cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, 32/32 cán bộ, công chức khối đảng, đoàn thể; 42/42 cán bộ, công chức khối chính quyền; 289/323 viên chức giáo dục, 13/20 viên chức y tế, 11/11 viên chức lĩnh vực quản lý dự án và 4/16 viên chức lĩnh vực công ích.

Bộ máy của hệ thống chính trị xã được tổ chức và hoạt động theo quy định, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành trên địa bàn.

II. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN ĐỂ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: SÔNG ĐỐC, NĂM CĂN, GÀNH HÀO, HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC, ĐÀM DƠI, THỚI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG, HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THẾ TRÂN, CÁI ĐÔI VÀM THUỘC TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Phụ lục đánh giá tiêu chuẩn thành lập 13 phường theo Điều 5 Nghị quyết 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG SÔNG ĐỐC, NĂM CĂN, GÀNH HÀO, HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC, ĐÀM DƠI, THỐI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG, HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THẾ TRÂN, CÁI ĐÔI VÀM THUỘC TỈNH CÀ MAU

I. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP

1. Phương án thành lập phường Sông Đốc

Thành lập phường Sông Đốc trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên 84,19 km² và quy mô dân số 47.498 người của xã Sông Đốc.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Sông Đốc.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Sông Đốc, không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

Việc thành lập phường Sông Đốc trên cơ sở nguyên trạng xã Sông Đốc bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Cà Mau.

2. Phương án thành lập phường Năm Căn

Thành lập phường Năm Căn trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên 70,21 km² và quy mô dân số 31.170 người của xã Năm Căn.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Năm Căn.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Năm Căn, không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

Việc thành lập phường Năm Căn trên cơ sở nguyên trạng xã Năm Căn bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Cà Mau.

3. Phương án thành lập phường Gành Hào

Thành lập phường Gành Hào trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên 89,22 km² và quy mô dân số là 31.829 người của xã Gành Hào.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Gành Hào.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Gành Hào, không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

Việc thành lập phường Gành Hào trên cơ sở nguyên trạng xã Gành Hào bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Cà Mau.

4. Phương án thành lập phường Hòa Bình

Thành lập phường Hòa Bình trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên 114,79 km² và quy mô dân số là 66.237 người của xã Hòa Bình.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Hòa Bình.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Hòa Bình, không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

Việc thành lập phường Hòa Bình trên cơ sở nguyên trạng xã Hòa Bình bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Cà Mau.

5. Phương án thành lập phường Cái Nước

Thành lập phường Cái Nước trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên 117,94 km² và quy mô dân số 54.661 người của xã Cái Nước.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Cái Nước.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Cái Nước, không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

Việc thành lập phường Cái Nước trên cơ sở nguyên trạng xã Cái Nước bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Cà Mau.

6. Phương án thành lập phường Đầm Dơi

Thành lập phường Đầm Dơi trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên 96,28 km² và quy mô dân số 39.191 người của xã Đầm Dơi.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Đầm Dơi.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Đầm Dơi, không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

Việc thành lập phường Đầm Dơi trên cơ sở nguyên trạng xã Đầm Dơi bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Cà Mau.

7. Phương án thành lập phường Thới Bình

Thành lập phường Thới Bình trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên 121,05 km² và quy mô dân số 38.067 người của xã Thới Bình.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Thới Bình.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Thới Bình, không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

Việc thành lập phường Thới Bình trên cơ sở nguyên trạng xã Thới Bình bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý

dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Cà Mau.

8. Phương án thành lập phường Trần Văn Thời

Thành lập phường Trần Văn Thời trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên 133,82 km² và quy mô dân số 56.179 người của xã Trần Văn Thời.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Trần Văn Thời.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Trần Văn Thời, không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

Việc thành lập phường Trần Văn Thời trên cơ sở nguyên trạng xã Trần Văn Thời bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Cà Mau.

9. Phương án thành lập phường Phước Long

Thành lập phường Phước Long trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên 98,12 km² và quy mô dân số 47.667 người của xã Phước Long.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Phước Long.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Phước Long, không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

Việc thành lập phường Phước Long trên cơ sở nguyên trạng xã Phước Long bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Cà Mau.

10. Phương án thành lập phường Hồng Dân

Thành lập phường Hồng Dân trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên 124,93 km² và quy mô dân số 53.452 người của xã Hồng Dân.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Hồng Dân.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Hồng Dân, không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

Việc thành lập phường Hồng Dân trên cơ sở nguyên trạng xã Hồng Dân bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Cà Mau.

11. Phương án thành lập phường Vĩnh Lợi

Thành lập phường Vĩnh Lợi trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên 61,69km² và quy mô dân số 29.120 người của xã Vĩnh Lợi.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Vĩnh Lợi.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Vĩnh Lợi, không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

Việc thành lập phường Vĩnh Lợi trên cơ sở nguyên trạng xã Vĩnh Lợi bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Cà Mau.

12. Phương án thành lập phường Lương Thế Trân

Thành lập phường Lương Thế Trân trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên 135,32 km² và quy mô dân số 63.883 người của xã Lương Thế Trân.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Lương Thế Trân.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Lương Thế Trân, không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

Việc thành lập phường Lương Thế Trân trên cơ sở nguyên trạng xã Lương Thế Trân bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Cà Mau.

13. Phương án thành lập phường Cái Đôi Vàm

Thành lập phường Cái Đôi Vàm trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên 131,06 km² và quy mô dân số 36.964 người của xã Cái Đôi Vàm.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Cái Đôi Vàm.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Cái Đôi Vàm, không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

Việc thành lập phường Cái Đôi Vàm trên cơ sở nguyên trạng xã Cái Đôi Vàm bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Cà Mau.

II. KẾT QUẢ SAU THÀNH LẬP

Như vậy, sau khi thành lập 13 phường, tỉnh Cà Mau không thay đổi về diện tích tự nhiên, dân số và số lượng đơn vị hành chính cấp xã; chỉ thay đổi cơ cấu loại hình đơn vị hành chính, giảm 13 xã và tăng 13 phường. Cụ thể, tỉnh Cà Mau có 64 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 42 xã và 22 phường.

Phần thứ tư
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA
CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Kinh tế - xã hội

1.1. Tích cực

Thành lập các phường sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại và nhất là dịch vụ; tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, phát huy hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật hiện đại, mở rộng khả năng tiêu thụ hàng hóa và tăng cường thu hút đầu tư trong nước, nước ngoài.

Việc thành lập phường cũng sẽ tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng địa phương và của toàn tỉnh. Quá trình hình thành, phát triển đô thị không chỉ gắn với phát triển công nghiệp mà còn gắn chặt với phát triển hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ; thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến đường nội thị, tăng cường kết nối với khu vực ngoại thị, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, lưu thông hàng hóa và nâng cao mức sống của Nhân dân.

Sau khi thành lập phường, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ tiếp tục được quan tâm đầu tư đồng bộ, nhất là các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục và thiết chế văn hóa. Qua đó, Nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Đồng thời, quá trình phát triển đô thị cũng tạo điều kiện cho giao lưu, tiếp biến văn hóa, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa xã hội của địa phương.

1.2. Khó khăn, thách thức

Một số khu dân cư phát triển nhanh trong khi hạ tầng chưa theo kịp cũng có thể làm gia tăng nguy cơ ùn tắc, tai nạn giao thông và quá tải dịch vụ xã hội. Ngoài ra, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn sẽ phải thực hiện việc điều chỉnh thông tin địa chỉ cho phù hợp sau khi đơn vị hành chính được thành lập.

2. Quản lý hành chính

2.1. Tích cực

Việc thành lập các phường và chuyển đổi mô hình quản lý từ nông thôn sang đô thị sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn. Tổ chức bộ máy chính quyền được kiện toàn theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, phù hợp với đặc thù đô thị, từ đó nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành và phục vụ Nhân dân.

Quá trình này tạo điều kiện để đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền, từng bước xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Việc giải quyết thủ tục hành

chính được thực hiện công khai, minh bạch, nhanh chóng, góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Cùng với đó, việc hình thành các phường sẽ giúp tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, bảo đảm quản lý thống nhất nhưng linh hoạt, sát với thực tiễn địa phương. Các cơ quan chuyên môn và đội ngũ cán bộ, công chức được bố trí, sắp xếp hợp lý hơn, đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện đô thị hóa.

Quá trình đô thị hóa và gia tăng dân số tạo động lực để nâng cao chất lượng quản lý dân cư, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, trật tự đô thị, góp phần xây dựng môi trường sống văn minh, kỷ cương. Đồng thời, các công cụ quản lý hiện đại được áp dụng sẽ hỗ trợ hiệu quả cho công tác thống kê, dự báo và hoạch định chính sách.

Bên cạnh đó, việc chuẩn hóa quy trình, quy định quản lý hành chính theo mô hình đô thị sẽ góp phần tăng tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và kỷ luật, kỷ cương hành chính, tạo nền tảng để xây dựng nền hành chính hiện đại, phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

2.2. Khó khăn, thách thức

Việc chuyển từ mô hình chính quyền nông thôn sang mô hình chính quyền đô thị có thể khiến đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã bước đầu gặp khó khăn trong tiếp cận chức năng, nhiệm vụ mới. Vì vậy, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý đô thị, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

3. Tác động về đất đai và môi trường

3.1. Tích cực

Quá trình thành lập các phường và phát triển đô thị sẽ tạo điều kiện thuận lợi để tái cấu trúc, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đô thị. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất đô thị được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, góp phần hình thành các khu chức năng đô thị đồng bộ, hiện đại, nâng cao giá trị sử dụng đất và hiệu quả khai thác quỹ đất trên địa bàn.

Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa tạo cơ hội để đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng môi trường, như hệ thống giao thông, thoát nước, xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn. Qua đó, từng bước nâng cao chất lượng môi trường sống, cải thiện điều kiện sinh hoạt của người dân, hướng tới xây dựng đô thị xanh, sạch, đẹp và phát triển bền vững.

Việc gia tăng quy mô dân số và phát triển các hoạt động công nghiệp, thương mại, dịch vụ sẽ tạo nguồn lực để đầu tư các công trình bảo vệ môi trường, đồng thời thúc đẩy áp dụng các mô hình phát triển mới như kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng. Đây là cơ sở quan trọng để kiểm soát tốt các nguồn phát sinh chất thải, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường không khí, đất và nước.

Công tác quản lý tài nguyên nước sẽ được tăng cường thông qua việc quy hoạch, bảo vệ và khai thác hợp lý các nguồn nước mặt, nước ngầm; đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung; duy trì và phát triển các không gian mặt nước, cây xanh đô thị. Điều này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng môi trường mà còn cải thiện cảnh quan và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đối với khu vực nông nghiệp, việc chuyển đổi một phần diện tích đất sang mục đích phi nông nghiệp là cơ hội để tái cơ cấu sản xuất theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững. Các địa phương có điều kiện phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp sinh thái gắn với chuỗi giá trị, đồng thời mở rộng các ngành nghề phi nông nghiệp, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

Nhìn chung, quá trình thành lập phường và phát triển đô thị sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, cải thiện chất lượng môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững, với điều kiện các địa phương chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp về quy hoạch, quản lý đất đai và bảo vệ môi trường ngay từ giai đoạn đầu.

3.2. Hạn chế, khó khăn

Tạo áp lực nhất định lên môi trường đô thị. Mức độ tác động phụ thuộc vào tốc độ phát triển kinh tế và hiệu quả thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường của từng phường sau khi được thành lập.

Cùng với quá trình đô thị hóa, phát triển kinh tế, tăng quy mô dân số, tăng thu nhập, khối lượng chất thải rắn từ công nghiệp, xây dựng, thương mại, cơ sở y tế và hộ gia đình cũng tăng theo. Nếu không được kiểm soát chặt chẽ, nguy cơ ô nhiễm môi trường sẽ gia tăng.

4. Tác động đến kiến trúc đô thị, cảnh quan

4.1. Tích cực

Việc thành lập các phường và quá trình đô thị hóa sẽ tạo điều kiện thuận lợi để định hình và phát triển không gian kiến trúc đô thị theo hướng hiện đại, đồng bộ và có bản sắc. Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, các địa phương có cơ hội tổ chức lại không gian đô thị một cách khoa học, hình thành các khu chức năng rõ ràng như khu hành chính, thương mại, dịch vụ, khu dân cư và các không gian công cộng, góp phần nâng cao chất lượng phát triển đô thị.

Quá trình phát triển này cũng tạo động lực để chỉnh trang, cải tạo các khu dân cư hiện hữu, từng bước thay thế các công trình manh mún, thiếu đồng bộ bằng các công trình có kiến trúc phù hợp, bảo đảm mỹ quan và an toàn. Qua đó, diện mạo đô thị được cải thiện rõ nét, hướng tới xây dựng hình ảnh đô thị văn minh, hiện đại.

Bên cạnh đó, việc đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ sẽ góp phần tạo dựng cảnh quan đô thị khang trang, sạch đẹp, với hệ thống giao thông, chiếu sáng, cây xanh, công viên, quảng trường và các không gian sinh hoạt cộng đồng được quan tâm đầu tư. Đây là yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng sống của người dân và sức hấp dẫn của đô thị.

Quá trình đô thị hóa cũng là cơ hội để bảo tồn, phát huy các giá trị kiến trúc, văn hóa truyền thống, kết hợp hài hòa với các công trình hiện đại, tạo nên bản sắc riêng cho từng địa phương. Việc lồng ghép các yếu tố cảnh quan tự nhiên như sông, hồ, cây xanh vào quy hoạch đô thị sẽ góp phần hình thành không gian sống thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Việc thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã hiện hữu sẽ tạo điều kiện để tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị theo hướng đồng bộ, văn minh, hiện đại và có bản sắc; khắc phục dần tình trạng phát triển phân tán, thiếu thống nhất trong quản lý không gian xây dựng ở một số khu vực. Khi mô hình quản lý đô thị được xác lập rõ hơn, công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, quản lý hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang các trục đường chính, trung tâm hành chính, khu dân cư, không gian công cộng và hệ thống cây xanh sẽ có điều kiện triển khai chặt chẽ, hiệu quả hơn.

4.2. Khó khăn, thách thức

Sau khi thành lập phường cũng đặt ra yêu cầu phải kiểm soát chặt chẽ kiến trúc, cảnh quan để tránh phát sinh tình trạng xây dựng thiếu đồng bộ, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, thu hẹp không gian công cộng, suy giảm diện tích cây xanh hoặc hình thành các khu dân cư tự phát làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị. Vì vậy, sau khi thành lập phường, cần tăng cường quản lý quy hoạch, quản lý cấp phép xây dựng, tổ chức chỉnh trang đô thị theo quy hoạch được duyệt; đồng thời ưu tiên đầu tư các không gian xanh, công trình công cộng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và thiết chế văn hóa nhằm bảo đảm phát triển kiến trúc đô thị hài hòa, bền vững, phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh Cà Mau.

5. Tác động về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

5.1. Tích cực

Việc thành lập các phường và phát triển đô thị sẽ góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Khi tổ chức bộ máy chính quyền đô thị được kiện toàn, hoạt động theo mô hình phù hợp, công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh sẽ được triển khai kịp thời, đồng bộ và hiệu quả hơn.

Quá trình đô thị hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội tạo điều kiện để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự, như hệ thống giao thông, chiếu sáng, hạ tầng số, hệ thống giám sát an ninh, qua đó nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và xử lý các tình huống phát sinh.

Sự phát triển của các phường mới cũng góp phần xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc, phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và sự tham gia của người dân trong công tác giữ gìn an ninh trật tự. Các mô hình tự quản, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được củng cố và phát huy hiệu quả trong điều kiện đô thị.

Việc gia tăng dân số, phát triển các hoạt động kinh tế, dịch vụ sẽ góp phần mở rộng giao lưu, hợp tác, đồng thời tạo điều kiện để nâng cao chất lượng công tác quản lý dân cư, quản lý địa bàn, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý cư trú, quản lý trật tự đô thị, từ đó nâng cao hiệu quả phòng ngừa các loại tội phạm và vi phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, công tác quy hoạch và phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại sẽ góp phần giảm thiểu các yếu tố tiềm ẩn gây mất an ninh trật tự, như ùn tắc giao thông, khu dân cư tự phát, thiếu hạ tầng; đồng thời nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho ổn định xã hội lâu dài.

5.2. Khó khăn, thách thức

Hệ thống giao thông được mở rộng, lưu lượng phương tiện tăng, các khu công cộng và cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phát triển nhiều hơn; vì vậy, lực lượng chức năng phải tăng cường công tác bảo đảm an toàn giao thông, trật tự công cộng, quản lý hành chính đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

6. Tác động về kinh phí

6.1. Tích cực

Việc thành lập các phường và xây dựng đô thị sẽ tạo điều kiện để huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính hiệu quả hơn, phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Quá trình này góp phần mở rộng quy mô thu ngân sách địa phương thông qua phát triển các hoạt động công nghiệp, thương mại, dịch vụ và gia tăng giá trị sử dụng đất.

Trong giai đoạn đầu, việc đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và tổ chức bộ máy hành chính có thể làm tăng nhu cầu chi ngân sách. Tuy nhiên, đây là khoản đầu tư mang tính nền tảng, tạo động lực phát triển lâu dài, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư của địa phương.

Việc chuyển đổi sang mô hình phường giúp tăng khả năng huy động các nguồn lực ngoài ngân sách, bao gồm nguồn vốn từ doanh nghiệp, xã hội hóa và hợp tác công - tư (PPP), từ đó giảm áp lực cho ngân sách nhà nước. Đồng thời, cơ chế quản lý đô thị cũng tạo điều kiện thuận lợi để khai thác hiệu quả các nguồn thu từ đất đai, dịch vụ đô thị và các hoạt động kinh tế khác.

Bên cạnh đó, tổ chức bộ máy chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu quả sẽ góp phần tiết kiệm chi thường xuyên, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hành chính cũng giúp giảm chi phí vận hành, tăng tính minh bạch và hiệu quả quản lý tài chính công.

Quá trình phát triển đô thị còn tạo điều kiện để ưu tiên bố trí nguồn lực cho các lĩnh vực thiết yếu, như hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục, môi trường và an sinh xã hội, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân và phát triển đô thị bền vững.

6.2. Khó khăn, thách thức

Việc thành lập phường cũng phát sinh nhu cầu kinh phí để mua sắm trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu của mô hình chính quyền đô thị.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHƯỜNG SAU KHI THÀNH LẬP

1. Mục tiêu tổng quát

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, rộng khắp.

Bảo đảm thu ngân sách đạt dự toán được giao và sử dụng ngân sách đúng mục đích, hiệu quả.

Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại - dịch vụ; nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã; gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường.

Tạo chuyển biến rõ nét trong công tác quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai và quản lý đô thị. Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, sửa chữa, nâng cấp các tuyến giao thông; đồng thời nâng cao hiệu quả thực hiện kỷ cương, trật tự trong xây dựng và quản lý đô thị.

Tập trung giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội như đào tạo nghề cho lao động, tạo việc làm, giảm nghèo, giảm tỷ lệ thất nghiệp; chăm lo đối tượng chính sách, người có công, trẻ em nghèo, mồ côi, khuyết tật; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và chủ động phòng, chống dịch bệnh.

Đầu tư phát triển các dịch vụ văn hóa lành mạnh, các hoạt động thể dục, thể thao, nhất là theo hình thức xã hội hóa, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng đời sống tinh thần của Nhân dân; phòng, chống hiệu quả các tệ nạn xã hội và hoạt động ảnh hưởng xấu đến môi trường văn hóa; đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đi vào chiều sâu, thường xuyên và rộng khắp.

Phát huy dân chủ ở cơ sở, đẩy mạnh cải cách hành chính, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nhất là trong lĩnh vực thu, chi ngân sách; kịp thời giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội.

2. Một số mục tiêu cụ thể

Huy động mọi nguồn lực, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững; nâng cao chất lượng các lĩnh vực văn hóa - xã hội; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; giải quyết việc làm; phát triển giáo dục - đào tạo; tăng cường quốc phòng - an ninh; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian tới.

2.1. Kinh tế

Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển từ tăng trưởng theo chiều rộng sang chiều sâu; tiếp tục thu hút đầu tư có chọn lọc vào các dự án công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghệ xanh, thân thiện với môi trường, các ngành có giá trị gia tăng cao, có lợi thế cạnh tranh và công nghiệp hỗ trợ nhằm tăng tỷ lệ nội địa hóa. Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng mới thay thế dần vật liệu truyền thống, phục vụ nhu cầu của ngành xây dựng.

Đẩy mạnh xây dựng và triển khai các chương trình ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số vào phát triển kinh tế - xã hội; đa dạng hóa các loại hình kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân ở các ngành, lĩnh vực; phát triển đội ngũ doanh nghiệp có tiềm lực, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Phát triển các hoạt động thương mại, đặc biệt là mạng lưới phân phối bán lẻ nội địa theo hướng hiện đại, văn minh; phát triển dịch vụ vận tải công cộng, văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, tín dụng, logistics và các dịch vụ hỗ trợ công nghiệp; phát triển thị trường bất động sản, nhất là nhà ở và văn phòng cho thuê phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị.

Phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, an toàn, hiện đại; tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường

2.2. Công tác địa chính - nhà đất, xây dựng cơ bản công trình công cộng

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm về xây dựng, san lấp mặt bằng, quản lý đất công theo đúng quy định.

- Tập trung giải quyết các hồ sơ khiếu nại, tranh chấp trong lĩnh vực đất đai; xử lý dứt điểm hồ sơ đăng ký còn tồn đọng; đồng thời rà soát, xét duyệt hồ sơ đăng ký bổ sung và hoàn thiện hồ sơ thuộc diện tranh chấp để chuyển cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, tiếp tục phối hợp với các ngành cấp trên triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm 2026.

2.3. Y tế - dân số kế hoạch hóa gia đình

Tiếp tục thực hiện các chương trình y tế quốc gia; tuyên truyền, vận động Nhân dân phòng, chống dịch bệnh; chăm sóc sức khỏe ban đầu; thực hiện vệ sinh môi trường, xử lý rác thải; tăng cường kiểm tra an toàn thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh, trường học nhằm bảo đảm sức khỏe cho Nhân dân.

Tăng cường công tác truyền thông dân số, bảo đảm chỉ tiêu tăng dân số tự nhiên hằng năm; quan tâm thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền trẻ em, vận động xây dựng quỹ bảo vệ, chăm sóc trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật.

2.4. Về giáo dục đào tạo

Nâng cao tỷ lệ huy động học sinh ra lớp, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tiếp tục quan tâm phát triển sự nghiệp

giáo dục; duy trì công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; bảo đảm đội ngũ giáo viên đạt chuẩn; chú trọng giáo dục đạo đức học sinh, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập học đường.

2.5. Văn hóa xã hội - thông tin thể thao

- Tăng cường công tác tuyên truyền ý nghĩa lịch sử, giáo dục truyền thống cách mạng ở địa phương, các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện tốt việc bảo tồn các di tích văn hóa lịch sử, góp phần giữ gìn truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc. Duy trì và phát triển các phong trào thể dục thể thao.

- Vận động toàn dân ngăn chặn, bài trừ các loại tệ nạn xã hội gắn với việc phát động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa và toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

- Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các cơ sở dịch vụ văn hóa không lành mạnh và chấn chỉnh dịch vụ thông tin quảng cáo.

- Thường xuyên rà soát hệ thống loa của đài truyền thanh nhằm nâng cao chất lượng hoạt động phát thanh.

2.6. Hoạt động nội chính

a) Tổ chức chính quyền

- Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức các phường nhằm nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện cho tổ chức, cá nhân; tăng cường năng lực bộ máy hành chính; thực hiện hiệu quả cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông hiện đại”; từng bước nâng cấp nơi làm việc, trang thiết bị cần thiết và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động công vụ nhằm nâng cao hiệu quả công việc.

b) Công tác giữ gìn an ninh trật tự

- Tiếp tục triển khai các phương án bảo đảm an ninh, trật tự; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, không để phát sinh các vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh, trật tự trên địa bàn.

- Tăng cường quản lý địa bàn dân cư, nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý, giáo dục các loại đối tượng; quản lý chặt chẽ các loại hình kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và các điểm nhà trọ cho thuê; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, vận động Nhân dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

- Triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm; bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị trên địa bàn.

- Tiếp tục triển khai và tổ chức thực hiện Luật dân quân tự vệ, đồng thời tập trung củng cố, xây dựng lực lượng dân quân và nâng cao hơn nữa về nhận thức trách nhiệm và hiệu quả hoạt động.

c) Tư pháp

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nhất là trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai, trật tự xã hội và xử lý vi phạm hành chính; tập trung giải quyết đơn thư tranh chấp, khiếu nại của Nhân dân theo đúng quy định.

3. Về sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của 13 phường sau khi thành lập cơ bản được kế thừa từ bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của các xã hiện có; đồng thời được sắp xếp, bố trí lại một số chức danh cho phù hợp với tính chất đơn vị hành chính đô thị. Trong quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy, sẽ chú trọng bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực, phẩm chất, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân phường, sẽ tổ chức bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân phường và các chuyên đề liên quan đến quản lý đô thị, xây dựng nhằm phát huy tốt hơn vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Lộ trình, giải pháp nâng cao các tiêu chuẩn đô thị hiện nay

Việc thành lập 13 phường Sông Đốc, Năm Căn, Gành Hào, Hòa Bình, Cái Nước, Đàm Dơi, Thới Bình, Trần Văn Thời, Phước Long, Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Lương Thế Trân, Cái Đoi Vàm trên cơ sở nguyên trạng các xã nêu trên là bước đi cần thiết, phù hợp với yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính và định hướng phát triển đô thị của tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, đối với một số tiêu chuẩn đô thị hiện đạt chưa cao so với quy định, tỉnh sẽ tập trung triển khai lộ trình nâng cao theo hướng rõ nhiệm vụ, rõ cơ quan chủ trì, rõ nguồn lực và rõ mốc thời gian thực hiện, bảo đảm đồng bộ với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Trước hết, tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh và tổ chức thực hiện hiệu quả các quy hoạch có liên quan; xác định rõ các khu vực ưu tiên đầu tư, chỉnh trang, phát triển mới; quản lý chặt chẽ không gian kiến trúc, cảnh quan, chỉ giới xây dựng, tầng cao, mật độ xây dựng và hạ tầng kỹ thuật khung để bảo đảm phát triển đô thị đúng định hướng, tránh đầu tư manh mún, chồng chéo.

Đồng thời, tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư hoàn thiện các tiêu chuẩn còn thiếu, còn yếu, nhất là hệ thống giao thông đô thị, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh, công trình công cộng, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, hạ tầng số và các thiết chế phục vụ dân sinh. Quá trình đầu tư được thực hiện theo thứ tự ưu tiên, phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương và gắn với đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách.

Cùng với đó, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đô thị; kiện toàn bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm về đất đai, xây dựng, môi trường và trật tự đô

thị; phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và sự đồng thuận, tham gia của Nhân dân trong quá trình xây dựng, chỉnh trang và phát triển đô thị.

Trên cơ sở kết quả rà soát, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau sẽ tập trung chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể để từng bước khắc phục các tiêu chuẩn đô thị còn đạt thấp; định kỳ đánh giá tiến độ thực hiện, kịp thời điều chỉnh giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, phân đầu hoàn thiện nâng cao chất lượng đô thị trong những năm tiếp theo để tương xứng với vị trí vai trò của phường.

Phần thứ năm **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

I. KẾT LUẬN

Việc thành lập các phường Sông Đốc, Năm Căn, Gành Hào, Hòa Bình, Cái Nước, Đàm Dơi, Thới Bình, Trần Văn Thời, Phước Long, Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Lương Thế Trân, Cái Đoi Vàm thuộc tỉnh Cà Mau là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và yêu cầu phát triển của tỉnh Cà Mau trong giai đoạn mới. Đây không chỉ là việc chuyển đổi loại hình đơn vị hành chính, mà còn là bước sắp xếp lại không gian quản lý và tổ chức mô hình quản trị phù hợp hơn với quá trình đô thị hóa đang diễn ra ngày càng rõ trên các địa bàn nêu trên.

Trên cơ sở rà soát, đánh giá toàn diện hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên, mức độ đô thị hóa, điều kiện kết cấu hạ tầng, định hướng quy hoạch và yêu cầu quản lý nhà nước, có đủ căn cứ để xác định việc thành lập các phường nêu trên là có cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn; đáp ứng yêu cầu tổ chức quản lý phù hợp hơn, chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn đối với các địa bàn đã và đang hình thành ngày càng rõ đặc trưng đô thị. Việc thành lập các phường sẽ tạo điều kiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; bảo đảm tốt hơn yêu cầu quản lý dân cư, đất đai, xây dựng, trật tự đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để tiếp tục huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, chỉnh trang không gian đô thị và nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân.

Từ những căn cứ nêu trên, có thể khẳng định việc thành lập các phường Sông Đốc, Năm Căn, Gành Hào, Hòa Bình, Cái Nước, Đàm Dơi, Thới Bình, Trần Văn Thời, Phước Long, Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Lương Thế Trân, Cái Đoi Vàm thuộc tỉnh Cà Mau là phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng định hướng phát triển của tỉnh và đủ cơ sở để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

II. KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận Đề án thành lập các phường: Sông Đốc, Năm Căn, Gành Hào, Hòa Bình, Cái Nước, Đàm Dơi, Thới Bình, Trần Văn Thời, Phước Long, Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Lương Thế Trân, Cái Đoi Vàm thuộc tỉnh Cà Mau để làm cơ sở tổ chức thực hiện thống nhất, đồng bộ, đúng quy định; đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, yêu cầu phát triển đô thị và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân trên địa bàn.

Sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau sẽ tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện chặt chẽ, bảo đảm ổn định tổ chức bộ máy, không làm ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân; đồng thời tiếp tục tập trung nguồn lực để hoàn thiện các tiêu chuẩn đô thị còn chưa đạt, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, chỉnh

trang kiến trúc, cảnh quan đô thị và nâng cao chất lượng quản lý trên địa bàn các phường mới.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau kính trình Chính phủ, Bộ Nội vụ xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND 13 xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

STT	TIÊU CHÍ	XÃ SÔNG ĐỐC		XÃ NĂM CĂN		XÃ GÀNH HÀO	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
5.1	Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn từ 100% trở lên	Tổng thu ngân sách là 216.133 triệu đồng/Tổng chi ngân sách là 215.419 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100,33%	Đạt	Tổng thu ngân sách là 226.256 triệu đồng/Tổng chi ngân sách là 226.221 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100,02%	Đạt	Tổng thu ngân sách là 117.965 triệu đồng/Tổng chi ngân sách là 117.965 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%	Đạt
5.2	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP đạt từ 70% trở lên	80%	Đạt	72,6%	Đạt	71%	Đạt
5.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 70% trở lên	Xã hiện có 30.837 lao động, trong đó có 24.698 lao động đang làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, du lịch... chiếm tỷ lệ 80,09%	Đạt	Xã hiện có 31.170 lao động, trong đó có 25.361 lao động đang làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, du lịch... chiếm tỷ lệ 81,36%	Đạt	Xã hiện có 17.255 lao động, trong đó có 12.121 lao động đang làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, du lịch... chiếm tỷ lệ 70,24%	Đạt
5.4	Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh mà mình trực thuộc trong 03 năm gần nhất						
	Năm 2023: Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Cà Mau là 52,64 triệu đồng/người/năm	75,24 triệu đồng/người/năm	Đạt	65,42 triệu đồng/người/năm	Đạt	79 triệu đồng/người/năm	Đạt
	Năm 2024: Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Cà Mau là 57,16 triệu đồng/người/năm	85 triệu đồng/người/năm	Đạt	77,57 triệu đồng/người/năm	Đạt	84 triệu đồng/người/năm	Đạt
	Năm 2025: Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Cà Mau là 64,59 triệu đồng/người/năm	91 triệu đồng/người/năm	Đạt	85,30 triệu đồng/người/năm	Đạt	90 triệu đồng/người/năm	Đạt

STT	TIÊU CHÍ	XÃ SÔNG ĐỐC		XÃ NĂM CĂN		XÃ GÀNH HÀO	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
5.5	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh mà mình trực thuộc trong 03 năm gần nhất						
	Năm 2023: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Cà Mau (trước đây) là 1,60%	1,20%	Đạt	1,05%	Đạt		
	Năm 2023: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Bạc Liêu (trước đây) là 1,71%					1,67%	Đạt
	Năm 2024: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Cà Mau (trước đây) là 0,94%	0,81%	Đạt	0,54%	Đạt		
	Năm 2024: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Bạc Liêu (trước đây) là 0,69%					0,67%	Đạt
	Năm 2025: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Cà Mau là 0,63%	0,627%	Đạt	0,46%	Đạt	0,58%	Đạt

II. CÁC ĐỊA PHƯƠNG: HÒA BÌNH, CÁI NƯỚC, ĐÀM DƠI

STT	TIÊU CHÍ	XÃ HÒA BÌNH		XÃ CÁI NƯỚC		XÃ ĐÀM DƠI	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số từ 21.000 người trở lên	66.237 người	Đạt	54.661 người	Đạt	39.191 người	Đạt
2	Diện tích tự nhiên từ 5,5 km2 trở lên	114,79 km2	Đạt	117,94 km2	Đạt	96,28 km2	Đạt
3	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc tiểu vùng trong tỉnh	Là đô thị hạt nhân của tiểu vùng phía Đông Bắc tỉnh, đồng thời là đô thị vệ tinh quan trọng của đô thị Bạc Liêu, thuộc không gian phát triển mở rộng của đô thị trung tâm tỉnh Cà Mau; là đầu mối kết nối giữa khu vực phía Bắc của tỉnh với các trung tâm kinh tế, đô thị quan trọng trong vùng	Đạt	Là đô thị trung tâm thuộc vùng phát triển dịch vụ - đô thị - công nghiệp trung tâm và nằm trên trục động lực Bắc - Nam của tỉnh; có chức năng là trung tâm tổng hợp về thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế, công nghiệp chế biến và hỗ trợ sản xuất cho khu vực phía Nam tỉnh Cà Mau	Đạt	Là đô thị trung tâm khu vực phía Đông Nam của tỉnh Cà Mau, giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa trung tâm tỉnh với các trung tâm kinh tế ven biển phía Đông; là trung tâm tổng hợp về thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và hỗ trợ sản xuất cho khu vực phía Đông Nam	Đạt
4	Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính từ 50% trở lên	Dân số khu vực đô thị là 37.159 người/66.237 người, đạt tỷ lệ 56,10%	Đạt	Dân số khu vực đô thị là 38.152 người/54.661 người, đạt tỷ lệ 69,80%	Đạt	Dân số khu vực đô thị là 26.375 người/39.191 người, đạt tỷ lệ 67,30%	Đạt
5	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt các chỉ tiêu sau						
5.1	Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn từ 100% trở lên	Tổng thu ngân sách là 263.251 triệu đồng/Tổng chi ngân sách là 261.034 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100,85%	Đạt	Tổng thu ngân sách là 289.889 triệu đồng/Tổng chi ngân sách là 289.889 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%	Đạt	Tổng thu ngân sách là 261.736 triệu đồng/Tổng chi ngân sách là 261.736 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%	Đạt

STT	TIÊU CHÍ	XÃ HÒA BÌNH		XÃ CÁI NƯỚC		XÃ ĐÀM DƠI	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
5.2	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP đạt từ 70% trở lên	82,31%	Đạt	70,81%	Đạt	72,70%	Đạt
5.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 70% trở lên	Xã hiện có 39.500 lao động, trong đó có 28.835 lao động đang làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiêu thủ công nghiệp, vận tải, du lịch ..., chiếm tỷ lệ 73%	Đạt	Xã hiện có 16.290 lao động, trong đó có 11.552 lao động đang làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiêu thủ công nghiệp, vận tải, du lịch ..., chiếm tỷ lệ 70,92%	Đạt	Xã hiện có 27.240 lao động, trong đó có 20.586 lao động đang làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiêu thủ công nghiệp, vận tải, du lịch ..., chiếm tỷ lệ 75,57%	Đạt
5.4	Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh mà mình trực thuộc trong 03 năm gần nhất						
	Năm 2023: Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Cà Mau là 52,64 triệu đồng/người/năm	82,45 triệu đồng/người/năm	Đạt	70,5 triệu đồng/người/năm	Đạt	65,51 triệu đồng/người/năm	Đạt
	Năm 2024: Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Cà Mau là 57,16 triệu đồng/người/năm	84,56 triệu đồng/người/năm	Đạt	73 triệu đồng/người/năm	Đạt	70,18 triệu đồng/người/năm	Đạt
	Năm 2025: Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Cà Mau là 64,59 triệu đồng/người/năm	84,14 triệu đồng/người/năm	Đạt	81 triệu đồng/người/năm	Đạt	73,67 triệu đồng/người/năm	Đạt
5.5	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh mà mình trực thuộc trong 03 năm gần nhất						
	Năm 2023: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Cà Mau (trước đây) là 1,60%			0,75%	Đạt	1,11%	Đạt

STT	TIÊU CHÍ	XÃ HÒA BÌNH		XÃ CÁI NƯỚC		XÃ ĐÀM DƠI	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
	Năm 2023: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Bạc Liêu (trước đây) là 1,71%	1,59%	Đạt				
	Năm 2024: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Cà Mau (trước đây) là 0,94%			0,55%	Đạt	0,75%	Đạt
	Năm 2024: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Bạc Liêu (trước đây) là 0,69%	0,59%	Đạt				
	Năm 2025: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Cà Mau là 0,63%	0,46%	Đạt	0,46%	Đạt	0,31%	Đạt

III. CÁC ĐỊA PHƯƠNG: THỚI BÌNH, TRẦN VĂN THỜI, PHƯỚC LONG

STT	TIÊU CHÍ	XÃ THỚI BÌNH		XÃ TRẦN VĂN THỜI		XÃ PHƯỚC LONG	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số từ 21.000 người trở lên	38.067 người	Đạt	56.179 người	Đạt	47.667 người	Đạt
2	Diện tích tự nhiên từ 5,5 km2 trở lên	121,05 km2	Đạt	133,82 km2	Đạt	98,12 km2	Đạt
3	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc tiểu vùng trong tỉnh	Là đô thị trung tâm khu vực phía Bắc của tỉnh Cà Mau, là trung tâm tổng hợp về thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và hỗ trợ sản xuất cho khu vực phía Bắc; có vị trí chiến lược trong mạng lưới liên kết vùng của tỉnh khi là cửa ngõ kết nối khu vực phía Bắc tỉnh Cà Mau với các địa phương thuộc tỉnh An Giang	Đạt	Là đô thị trung tâm cấp tiểu vùng của khu vực phía Tây tỉnh Cà Mau; kết nối trung tâm tỉnh với đô thị Sông Đốc và khu vực ven biển; là trung tâm điều phối các hoạt động hành chính, thương mại và sản xuất của khu vực phía Tây của tỉnh	Đạt	Là đô thị trung tâm khu vực phía Bắc của tỉnh, giữ vai trò là 1 trong 3 cực tăng trưởng quan trọng trong mô hình phát triển không gian của tỉnh Cà Mau với các đô thị vệ tinh xung quanh (Ninh Quới A, Ngan Dừa, Phó Sinh), là trung tâm tổng hợp về thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế, công nghiệp chế biến và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng phía Bắc của tỉnh	Đạt
4	Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính từ 50% trở lên	Dân số khu vực đô thị là 23.601 người/38.067 người, đạt tỷ lệ 62%	Đạt	Dân số khu vực đô thị là 36.538 người/56.179 người, đạt tỷ lệ 65,04%	Đạt	Dân số khu vực đô thị là 24.289 người/47.667 người, đạt tỷ lệ 50,95%	Đạt
5	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt các chỉ tiêu sau						
5.1	Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn từ 100% trở lên	Tổng thu ngân sách là 225.313 triệu đồng/Tổng chi ngân sách là 225.313 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%	Đạt	Tổng thu ngân sách là 330.448 triệu đồng/Tổng chi ngân sách là 330.448 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%	Đạt	Tổng thu ngân sách là 228.563 triệu đồng/Tổng chi ngân sách là 198.807 triệu đồng, đạt tỷ lệ 114,97%	Đạt

STT	TIÊU CHÍ	XÃ THỚI BÌNH		XÃ TRẦN VĂN THỜI		XÃ PHƯỚC LONG	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
5.2	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP đạt từ 70% trở lên	75%	Đạt	72,30%	Đạt	70,66%	Đạt
5.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 70% trở lên	Xã hiện có 26.509 lao động, trong đó có 20.677 lao động đang làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiêu thủ công nghiệp, vận tải, du lịch ..., chiếm tỷ lệ 78%	Đạt	Xã hiện có 41.185 lao động, trong đó có 29.241 lao động đang làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiêu thủ công nghiệp, vận tải, du lịch ..., chiếm tỷ lệ 71%	Đạt	Xã hiện có 20.621 lao động, trong đó có 14.517 lao động đang làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như: công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ, tiêu thủ công nghiệp, vận tải, du lịch ..., chiếm tỷ lệ 70,40%	Đạt
5.4	Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh mà mình trực thuộc trong 03 năm gần nhất						
	Năm 2023: Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Cà Mau là 52,64 triệu đồng/người/năm	60 triệu đồng/người/năm	Đạt	72 triệu đồng/người/năm	Đạt	58,16 triệu đồng/người/năm	Đạt
	Năm 2024: Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Cà Mau là 57,16 triệu đồng/người/năm	65 triệu đồng/người/năm	Đạt	78 triệu đồng/người/năm	Đạt	67,49 triệu đồng/người/năm	Đạt
	Năm 2025: Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Cà Mau là 64,59 triệu đồng/người/năm	70 triệu đồng/người/năm	Đạt	85 triệu đồng/người/năm	Đạt	76,56 triệu đồng/người/năm	Đạt
5.5	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh mà mình trực thuộc trong 03 năm gần nhất						
	Năm 2023: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Cà Mau (trước đây) là 1,60%	1,49%	Đạt	0,99%	Đạt		

STT	TIÊU CHÍ	XÃ THỚI BÌNH		XÃ TRẦN VĂN THỜI		XÃ PHƯỚC LONG	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
	Năm 2023: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Bạc Liêu (trước đây) là 1,71%					1,67%	Đạt
	Năm 2024: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Cà Mau (trước đây) là 0,94%	0,89%	Đạt	0,40%	Đạt		
	Năm 2024: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Bạc Liêu (trước đây) là 0,69%					0,68%	Đạt
	Năm 2025: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Cà Mau là 0,63%	0,59%	Đạt	0,32%	Đạt	0,40%	Đạt

IV. CÁC ĐỊA PHƯƠNG: HỒNG DÂN, VĨNH LỢI, LƯƠNG THẾ TRÂN, CÁI ĐÔI VÀM

STT	TIÊU CHÍ	XÃ HỒNG DÂN		XÃ VĨNH LỢI		XÃ LƯƠNG THẾ TRÂN		XÃ CÁI ĐÔI VÀM	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số từ 21.000 người trở lên	53.452 người	Đạt	29.120 người	Đạt	63.883 người	Đạt	36.964 người	Đạt
2	Diện tích tự nhiên từ 5,5 km2 trở lên	124,93 km2	Đạt	61,69 km2	Đạt	135,32 km2	Đạt	131,06 km2	Đạt

STT	TIÊU CHÍ	XÃ HỒNG DÂN		XÃ VĨNH LỢI		XÃ LƯƠNG THẾ TRÂN		XÃ CÁI ĐÔI VÀM	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
3	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc tiểu vùng trong tỉnh	Là đô thị trung tâm khu vực phía Bắc của tỉnh Cà Mau, giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa các vùng sản xuất trọng điểm với các trung tâm đô thị, thương mại và dịch vụ của tỉnh; có chức năng là trung tâm thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và hỗ trợ sản xuất cho khu vực phía Bắc của tỉnh	Đạt	Là đô thị vệ tinh của đô thị Bạc Liêu, giữ vai trò là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Cà Mau trong liên kết với thành phố Cần Thơ và các trung tâm kinh tế quan trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là trung tâm thương mại, dịch vụ, logistics và hỗ trợ sản xuất cho khu vực phía Bắc tỉnh Cà Mau	Đạt	Là đô thị vệ tinh của đô thị trung tâm Cà Mau, giữ vai trò là không gian phát triển công nghiệp, đô thị và dịch vụ quan trọng trong vùng phụ cận trung tâm tỉnh; là đô thị cửa ngõ phía Nam, là trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, logistics	Đạt	Là đô thị trung tâm chuyên ngành thủy sản khu vực phía Tây Nam tỉnh Cà Mau, giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa các trung tâm kinh tế biển, các đô thị ven biển và khu vực nội địa của tỉnh; có chức năng là trung tâm thương mại, dịch vụ, khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản	Đạt
4	Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính từ 50% trở lên	Dân số khu vực đô thị là 27.553 người/53.452 người, đạt tỷ lệ 51,55%	Đạt	Dân số khu vực đô thị là 17.218 người/29.120 người, đạt tỷ lệ 59,13%	Đạt	Dân số khu vực đô thị là 33.937 người/63.883 người, đạt tỷ lệ 53,12%	Đạt	Dân số khu vực đô thị là 19.110 người/36.964 người, đạt tỷ lệ 51,70%	Đạt
5	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt các chỉ tiêu sau								
5.1	Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn từ 100% trở lên	Tổng thu ngân sách là 285.539 triệu đồng/Tổng chi ngân sách là 285.490 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100,02%	Đạt	Tổng thu ngân sách là 149.824 triệu đồng/Tổng chi ngân sách là 149.340 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100,32%	Đạt	Tổng thu ngân sách là 295.462 triệu đồng/Tổng chi ngân sách là 295.462 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%	Đạt	Tổng thu ngân sách là 176.554 triệu đồng/Tổng chi ngân sách là 176.554 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%	Đạt
5.2	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP đạt từ 70% trở lên	70,42%	Đạt	71,5%	Đạt	72,5%	Đạt	71%	Đạt

STT	TIÊU CHÍ	Xã HỒNG DÂN		Xã VĨNH LỢI		Xã LƯƠNG THẾ TRÂN		Xã CÁI ĐÔI VÀM	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
	Năm 2023: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Cà Mau (trước đây) là 1,60%					0,79%	Đạt	0,99%	Đạt
	Năm 2023: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Bạc Liêu (trước đây) là 1,71%	1,69%	Đạt	1,33%	Đạt				
	Năm 2024: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Cà Mau (trước đây) là 0,94%					0,53%	Đạt	0,70%	Đạt
	Năm 2024: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Bạc Liêu (trước đây) là 0,69%	0,25%	Đạt	0,60%	Đạt				
	Năm 2025: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Cà Mau là 0,63%	0,61%	Đạt	0,60%	Đạt	0,38%	Đạt	0,42%	Đạt